



Pháp kệ

TỶ-NI NHỰT DỤNG THIẾT YẾU

(HÁN VIỆT - DỊCH NGHĨA - CHÚ GIẢI)

Chứng minh:

Thượng tọa THÍCH ĐỒNG BỔN.

Soạn dịch: Đệ tử Bồ-tát Giới NHỰT MINH soạn dịch từ bốn Hán văn “Tỳ-Ni Nhựt Dụng Thiết Yếu” của Tỳ-kheo ĐỘC THỂ vụng tập.

Hiệu đính: Giáo sư MINH NGỌC.

*Lành thay, phòng hộ mắt !
Lành thay, phòng hộ tai !
Lành thay, phòng hộ mũi !
Lành thay, phòng hộ lưỡi !*

*Lành thay, phòng hộ thân !
Lành thay, phòng hộ lời !
Lành thay, phòng hộ ý !
Lành thay, phòng hộ tất cả !
Tỳ-kheo phòng hộ tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.*

(Pháp Cú số 360 & 361)



LỜI TỰA

Nguyên bản Hán văn “TỶ-NI NHỰT DỤNG THIẾT YẾU” do Tỳ-kheo Độc Thể tụng tập và cho lưu hành trong chúng đệ tử học Giới. Để hiểu ý nghĩa của tựa đề này, trước tiên chúng ta tìm hiểu về ý nghĩa của từ “Giới luật”.

Giới: Tiếng Phạn là Śīla, Trung Hoa dịch âm là Thi-la. Chư Tổ sư phiên dịch nghĩa của từ Śīla qua Hán ngữ là Giới.

Đại Thừa Nghĩa Chương, Quyển một, thuộc Hán tạng có nói: *“Thi-la, ở Trung Hoa đây gọi là Thanh lương, cũng gọi là Giới. Ba nghiệp ví như lửa cháy thiêu đốt con người. Giới có khả năng ngăn chặn và dập tắt được, đem lại sự mát mẻ nên gọi là Thanh lương. Từ ngữ Thanh lương được dịch từ ý nghĩa ấy. Lại vì có khả năng phòng ngừa, cấm ngăn nên gọi là Giới”*.

Quyển Mi-Tiên Vấn Đáp (Milindapañha) thuộc Kinh tạng Pàli có nói: *“Nói rõ hơn, đức Toàn Giác của chúng ta, khi trong Tăng chúng xảy ra điều xấu ác nào, thì Ngài chế ra điều luật để ngăn ngừa hay ngăn cấm*

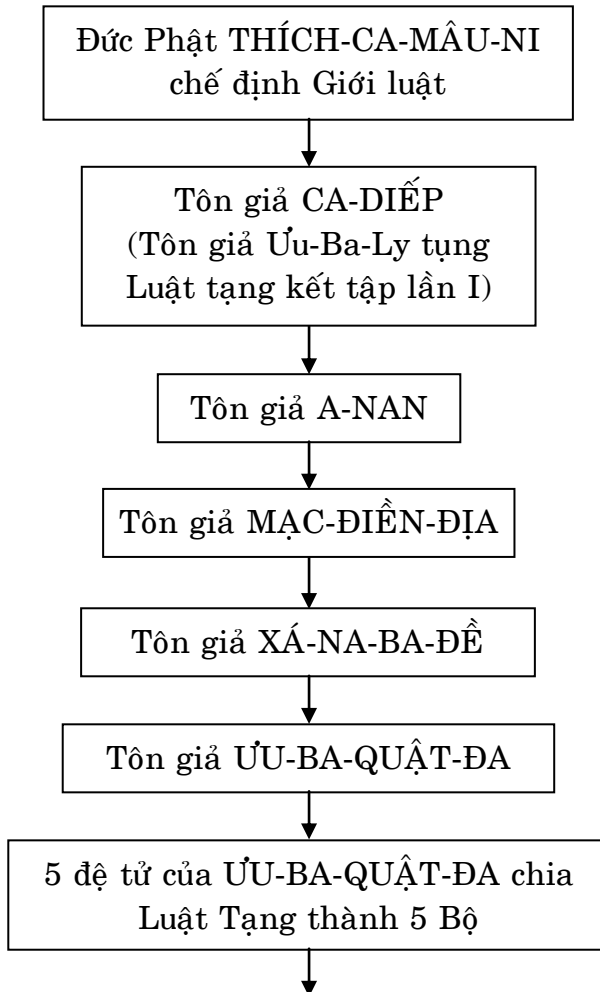
điều xấu ác ấy. Một vài vị Tỳ-kheo nào đó có lời nói hay việc làm quá thô bỉ, trước hạnh, bị mọi người mỉa mai, chê trách... Thì lúc ấy, Đức Thế Tôn mới chế ra điều học, đưa ra cấm giới”.

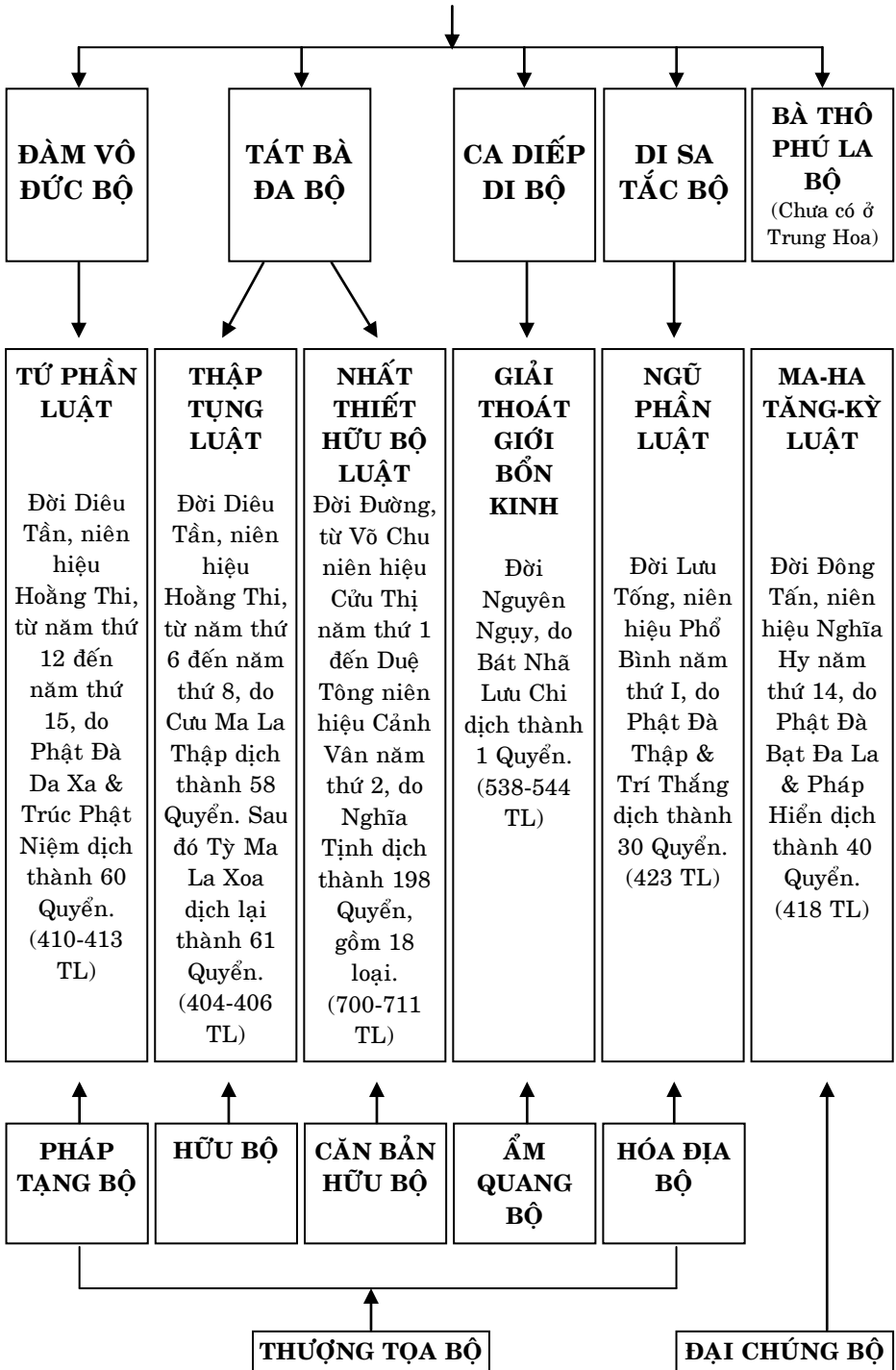
Luật: Tiếng Phạn là Vinaya, Trung Hoa dịch âm là Tỳ-nại-da hay Tỳ-ni; có khi còn dùng từ đồng nghĩa là Uparaksa, dịch âm là Ưu-bà-la-xoa. Khi các Tỳ-kheo từ Thiên Trúc (Ấn-độ ngày nay) truyền Phật pháp đến Trung Hoa, phiên dịch từ Vinaya qua Hán ngữ là Luật. Bắt đầu từ thời Tam Quốc (250 Tây lịch) trở về sau, các bộ Luật từ Ấn-độ lần lượt truyền sang và phiên dịch ra Hán văn, hình thành nên Luật tạng Hán ngữ.

Như vậy, Giới là điều chẳng nên làm; Luật là lẽ lối, là điều nên làm. Nhưng các Tổ sư khi hoằng Luật, thường đem hai nghĩa Giới và Luật dùng chung, thành từ ghép gọi là Giới luật.

Giới luật là mạng mạch của Phật pháp. Giới luật còn thì Phật pháp còn. Giới luật ví như người thầy dẫn đường, hướng chúng sanh đi đến sự thanh tịnh giải thoát. Kinh Đại Bát Niết-Bàn, Phẩm Di Giáo thứ 26 có nói rằng, trước giờ Đức Phật nhập diệt, Tôn giả A-Nan thuận theo lời dạy của Tôn giả A-Nậu-Lâu-Đà, mà bạch hỏi Phật bốn điều. Trong bốn điều đó, có một điều liên quan đến Giới luật như sau: *“Đức Như Lai còn tại thế, có Phật làm thầy. Đức Như Lai khi đã diệt độ rồi, lấy gì để làm thầy ?”*. Đức Phật đáp dạy lời di giáo rằng: *“Này A-Nan ! Ông hỏi sau khi Phật diệt độ, lấy gì làm thầy. Nên biết: Giới Ba-la-đề-mộc-xoa chính là vị Thầy của các ông, nương theo đó tu hành thời có thể được Định-Huệ xuất thế.”*

Nhân đây, dựa vào tác phẩm “Giới Luật Học Cương Yếu” của Pháp sư Thích Thánh Nghiêm, dịch giả Tuệ Đăng, NXB Tp.HCM năm 2000; Nay tôi xin dùng biểu đồ để mô tả khái quát về mối tương quan giữa các bộ phái, cùng với dòng truyền thừa và phiên dịch Luật tạng hệ Ấn-Hoa như sau:





Đây nói về tác giả vưng tập bốn Hán văn “Tỳ-ni Nhứt Dụng Thiết Yếu”. Tỳ-kheo Độc Thể còn có danh hiệu là Kiến Nguyệt, người xứ Vân Nam. Ngài trụ thế vào triều đại cuối nhà Minh và đầu nhà Thanh. Vào khoảng niên hiệu Thuận Trị triều nhà Thanh, Ngài trụ tại đạo tràng Long Xương Tự, để chuyên tu và hoằng truyền Giới luật, ở núi Bảo Hoa thuộc trấn Long Đàm, huyện Cú Dung, tỉnh Giang Tô, Trung Hoa. Ngài đã trích tuyển những bài Pháp kệ và Mật chú trong Tam tạng, tương ứng với Giới luật của Phật chế, kèm theo phụ chú để giải thích và hướng dẫn việc hành trì, mà tập hợp lại soạn thành một quyển Luật, đề tựa là “Tỳ-ni Nhứt Dụng Thiết Yếu”.

Tỳ-kheo Độc Thể soạn tập các điều Luật này, chủ yếu dành cho 5 chúng đệ tử xuất gia trong Phật pháp là: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thúc-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni. Ngoài ra, hàng đệ tử tại gia Bồ-tát giới, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di, hay các hành giả Chân ngôn tông nói chung, muốn tiến tu cũng có thể tùy nghi mà ứng dụng. Mục đích của việc vưng tập nên bốn Tỳ-ni này, nhằm giúp cho hành giả có thêm phương tiện thực hành Giới luật, giữ gìn chánh niệm, ngăn diệt vọng tưởng hoặc những tác nghiệp lỗi lầm, trong đời sống tu tập và sinh hoạt thường nhật. Qua việc quán tưởng, hành trì các bài Pháp kệ và Mật chú, khiến tâm Bồ-đề mỗi ngày thêm tăng trưởng, tránh bị thối thất mà đọa lạc vào ma đạo.

Vậy, “TỖ-NI NHỨT DỤNG THIẾT YẾU” là một tuyển tập các điều Luật cần thiết phải dùng hằng ngày. Bốn Tỳ-ni này trong Hán tạng được xếp vào Vạn Tân Toàn Tục Tạng Kinh, Tập 60, Số hiệu 1115.

Quyển Tỳ-ni mà quý vị đang có đây, được tôi mở đầu bằng trọn bản Việt dịch “**Phật Thuyết Hy Hữu Giáo Lượng Công Đức Kinh**”, đây là Kinh văn Đức Phật giảng giải về công đức thọ trì Giới pháp.

Phần sau là Tỳ-ni và Giới bốn, do tôi biên dịch từ nguyên bản Hán văn “Tỳ-Ni Nhựt Dụng Thiết Yếu” đã nói ở trên, đồng thời soạn lại bố cục, nội dung và lấy tựa đề là “**Pháp Kệ Tỳ-Ni Nhựt Dụng Thiết Yếu**”. Trong bốn Tỳ-ni này, tôi biên dịch phần Kệ tụng cùng với Chú ngữ ra chữ Việt và soạn thêm phần chú giải. Nội dung chú giải được y cứ trên các chú thích của bản Hán văn, đồng thời tra cứu thêm từ Kinh văn và Giáo điển của các bậc Tôn túc mà bổ sung thêm, để nội dung chú giải được chi tiết hơn. Cụ thể ở bản soạn dịch này, tôi mạn phép biên soạn và phân chia làm 2 phần sau:

Phần 1: PHÁP KỆ TỖ-NI

Biên dịch dựa trên nguyên bản: Tỳ-ni Nhựt Dụng Thiết Yếu.

- Đánh số thứ tự cho từng bài Kệ chú, để hành giả dễ học và nhớ. (Nguyên bản Hán văn của Luật sư Độc Thế soạn không có số thứ tự).
- Mỗi bài Pháp kệ được dịch âm Hán-việt và dịch nghĩa bên dưới (theo đúng số chữ của bài Kệ gốc hoặc nhiều hơn để diễn trọn nghĩa), quán niệm các bài Pháp kệ thể Hán-việt hay dịch nghĩa đều được cả. Và cuối cùng là phần Chú ngữ nếu có.
- Chú thích những thuật ngữ Phật học, trích dẫn Kinh, Luật, Luận và một số ý hướng dẫn thực hành, cũng như lợi ích của việc hành trì.

Phần 2: GIỚI LUẬT CĂN BẢN

Nguyên bản “Tỳ-ni Nhựt Dụng Thiết Yếu” của ngài Độc Thế, chỉ nêu ra nội dung căn bản của Giới tướng, và phép tắc về Y bát của 5 chúng đệ tử bậc dưới là: Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Trong soạn bản này, tôi cũng dựa theo nội dung trên, nhưng y cứ vào các Giới bản mà biên soạn một cách chi tiết hơn. Đây là phần Nhựt Minh tôi biên soạn thêm, với tâm nguyện muốn giới thiệu rộng rãi đến quý vị độc giả có ý phát tâm tìm hiểu Giới luật của Phật giáo một cách khái quát và căn bản, ngõ hầu gieo trồng thiện căn nơi Phật pháp. Đối với quý Phật tử, việc tìm hiểu Giới luật để giữ cho đúng là điều cần thiết lắm, cụ thể thông qua Ngũ giới là nền tảng đạo đức mà thế gian không thể thiếu, tính nhân bản của Ngũ giới góp phần hình thành nên một Nhân cách và đời sống an lành.

Những điều tôi biên soạn thêm ở nội dung này, cũng chỉ là việc góp nhặt lời Phật, ý Tổ từ trong Kinh giáo hay Giới bản mà thôi, chẳng dám hư ngôn vọng tác. Ngoài ra nhân nói về Giới, tôi phương tiện đưa thêm vào soạn bản phần Nghi thức truyền thọ Giới pháp Bát Quan Trai, để quý độc giả muốn thực hiện, muốn hành trì thì có ngay, không phải mất công tra tìm ở chỗ khác.



Bản Tỳ-ni này được hoàn thành và đến với quý Phật tử, là có sự trợ giúp của các bậc Tôn túc, cùng với quý Thiện hữu tri thức. Tôi xin một lòng tri ân, cảm niệm công đức đến:

- Thượng tọa Thích Đồng Bổn trụ trì Chùa Phật Học Xá Lợi - Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo Việt Nam - Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, đã từ bi chứng minh bản soạn dịch này.
- Giáo sư Cư sĩ Minh Ngọc đã dày công duyệt xem và hiệu đính bản thảo.
- Gia đình Phật tử Ngô Hoa đóng góp phương tiện máy tính để trợ duyên tôi soạn dịch. Phật tử Hoàng Kiên phát tâm trình bày bìa sách.
- Cùng tất cả quý Phật tử đã chung góp tịnh tài làm chi phí ấn tống cúng dường Pháp bảo.

Phương tiện là thuyền bè, cứu cánh là bờ giải thoát. Phương tiện tốt sẽ mau dễ đi đến cứu cánh. Hy vọng bốn Tỳ-ni này sẽ góp phần làm một phương tiện tốt cho tất cả mọi người, các thiện nam tín nữ, cũng như quý Phật tử đang tu học, trong đó có Nhựt Minh đây.

Nguyện đem công đức này hồi hướng khắp pháp giới chúng sanh, thâm nhập Tỳ-ni đượm nhuần Giới đức, tất cả đều được trang nghiêm viên mãn.

Nam-mô Bổn sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.

Nhựt Minh kính phụng.

PL.2561-DL.2017.



PHẬT NÓI KINH HY HỮU GIÁO LƯỢNG CÔNG ĐỨC

(PHẬT THUYẾT HY HỮU GIÁO LƯỢNG CÔNG ĐỨC KINH
Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Q.16, Tr.783, Kinh số 690)

Hán dịch: Đời nhà Tùy,
người xứ Thiên Trúc, Tam tạng
Pháp sư XÀ-NA-KHUẤT-ĐA dịch
từ Phạn sang Hán văn.

Việt dịch: Đệ tử Bồ-tát Giới
NHỰT MINH.

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật ở tại nước Xá-Vệ, trong rừng cây của thái tử Kỳ-Đà, vườn của trưởng giả Cấp-Cô-Độc.

Bấy giờ, trưởng lão A-Nan Tỳ-kheo ngồi một mình nơi vắng vẻ tĩnh lặng, tư duy và khởi lên ý niệm rằng: “Như các thiện nam tử cùng thiện nữ nhân nào, nếu ở nơi pháp Tam quy y có thể thọ trì và tự nói lời như vậy “*Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, thời chỗ công đức quy y này họ có được bao nhiêu ?” Nghĩ như vậy rồi, khi mặt Trời vừa lên, ở nơi trú xứ của mình, trưởng lão A-Nan lập tức từ tòa ngồi đứng dậy, đắp y tề chỉnh, an tường mà đi đến chỗ Phật.

Đến nơi Phật rồi, A-Nan cúi đầu lễ dưới chân Phật, kéo y hở bày vai phải, gối bên phải chầm đất, chấp tay hướng Phật mà tác bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn ! Vừa qua, con ở nơi không nhàn vắng vẻ, có tư duy về điều này: Nếu thiện nam tử cùng thiện nữ nhân nào, có thể tự nói lời như vậy “*Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, thời chỗ công đức quy y này họ có được bao nhiêu ? Con thật chưa hiểu rõ, nguyện xin đức Như Lai phân biệt diễn nói, khiến cho các chúng sanh được chánh tri kiến.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-Nan rằng: “Lành thay, lành thay ! Thiện nam tử, ông thật có trí huệ vi diệu, hay khéo tư duy suy lường, mới có thể hỏi Như Lai ý nghĩa này. Như chỗ ông suy lường rằng: Như các thiện nam tử cùng thiện nữ nhân kia, nếu được thanh tịnh mà phát tâm như vậy “*Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, thời chỗ công đức quy y này họ có được bao

nhieu ? Hãy nghe rõ, nghe kỹ và khéo tư duy nghĩ nhớ. Giờ đây, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.”

A-Nan bạch Phật: “Dạ vâng, thưa Thế Tôn ! Con nguyện ưa thích muốn nghe.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-Nan rằng: “Như cõi đất Diêm-phù-đề này, ngang dọc trải rộng bảy nghìn do-tuần, địa hình như hòm xe, phía Nam hẹp, phía Bắc rộng. Giả sử người đã chứng quả Tu-đà-hoàn đầy khắp trong cõi đất kia, số nhiều ví như tre, lau, mía, mè, lúa thóc... Tất cả bậc Tu-đà-hoàn nhiều như thế, được các thiện nam tử, thiện nữ nhưn dành trọn cả trăm năm để cấp thí cho hết thấy những đồ vật cần dùng mà thế gian vui thích; Lại đem đầy đủ bốn món Tứ sự như: đồ ăn thức uống, y phục, giường nằm, thuốc thang dâng lên cúng dường, cung kính lễ bái; Mãi cho đến sau khi các vị ấy diệt độ, thu nhặt Xá-lợi rồi dựng Tháp bằng thất bảo mà phụng thờ; Nơi mỗi mỗi Tháp miếu đều dùng các món hoa, hương, thắp sáng đèn đuốc bằng dầu tô-diệp, làm ra các sự hát ca cùng kỹ nhạc, treo giăng tràng phan, bảo cái bằng hàng tơ lụa ngũ sắc, món món chủng loại như vậy đều dâng lên cúng dường. Ý ông nghĩ sao ? Các thiện nam tử, thiện nữ nhưn kia được phước có nhiều chăng ?”

A-Nan bạch Phật: “Rất nhiều, thưa Thế Tôn!”

Đức Phật bảo: “Này A-Nan ! Chẳng bằng như các thiện nam tử, thiện nữ nhưn dùng tâm trong sạch tự mình nói rằng “*Con nay quy y Phật, quy y*

Pháp, quy y Tăng”. Phước đức cúng dường kia đem sánh với công đức thọ trì Tam quy y đây chia ra làm trăm phần chẳng bằng một phần, nghìn phần chẳng bằng một phần, trăm nghìn vạn phần chẳng bằng một phần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được.”

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-Nan rằng: “Không những chỉ nói đến cõi Diêm-phù-đề; Giả sử cõi đất Cù-đà-ni ở phương Tây, ngang dọc trải rộng tám nghìn do-tuần, địa hình cõi đó giống như nửa vầng trăng. Đây khắp trong cõi đó đều là bậc đã chứng quả Tư-đà-hàm, số nhiều ví như tre, lau, mía, mè, lúa thóc... Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn dành trọn hai trăm năm, lại đem những đồ dùng mà thế gian ưa thích, cùng bốn món Tứ sự cúng dường như trên; Mãi cho đến sau khi các vị ấy diệt độ, thu nhặt Xá-lợi rồi dựng Tháp bằng đất bảo mà phụng thờ; Nơi mỗi mỗi bảo Tháp cũng dùng các món hoa, hương, đèn đuốc, kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái bằng hàng tư lỵ ngũ sắc, món món chủng loại như vậy đều dâng lên cúng dường. Ý ông nghĩ sao ? Các thiện nam tử, thiện nữ nơn kia được phước có nhiều chăng ?”

A-Nan bạch Phật: “Rất nhiều, thưa Thế Tôn!”

Đức Phật bảo: “Này A-Nan ! Chẳng bằng như các thiện nam tử, thiện nữ nơn dùng tâm trong sạch tự mình nói rằng “*Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Phước đức cúng dường kia

dem sánh với công đức thọ trì Tam quy y đây chia ra làm trăm phần chẳng bằng một phần, nghìn phần chẳng bằng một phần, ức phần chẳng bằng một phần, trăm nghìn ức phần chẳng bằng một phần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được.”

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-Nan rằng: “Không những chỉ nói đến một cõi Diêm-phù-đề, một cõi Cù-đà-ni; Giả sử cõi đất Phát-bà-đề ở phương Đông, ngang dọc trải rộng chín nghìn do-tuần, địa hình cõi đó giống như vầng trăng tròn. Đây khắp trong cõi đó đều là bậc đã chứng quả A-na-hàm, số nhiều ví như tre, lau, mía, mè, lúa thóc... Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn dành trọn ba trăm năm, lại đem những đồ dùng mà thế gian ưa thích, cùng bốn món Tứ sự cúng dường như trên. Mãi cho đến sau khi các vị ấy diệt độ, thu nhặt Xá-lợi rồi dựng Tháp bằng thất bảo mà phụng thờ; Nơi mỗi mỗi bảo Tháp cũng dùng các món hoa, hương, đèn đuốc, kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái bằng hàng tư lỵ ngũ sắc, món món chủng loại như vậy đều dâng lên cúng dường. Ý ông nghĩ sao ? Các thiện nam tử, thiện nữ nơn kia được phước có nhiều chăng ?”

A-Nan bạch Phật: “Rất nhiều, thưa Thế Tôn!”

Đức Phật bảo: “Này A-Nan ! Chẳng bằng như các thiện nam tử, thiện nữ nơn dùng tâm trong sạch tự mình nói rằng “*Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Phước đức cúng dường kia

đem sánh với công đức thọ trì Tam quy y đây chia ra làm trăm phần chẳng bằng một phần, nghìn phần chẳng bằng một phần, trăm nghìn phần chẳng bằng một phần, ức phần chẳng bằng một phần, trăm ức phần chẳng bằng một phần, trăm nghìn ức phần chẳng bằng một phần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được.”

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-Nan rằng: “Không những chỉ nói đến một cõi Diêm-phù-đề, một cõi Cù-đà-ni, một cõi Phất-bà-đề; Giả sử cõi đất Uất-đan-la-việt ở phương Bắc, ngang dọc trải rộng mười nghìn do-tuần, địa hình cõi đó giống như hình vuông, bốn cạnh xung quanh bằng thẳng. Đây khắp trong cõi đó toàn là các bậc A-la-hán, đã dứt hết các lậu, trừ sạch phiền não, tâm được tự tại, đầy đủ chánh giải thoát, chánh trí được giải thoát. Tâm các Ngài đã tự điều phục, là bậc đại long tượng ở trong loài người. Chỗ cần làm của các ngài đã làm xong, xả bỏ gánh nặng, được pháp tự lợi, chẳng thọ thân đời sau trong sanh tử, đã lập nên Phạm hạnh, thân tâm được vô ngại, thông đạt tâm ý chúng sanh, đắc sáu pháp thần thông, đầy đủ tám giải thoát. Các bậc A-la-hán như thế, số nhiều ví như tre, lau, mía, mè, lúa thóc... Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhưn dành trọn bốn trăm năm, lại dùng bốn món Tứ sự cung kính cúng dường, cùng tất cả những đồ dùng mà thế gian ưa thích, đem cung cấp đầy đủ cũng như trên. Mãi cho đến sau

khi các vị ấy diệt độ, thu nhặt Xá-lợi rồi dựng Tháp bằng thất bảo mà phụng thờ; Nơi mỗi mỗi bảo Tháp cũng dùng các món hoa, hương, đèn đuốc, kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái bằng hàng tư lưa ngũ sắc, món món chủng loại như vậy đều dâng lên cúng dường. Ý ông nghĩ sao ? Các thiện nam tử, thiện nữ nhơn kia được phước có nhiều chăng ?”

A-Nan bạch Phật: “Rất nhiều, thưa Thế Tôn!”

Đức Phật bảo: “Này A-Nan ! Chẳng bằng như các thiện nam tử, thiện nữ nhơn dùng tâm trong sạch tự mình nói rằng “*Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Phước đức cúng dường kia đem sánh với công đức thọ trì Tam quy y đây chia ra làm trăm phần chẳng bằng một phần, nghìn phần chẳng bằng một phần, trăm nghìn phần chẳng bằng một phần, trăm nghìn ức phần chẳng bằng một phần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được.”

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-Nan rằng: “Không những chỉ nói đến cõi Diêm-phù-đề, Cù-đà-ni, Phất-bà-đề, Uất-đan-la-việt. Giả sử đầy khắp cả bốn Châu thiên hạ, trong đó đều là bậc Độc giác Bích Chi Phật, số nhiều ví như tre, lau, mía, mè, lúa thóc... Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn dành trọn mười nghìn năm, lại dùng bốn món Tứ sự cung kính cúng dường, cùng tất cả những đồ dùng mà thế gian ưa thích, đem cung cấp đầy đủ cũng như trên. Mãi cho đến sau khi

các vị ấy diệt độ, thu nhặt Xá-lợi rồi dựng Tháp bằng thất bảo mà phụng thờ; Nơi mỗi mỗi bảo Tháp cũng dùng các món hoa, hương, đèn đuốc, kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái bằng hàng tư lưa ngũ sắc, món món chủng loại như vậy đều dâng lên cúng dường. Ý ông nghĩ sao ? Các thiện nam tử, thiện nữ nhơn kia được phước có nhiều chăng?”

A-Nan bạch Phật: “Rất nhiều, thưa Thế Tôn!”

Đức Phật bảo: “Này A-Nan ! Chẳng bằng như các thiện nam tử, thiện nữ nhơn dùng tâm trong sạch tự mình nói rằng “*Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Phước đức cúng dường kia đem sánh với công đức thọ trì Tam quy y đây chia ra làm trăm phần chẳng bằng một phần, nghìn phần chẳng bằng một phần, trăm nghìn phần chẳng bằng một phần, trăm nghìn ức phần chẳng bằng một phần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được.”

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-Nan rằng: “Không những chỉ nói đến mỗi bốn Châu thiên hạ, là chỗ chiếu thấu của một vầng mặt Trời, một vầng mặt Trăng. Giả như có một nghìn thế giới, trong ấy sẽ là một nghìn vầng Nhật nguyệt, một nghìn lần nước trong Tứ đại hải, một nghìn núi lớn Tu-di, một nghìn cõi Diêm-phù-đề, một nghìn cõi Cù-đà-ni, một nghìn cõi Phất-bà-đề, một nghìn cõi Uất-đan-la-việt, một nghìn cõi trời Tứ Thiên Vương, một nghìn cõi trời Tam Thập

Tam Thiên, một nghìn cõi trời Dạ-ma, một nghìn cõi trời Đâu-suất-dà, một nghìn cõi trời Hóa Lạc, một nghìn cõi trời Tha Hóa Tự Tại, một nghìn cõi trời Phạm Thiên; Mỗi cõi trong số một nghìn đó, không có liên hệ phụ thuộc nhau, đều ở trong một nghìn thế giới riêng biệt. Nay A-Nan ! Một nghìn thế giới như vậy gọi là một Tiểu Thiên thế giới. A-Nan ! Từ một Tiểu Thiên thế giới mà tính, cứ đủ số một nghìn Tiểu Thiên thế giới thì gọi là một Trung Thiên thế giới. A-Nan ! Từ một Trung Thiên thế giới mà tính, cứ đủ số một nghìn Trung Thiên thế giới thì gọi là một Đại Thiên thế giới. A-Nan ! Như vậy mà hợp số tổng lại gọi là Tam Thiên Đại Thiên thế giới.

Giả sử chư Phật Như Lai đầy khắp trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới kia, số nhiều ví như rừng tre, lau, mía, mè, lúa thóc... Nơi các Đức Phật Thế Tôn là đáng chí chơn Chánh Đẳng Giác đó, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào trong suốt hai vạn năm (20.000 năm), thường đem tất cả các đồ dùng ưa thích, cùng bốn món Tứ sự như: y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thang dược, các món chủng loại như vậy mang ra phụng thí, cúng dường. Mãi cho đến sau khi các Đức Phật đó diệt độ, bèn thu nhặt lấy Xá-lợi, rồi dựng Tháp bằng thất bảo mà phụng thờ. Nơi mỗi mỗi bảo Tháp Xá-lợi, đều dùng các món hoa, hương, kỹ nhạc, dầu thơm, đèn đuốc, tràng phan, bảo cái làm bằng hàng tư lự ngũ sắc, món món như vậy dâng lên

cúng dường. Ý ông nghĩ sao ? Các thiện nam tử, thiện nữ nhơn kia được phước có nhiều chăng ?”

A-Nan bạch Phật: “Rất nhiều, thưa Thế Tôn!”

Đức Phật bảo A-Nan rằng: “Nếu lại có người chỉ nơi một Đức Phật Thế Tôn mà cúng dường. Người ấy mãn suốt hai vạn năm, thường đem bốn món Tứ sự và đầy đủ đồ dùng cung kính cúng dường. Cho đến khi Đức Phật đó khi diệt độ, bèn thu nhặt lấy Xá-lợi, rồi dựng Tháp bằng thất bảo mà phụng thờ. Nơi bảo Tháp Xá-lợi ấy, đều dùng các món hoa, hương, kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái, dầu thơm, đèn đuốc... tất cả mang ra phụng thí, cúng dường như vậy. Phước kia còn nhiều đến vô lượng, vô biên, không thể tính đếm. Huống chi là suốt trong hai vạn năm, thường dùng bốn món Tứ sự đem cung cấp, cúng dường chư Phật Như Lai khắp trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới. Mãi cho đến sau khi chư Phật diệt độ, bèn thu nhặt lấy Xá-lợi, rồi dựng Tháp bằng thất bảo mà phụng thờ; Nơi mỗi mỗi bảo Tháp Xá-lợi, đều dùng các món hoa, hương, kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái, dầu thơm, đèn đuốc... sắm sửa món món chủng loại như vậy, hết thảy đều đem cúng dường. Thời cội phước đức có được đó thật vô lượng vô biên, chẳng thể tính toán, chẳng thể đếm kể.”

Đức Phật bảo rằng: “Này A-Nan ! Chẳng giống như vậy. Nếu các thiện nam tử, thiện nữ nhơn dùng tâm trong sạch, tự mình nói rằng “*Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Thời chỗ

công đức thọ trì Tam quy y đây thù thắng gấp bội, hơn hẳn phước đức cúng dường nói trên gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn lần. Chẳng thể dùng toán số, lời nói, thí dụ có thể sánh biết được.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-Nan:

“Nếu có người nào đã quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi; cho đến trong khoảng thời gian chỉ bằng một búng khủy móng tay, lại thọ Thập thiện nghiệp đạo, thọ nhận rồi ở nơi mười điều lành mà tu hành. Do vì nhân duyên này được vô lượng vô biên công đức.

A-Nan ! Nếu người nào lại có thể trọn một ngày một đêm thọ trì Bát quan trai giới, thọ nhận rồi như chỗ thuyết Giới mà tu hành. Thời được công đức thù thắng gấp bội, hơn hẳn công đức nói trên gấp nghìn, gấp vạn, gấp trăm nghìn vạn lần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được.

A-Nan ! Nếu người nào ở nơi thân của đời này cho đến hết thọ mạng có thể thọ trì Ngũ giới. Trọn đời như chỗ thuyết Giới mà tu hành, thời được công đức thù thắng gấp bội, hơn hẳn công đức nói trên gấp trăm, gấp nghìn, gấp vạn, gấp nghìn ức vạn lần, chẳng có toán số, thí dụ nào có thể sánh biết được.

A-Nan ! Nếu lại có người nào thọ trì Sa-di giới, Sa-di-ni giới thời được công đức thù thắng gấp bội, hơn hẳn công đức nói trên gấp trăm, gấp

ngàn, gấp vạn, gấp ngàn ức vạn lần, chẳng có toán số, thí dụ nào có thể sánh biết được.

A-Nan ! Nếu lại có người nào thọ trì Thức-xoa-ma-na giới, thời được công đức thù thắng gấp bội, hơn hẳn công đức nói trên gấp trăm, gấp ngàn, gấp trăm ngàn vạn lần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được. Huống chi là thọ trì Tỳ-kheo-ni giới, y cứ nơi Ba-la-đề-mộc-xoa, như chỗ thuyết Giới mà tu hành. Cũng như vậy, lại có người ở nơi thân này cho đến cuối đời thọ trì Đại giới Tỳ-kheo, y cứ nơi Ba-la-đề-mộc-xoa, như chỗ thuyết Giới mà tu hành, chẳng khuyết, chẳng phạm, không có uế trước, Phạm hạnh thanh tịnh thời được vô lượng vô biên công đức. Công đức này thù thắng gấp bội, hơn hẳn công đức nói trên gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn, gấp trăm ngàn vạn lần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được.”

Lúc trưởng lão A-Nan nghe Đức Phật nói về chỗ công đức của pháp Tam quy y, cho đến trọn đời hộ trì đại Tỳ-kheo Ba-la-đề-mộc-xoa được vô lượng công đức, bèn khen ngợi từ trước đến nay chưa từng có, liền bạch Đức Phật rằng: “Thật kỳ lạ rất hiếm có, thưa Thế Tôn ! Kinh này thật vi diệu, chẳng thể nghĩ bàn, thuyết minh ý nghĩa thâm sâu, công đức rộng lớn khó thể tính lường. Nên gọi Kinh này là gì ? Chúng con phải phụng trì như thế nào ?”

Đức Phật bảo: “Này A-Nan ! Kinh này tên gọi là Hy Hữu Trong Các Sự Hy Hữu. Ông nên phụng trì. Vì sao vậy ? Bởi vì Kinh này tuyên nói pháp hiếm có, diễn bày pháp thù thắng mà tất cả thế gian khó được nghe thấy, vì thế gọi là Hy Hữu Kinh.”

Lúc Đức Phật nói Kinh này rồi, trưởng lão A-Nan nghe nhận lời Phật dạy liền hoan hỷ vâng làm.

PHẬT NÓI KINH HY HỮU GIÁO LƯỢNG CÔNG ĐỨC.

(HẾT)

Dịch xong ngày 27 tháng 04, năm Đinh Dậu.

DL.2017 - PL.2561

*Bất nhiều diệc bất nã
 Như Giới nhưt thiết trì
 Thiểu thực, xả thân tham
 Hữu hạnh u ẩn xứ
 Ý đế dĩ hữu hiệt
 Thị năng phụng Phật giáo.*

*Chẳng nhiều loạn, phiền nã
 Giữ tất cả như Giới
 Ăn ít, bỏ tham thân
 Hạnh ưa nơi ẩn dật
 Xét ý cho thông tuệ
 Là vàng lời Phật dạy.*

(Trích dịch từ Hán tạng:
 Pháp Cú Kinh - Số 367)



PHẦN I
PHÁP KỆ TỶ-NI

ॐ 1 ॐ

早覺

TẢO GIÁC

(SÁNG SỚM THỨC DẬY)

睡眠始寤 當願眾生 一切智覺 周顧十方

Thùy miên thỉ ngụ

Đương nguyện chúng sanh

Nhứt thiết trí giác *

Châu cố thập phương.

Ngủ nghỉ vừa tỉnh thức

Nay nguyện cho chúng sanh

Giác ngộ Nhứt thiết trí

Thấu tỏ khắp mười phương.

(*) **Nhứt thiết trí:** Tiếng Phạn là Sarva-jñāna, dịch âm là Tát-bà-nhã-na, dịch nghĩa là Nhứt thiết trí. Đây là tên gọi một Trí trong Tam trí của Phật gồm: Nhứt thiết trí, Đạo chủng trí, Nhứt thiết chủng trí. Trí này liễu tri tất cả mọi pháp.

Giác: Tiếng Phạn là Bodhi, dịch âm là Bô-đề, có hai nghĩa là Giác sát và Giác ngộ.

- Giác sát: Ví như người nhận ra được đâu là giặc. Tức là người tu hành nhận ra các phiền não chướng. Bởi vì phiền não xâm hại ví như giặc cướp, chỉ có bậc Thánh vì hiểu biết rõ mới không bị phiền não làm hại.
- Giác ngộ: Ví như người ngủ mới thức dậy. Khi còn là chúng sanh, hay bị vô minh che lấp, làm tối tăm hôn ám giống như giấc ngủ say. Người tu hành nhận biết các thứ chướng ngại che lấp tâm trí; khi phá tan được Vô minh, Trí tuệ khai mở liền tỉnh ngộ, giống như đang ngủ say chợt tỉnh giấc, nên gọi là Giác ngộ.

Giác có 3 phương diện: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Hàng Nhị thừa Thanh Văn và Duyên Giác đạt được tự giác, tức là tự chính mình được giác ngộ. Hàng Bồ-tát có thể tự chính mình giác ngộ, lại có thể giác ngộ cho người khác, nên gồm cả tự giác và giác tha. Duy có chư Phật được cả 3 phần Giác nói trên nên gọi là bậc Đại giác; tiếng Phạn gọi là Buddha, Trung Hoa dịch âm là Phật-đà, dịch nghĩa là Giác giả.

“**Nhứt thiết trí giác**” nghĩa là phá vỡ hoàn toàn vô minh, đoạn trừ hết thủy phiền não và sở tri chướng, tỏ ngộ biết rõ như thật tất cả pháp. Giác ngộ đạt được loại trí huệ này của Phật gọi là Nhứt thiết trí giác.

Khắp các Kinh luật đều khuyến tấn rằng: Năm chúng đệ tử xuất gia của Phật, lúc đầu hôm hay cuối đêm phải nên tinh cần chuyên tu Phật đạo, chớ ham mê ngủ nghỉ, biếng lười, phóng dật. Thế nên buổi sớm mai, khi vừa thức giấc nên quán niệm pháp kệ này.

2

鳴鐘

MINH CHUNG

(THỈNH CHUÔNG)

願此鐘聲超法界
鐵圍幽闇悉皆聞
聞塵清淨證圓通
一切眾生成正覺

Nguyện thử chung thỉnh siêu Pháp giới *
Thiết Vi u ám tất giai văn **
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông ***
Nhứt thiết chúng sanh thành Chánh Giác.

Nguyện tiếng chuông đây vang Pháp giới
Thiết Vi tăm tối thấy đều nghe
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông
Tất cả chúng sanh thành Chánh Giác.

(*) **Pháp giới:** Tiếng Phạn là Dharma-dhātu, dịch âm là Đạt-ma-đà-đô, dịch nghĩa là Pháp giới. Danh từ Pháp giới còn có nghĩa là Pháp tánh hay Thực tướng. Có 4 loại Pháp giới (*Tứ chủng Pháp giới*) như sau:

1. Sự pháp giới: Pháp tức là các sắc pháp và tâm chúng sanh, giới là phạm giới, là phạm trù. Các pháp đều có tự thể, nhưng mỗi pháp đều có giới hạn riêng của nó, mỗi mỗi không giống nhau, cho nên gọi là Sự pháp giới. Pháp giới nói theo

sự còn có nghĩa là cõi. Như nói Thập pháp giới tức là 10 cõi, trong đó bao gồm 4 cõi Thánh (*Phật, Bồ-tát, Duyên Giác, Thanh Văn*) và 6 cõi Phàm (*Trời, Người, A-tu-la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục*).

2. Lý pháp giới: Lý tánh chơn như gọi là Pháp giới, cho nên còn gọi là Chân như pháp tánh hay Chân như pháp giới. Có 3 nghĩa:
 - Vạn pháp thấy đều có Tướng bình đẳng như nhau, các duyên khởi không xen tạp, đó là Lý pháp giới.
 - Giới có nghĩa là Nhân, do nương tựa vào nhân duyên mà các thánh đạo sanh ra, nên gọi là Lý pháp giới.
 - Giới có nghĩa là Tánh, do vì các sắc pháp và tâm chúng sanh tuy sai khác, nhưng nương tựa vào cùng một thể tánh đó là Thực tướng, nên gọi là Lý pháp giới.
3. Lý sự vô ngại pháp giới: Tức lý do sự mà hiển bày, sự nhờ lý mà thành tựu, lý và sự dung thông không trở ngại nhau.
4. Sự sự vô ngại pháp giới: Tức là tất cả các sự kiện có giới hạn phân tẻ đều dung thông nhau một cách xứng tánh. Một tức nhiều, lớn dung nhỏ, lớp lớp trùng trùng vô tận.

(**) **Thiết Vi:** Tiếng Phạn là Cakravada, gọi đủ nghĩa là núi Thiết Vi. Theo vũ trụ quan Phật giáo, đây là dãy núi bằng sắt vây quanh biển Kiềm Hải, vạch ra ranh giới thành một Tiểu thế giới.

Kinh Địa Tạng Bồ-Tát Bốn Nguyên nói: “Phương Đông của Diêm-phù-đề có dãy núi tên là Thiết Vi. Dãy núi đó tối thẳm, không có ánh sáng của mặt Trời, mặt Trăng. Trong đó có đại địa ngục tên là Cực Vô Giám.” (*Diêm-phù-đề còn gọi là Nam Thiệm Bộ châu, ở về phía Nam núi Tu-di. Vô Giám là một trong Bát đại địa ngục.*)

Luận Câu-xá nói: “Tiểu thế giới có trung tâm là núi Tu-di, bên ngoài có 7 núi và 8 biển. Biển thứ tám gọi là biển Kiềm Hải, có 4 đại châu: Bắc Câu Lô châu, Nam Thiệm Bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu, Đông Thắng Thần châu trụ ở đó. Bao quanh biển Kiềm Hải là dãy núi Thiết Vi.”

(***) **Văn trần:** Văn chỉ tánh nghe, Trần chỉ thính trần. “Văn trần thanh tịnh” ý nói cái nghe (*năng văn, tánh nghe*) và đối tượng được nghe (*sở văn, thính trần*), cả 2 đều vắng bật. “Chứng viên thông” ở đây chỉ sự tu chứng pháp môn Nhĩ căn viên thông; là chỗ Văn, Tư, Tu của đức Quán Thế Âm Bồ-tát.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Quyển sáu, nói: <<Lúc bấy giờ, đức Quán Thế Âm Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn ! Con nhớ hằng sa kiếp về trước, có Phật xuất thế hiệu là Quán Thế Âm Như Lai. Ở nơi Đức Phật đó, con phát tâm Bồ-đề. Đức Phật đó dạy con từ việc nghe (*Văn*), suy nghĩ (*Tu*), huân tu (*Tu*) mà nhập vào Tam-ma-địa.

Ban đầu, ở trong cái nghe (*năng văn*) mà nhập lưu, cho đến quên mất chỗ nghe (*sở văn*). Vì chỗ vào (*trần tướng*) đã tịch lặng, nên hai tướng động và tịnh chẳng sanh. Như vậy dần dần tiến thêm, đến cái nghe (*năng*

văn) và chỗ nghe (*sở văn*) đều hết. Cũng không trụ lại ở chỗ đã dứt hết cái nghe và chỗ nghe, mà tu tiến thêm nữa. Thời cái biết (*năng giác*) và chỗ biết (*sở giác*) cũng không còn. Khi Không giác đến cùng tột viên mãn, thời các tướng Năng không và Sở không đều diệt. Khi sanh và diệt đã diệt, thời chơn tâm tịch diệt hiện tiền. Hốt nhiên vượt qua khỏi Thế gian và Xuất thế gian, chơn tâm thanh tịnh tròn sáng, biến khắp mười phương, được hai món thù thắng:

Một là, trên khế hợp với Bản giác Diệu tâm của thập phương chư Phật, cùng với chư Như Lai đồng một Từ lực. Hai là, dưới khế hợp với tất cả thập phương chúng sanh trong Lục đạo, cùng với chúng sanh đồng một Bi ngưỡng.”>>

Buổi sớm thì đánh thức ngủ nghỉ, buổi tối thì đã thông hôn muội. Theo thông lệ, các tự viện đóng Đại hồng chung mỗi ngày vào hai thời: 4:30 sáng và 7:30 tối. Có thể linh động chọn giờ khác, nhưng cần phải giữ đúng giờ và duy trì mỗi ngày như đã định. Ngôi Tam Bảo của Phật tử tại tư gia, dùng chuông nhỏ cũng có thể thực hành bài pháp này. Hàng ngày dùng mật hạnh chú nguyện cho chúng sanh, thời âm đức vô lượng.

Lúc đánh chuông vào hai thời sáng tối, đến trước chuông chỉ thành chấp tay, niệm tụng Kệ thỉnh chuông này xong. Kế đến dùng tay cầm chày đánh chuông. Đồng thời xưng niệm đức hiệu của chư Phật, hoặc xưng danh Kinh Đại thừa Phương đẳng, hoặc niệm tụng Bí mật Chân ngôn. Khiến cho tất cả loài hữu tình khi được nghe tiếng chuông, nhờ Pháp âm thấy đều là khổ mà được giải thoát.

3

聞鐘

VĂN CHUNG

(NGHE CHUÔNG)

聞鐘聲 煩惱輕

智慧長 菩提生

離地獄 出火坑

願成佛 度眾生

唵。伽囉帝耶莎訶 (三徧)

Văn chung thính, phiền não khinh ***Trí huệ trưởng, Bồ-đề sanh****Ly địa ngục, xuất hỏa khanh ******Nguyện thành Phật, độ chúng sanh.*****

Nghe tiếng chuông, phiền não nhẹ

Trí huệ lớn, Bồ-đề sanh

Lìa địa ngục, khỏi hầm lửa

Nguyện thành Phật, độ chúng sanh.

ÚM , GIÀ RA ĐẾ DA SA HA. (3 biến)

(*) **Phiên não**: Tiếng Phạn là Klesa, phiên âm là Cát-lê-xá. Nói rộng ra thì gồm 98 thứ Kiết sử trong Tam giới, hay trói buộc thân tâm, theo đuổi mà sai sử tâm thức chúng sanh, làm cho não hại tinh thần, kết thành khổ quả, nên gọi là phiền não. Ba độc tham, sân, si chính là cội gốc của phiền não.

(**) **Địa ngục:** Tiếng Phạn là Naraka (Na-lạc-ca) hay còn gọi là Niraya (Nê-lê); dịch nghĩa là Bất lạc, Khổ khí, Vô hữu... Vì cõi này nương tựa vào đất và là cảnh giới thọ báo cực khổ, mà những chúng sanh tạo tội ác phải chịu đựng dài lâu nên gọi là Địa ngục. Đây là một trong 6 cõi mà chúng sanh luân hồi.

Kinh Địa Tạng Bồ-Tát Bốn Nguyên nói:

<<Thánh nữ hỏi rằng “Tôi nghe trong núi Thiết Vi có địa ngục, việc ấy có thật như thế chăng?”

Quỷ vương Vô Độc đáp rằng: “Thật có địa ngục.”

Thánh nữ hỏi rằng: “Nay tôi làm sao có thể đến được chốn địa ngục đó?”

Vô Độc đáp: “Nếu không phải do oai thần lực, thì phải do nghiệp lực. Ngoài hai điều này ra, chẳng bao giờ có thể đến đó được.”>>

Luận Câu-xá nói: Địa ngục có 3 loại là Căn bản, Cận biên và Cô độc. Tóm lược như sau:

1. Căn bản địa ngục (Bát đại địa ngục): Loại này gồm có 8 địa ngục lớn, nên còn gọi là Bát đại địa ngục. Đó là:
 - Đẳng hoạt địa ngục
 - Hắc thành địa ngục
 - Chúng hợp địa ngục
 - Hào khiêu địa ngục
 - Đại khiêu địa ngục
 - Viêm nhiệt địa ngục
 - Đại nhiệt địa ngục
 - Vô gián địa ngục.

2. Cận biên địa ngục (Du tăng địa ngục): Trong Bát đại địa ngục, mỗi Đại địa ngục đều có 4 cửa, mỗi cửa lại có 4 nơi: lửa cháy, thây thối, dao mác, sông lửa, tất cả đều tăng lên dữ dội. Hợp thành mỗi Đại địa ngục có 16 nơi làm địa ngục phụ. Như vậy Bát đại địa ngục có tất cả 128 địa ngục phụ. Vì 128 nơi này ở tại cửa nên gọi là Cận biên địa ngục. Lại vì khi qua các địa ngục phụ này, sự thống khổ càng bị tăng thêm, cho nên còn gọi loại này là Du tăng địa ngục.
3. Cô độc địa ngục: Ở ngoài đồng rộng, dưới gốc cây, trong núi rừng, trên không trung..

Hỏa khanh: Nghĩa đen tức là hầm lửa, hố lửa; đây chỉ cho lửa của địa ngục tiêu đốt những chúng sanh bị đọa vào Hỏa ngục. Hiểu theo ý nghĩa ẩn dụ là chỉ cho những quả báo ác đáng sợ, hoặc chỉ cho sự đáng sợ của ngũ dục (*tài, sắc, danh, thực, thù*).

Mi-Tiên Vấn Đáp nói: “Chúng sanh làm ác, đọa vào địa ngục. Chúng sanh ấy sanh ra trong lửa thiêu, già trong lửa thiêu, nhưng sẽ không bị cháy tiêu. Như thế, tất cả đều do nghiệp lực. Tâu đại vương !”

Kinh Tạng A-Hàm nói: “Thánh đệ tử đa văn thấy ngũ dục như thấy hầm lửa.”

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Tất cả Như Lai trong mười phương thấy hành dâm đồng gọi là lửa dục, Bồ-tát thấy ái dục như thấy hầm lửa.”

(***) **Độ:** Tiếng Phạn là Pàramità, dịch âm là Ba-la-mật-đa, Trung Hoa dịch là “Độ” có nghĩa là vượt qua. Sanh tử luân hồi ví như biển lớn, tự mình vượt thoát

khỏi thì gọi là “tự độ”, lại dùng phương tiện (*Giáo pháp*) đưa người khác vượt qua khỏi thì gọi là “độ hóa”.

(Đây cần phân biệt với từ “Hóa độ”, nghĩa là cõi nước do thần lực Phật biến hóa ra, để độ hóa hàng Nhị thừa hoặc phàm phu. Hóa độ là một trong ba Phật độ (cõi Phật): Pháp tánh độ, Thọ dụng độ, Biến hóa độ.)

Kinh Thủ Lăng Nghiêm có đoạn ghi lời đức A-Nan bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn đại bi ! Nay con đã ngộ được pháp môn thành Phật, theo đó tu hành được không nghi hoặc, lại thường nghe Như Lai nói lời như vậy: Tự mình chưa được độ, trước tiên lo độ người, đó là chỗ phát tâm của hàng Bồ-tát; Tự mình đã giác ngộ viên mãn, lại có thể giác ngộ người khác, đó là sự ứng thế của chư Như Lai. Nay con tuy chưa được độ, nhưng nguyện độ tất cả chúng sanh thời Mạt pháp.”

Mỗi ngày sáng tối, trong 4 oai nghi đi đứng ngồi nằm, một khi nghe tiếng chuông, tức thời nên tạm dừng việc đang làm, trong chốc lát lắng tâm nghe chuông và niệm tụng kệ chú này. Hoặc lúc niệm kệ thỉnh chuông xong, liền tiếp niệm kệ chú này để chú nguyện.

Buổi sớm lúc nghe chuông báo thức nên ngồi dậy, Cổ đức có kệ nhắc nhở rằng:

聞鐘臥不起 護法善神瞋

現前減福慧 後世墮蛇身

Văn chung ngọa bất khởi

Hộ pháp thiện thân sân

Hiện tiền giảm phước huệ

Hậu thế đọa xà thân.

*Nghe chuông nằm chẳng dậy
Hộ pháp, thiện thân sân
Trước mắt phước huệ giảm
Đọa thân rắn đời sau.*

804

下單

HẠ ĐƠN

(XUỐNG GIƯỜNG)

從朝寅旦直至暮
一切眾生自迴護
若於足下喪其形
願汝即時生淨土
唵。逸帝律尼莎訶 (三徧)

**Tòng triều Dân đán trực chí mộ
Nhứt thiết chúng sanh tự hồi hộ
Nhược ư túc hạ táng kỳ hình
Nguyện nhữ tức thời sanh Tịnh độ. ***

Từ sáng giờ Dân, đến chiều tối
Tất cả chúng sanh tự phòng hộ
Như lỗ bỏ mình dưới chân tôi
Nguyện người tức thời sanh Tịnh độ.

ÚM , DẬT ĐẾ LUẬT NI SA HA. (3 biến)

(*) **Tịnh độ**: Tức là cõi nước trong sạch, thuần thanh tịnh, không có nhiễm năm món trước là: Kiếp trước, Kiến trước, Phiền não trước, Chúng sanh trước, Mạng trước. Đây là nơi cư trú của các bậc Thánh tu chứng trong Phật pháp. Thường Tịnh độ là chỉ các cõi nước thanh tịnh của chư Phật đang giáo hóa, như: Cõi Cực Lạc của Đức Phật A-Mi-Đà, cõi Tịnh Lưu Ly của Đức Phật Dược Sư, cõi Diệu Hỷ của Đức Phật Bất Động...

Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, phẩm Phật Quốc thứ nhất, nói: “Bảo Tích ! Ông nên biết :

Trực tâm là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh không dua vạy sanh sang nước đó.

Thâm tâm là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ công đức sanh sang nước đó.

Bồ-đề tâm là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh có tâm Đại thừa sanh sang nước đó.

Bố thí là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh hay thí xả tất cả mọi vật sanh sang nước đó.

Trì giới là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh tu mười điều lành, hạnh nguyện đầy đủ sanh sang nước đó.

Nhẫn nhục là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh có đủ 32 tướng tốt trang nghiêm sanh sang nước đó.

Tinh tấn là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh siêng tu mọi công đức sanh sang nước đó.

Thiền định là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh biết thu nhiếp tâm chẳng loạn sanh sang nước đó.

Trí huệ là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh được chánh định sanh sang nước đó.

Tứ vô lượng tâm là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh thành tựu Từ, Bi, Hỷ, Xả sanh sang nước đó.

Tứ nhiếp pháp là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh được giải thoát sanh sang nước đó.

Phương tiện là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh khéo dùng đặng phương tiện, không bị ngăn ngại ở các pháp, sanh sang nước đó.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ thần túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, sanh sang nước đó.

Hồi hướng tâm là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, được cõi nước đầy đủ tất cả công đức.

Nói pháp trừ tám nạn là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, cõi nước không có ba đường ác và tám nạn.

Tự mình giữ giới hạnh, không chê chỡ kém khuyết của người khác là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, cõi nước không có tên gọi phạm giới cấm.

Mười điều lành là Tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh sống lâu, giàu có, Phạm hạnh,

lời nói chắc thật, thường dùng lời dịu dàng, quyến thuộc không chia rẽ, khéo giải hòa việc đua tranh kiện cáo, lời nói có lợi ích, không ghét không giận, thấy biết chơn chánh, sanh sang nước đó.

Như thế, Bảo Tích ! Bồ-tát tùy chỗ trực tâm mà hay phát hạnh, tùy chỗ phát hạnh mà được thâm tâm, tùy chỗ thâm tâm mà ý được điều phục, tùy chỗ ý được điều phục mà làm được như lời nói, tùy chỗ làm được như lời nói mà hay hồi hướng, tùy chỗ hồi hướng mà có phương tiện, tùy chỗ có phương tiện mà thành tựu chúng sanh, tùy chỗ thành tựu chúng sanh mà cõi Phật được thanh tịnh, tùy chỗ cõi Phật thanh tịnh mà nói Pháp được thanh tịnh, tùy chỗ nói Pháp thanh tịnh mà trí huệ được thanh tịnh, tùy chỗ trí huệ thanh tịnh mà tâm thanh tịnh, tùy chỗ tâm thanh tịnh mà tất cả công đức đều thanh tịnh.

Cho nên, Bảo Tích này ! Bồ-tát nếu muốn được cõi Phật thanh tịnh, nên làm cho tâm thanh tịnh; tùy chỗ tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh.”

Trái với tịnh độ là uế độ, ví như cõi Sa-bà đây là một uế độ. **Kinh A-Mi-Đà** nói: “Đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật hay làm được việc rất khó khăn hy hữu, có thể ở trong cõi Sa-bà đời ác năm món trước: Kiếp trước, Kiến trước, Phiền não trước, Chúng sanh trước, Mạng trước; Mà ngài chứng được ngôi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; Ngài vì các chúng sanh nói Kinh pháp mà tất cả thế gian khó tin này.”

Luật Thập Tụng nói: “Cách xuống giường là thông thả đặt một chân xuống mặt đất, kế đến chân thứ hai, chậm rãi mà đứng dậy.”

Sáng thức dậy, từ trên giường muốn bước xuống, trước khi đặt chân lên mặt đất, nên khảy móng tay thành tiếng 3 lần, thâm niệm tụng kệ chú này.

ॐ5ॐ

行步不傷蟲

HÀNH BỘ BẤT THƯƠNG TRÙNG

(BƯỚC ĐI KHÔNG HẠI CÔN TRÙNG) *

若舉於足 當願眾生 出生死海 具眾善法
唵。地利日利莎訶 (三徧)

Nhược cử ư túc

Đương nguyện chúng sanh

Xuất sanh tử hải

Cụ chúng thiện pháp. **

Như chân đang cất bước

Nay nguyện cho chúng sanh

Ra khỏi biển sanh tử

Đầy đủ các Pháp lành.

ÚM , ĐỊA RI NHỨT RI SA HA. (3 biến)

(*) **Hành bộ bất thương trùng:** Luật chế định năm chúng đệ tử xuất gia trong Phật pháp luôn giữ giới bất sát, không đoạn mạng căn chúng sanh. Mỗi hành động, sự việc đều phải mang tâm bảo hộ sanh mạng các loài hàm thức. Cho nên, những lúc đi đường hay đi dạo, luôn giữ gìn chánh niệm, quán sát từng bước chân mà đi.

(**) **Thiện pháp:** Ngũ giới, Thập giới, Thập thiện nghiệp đạo là thiện pháp của thế gian. Tam vô lậu học, Lục độ Ba-la-mật là thiện pháp của bậc xuất thế. Các pháp như vậy tuy có nông sâu, nhưng đều là những pháp thuận theo chân lý, lợi mình lợi người nên gọi là thiện pháp, tức là các pháp lành vậy. Nếu nhìn rộng hơn, tất cả lời giáo huấn của Đức Thế Tôn Thích-Ca Mâu-Ni đều gọi là Thiện pháp.

Kinh Đại Thông Phương Quảng Sám Hối Diệt Tội Trang Nghiêm Thành Phật nói: <<Bấy giờ, chư Phật mười phương khác miệng đồng lời, cùng bảo thị giả và chư đại Bồ-tát rằng: “Thiện nam tử ! Các ông nên biết, hôm nay nơi thế giới Sa-bà, Phật Thích-Ca Mâu-Ni phóng đại quang minh, sẽ nói pháp mầu độ chúng sanh khổ. Các ông nên sang cõi đó cúng dường Phật, nghe Kinh pháp, thưa hỏi những chỗ nghi ngờ. Chúng sanh nước đó từ trước đến nay cương ác, dối trá không thật, chẳng tin Nhứt thừa. Phật Thích-Ca tâm từ rộng lớn, dùng đủ phương tiện khéo, diễn ra ba Thừa độ thoát Ba cõi. Tuy nói ba Thừa, song thượng ngữ cũng thiện, trung ngữ cũng thiện, hạ ngữ cũng thiện, ý nghĩa sâu xa, thuần hậu đầy đủ. Đức Phật Thế Tôn kia, trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp gỡ, nói ra Kinh pháp khó thể được nghe. Chúng sanh cõi ấy gặp thời có Phật thật chẳng dễ. Nay chỗ Phật Thích-Ca sanh ra kim hoa mầu nhiệm, khó có duyên được thấy. Vì thế các ông hãy sang cõi kia, thưa hỏi chỗ nghi, để lợi ích mình và lợi lạc chúng sanh.”>>

Kinh Đại Ái Đạo Tỳ-kheo-ni nói: “Tỳ-kheo-ni trong lúc đi đường, phải cúi đầu nhìn xuống đất, tầm nhìn

không được quá ba thước. Miệng niệm Phật hoặc niệm Chú pháp, thông thả chậm rãi mà bước đi. Không được bước sải trên mặt đất, không được vừa đi vừa nhảy một lúc hai chân, không được nhảy cò cò một chân. Không được lắc đầu qua lại, uốn éo thân hình trong lúc đi. Không được đánh tay đàng xa trong lúc đi. Không được lắc mông, cúi khi bước, thân mình không được nghiêng qua ngã lại. Không được vừa nói, vừa cười trong lúc đi. Không được cùng đi với nam tử. Không được cùng nam tử vừa đi vừa nói chuyện. Không được cùng nam tử vừa đi vừa cười giỡn. Bước đi phải như Phật đi. Đứng phải như Phật đứng. Cái nhìn phải như Phật nhìn. Nói phải như Phật nói. Không được giở chân cao mà bước. Không được đi quá nhanh hay quá chậm. Không được kéo lê chân sát mặt đất mà đi. Lúc bước phải giở chân cách mặt đất ba tấc rưỡi, mỗi bước đi dài ba tấc. Khi về, phải lên điện Phật, đến tháp Phật mà lễ Phật, lạy tháp.”

Luật Tứ Phần nói: “Nếu Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) cố ý đoạn mạng súc sanh, thì phạm tội Ba-dật-đề.”

Luật Tăng-kỳ nói: “Nếu dùng toàn thân nhảy hoặc chạy, qua lại hoặc tới lui, ý muốn làm thương tổn đất thì phạm tội Ba-dật-đề. Nếu muốn làm cho mặt đất bằng phẳng, dùng phương tiện quét làm trầy mặt đất, vết trầy bằng như chân muỗi thì phạm tội Ba-dật-đề. Nếu dùng phương tiện kéo tre, ý muốn làm trầy mặt đất, vết trầy bằng như chân muỗi thì phạm tội Ba-dật-đề. Nếu dùng phương tiện đuổi trâu, ngựa..., ý muốn làm trầy mặt đất, thì phạm tội Ba-dật-đề. Nếu đứng trên bờ sông, ý muốn đập cho lở đất, mỗi một đập chân thì phạm một tội Ba-dật-đề.”

Tỳ-kheo như pháp, khi đi đường mở nửa mắt nhìn xuống đất trước mặt khoảng 2,3m, sáu căn thu nhiếp, không nhìn ngó hai bên, nhìn thẳng về phía trước nhất tâm chánh niệm, tránh làm thương tổn mạng căn các loài chúng sanh dưới chân mình. Thế nên, mỗi buổi sớm mai, Tỳ-kheo bước chân xuống giường lúc chuẩn bị đi; hoặc trước lúc đi kinh hành, nhiễu Tháp; hoặc trước khi đi đường, đi đạo... nên niệm tụng kệ chú này.

卍6卍

出堂

XUẤT ĐƯỜNG

(RA KHỎI NHÀ)

從舍出時 當願眾生 深入佛智 永出三界

Tòng xá xuất thời *

Đương nguyện chúng sanh

Thâm nhập Phật trí

Vĩnh xuất Tam giới. **

Từ Tinh xá bước ra

Nay nguyện cho chúng sanh

Vào sâu trí huệ Phật

Vượt ra khỏi Tam giới.

(*) **Xá**: tức là nhà ở, từ đồng nghĩa là “đường”. Nơi Phật hay chúng Tăng ở thì gọi là Tinh xá.

(**) **Tam giới**: Có nghĩa là Ba cõi, đây là tên gọi chung của 3 cõi gồm Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

1. Dục giới (Kama-dhātu): Nơi sanh trú của các loài hữu tình có 2 thứ dục là dâm dục và thực dục. Dục giới bao gồm:
 - 6 tầng trời cõi Dục của Thiên giới (Lục dục thiên): Trời Tha hóa, Trời Hóa lạc, Trời Đâu-suất, Trời Dạ-ma, Trời Đao-lợi, Trời Tứ vương.
 - 4 châu của Nhân giới: Bắc Câu Lô châu, Nam Thiệm Bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu, Đông Thắng Thần châu.
 - 4 ác đạo: A-tu-la, Ngạ quỷ, Súc sanh, Địa ngục.
2. Sắc giới (Rupe-dhātu): Nơi sanh trú của các bậc tu thiên định, đã là 2 thứ dục lạc của Dục giới, thân thể, cung điện, vật chất đều đẹp đẽ. Sắc giới có 4 cấp bậc gọi là Tứ thiên thiên, từ trên kể xuống tổng cộng gồm 18 cõi Thiên là:
 - 9 trời Tứ thiên
 - 3 trời Tam thiên
 - 3 trời Nhị thiên
 - 3 trời Sơ thiên.
3. Vô sắc giới (Arupa-dhātu): Cõi giới này hoàn toàn không có hình sắc nào, là thế giới phi vật chất, nên cũng chẳng thể xác định được phương sở. Chúng cõi này không có thân sắc, chỉ có Tâm thức thường trụ ở Thiên định thâm diệu. Vô Sắc giới bao gồm có 4 cõi trời gọi là Tứ không thiên hay còn gọi là Tứ không xứ, Tứ vô sắc. Thứ tự từ trên kể xuống là:

- Phi phi tướng xứ
- Vô sở hữu xứ
- Thức vô biên xứ
- Không vô biên xứ.

Tam giới là 3 cõi giới mà hàng phàm phu sanh tử vãng lai. Kinh Phật nói Tam giới không an, giống như nhà lửa. Vì vậy chúng sanh không nên tham luyến ở trong Ba cõi. Các bậc tu hành Phật đạo chí siêu vượt ra khỏi Ba cõi, tức ra khỏi biển khổ sanh tử, hưởng được cái vui tịch diệt của Niết-bàn.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói:

“Xá-Lợi-Phất ! Nếu có chúng sanh nào bên trong có Trí tánh, theo Đức Phật Thế Tôn nghe Pháp, tin nhận, ân cần tinh tấn, muốn chóng ra khỏi Ba cõi, tự cầu chứng Niết-bàn, gọi đó là Thanh Văn thừa. Như các người con kia, vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào theo Đức Phật Thế Tôn nghe Pháp, tin nhận rồi ân cần tinh tấn, cầu Trí huệ tự nhiên, ưa thích riêng lẽ vắng lặng, sâu rõ như duyên của các pháp, gọi đó là Duyên Giác thừa. Như các người con kia, vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào theo Đức Phật Thế Tôn nghe Pháp, tin nhận, siêng tu tinh tấn, cầu Như thị trí, Phật trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí, các món trí kiến lực, vô úy của Như Lai, có lòng thương xót làm an vui cho vô lượng chúng sanh, lợi ích Trời, Người độ thoát tất cả, hạng đó gọi là Đại thừa Bồ-tát, vì cầu đặng Thừa này, thời gọi là Ma-ha-tát. Như các người con kia, vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

Xá-Lợi-Phất ! Như ông trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa, đến chỗ vô úy; ông tự nghĩ: Ta của giàu vô lượng, nên bình đẳng đem xe lớn đồng cho các con. Đức Như Lai cũng lại như thế, là cha của tất cả chúng sanh; nên thấy có vô lượng nghìn ức chúng sanh, do cửa Phật giáo hóa mà thoát khỏi khổ, đường hiểm đáng sợ của Ba cõi, đặng sự vui Niết-bàn.”

Luật Thập Tụng nói: “Cách ra vào nhà: Khi ra hay vào, bước chân đầu tiên phải theo một trong hai bên của cửa.”

Phàm sáng sớm mới ngủ dậy, muốn bước ra khỏi phòng, hoặc bất luận là đi đâu, lúc chuẩn bị đi ra khỏi nơi ở, phòng nhà, Tinh xá... trước nên niệm tụng pháp kệ này.

Nếu như ra bên trái thì bước chân trái qua ngưỡng cửa, ra bên phải thì bước chân phải qua ngưỡng cửa. Khi đi vào cũng tương tự cách thức như vậy.

๗7

登廁

ĐĂNG XÍ *

(VÀO NHÀ VỆ SINH)

大小便時 當願眾生 棄貪瞋癡 蠲除罪法
唵。很魯陀耶莎訶 (三徧)

Đại tiểu tiện thời

Đương nguyện chúng sanh

Khí tham sân si **

Quyên trừ tội pháp.

Lúc đại tiểu tiện
 Nay nguyện chúng sanh
 Bỏ tham, sân, si
 Trừ sạch tội lỗi.

ÚM , NGẶN LỖ ĐÀ DA SA HA. (3 biến)

(*) **Xí:** tức là nhà xí, nhà vệ sinh nơi đại, tiểu tiện.

Tại Tinh xá hoặc Tòng lâm, không đặt nhà vệ sinh ở phía trước của điện Phật, tháp Xá-lợi, lầu tầng Kinh... Khi chọn nơi đặt nhà vệ sinh, phải xem vị trí của điện Phật và hướng gió của từng mùa trong năm. Nên đặt nhà vệ sinh cách xa điện thờ và dưới hướng gió để tránh mùi hôi theo gió bay qua điện.

Việc tạo dựng hoặc quét rửa sạch sẽ nhà xí có nhiều công đức phước báo.

Kinh Đại Dũng Bồ-tát Biệt Nghiệp Báo nói:

“Kiến tạo nhà xí trừ ô uế
 Đời sau không mắc bệnh tiện lợi
 Thân tâm an lạc thường thanh tịnh
 Người thấy không ai chẳng hoan hỷ
 Do đó xa lìa các cấu uế
 Rốt ráo đến được đại Niết-bàn.”

Kinh Phước Điền nói: “Phật bảo Thiên Đế: Xưa kia, ta thậm phát tâm xây dựng nhà xí. Nhờ công đức ấy nên đời đời thanh tịnh, thân không dính trước uế nhiễm, ăn vào tự tiêu hóa, không mắc bệnh tiện lợi.”

Kinh Tăng Nhất A-Hàm nói: “Bên đường làm nhà xí, cho dân được lợi ích, ngày đêm được an ổn, phước ấy không nghĩ bàn.”

Kinh Phật Thuyết Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương nói: <<Bấy giờ Phật bảo A-Nan-Đà: “Nếu có người chẳng biết nghiệp báo, ở trong Tinh xá mà hỉ mũi, khạc nhổ hay đại, tiểu tiện lợi v.v... nay ta vì ông mà nói. Nếu ở nơi đất Thường trụ mà khạc nhổ, thời người đó sanh trong cây Sa-la, làm loài côn trùng miệng nhỏ như kim, trải qua mười hai năm. Nếu ở nơi đất Thường trụ mà đại, tiểu tiện lợi thời người đó sanh vào thành lớn Ba-la-nại, làm loài trùng sống trong chỗ đại, tiểu tiện lợi như bản.”>>

Luật Tứ Phần nói:

“Không được đại tiểu tiện và hỉ nhổ trên rau cỏ tươi, trừ lúc có bệnh. Cần phải học.”

“Không được đại tiểu tiện và hỉ nhổ trong nước sạch, trừ lúc có bệnh. Cần phải học.”

“Không được đứng đại tiểu tiện, trừ lúc có bệnh. Cần phải học.”

“Không được mang tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện. Cần phải học.”

Luật Ngũ Phần nói: <<Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo tiểu tiện nhiều chỗ khắp nơi, nơi nào cũng có mùi hôi bất tịnh. Các bạch y đến chùa chê bai rằng: “Sa-môn Thích tử này không có oai nghi phép tắc, tiểu tiện không có nơi chốn nhất định, khiến cho chỗ nào cũng có mùi hôi thối bất tịnh”. Lại có một vị Tỳ-kheo tiểu tiện nơi không nên tiểu tiện. Quỷ thần thấy thế, năm nam

căn vị ấy đến chỗ khuất bảo rằng: “Đại đức nên tiểu tiện tại chỗ này”. Chư Tỳ-kheo đem sự việc bạch lên Đức Thế Tôn. Phật dạy: “Không cho phép các thầy tiểu tiện khắp nơi, nên làm nơi tiểu tiện ở chỗ khuất. Nếu người nào như thế nữa, phạm tội Đột-kiết-la.”>>

_ Lại nói: <<Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo đại tiện nhiều chỗ khắp nơi, các bạch y đến chùa chê trách như trên. Phật dạy: “Các thầy không được làm như thế ! Ta cho phép đào đất nơi chỗ khuất để làm nhà xí, phía trên lợp mái che, phía dưới làm đường lên xuống, nơi đường đi nên làm lan can. Khi hố xí đầy thì hốt dọn bỏ nơi khác. Nếu phần có trùng thì đào hầm chôn. Nếu chưa có trùng thì dùng tro bột bỏ vào hầm xí, làm như thế trùng không sanh.”>>

Tỳ-nại-da Tạt Sự nói: “Khi Đức Phật đã cho các thầy Tỳ-kheo làm nhà xí. Có vị khi tiểu tiện cũng đi vào nhà xí, khiến những vị muốn đại tiện phải chờ bên ngoài, vì không thể vào ngay được nên sanh bệnh. Phật dạy: Các thầy đừng nên làm như vậy, nên làm nhà tiểu tiện riêng biệt. Các Tỳ-kheo khi ấy không biết làm nơi nào ? Phật dạy: Nên làm cạnh nhà xí, nhà tiểu tiện phải khai đường rãnh để nước chảy ra ngoài, cũng phải chừa một cửa ra vào, cách thức giống như nhà xí.”

Luật Tăng-kỳ nói: “Không được mang tọa cụ Tăng vào nhà xí; không được chải răng trong nhà xí; không được lấy áo che đầu, che vai phải vào nhà xí; không được ở trong nhà xí tu tập quán bất tịnh, thiên định, hoặc ngủ nghỉ gây trở ngại cho người khác.”

_ Lại nói: “Nếu ban đêm, vì đang bệnh mà đại tiện bất chợt, nên dùng đồ gốm đựng rồi đem đổ. Nếu không

có đồ gốm, thì nên để ở bờ mương nước, sáng ra đem giặt. Nếu ở trong nhà kính, giảng đường mà muốn đại tiện nên đi ra ngoài; nếu quá gấp không đi được, nên ở một chỗ xong dùng nước rửa chỗ dơ; không được như trâu vừa đi vừa đại tiện. Nếu đại tiện bị bón không được rặn phát ra tiếng, mà nên dùng thuốc xổ. Lúc tiểu tiện không được đứng, nên ngồi xổm, không được hướng lên tường, phép tắc đồng như đại tiện.”

(**) **Tham sân si**: Còn gọi là Tam căn hay Tam độc gồm 3 món là Tham độc, Sân độc, Si độc.

Kinh Niết-Bàn nói: “Độc trong các độc, không gì quá hơn ba độc.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát khởi một niệm sân tâm, thời sanh trăm vạn cửa chướng ngại.”

Kinh Phật Di Giáo nói: “Tâm sân dữ hơn lửa mạnh, thường nên phòng hộ không cho xâm nhập. Giặc cướp công đức không gì hơn sân nhuế.”

Kinh Đại Tập nói: “Một niệm sân khởi lên, thời tất cả ma quỷ được dịp tiện lợi.”

Kinh Quyết Định Tỳ-Ni nói: <<Đức Phật phán: “Này Xá-Lợi-Phất ! Tất cả Bồ-tát có hai điều phạm Giới: Một là tương ưng với sân mà phạm, hai là tương ưng với si mà phạm, đây gọi là đại phá Giới. Còn tương ưng với tham mà phạm thì lỗi vi tế khó bỏ rời. Tương ưng với sân mà phạm thì lỗi thô trọng dễ bỏ rời. Tương ưng với si mà phạm thì lỗi rất nặng càng khó bỏ rời. Tại sao ? Vì tham kiết hay làm chủng tử các cõi, sanh tử dây dưa nối nhau chẳng tuyệt, vì lẽ ấy nên vi tế khó dứt. Nhân sân mà phạm thì đọa ác đạo có thể trừ được

mau. Nhân si mà phạm bị đọa trong tám đại Địa ngục khó thoát được.”>>

Luận Trí Độ nói: “Có lợi ích đối với ta thì sanh ra tham dục, trái nghịch với ta thì sanh ra sân nhuế, kiết sử này không từ Trí phát sanh, mà sanh từ cuồng hoặc thì gọi là si. Ba độc này là cội rễ của mọi phiền não.”

Khi muốn đại tiểu tiện thời nên đi ngay, chẳng đợi đến lúc bên trong bức bách, rồi vội vàng hấp tấp mà làm mất oai nghi. Không nên mang giày dép sạch vào nhà xí, nên cởi giày dép sạch để bên ngoài, mang dép của nhà xí mà vào. Ở trước nhà xí, khảy móng tay thành tiếng 3 lần rồi hãy vào. Việc làm này có hai ý nghĩa: Thứ nhất báo cho người bên trong được biết, nhưng không nên hối thúc người bên trong đi ra ngoài; Thứ hai khiến loài Quỷ chuyên ăn đồ phẩn ứ nơi đó sợ hãi mà lánh đi. Lúc đại tiểu tiện nên thu nhiếp sáu căn, thanh tịnh tâm ý không được phóng túng, tán loạn; luôn giữ chánh niệm và thâm tụng kệ chú này.

卍8卍

洗淨

TẨY TỊNH

(RỬA SẠCH)

事訖就水 當願眾生 出世法中 速疾而往
唵。室利婆醯莎訶 (三遍)

Sự ngật tợ thủy

Đương nguyện chúng sanh

**Xuất thế pháp trung
Tốc tậ nhi vãng.**

Việc xong dùng nước
Nay nguyện chúng sanh
Trong pháp xuất thế
Nhanh chóng vượt qua.

ÚM , THẮT RI BÀ HÊ SA HA. (3 biến)

Luật chế định: Tỳ-kheo sau khi đại, tiểu tiện xong, phải dùng xà phòng và nước... rửa sạch các bộ phận đại tiểu tiện của thân thể, trái thì phạm lỗi.

Luật Tứ Phần nói: “Lúc đại tiện không được lớn tiếng. Dùng cỏ trong nhà xí dài nhất là một gang tay, ngắn nhất là bốn lóng tay. Sau khi đại tiện, rửa nước trừ hôi dơ nên dùng đất mặn, bột tro, bùn thơm, thảo đậu mà rửa.”

Luật Tăng-kỳ nói: “Nếu rửa quá mức để thỏa mãn tâm ái dục thì phạm tội Thâu-lan-giá.”

Luật Thập Tụng nói: “Nếu không rửa chỗ đại tiện thì không nên ngồi, nằm trên tọa cụ của Tăng, nếu ngồi nằm thì phạm Đột-kiết-la.”

Tỳ-nại-da Tạp Sự nói: “Nếu người không tẩy rửa như pháp thì không được nhiều Thập hành đạo; không cùng với đại chúng lễ Phật, tụng Kinh; mình không lễ bái người, cũng không nhận người lễ bái; không được thọ thực, không ngồi giường của Tăng, cũng không nhập hội cùng Tăng chúng. Vì sao ? _ Do bởi thân bất tịnh chẳng đúng như pháp, nên khiến chư Thiên trông thấy không hoan hỷ; có trì Chú pháp, tụng Kinh đều không

linh nghiệm. Nếu người nào phạm thì mắc tội Ác tác (Đột-kiết-la). Nếu thiết trai cúng dường hay viết Kinh, họa tượng mà chưa rửa sạch, do vì tâm khinh mạn nên hoạch được phước kém mỏng.”

Sau khi đại tiểu tiện xong, lấy lá cỏ hoặc thẻ tre (giấy vệ sinh), bùn thom hoặc thảo đậu (xà phòng), và nước để làm vệ sinh thân thể. Nên dùng tay trái để rửa, trong lúc tẩy rửa các căn môn trên thân thể, thâm niệm kệ chú này để khử ố.

Ngày nay, khi làm vệ sinh không dùng lá cỏ, đất tro... như lúc xưa; vì đã có giấy vệ sinh, xà phòng và nước; còn về phép tắc thì đồng như xưa không khác.

ॐ 9 ॐ

去穢

KHỬ UẾ

(BỎ PHẢN UẾ)

洗滌形穢 當願眾生 清淨調柔 畢竟無垢
 唵。賀曩密栗帝莎訶 (三編)

Tẩy dịch hình ố

Đương nguyện chúng sanh

Thanh tịnh điều nhu *

Tất cánh vô cấu. **

Rửa quét phản nhơ

Nay nguyện chúng sanh

Trong sạch điều nhu
Rốt ráo Vô cấu.

ÚM , HẠ NẮNG MẬT LẬT ĐẾ SA HA. (3 biến)

(*) **Điều nhu:** Nghĩa là điều hòa, nhu nhuyễn.

“Thanh tịnh điều nhu” nghĩa là tâm trong sạch nhu nhuyễn, thuận theo pháp tánh, không còn cấu uế.

(**) **Vô cấu:** là lìa tất cả lỗi lầm, không còn nhiễm trước, vì thân tâm thanh tịnh không cấu uế, nên rốt ráo không còn Lưu hoặc.

“Tất cánh vô cấu” còn có nghĩa là nguyện cho chúng sanh vượt lên Đệ nhị địa của hàng Bồ-tát, tức Vô cấu địa, đây là địa thứ hai trong Thập địa của hàng Bồ-tát. Các phẩm vị Bồ-tát trong Thập địa gồm:

1. Hoan hỷ địa
2. Vô cấu địa
3. Phát quang địa
4. Diệm huệ địa
5. Cực nan thắng địa
6. Hiện tiền địa
7. Viên hành địa
8. Bất động địa
9. Thiện huệ địa
10. Pháp vân địa.

Kinh Kim Quang Minh nói: “Tất cả tội vi tế, lỗi lầm phá giới đã qua, nay đều được thanh tịnh. Thế nên Đệ nhị địa cũng gọi là Vô cấu địa.”

Kinh Trung A-Hàm kể ra có 21 tâm cấu uế, đó là: 1.Tâm tà kiến, 2.Tâm dục phi pháp, 3.Tâm tham ác, 4.Tâm tà pháp, 5.Tâm tham lam, 6.Tâm sân hận, 7.Tâm si mê, 8.Tâm não hại, 9.Tâm nghi hoặc, 10.Tâm sân ràng buộc, 11.Tâm nội kết, 12.Tâm keo kiệt, 13.Tâm tật đố, 14.Tâm lừa dối, 15.Tâm xiểm khúc, 16.Tâm vô tầm (*không thấy xấu hổ*), 17.Tâm vô quý (*không biết hổ thẹn*), 18.Tâm mạn, 19.Tâm đại mạn, 20.Tâm kiêu căng, 21.Tâm phóng dật.

Kinh Trị Thiên Bệnh nói: “Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) phạm tội Ba-la-di rồi, muốn sám hối phải cõi y Tăng-già-lê, mặc y An-đà-hội, đến chỗ chúng Tăng thanh tịnh, nắm vóc gieo sát đất như núi lớn sụp đổ, tâm sanh tầm quý cầu xin sám hối các tội. Sau đó chấp sự trong Tăng chúng, năng làm việc khổ nhọc, khừ uế quét dọn nơi nhà xí. Sau đủ tám trăm ngày, tắm gội sạch sẽ, mặc y Tăng-già-lê vào trong tháp Phật, cung kính chấp tay, nhất tâm quán tưởng tướng Bạch hào ở giữa chạng mày của Đức Như Lai. Mỗi ngày lễ Phật trăm nghìn lạy, phát tâm chí thành, thống thiết cầu xin sám hối. Nếu có thoại ứng thấy được tướng hảo quang minh của Đức Phật rồi, tiếp bảo người ấy tụng trì Giới pháp cho đủ tám trăm biến, tức trở lại thanh tịnh Tỳ-kheo.”

Luật Tứ Phần nói: “Nếu ban đêm đại tiểu tiện trong bồ, đến sớm mai đi đổ mà không xem kỹ bên ngoài vách tường trước khi đổ, thì phạm tội Ba-dật-đề.” (Tỳ-kheo-ni làm thì phạm tội Ba-dật-đề, Tỳ-kheo tăng và ba chúng dưới làm thì phạm Đột-kiết-la.)

Luật Tăng-kỳ nói: “Nếu mang đồ vật bất tịnh như: đồ tiểu tiện, phần uế, đàm dãi, tóc móng, nước rửa tay

chân... mà không xem kỹ trước khi đổ, thì phạm tội Ba-dật-đề. Nếu muốn ném bỏ trước phải xem kỹ; nếu lúc có nhiều người qua lại, thì đợi họ đi qua hết mới được ném bỏ; nếu lúc có ít người qua lại, thì khảy móng tay trước khi ném bỏ; nếu không xem, không khảy móng tay báo hiệu mà tự tiện ném bỏ, thì phạm tội Ba-dật-đề.”

Phàm khi đại tiểu tiện xong, lúc dùng nước dội rửa phần ướ, nước tiểu trong nhà xí; hoặc khi làm các việc vệ sinh như đổ bô, hốt dọn phần ướ trong hầm xí... đều thâm niệm kệ chú này để khử ướ.

☞ 10 ☞

洗手

TẢY THỦ

(RỬA TAY)

以水盥掌 當願眾生 得清淨手 受持佛法
唵。主迦囉耶莎訶 (三徧)

Dĩ thủy quán chưởng
Đương nguyện chúng sanh
Đắc thanh tịnh thủ
Thọ trì Phật pháp. *

Dùng nước rửa tay
Nay nguyện chúng sanh
Được tay thanh tịnh
Nhận giữ Phật pháp.

ÚM , CHỦ CA RA DA SA HA. (3 biến)

(*) **Phật pháp**: Tức là Pháp bảo, bao gồm 84.000 pháp môn mà Đức Phật giáo hóa chúng sanh. Phật pháp được ví như lương dược nhiệm mầu, có thể chữa lành tất cả tâm bệnh phiền não của chúng sanh.

Kinh Thắng Man nói: “Tất cả Phật pháp bao gồm tám vạn bốn ngàn pháp môn.”

Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới nói: “Nếu Phật tử, hàng tân học Bồ-tát, phạm nơi nào chốn nào có giảng Kinh, Luật phải mang Kinh, Luật đến chỗ Pháp sư để nghe giảng và thưa hỏi. Hoặc nơi núi rừng, trong vườn cây, chùa, nhà... tất cả chỗ thuyết Pháp đều đến nghe học. Nếu Phật tử không đến nơi ấy để nghe Pháp cùng thưa hỏi, thời phạm Khinh cấu tội.”

Luật chế định: Tỳ-kheo khi mới ngủ dậy, hoặc sau khi đại tiểu tiện xong, hoặc tay đã tiếp chạm những vật dơ uest như quét dọn phần uest trong nhà xí; hoặc trước lúc đắp mặc y Cà-sa, thọ Trai, lễ Phật, tụng Kinh, nhiều Tháp; hoặc trước khi cầm mở Kinh sách, tranh tượng Phật Bồ-tát, Y bát, Pháp khí... cần phải tẩy rửa tay sạch sẽ. Pháp tắc rửa tay là rửa từ cổ tay trở xuống các đầu ngón tay, không được rửa cánh tay cho tới nách. Móng tay thường phải cắt ngắn, không được để dài cho đến bằng chừng hạt lúa mạch. Trái thì phạm lỗi.

Kinh Hộ Tịnh nói: “Lấy tay dơ chạm thức ăn sạch của Sa-môn, lấy thức ăn dơ để vào trong thức ăn sạch của Sa-môn, dùng thức ăn chẳng sạch cho Tăng chúng ăn, sẽ đọa làm Ngạ quỷ trong năm trăm kiếp, thường ăn đồ bất tịnh.”

Kinh Nhân Quả nói: “Tay dơ thỉnh cầm Kinh bốn sẽ bị quả báo làm trùng trong nhà xí.”

Luật Nhiếp nói: “Lúc sắp ăn uống, cần phải dùng bìn hương hay tro đất (*xà phòng*) và nước rửa tay cho sạch sẽ, nhiên hậu mới được cầm Bát đựng các thức ăn uống và Tịnh bình.”

Nếu đi tiểu tiện xong, thời chỉ cần dùng nước rửa tay một lần liền được sạch. Nếu đi đại tiện, sau khi tẩy tịnh cơ thể và khứ ứ theo pháp tắc xong, thời phải dùng xà phòng và nước rửa sạch hai tay. Khi rửa tay niệm tụng kệ chú này để khử ứ.

☸11☸

淨面

TỊNH DIỆN

(RỬA MẶT SẠCH)

以水洗面 當願眾生 得淨法門 永無垢染
唵。嚩莎訶 (默持二十一徧)

Dĩ thủy tẩy diện

Đương nguyện chúng sanh

Đắc tịnh pháp môn *

Vĩnh vô cấu nhiễm.

Dùng nước rửa mặt

Nay nguyện chúng sanh

Được Pháp thanh tịnh

Mãi không cấu nhiễm.

ÚM LAM SA HA. (21 biến)

(*) **Đặc Tịnh pháp môn:** Có nghĩa là nguyện cho chúng sanh viên mãn Giới, Định, Huệ; ba nghiệp thân khẩu ý được Giới thanh tịnh, Định thanh tịnh, Huệ thanh tịnh; rốt ráo chứng đắc Thanh tịnh đạo, tức thành tựu con đường chứng quả Niết-bàn, vĩnh viễn không còn nhiễm trước bởi tất cả phiền não cấu uế.

Luật chế định: Tỳ-kheo lúc sáng mới ngủ dậy, hoặc vừa đi nhà xí xong, cũng nên dùng khăn và nước rửa mặt. Bất luận lúc nào rửa mặt đều thâm niệm tụng kệ chú này.

Kể về pháp Tịnh diện, trong Mật tạng có nói rất nhiều Chú pháp. Riêng đây nói thêm về pháp rửa mặt theo **“Phật Thuyết Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp Bảo Tạng Đà-la-ni Kinh”**. Trích đoạn Kinh văn viết:

<<Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Kim Cang Mật Tích Chủ Bồ-tát rằng: “Nay ông hãy lắng nghe, lắng nghe ! Ta sẽ vì ông mà nói. Tám chữ này có tên là ‘Đại Uy Đức Bí Mật Tâm Đà-la-ni’, giống như Phật trụ thế không có khác biệt, có thể vì tất cả chúng sanh ở trong cảnh tối tăm mà làm đèn sáng lớn.”

Bấy giờ, Đức Như Lai liền tuyên nói Đà-la-ni rằng:

“Năng mặc A bả rị nhị đá dữu, chỉ nương năng, vĩ ninh thất giả dã, ra nhạ nại ra dã, đát tha nghiệt đá dã. Năng mô mạn tô thất rị duệ, củ ma ra, bộ đá dã. Đát nễ dã tha :

ÚM ÁC VĨ RA HỒNG KHỦ TÁ LẠC.”

**(Namah Aparimitayur Jñana Viniścaya
Rājendrāya Tathāgatāya. Namo Mañjuśriye
Kumāra Bhūtāya. Tadyathā :**

OM ÀH VÌRA HÙM KHA CARAH.)

Khi đó, Thế Tôn bảo Kim Cang Mật Tích Chủ rằng: “Tám chữ tối thắng Đại Uy Đức Tâm Chân Ngôn này trụ ở nơi nào, đồng như Phật trụ thế không có khác chi; có thể thị hiện các món thần lực chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, lại có thể làm nên Đại thần thông biến hóa. Ta nay lược khen ít phần công năng của Đà-la-ni này; nếu ta nói đầy đủ, thời trong vô lượng câu-chi-na-dữu-đa trăm nghìn Đại kiếp, nói chẳng thể hết.”>>

Kinh văn lại nói:

<<Bấy giờ, Đức Phật bảo Kim Cang Mật Tích Chủ rằng: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân niệm tụng Đà-la-ni này một biến tức có thể tự hộ, hai biến có thể hộ đồng bạn, ba biến có thể ủng hộ rộng lớn. Uy lực này hàng Bồ-tát trụ ngôi Thập địa chẳng thể vượt qua, hướng chi các hàng tiểu loại chúng sanh. Nếu tụng bốn biến tức được ủng hộ toàn gia lớn nhỏ, năm biến tức có thể ủng hộ tất cả quyến thuộc; sáu biến tức có thể ủng hộ tất cả thành, ấp, thôn, phường v.v... Tụng bảy biến tức có thể ủng hộ tất cả chúng sanh.

Nếu lúc muốn mặc y phục nên gia trì bảy biến, có thể trừ tất cả sự độc dữ cùng các tai nạn. Nếu lúc rửa tay, rửa mặt nên gia trì nước rửa bảy biến, có thể khiến mọi người sanh lòng quý ngưỡng; hết thấy các ác Quỷ thần nhìn thấy đều sẽ giáng phục; tất cả phi nhân đều kính trọng, hàng phục ác tâm, sanh tâm vui mừng.”>>

ॐ 12 ॐ

取水

THỦ THỦY

(LẤY NƯỚC)

- 若見流水 當願眾生 得善意欲 洗除惑垢
南無歡喜莊嚴王佛
南無寶髻如來
南無無量勝王佛
唵。嚩悉波羅摩尼莎婆訶 (三徧)

Nhược kiến lưu thủy

Đương nguyện chúng sanh

Đắc thiện ý dục

Tẩy trừ hoặc cấu. *

Như nhìn thấy nước chảy

Nay nguyện cho chúng sanh

Ý muốn được thiện lành

Rửa sạch mọi Hoặc cấu.

Nam-mô Hoan Hỷ Trang Nghiêm Vương Phật.

Nam-mô Bửu Kế Như Lai.

Nam-mô Vô Lượng Thắng Vương Phật.

ÚM , PHẠ TẮT BA LA MA NI SA BÀ HA.

(3徧)

*(Nếu lúc đến nguồn nước, trước khi xem nước để lấy
dùng, nên niệm tụng kệ chú này.)*

- 若見大河 當願眾生 得預法流 入佛智海

Nhược kiến đại hà
Đương nguyện chúng sanh
Đắc Dự pháp lưu **
Nhập Phật trí hải.

Như nhìn thấy sông lớn
 Nay nguyện cho chúng sanh
 Chúng đắc pháp Dự lưu
 Nhập vào biển Phật trí.

(Nếu lúc qua sông, hoặc đến bên sông hồ để lấy nước dùng, nên niệm tụng kệ này.)

- 若見橋道 當願眾生 廣度一切 猶如橋梁

Nhược kiến kiều đạo
Đương nguyện chúng sanh
Quảng độ như thiết
Do như kiều lương.

Như nhìn thấy cầu đường
 Nay nguyện cho chúng sanh
 Rộng độ hóa tất cả
 Giống như cầu đưa qua.

(Nếu lúc vượt cầu qua sông, hoặc đến nơi cầu đường để lấy nước dùng, nên niệm tụng kệ này.)

(*) **Hoặc cầu:** Hoặc có nghĩa là tâm mê vọng chấp vào cảnh sở đối mà sanh ra điên đảo. **Cầu** có nghĩa là như bản, dụ cho các pháp chẳng thanh tịnh làm tâm thức bị lu mờ. **Hoặc cầu** tức là do những mê vọng khiến

tâm tánh bị nhiễm dơ, che chướng làm tăng trưởng cho phiền não vô minh. Cho nên, Hoặc và Cấu đều là cách gọi khác của phiền não, bao gồm tất cả: tham, sân, si... các Kết sử.

Kết sử (*Kiết sử*): **Kết** là những phiền não có sức trói buộc chúng sanh, kết thành khổ quả trong Ba cõi, Cửu kết bao gồm có 9 món là: Ái, Nhuế, Mạn, Vô minh, Kiến, Thủ, Nghi, Tật, Xan. **Sử** là những phiền não có sức sai sử đối với chúng sanh, khiến tạo ra những nghiệp bất thiện, Thập sử bao gồm có 10 món là: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi (*Ngũ độn sử*); Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến, Giới cấm thủ kiến (*Ngũ lợi sử*). Thập sử lại cấu thành nên: **Tứ hoặc** và **Kiến hoặc**.

(**) “**Đắc Dự pháp lưu**” tức là chỉ bậc đắc được Sơ quả, quả vị thứ nhất trong Tứ quả Thanh Văn; tiếng Phạn là Sotàpanna, dịch âm là Tu-đà-hoàn, dịch nghĩa là Dự lưu hay Nhập lưu. Bậc này mới bắt đầu nhập vào dòng Thánh giải thoát trong Phật pháp, không còn thối đọa, quyết chắc sẽ tiến đến Niết-bàn cho đến Phật quả.

Thời xưa, chư Tỳ-kheo khi cần nước để uống, tắm rửa, hoặc dùng vào những việc khác... đều lấy nước từ các nguồn như ao hồ, sông suối... Lại nữa, vì lòng từ bi bất sát, nên Đức Phật chế định Giới luật răn dạy chư Tỳ-kheo khi lấy nước từ ao hồ, sông suối... phải xem trùng và dùng dây vọt để lọc nước. Công dụng của dây vọt là lọc lấy các loài ấu trùng, hay các sinh vật sống trong nước để thả lại môi trường sống của chúng, đồng thời có được nước sạch đúng pháp để uống, dùng.

Ngày nay, nguồn nước để uống và sinh hoạt được cung cấp từ nhà máy nước, khi đến người tiêu dùng,

nước đã được thanh lọc. Do đó, việc dùng đũa vớt lọc nước theo như Giới luật quy định không còn hiệu dụng nữa. Tuy nhiên, khi trực tiếp lấy nước từ thiên nhiên, hoặc nước tích chứa, dự trữ lâu ngày có sinh ra ấu trùng (*lăng quăng...*), thì vẫn phải tuân thủ như Giới luật.

Luật Căn Bản nói: “Chỗ nước ao hồ, sông suối có nhiều trùng, cá... Nếu Bí-sô có tâm sát hại loài trùng, cá... tát lấy nước ấy đi, thì tùy có bao nhiêu sanh mạng trùng, cá... bị sát hại, sẽ phạm bấy nhiêu tội Ba-dật-đề; nếu chúng không chết, thì phạm tội Đột-kiết-la. Nếu ngăn dòng không cho nước chảy, làm chết trùng, cá... thì tùy có bao nhiêu sanh mạng trùng, cá... bị sát hại, sẽ phạm bấy nhiêu tội Ba-dật-đề; nếu chúng không chết, thì phạm tội Đột-kiết-la; nếu không cố tâm sát hại thì không phạm.”

Luật Tứ Phần nói: “Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) nếu biết nước có trùng, mà tự mình hay dạy bảo người dùng trộn bùn, trát hồ hoặc tưới cây cỏ, thì phạm tội Ba-dật-đề”. (Ba chúng dưới thì phạm tội Đột-kiết-la.)

Luật Tăng-kỳ nói: “Nếu biết nước có trùng mà phương tiện dùng nước đó tưới cây cỏ, thì trong một hơi thở phạm một tội Ba-dật-đề, tùy bao nhiêu hơi thở sẽ phạm bấy nhiêu tội Ba-dật-đề.”

_ Lại nói: “Nếu Tỳ-kheo làm tinh xá, phòng nhà cần phải dùng nước nơi ao, hồ, sông, giếng... Trước khi đổ vào đồ chứa phải dùng vớt lọc kỹ, xem không có trùng mới được dùng, nếu còn trùng phải dùng vớt dày lọc lại, nếu vẫn còn trùng phải lọc lần thứ ba. Nếu không hết trùng thì phải đào giếng khác, lại phải xem nước và làm như trên trước khi dùng. Nếu đào giếng thứ

hai, khi lọc trùng nhiều lần mà vẫn không hết, thì phải rời chỗ đất đó tìm đến nơi đất khác mà xây phòng xá.

Về pháp lọc nước: Dùng ba cây dựng và cột chéo nhau, đặt vớt lọc nước lên chỗ bắt chéo của ba cây, phía dưới đặt vật chứa hứng lấy nước. Múc nước (*có trùng*) đổ vào vớt lọc, nước sạch sẽ từ vớt chảy vào vật chứa bên dưới. Trùng trong nước sanh sản không lường, có thể trước không có, sau lại sanh; hoặc hiện nay có, sau lại không sanh. Thế nên Tỳ-kheo phải quán sát kỹ nước, nếu không có trùng thì được dùng.”

_ Lại nói: “Lúc xem nước, không được dùng Thiên nhãn mà xem, cũng không được nhờ bảo người bị mất mờ xem; những người mắt sáng tỏ có thể nhìn thấy lần chỉ nhỏ trong lòng bàn tay, mới được xem nước.

Trong lúc xem nước, không sanh tâm nhàm chán, phải chăm chú xem; không lướt xem quá nhanh, cũng không được xem quá lâu. Thời gian xem nước bằng khoảng thời gian một con voi lớn xoay trở thân mình, hoặc chiếc xe trâu quay đầu lại. Nếu nước không có trùng thì được dùng, nếu có trùng thì phải lọc qua mới được dùng.

Nước có ba phần: trên, giữa và dưới. Nếu phần trên và phần giữa có trùng, phần dưới không có trùng, thì nên lấy nước ở phần dưới mà dùng. Nếu phần trên và phần dưới có trùng, phần giữa không có trùng, thì nên lấy nước ở phần giữa mà dùng. Nếu phần trên không có trùng, phần giữa và phần dưới có trùng, thì nên lấy nước ở phần trên mà dùng. Nếu nước ở phần trên có trùng, nên dùng tay khuấy nước cho trùng lặn xuống đáy, rồi mới lấy dùng. Nếu cả ba phần đều có trùng, thì

phải dùng đũa lọc nước mới được dùng. Nếu trùng trong nước quá nhỏ (*không thể lọc*) cũng không được lấy nước dùng; hoặc rửa tay, mặt; hoặc đại, tiểu tiện trong đó.”

Tát-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa nói: “Một thuở nọ, Tôn giả Xá-Lợi-Phất dùng Thiên nhãn thanh tịnh, quán thấy trùng trong Hư không nhiều như số cát trong sông, như lúa chứa trong kho, vô lượng vô biên. Tôn giả thấy như vậy rồi liền bỏ ăn. Trải qua hai ngày, rồi ba ngày sau, Đức Phật dạy ngài phải ăn mà bảo rằng: Như ta chế Giới ‘nước có trùng’ là y cứ theo cái nhìn của nhục nhãn. Nước đã được lọc bằng vớt thì có thể dùng, không được dùng Thiên nhãn để xem nước.

Theo pháp dùng nước: Làm vớt lọc nước nên dùng loại vải lụa mềm, mịn chắc; chiều ngang, chiều dọc khoảng bằng một khủy tay. Tìm một vị Tỳ-kheo trì giới, đa văn, thâm tín nhân quả tội phước, oai nghi an tường, nhục nhãn thanh tịnh; nên bảo vị Tỳ-kheo ấy xem nước và theo đúng pháp mà lọc nước; lọc lấy lượng nước đủ dùng trong một ngày cho vào vật chứa. Qua ngày hôm sau, muốn dùng phải xem lại nước, nếu có sanh trùng phải mang lọc lại. Các đồ dùng lọc nước phải sạch sẽ, khi lọc nên ở dưới ánh sáng mặt trời để xem cho rõ. Nếu vẫn còn trùng thì may vớt hai lớp. Nếu vớt hai lớp lọc vẫn còn trùng thì may vớt ba lớp. Nếu vẫn còn có trùng thì không nên ở tại trụ xứ đó (*lấy nước*) nữa, cần phải di dời đến nơi khác.”

Luật Nhiếp nói: “Có năm loại mắt không được xem nước:

Một là mắt bị ghẻ,

Hai là mắt bị lòa,

Ba là mắt bị loạn,
 Bốn là mắt già bệnh,
 Năm là Thiên nhãn.

Thiên nhãn khác với nhục nhãn, vì không giống nhau nên không được dùng xem nước. Nên xem trong thời gian bao lâu ? _ Lâu bằng thời gian sáu con trâu kéo xe quay đầu lại. Hoặc dùng tâm thanh tịnh mà xem và biết không có trùng, thì dù nước không qua lọc mà uống cũng không phạm. Nếu không xem, không lọc thì không nên dùng.”

_ Lại nói: “Đồ lọc lấy nước có năm loại:

Một là Phương la,
 Hai là Pháp bình,
 Ba là Quân trì,
 Bốn là Chước thủy la,
 Năm là Y giác la.

_ Lại nói: “Có năm loại tịnh thủy (*nước sạch*):

Một là Tăng-già tịnh,
 Hai là người khác tịnh,
 Ba là vọt lọc nước tịnh,
 Bốn là nước suối vọt lên tịnh,
 Năm là nước giếng tịnh.

Hoặc biết vị Tỳ-kheo đó nghiêm trì giới cấm, có tâm ái hộ sanh mạng, nếu nhận nước từ tay vị đó trao; dù không xem nước, uống hay dùng đều không phạm. Nếu nước đã xem một lần, khởi sự từ lúc sớm khi mặt Trời vừa mọc cho đến cuối đêm khi minh tướng chưa hiện, được tùy ý thọ dùng.” (*trong vòng 24 giờ*)

1. *Tăng-già tịnh*: là đại chúng sai một Tỳ-kheo quán sát nước đã lọc, vị đó đúng như pháp quán sát, nếu những Tỳ-kheo khác đến dùng, nhờ chúng Tăng thanh tịnh, nên uống, dùng nước này không phạm.

2. *Người khác tịnh*: là biết rõ vị Tỳ-kheo đó giới hạnh và oai nghi đều thanh tịnh, ở chỗ vị đó có nước, dùng nước ấy không phạm.

3. *Vợt lọc nước tịnh*: là mỗi khi dùng vợt này lọc nước, chưa có trùng lọt qua, dùng nước này dù không quán sát cũng không phạm.

4. *Nước suối vợt lên tịnh*: là nước vừa chảy ra từ nguồn suối (mạch nước) thì không trùng, nên sạch.

5. *Nước giếng tịnh*: là nước lấy từ giếng đã được quán sát là nước trong sạch không có trùng, đến khi trời sáng, đều có thể tùy ý thọ dùng.

Tỳ-nại-da Tạp Sự nói: “Vì nhân duyên thương xót chúng sanh nên cần phải tích chứa, dự bị tịnh thủy. Đức Phật cho phép kiến tạo nhà chứa nước, đặt ở hướng Đông của chùa, nhà phải làm cửa sổ và cửa đi. Đồ vật chứa nước phải thường rửa sạch sẽ, dùng nắp đậy kỹ, không dùng tay dơ xúc chạm vào nước trong vật chứa.”

☞ **13** ☞

飲水

ẨM THỦY

(UỐNG NƯỚC)

佛觀一鉢水

八萬四千蟲

若不持此呪

如食眾生肉

唵。罽悉波囉摩尼莎訶 (三遍)

Phật quán nhứt bát thủy

Bát vạn tứ thiên trùng

Nhược bát trì thử chú

Như thực chúng sanh nhục. *

Phật thấy một bát nước

Tám mươi bốn ngàn trùng

Nếu chẳng trì Chú này

Như ăn thịt chúng sanh.

ÚM , PHẠ TẮT BA RA MA NI SA HA. (3 biến)

(*) Luật chế định: Khi lấy nước uống, dùng phải quán sát trong nước có trùng hay không; nếu không có trùng thì được uống, dùng. Nhưng Đức Phật quán thấy trong một bát nước có vô số loài vi trùng sinh sống, nhục nhãn không thể nhìn thấy, cũng không thể dùng dây vọt để lọc. Vì vậy, là người xuất gia, trước khi uống nước, dù là nước sạch đúng như pháp không có trùng, cũng nên niệm tụng kệ chú này, nếu không chú nguyện thì phạm lỗi, tương đồng như tội ăn thịt chúng sanh.

Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới nói: “Nếu Phật tử cố ăn thịt, tất cả thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt thời mất lòng đại từ bi,

dứt giống Phật tánh; tất cả chúng sanh thấy đều tránh xa người này. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi. Vì thế nên tất cả Phật tử không được ăn tất cả thứ thịt của mọi loài chúng sanh. Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.”

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “A-nan ! Lại chúng sanh trong lục đạo các thế giới, nếu có tâm bất sát thì không theo dòng sanh tử nối tiếp. Ông tu pháp Tam-muội cầu ra khỏi trần lao, nếu không trừ tâm sát sanh thì chẳng thể ra khỏi. Dù có nhiều Trí thiền định hiện tiền, nếu không đoạn dứt tâm sát thì lạc vào Thần đạo; người bậc trên thì thành Đại lực quỷ, bậc giữa thì thành Phi hành dạ-xoa cùng các loài quỷ soái, bậc dưới thì thành Địa hành la-sát; các quỷ thần kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành Vô thượng đạo. Sau khi ta diệt độ, trong thời Mạt pháp, có nhiều quỷ thần này sôi nổi trong thế gian, tự nói rằng ăn thịt chúng được đạo Bồ-đề.

A-nan ! Ta khiến hàng Tỳ-kheo ăn ngũ tịnh nhục, thịt kia đều do thần lực ta hóa sanh, vốn không có mạng căn. Ở xứ Bà-la-môn các ông, đất đai đa phần đều nóng bức lại thêm cát đá, rau cỏ không thể sanh. Ta dùng thần lực đại bi gia hộ. Nhân vì đại từ bi giả danh gọi rằng thịt, các ông nhận được vị như thịt. Có gì sau khi Như Lai diệt độ, kẻ ăn thịt chúng sanh lại xưng là Thích tử ! Các ông nên biết, những kẻ ăn thịt này dù được khai tâm, tự xưng Tam-ma-địa đều là Đại La-sát. Khi xả báo mạng chung, tất phải chìm đắm trong biển khổ sanh tử, chẳng phải đệ tử Phật. Những người như thế giết nhau, ăn nuốt lẫn nhau không từng thôi nghĩ.

Hỏi làm sao họ được ra khỏi Tam giới ? Ông giáo huấn người trong thế gian tu Tam-ma-địa, điều kế nữa phải đoạn việc sát sanh. Đây là lời Như Lai dạy bảo rõ ràng, điều quyết định thanh tịnh thứ hai của các Đức Phật Thế Tôn thuở trước.”

Kinh Lăng Già nói: <<Đức Phật bảo Đại Huệ: “Có vô lượng nhân duyên chẳng nên ăn thịt. Nay ta sẽ vì người mà giải thích sơ lược.

Tất cả chúng sanh từ xưa đến nay, lần lượt theo nhân duyên làm lục thân quyến thuộc với nhau. Suy nghĩ thịt này là người thân kiếp trước của mình, do đó không nên ăn thịt.

Thịt lừa, la, lạc đà, chồn, chó, trâu, ngựa, người, các thú v.v... Vì nhiều hàng thịt bày bán lẫn lộn, do đó không nên ăn thịt.

Như thợ săn, đồ tể, cầm thú ngửi mùi họ liền sanh kinh sợ, chó thấy oán ghét sữa vang, do đó không nên ăn thịt.

Vì khiến người tu hành chẳng sanh khởi từ tâm, do đó không nên ăn thịt.

Phàm phu ham thích hôi thối bất tịnh, có tiếng tăm xấu xa, do đó không nên ăn thịt.

Vì khiến người trì Chú chẳng thành tựu, do đó không nên ăn thịt.

Vì người sát sanh thấy hình súc sanh khởi thức phân biệt, ham đắm mùi vị, do đó không nên ăn thịt.

Kẻ ăn thịt bị chư Thiên chê bỏ, do đó không nên ăn thịt.

Vì khiến miệng hôi hám, do đó không nên ăn thịt.

Vì khiến người có nhiều ác mộng, do đó không nên ăn thịt.

Vì đến chỗ rừng hoang vắng lạng, cọp sói ngửi được mùi hương gây sự nguy hiểm, do đó không nên ăn thịt.

Vì làm cho ăn uống thất thường, do đó không nên ăn thịt.

Vì khiến người tu hành chẳng sanh chán lìa, do đó không nên ăn thịt.

Ta thường nghĩ rằng: Khi muốn ăn uống nên nghĩ đây là thịt của con mình, hoặc nghĩ là thuốc độc, do đó không nên ăn thịt. Cho Phật tử ăn thịt là không có chỗ đúng.

Lại nữa Đại Huệ ! Xưa kia có vua tên Sư-tử Đô-đà-ta ăn đủ loại thịt, dần dần cho đến ăn thịt người. Dân chúng chịu không nổi, tụ tập mưu phản, vua liền bị lật đổ. Người ăn thịt có lỗi như thế, do đó không nên ăn thịt.

Lại nữa Đại Huệ ! Những người đồ tể vì ham tài lợi mà sát sanh, buôn bán cá thịt. Vì kẻ ngu si ăn thịt nên chúng sanh dùng tiền làm lưới mà bắt lấy các thứ thịt. Người sát sanh, kẻ ăn thịt hoặc dùng tài vật, hoặc dùng câu lưới, bắt lấy những chúng sanh bay trên trời, lội dưới nước và đi trên bờ, đủ thứ giết hại, mua bán cầu lợi, gieo nhân chịu quả, sẽ thọ ác báo.

Đại Huệ ! Ta dạy Phật tử nên dùng Pháp thực, không dạy ăn thịt, cho đến không mong cầu, không nghĩ tưởng đến những cá thịt, do nghĩa này không nên ăn thịt.

Đại Huệ ! Ta có khi phương tiện nói giá pháp, cho ăn ngũ tịnh nhục hoặc là mười thứ; nay ở Kinh này xóa bỏ tất cả phương tiện, bất cứ lúc nào, chủng loại nào, phạm thuộc loại thịt chúng sanh, thấy đều đoạn dứt.

Đại Huệ ! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác còn chẳng ăn phi thời và tạp thực, huống là ăn cá thịt ư ? Tự không ăn cũng chẳng bảo người ăn. Dùng tâm đại bi dẫn dắt, xem tất cả chúng sanh như con một của mình, do đó chẳng ăn thịt con.”>>

Kinh Đại Tập nói: “Súc sanh có những loài thân rất nhỏ, chỉ bằng một phần mười hạt bụi; có những loài thân lớn đến trăm nghìn muôn do-diên.”

Luật Tứ Phần nói: “Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) nếu biết nước có trùng mà vẫn uống, thì phạm tội Ba-dật-đề”. (Ba chúng dưới thì phạm tội Đột-kiết-la.)

Luật Tăng-kỳ nói: “Nếu Đàn việt (*Dànapati, Thí chủ*) thỉnh Tỳ-kheo đến nhà thọ thực, lúc mang nước ra, bấy giờ Tỳ-kheo phải hỏi Đàn việt đó rằng: Nước đã được cư sĩ lọc hay chưa ? _ Nếu đáp: chưa lọc. Và Đàn việt là người đáng tin, nên bảo họ lọc nước; nếu Đàn việt là người không đáng tin, không nên bảo họ lọc nước; vì tránh họ làm tổn hại trùng, Tỳ-kheo nên tự thân lọc nước. Phần nước có trùng cần phải giữ lại, nên hỏi Đàn việt lấy nước nơi nào, tùy chỗ họ trả lời mà đem nước có trùng đến nơi đó đổ vào. Nếu trông thấy gần đó có ao, trong vòng 7 ngày nước ao không khô cạn thì đem nước có trùng đổ vào. Nếu gần đó không có ao, thì dùng đồ của mình chứa nước có trùng mang về tịnh xá, thả xuống ao nuôi. Nếu lúc gặp mưa lớn, có dòng

nước chảy mạnh, thì mang nước có trùng đổ vào dòng chảy đó, lại nói: Các người hãy vào sông hồ.”

_ Lại nói: “Nếu Tỳ-kheo đi đường, lúc khát cần uống nước, khi đến giếng lấy nước phải nên xem kỹ; nếu không có trùng thì được dùng; nếu có trùng thì phải như pháp mà dùng vớt lọc nước cho trong sạch mới được dùng. Nếu biết nước có trùng thì không nên đem các đồ dùng lọc nước cho người.”

Luật tạng nói: “Lúc bấy giờ, Đức Phật ngự nơi rừng cây thái tử Kỳ-Đà trong vườn trưởng giả Cấp-Cô-Độc (*Thệ-Đa lâm*), tại nước Xá-Vệ (*Thất-La-Phiệt thành*).

Khi ấy tại phương Nam, có hai vị Tỳ-kheo muốn đến thành Xá-Vệ thăm lễ Đức Thế Tôn. Cả hai vị cùng đồng hành nhưng không ai có vớt lọc nước. Trên đường đi, cả hai đều bị khát, thấy phía trước có một ao nước, một vị liền bảo: “Cụ thợ ! Chúng ta nên mau đến xem nước, uống để trừ khát”. Cả hai đồng đến xem nước và thấy có trùng trong nước, tìm xem đến ba chỗ đều có trùng. Hai vị cùng bàn: “Nước đã có trùng, uống thì hại mạng chúng sanh. Nay bị sự khát bức ngặt, chúng ta này phải làm sao ?”

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo nhỏ liền nói kệ:

“Trăm nghìn câu-chi kiếp
Khó gặp được Thế Tôn,
Nay ta nên uống nước
Mong lễ chân Thế Tôn.”

Khi đó, vị Tỳ-kheo lớn cũng nói kệ đáp rằng:

“Như Lai đại bi thương chúng sanh
Ái nhiễm Ba cõi đều trừ dứt,

Trong giáo pháp này, thọ cấm giới
Ta thà bỏ mạng, chẳng thương sinh.”

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo nhỏ không thể nhịn được khát bèn uống nước có trùng và khuyển bảo vị kia rằng: “Này trưởng lão! Ngài cứ uống nước, chớ để chết khát mà không được gặp Đức Thế Tôn”. Vị Tỳ-kheo kia đáp rằng: “Ta thà bỏ mạng chớ không hủy phạm Giới cấm của Phật”. Thế là vị Tỳ-kheo nhỏ uống nước xong rồi, đành phải lên đường một mình.

Lúc bấy giờ, vị Tỳ-kheo lớn vì hộ mạng trùng quyết không uống nước, liền đến ngồi kiết già dưới một bóng cây. Ngài giữ thân ngay ngắn, buộc tâm nhớ nghĩ việc lành, sức lực mỗi lúc một suy kiệt, cho đến khi hoàn toàn kiệt quệ thì mạng chung. Do phước lực này, ngài được sanh lên cảnh giới thắng diệu nơi cõi trời Tam Thập Tam.

Những người được sanh lên cõi này, hoặc là Thiên nam hay Thiên nữ, đều khởi lên ba ý niệm:

- Ta từ nơi nào mạng chung ?
- Nay ta sanh về nơi nào ?
- Nhân duyên do tạo nghiệp gì ?

Thiên tử khi tư duy như thế, liền tự nhớ thân trước của mình là Tỳ-kheo mạng chung ở cõi người, hiện tại đã sanh lên cõi trời Tam Thập Tam, nhân do tôn trọng Giới pháp của Đức Phật. Bấy giờ, vị Thiên tử ấy lại nghĩ: “Nếu hôm nay ta không đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, tức không có tâm cung kính, như thế là điều chẳng phải pháp”. Thiên tử nghĩ như thế rồi, bèn trang nghiêm thân, đeo chuỗi anh lạc cõi Trời, ánh quang minh thù

thắng thật rực rỡ, lấy vạt áo đưng đầy Thiên hoa. Mới đầu hôm, Thiên tử đã qua đến chỗ Phật, khi rải Thiên hoa cúng dường Đức Phật xong, ngài đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi ngồi qua một bên, lắng nghe diệu Pháp. Quang minh của Thiên nhân sáng rực chiếu khắp cả rừng Thệ-Đa. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tùy nơi căn tánh, ý muốn của Thiên tử bèn nói Pháp yếu, khiến cho Thiên tử tỏ ngộ lý Tứ Thánh Đế. Khi ấy Thiên tử dùng chày Kim cang trí đánh nát hai mươi loại núi Tát-ca-da kiến (*Satkaya-darsana, Hữu thân kiến*), chứng đắc quả Dự Lưu (*Sotàpanna, Nhập lưu*).

Khi Thiên tử ngộ lý Tứ Đế rồi liền ba phen bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn ! Nương nơi Thế Tôn khiến con chứng quả giải thoát. Việc này chẳng phải Cha mẹ, Nhân vương, Thiên chúng, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc thân hữu, quyến thuộc có thể làm được. Nhân gặp Đức Thế Tôn là bậc thiện tri thức, cứu vớt con ra khỏi chốn Tam đồ (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*), mang lên cõi người, Trời thắng diệu. Ở trong sanh tử mà chứng Niết-bàn, siêu vượt qua núi xương, làm khô cạn biển máu. Những Tát-ca-da kiến tích tập từ vô thủy, nay con dùng chày Kim cang trí tôi phá chúng tan nát mà chứng quả Dự Lưu. Nay con chí thành quy y Tam Bảo (*Phật, Pháp, Tăng*) và xin thọ lãnh Năm học xứ (*Ngũ giới*). Nguyện từ ngày nay cho đến trọn đời, con không sát sanh, cho đến không uống rượu. Duy nguyện Đức Thế Tôn chứng biết cho con là Ưu-bà-tắc.”

Thiên tử sau khi phát nguyện cầu thọ Tam quy, Ngũ giới rồi; liền ở trước Phật, chấp tay cung kính nói kệ rằng:

“Con nương nhờ sức Phật
 Đóng hẳn ba đường ác
 Sanh cõi Trời thắng diệu
 Lại về cảnh Niết-bàn.

Con nương nhờ Thế Tôn
 Nay được mắt thanh tịnh
 Ngộ nhập lý Chân đế
 Vượt ra khỏi biển khổ.

Nhân thiên, Phật vô thượng
 Khỏi hẳn sanh, già, chết
 Trong Ba cõi khó gặp
 Nay con được chứng quả.

Nguyện dùng thân trang nghiêm
 Tịnh tâm lễ chân Phật
 Hữu nhiều trừ oán kết
 Xin trở về Thiên cung.”

Vị Thiên tử đã xứng ý theo sở nguyện rồi, cũng như thương chủ được nhiều của báu, như nông phu hoạch được nhiều lúa thóc trên đất ruộng, như người dưng kiện hàng phục được oán địch, như người mang trọng bệnh đã trừ khỏi bệnh khổ. Thiên tử bấy giờ lễ tạ Đức Phật, rồi trở về Thiên cung.

Lúc bấy giờ, vị Tỳ-kheo nhỏ kia đi dần cũng đến thành Thất-la-phiệt, vào rừng Thệ-Đa. Đến được chỗ Phật, vị Tỳ-kheo đặt y bát xuống và rửa chân xong, đầu mặt lễ dưới chân Đức Phật rồi đứng sang một bên. Đức Phật đã biết rõ mọi việc, nhưng theo lệ thường ngài hỏi vị Tỳ-kheo mới đến rằng: “Thầy từ nơi nào đến ?” _ Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn ! Con từ phương Nam đến.”

Đức Phật lại hỏi: “Hạ này thầy an cư ở đâu ?” _ Tỳ-kheo đáp: “Dạ, cũng tại phương Nam.”

Đức Phật hỏi: “Đi đường xa, thầy có bạn đồng hành không ?” _ Tỳ-kheo đáp: “Bạch Đức Thế Tôn ! Con có bạn cùng đi.”

Đức Phật hỏi: “Thầy Tỳ-kheo kia giờ đâu rồi ?” _ Tỳ-kheo thuật lại rằng: “Chúng con hai người làm bạn. Trong lúc đi đường, bị khát bức ngặt không có nước uống. Trước mặt chúng con có một ao nước, trong nước có trùng, con liền uống. Nhờ con uống nước nên có khí lực mà đến được, ra mắt Thế Tôn. Người bạn kia vì giữ giới, không uống nước có trùng, nên phải ở lại không đến được đây.”

Phật dạy: “Thầy thật là người si mê ! Thầy chưa thấy Như Lai, mà nghĩ rằng đã thấy được Như Lai. Tỳ-kheo mạng chung vì khát kia, đã đến trước thầy và đã thấy Như Lai”.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ tụng rằng:

“Nếu khinh mạn Giới luật
Nhọc gì cần thấy ta !
Giả sử thấy được ta
Như không thấy, không kính.

Tỳ-kheo kia thấy ta
Do trì Giới thanh tịnh,
Ông người ngu vô trí
Chẳng thật thấy được ta.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn trật Thượng y, hiển bày ngực huỳnh kim sáng đẹp, lại nói kệ rằng:

“Ông xem thấy thân ta
 Do cha mẹ sanh ra
 Giống như màu chân kim
 Vì thiện nghiệp đời trước.
 Nếu chẳng kính Pháp thân
 Thời chẳng thấy được Phật
 Nếu người rõ Pháp thân
 Thấy được Đại Mâu-Ni.
 Thứ nhất Pháp thân ta
 Thứ hai là sắc thể
 Người trí thấy biết rõ
 Nên khéo hộ Thi-la
 Thời Phật Ca-Diếp-Ba
 Tỳ-kheo phạm học xứ
 Do tổn lá Y-la
 Hiện đọa trong loài Rồng.”

Đức Phật nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo rằng: “Từ nay về sau, nếu các thầy không sấm dầy lọc nước thì không được đi dường. Nếu người nào không có dầy lọc nước thì phạm tội Đột-kiết-la. Trừ lúc có dòng nước sạch hoặc là nước sông lớn, hoặc nước suối vọt lên, hoặc đi từ nơi này đến nơi khác không quá 20 dặm đường, không mang dầy lọc nước thì không phạm.”

☞ 14 ☞

著衣

TRƯỚC Y

(MẶC NỘI Y)

- 若著上衣 當願眾生 獲勝善根 至法彼岸

Nhược trước thượng y *

Đương nguyện chúng sanh

Hoạch thắng thiện căn

Chí pháp bỉ ngạn.

Như mặc áo trên

Nay nguyện chúng sanh

Được thắng thiện căn

Pháp đến bờ kia.

- 著下裙時 當願眾生 服諸善根 具足慚愧

Trước hạ quần thời **

Đương nguyện chúng sanh

Phục chư thiện căn

Cụ túc tà quý.

Lúc mặc quần dưới

Nay nguyện chúng sanh

Làm mọi thiện căn

Đủ lòng hổ thẹn.

- 整衣束帶 當願眾生 撿束善根 不令散失

Chỉnh y thúc đới ***

Đương nguyện chúng sanh

Kiểm thúc thiện căn

Bất linh tán thất.

Chỉnh áo buộc đai

Nay nguyện chúng sanh

Kiểm buộc thiện căn
Chẳng để tan mất.

Y: Trừ 3 loại Cà-sa Phước điền y của hàng Tỳ-kheo là Hạ y (*An-đà-hội, Ngũ điều y*), Thượng y (*Uất-đa-la-tăng, Thất điều y*), Đại y (*Tăng-già-lê, Tạp toái y*); và Mạn y (*Bát-tra, Lễ sám y*) của hàng Sa-di, Sa-di-ni và tại gia Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Y ở đây ý nghĩa muốn nói đến nội y, bao gồm các loại áo quần của tu sĩ như:

- Áo ngắn (*áo ngắn mặc lót bên trong*)
- Áo dài (*là áo Hải thanh, Y hậu*)
- Thiên y (*là áo đơn, áo ngắn mặc lúc tọa thiền*)
- Quần, váy, khố của tu sĩ Phật giáo nói chung.

(* **Thượng y:** Là áo lót mặc ở thân trên.

Theo Ấn-độ xưa chỉ y Tăng-kỳ-chi-ca (Samkaksika, Tăng-cước-kỳ-ca), tức là y che vai. Đây là mảnh y dài hình chữ nhật, dùng mặc lót mồ hôi bên trong, trước khi đắp mặc y Cà-ca. Cách mặc thượng y Tăng-kỳ-chi-ca cũng tương tự như y Cà-sa, tức là quấn từ dưới nách tay phải vắt vòng qua vai trái. Nhưng theo pháp tắc thời Đức Phật tại thế, chư Tăng không dùng loại thượng y này, chỉ đắp mặc từ một cho đến ba y Cà-sa (*Hạ y An-đà-hội, Thượng y Uất-đa-la-tăng, Đại y Tăng-già-lê*).

Theo pháp phục của Phật giáo Đại thừa Trung Hoa và Việt Nam, thượng y ở đây chỉ cho các loại áo như: Áo ngắn, áo dài (*Hải thanh, Y hậu*), Thiên y. (Ba y Cà-sa được chế tác trở thành Lễ phục, tượng trưng cho Giới pháp và được khoác bên ngoài áo Hải thanh, Y hậu.)

(**) **Hạ quần:** Là quần, váy, khố mặc che thân dưới.

Theo Ấn-độ xưa chỉ y Nê-hoàn-tăng (Nivāsana, Nê-phạ-sa-na) của Tỳ-kheo, và y Khuyết-tu-la (Kusūlaka) của Tỳ-kheo-ni, tức là khố quấn ngang eo che thân dưới.

Theo Trung Hoa thì không mặc khố mà mặc quần, bao gồm các loại quần dài ngắn nói chung.

(***) **Đới:** Là dây đai buộc lưng.

Theo Ấn-độ xưa tức là dây đai dùng quấn ngang thắt lưng để buộc khố, Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) dùng để buộc y Nê-hoàn-tăng (y Khuyết-tu-la).

Theo Trung Hoa thì chỉ cho dây buộc lưng quần, hoặc dây buộc ống quần.

Luật Tứ Phần nói: “Mặc nội y phải tề chỉnh. Cần nên học.”

Luật Tăng-kỳ nói: <<Lúc Phật tại thành Vương Xá. Bấy giờ có vị Tỳ-kheo khát thực, hai tay ôm bát, gió cuốn thổi nội y (*Nê-hoàn-tăng*) bay đi, bèn đắp thêm thượng y (*Uất-đa-la-tăng*) vào tinh xá Kỳ-hoàn.

Phật biết vẫn hỏi: “Này Tỳ-kheo, An-đà-hội của ông đi đâu rồi ?” _ Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, nội y đã bị gió cuốn thổi bay đi.”

Phật dạy: “Từ nay về sau nên buộc dây lưng.”>>

_ Lại nói: “Mặc Nê-hoàn-tăng phải tề chỉnh, không được làm theo cách của dân nhân bán sắc, nhìn ngắm đẹp cùng chẳng đẹp. Khi mặc nên xem tề chỉnh như pháp, không mắc lỗi quá cao hay quá thấp. Nếu mặc nội y cầu thả, buông lung các căn, mắc tội Việt pháp.”

Bất luận vào giờ nào, lúc mặc nội y áo, quần đều niệm tụng các bài pháp kệ này tương ứng với việc ấy.

ॐ 15 ॐ

五衣

NGŨ Y

(Y 5 ĐIỀU , Y AN-ĐÀ-HỘI)

善哉解脫服

無上福田衣

我今頂戴受

世世不捨離

唵。悉陀耶莎訶 (三遍)

Thiện tai giải thoát phục !

Vô thượng phước điền y

Ngã kim đảnh đới thọ

Thế thế bất xả ly.

Lành thay áo giải thoát !

Vô thượng Phước điền y

Nay tôi đầu đội nhận

Đời đời chẳng lìa bỏ.

ÚM , TẮT ĐÀ DA SA HA. (3 biến)

Y 5 điều tiếng Phạn là Antarvāsa.

- Theo Phạn âm gọi là y An-đà-hội
- Theo chỗ dùng gọi là Tác vụ y
- Theo tướng gọi là Ngũ điều y

Đây là y Cà-sa chia 5 điều, mỗi điều chia thành ô gồm 1 dài, 1 ngắn.

Y An-đà-hội như da liền với thân; bất luận là trong Tinh xá, phòng ốc, nhà xí, ngoài đường... khi tác vụ làm các công việc nặng nhọc, phục dịch trong chùa hay lúc ngủ nghỉ... đều mặc y này.

Kinh Giới Đàn Đồ nói rằng: Ngũ điều y biểu thị cho sự chặt đứt Tham, tịnh Thân nghiệp.

☞ 16 ☞

七衣

THẤT Y

(Y 7 ĐIỀU , Y UẤT-ĐA-LA-TĂNG)

善哉解脫服

無上福田衣

我今頂戴受

世世常得披

唵。度波度波莎訶 (三徧)

Thiện tai giải thoát phục !

Vô thượng phước điền y

Ngã kim đảnh đới thọ

Thế thế thường đắc phi.

Lành thay áo giải thoát !

Vô thượng Phước điền y

Nay tôi đầu đội nhận

Đời đời thường được mặc.

ÚM , ĐỘ BA ĐỘ BA SA HA. (3 biến)

Y 7 điều tiếng Phạn là Uttaràsanga.

- Theo Phạn âm gọi là y Uất-đa-la-tăng.
- Theo chỗ dùng gọi là Nhập chúng y.
- Theo tướng gọi là Thất điều y.

Đây là y Cà-sa chia 7 điều, mỗi điều chia thành ô gồm 2 dài, 1 ngắn.

Phàm khi dự Trai hội, nghe giảng Pháp, tụng Kinh, ngồi thiền, lễ Phật, lễ Tháp, lễ các bậc tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, lúc Tăng đoàn tập hội yết-ma... đều mặc y Uất-đa-la-tăng này.

Kinh Giới Đàn Đô nói rằng: Thất điều y biểu thị cho sự chặt đứt Sân, tịnh Khẩu nghiệp.

☞17☞

大衣

ĐẠI Y

(Y LỚN , Y TĂNG-GIÀ-LÊ)

善哉解脫服

無上福田衣

奉持如來命

廣度諸眾生

唵。摩訶婆波吒悉帝莎訶 (三遍)

**Thiện tai giải thoát phục !
 Vô thượng phước điền y
 Phụng trì Như Lai mệnh
 Quảng độ chư chúng sanh.**

Lành thay áo giải thoát !
 Vô thượng Phước điền y
 Vâng giữ Như Lai mệnh
 Rộng độ khắp chúng sanh.

ÚM , MA HA BÀ BA TRA, TẮT ĐẾ SA HA.

(3 biến)

Đại y tiếng Phạn là Samghàṭi.

- Theo Phạn âm gọi là y Tăng-già-lê.
- Theo chỗ dùng gọi là Nhập vương cung tụ lạc y.
- Theo tướng gọi chung là Đại y.

Đây là y Cà-sa chia điều theo số lẻ từ 9 điều, 11 điều... cho tới 25 điều. Cho nên Đại y gồm có tất cả 9 loại, tương ứng với 9 phẩm như sau:

- + Hạ hạ phẩm là Y 9 điều (Cửu điều y)
- + Hạ trung phẩm là Y 11 điều
- + Hạ thượng phẩm là Y 13 điều

(Ba y hạ phẩm đều chia thành ô gồm: 2 dài, 1 ngắn trong mỗi điều.)

- + Trung hạ phẩm là Y 15 điều
- + Trung trung phẩm là Y 17 điều
- + Trung thượng phẩm là Y 19 điều

(Ba y trung phẩm đều chia thành ô gồm: 3 dài, 1 ngắn trong mỗi điều.)

- + Thượng hạ phẩm là Y 21 điều
- + Thượng trung phẩm là Y 23 điều
- + Thượng thượng phẩm là Y 25 điều

(Ba y thượng phẩm đều chia thành ô gồm: 4 dài, 1 ngắn trong mỗi điều.)

Mỗi y chia ra thành ô dài nhiều, ô ngắn ít biểu thị cho Thánh tăng thêm, Phàm giảm bớt.

Phàm lúc vào cung Vua, lên tòa thuyết Pháp, vào thành ấp, xóm làng khát thực, hóa duyên, hay lúc chế phục ngoại đạo, thời nên mặc y Tăng-già-lê này.

Kinh Giới Đàn Đô nói rằng: Đại y Tăng-già-lê biểu thị cho sự chặt đứt Si, được Ý lạc thanh tịnh.

18

出錫杖

XUẤT TÍCH TRƯỢNG

(LẤY TÍCH TRƯỢNG)

執持錫杖 當願眾生 設大施會 示如實道

唵。那唎嚩。那唎嚩。那唎吒鉢底。那唎
帝。娜夜鉢儻吽發吒 (三徧)

Cháp trì Tích trượng *

Đương nguyện chúng sanh

Thiết đại thí hội **

Thị như thật đạo. ***

Nắm giữ lấy Tích tượng
 Nay nguyện cho chúng sanh
 Thiết lập hội Đại thí
 Bày Chân như Thật tướng.

**ÚM , NA LẬT THẾ, NA LẬT THẾ, NA LẬT
 TRA BÁT ĐẾ, NA LẬT ĐẾ, NA DA BÁT NINH
 HỒNG PHẤN TRA. (3 biến)**

(* **Tích tượng:** Tiếng Phạn là Khakkhara, dịch âm là Khích-khí-la, Trung Hoa dịch nghĩa là Tích tượng, Thanh tượng, Minh tượng. Gậy tích tượng còn có đức danh là Trí tượng hay Đức tượng.

Ba y Cà-sa, một Bát và một Tích tượng là những vật mà chư Phật ba đời đều dùng. Tích tượng còn là một trong 18 món đồ vật của mỗi Tỳ-kheo.

Kinh Tích Tượng nói quy cách làm gậy như sau: Tích tượng của Đức Phật Ca Diếp có 2 gọng và 12 vòng, tượng trưng cho Nhị đế (Thế đế và Đề nghĩa đế) và pháp Thập nhị nhân duyên. Tích tượng của Đức Phật Thích-Ca có 4 gọng và 12 vòng, tượng trưng cho Tứ diệu đế và pháp Thập nhị nhân duyên.

(**) **Đại thí hội:** Còn gọi là Vô giá đại hội, tiếng Phạn là Pancavarika-parisad. Đây là pháp hội bố thí lớn, hội họp tất cả mọi người không phân biệt Thánh phàm, trên dưới, đạo hay tục, quý hay tiện. Tất cả đều bình đẳng mà làm việc tài thí hoặc Pháp thí.

(***) **Thị như thật đạo:** Nghĩa là hiển bày đạo Chân như thật tướng, đem nghĩa lý này diễn bày bố thí

khấp, khiến cho tất cả được giác ngộ giải thoát. Chân như và Thực tướng là đồng một thể tánh, nhưng tên gọi khác nhau: Đối với Nhất như của Không đế thì gọi là Chân như. Đối với nghĩa Diệu hữu của Giả đế thì gọi là Thực tướng.

Luật Tứ Phần nói: “Không được dùng đầu gậy xỏ vào túi đựng Bát, quấy trên vai mà đi. Cần phải học.” (Năm chúng làm đều phạm Đột-kiết-la.)

Tỳ-nại-da Tạp Sự, Quyển 34 có chép việc Đức Phật chế định về cách dùng Tích trượng như sau:

“Tỳ-kheo đi khát thực vào nhà ai, bèn lên tiếng gọi báo cho biết và lấy nắm tay gõ vào cửa. Người nhà lấy làm lạ liền hỏi: Tại sao lại gõ vào cửa nhà tôi ? _ Tỳ-kheo im lặng chẳng nói.

Đức Phật dạy: Đừng gõ vào cửa, mà nên làm gậy Tích trượng. _ Tỳ-kheo chưa hiểu.

Đức Phật lại nói: Ở đầu cây gậy nên gắn những chiếc vòng nhỏ bằng miệng chén, khi rung gậy thì nó phát ra âm thanh để báo cho người biết.

Khi đến nhà nào không có tín tâm, rung mãi Tích trượng đến mệt, mà nhà ấy không có người ra hỏi. Đức Phật dạy: Không nên rung lâu Tích trượng, chỉ nên rung hai đến ba lần. Nếu không có người ra hỏi thì nên đi sang nhà khác.”

Tỳ-kheo mỗi ngày khi ăn sáng, đánh răng xong, đánh lễ Phật rồi lấy Tích trượng ra. Nếu có Bạch y cư sĩ hay Sa-di thì khiến bảo họ mang ra, nếu không có thì sau khi lễ Phật 3 lạy xong, tự mình cầm lấy mang ra.

Tỳ-kheo lúc khát thực mang theo Tích trượng. Dùng Tích trượng nên cầm, không được bỏ trên đất. Lúc đứng, Tỳ-kheo cầm tay trái, Tích trượng phía bên chân trái; Tỳ-kheo-ni cầm tay phải, Tích trượng phía bên chân phải.

Mỗi khi đến trước cửa nhà người, chỉ rung đến 3 lần, không nên rung nhiều, nếu không có người lên tiếng thì phải đi ra. Khi tay cầm Tích trượng rung lắc, đồng thời tụng kệ chú này.

☞19☞

臥具

NGỌ CỤ

(ĐỒ NÀM)

臥具尼師壇

長養心苗性

展開登聖地

奉持如來命

唵。檀波檀波莎訶 (三徧)

Ngọ cụ, ni-sư-dàn *

Trưởng dưỡng tâm miêu tánh **

Triển khai đấng Thánh địa ***

Phụng trì Như Lai mệnh.

Ngọ cụ, ni-sư-dàn

Nuôi dưỡng mầm tâm tánh

Mở đường lên Thánh địa
 Vâng giữ Như Lai mệnh.

ÚM , ĐÀN BA ĐÀN BA SA HA. (3 biến)

(*) **Ngọa cụ:** Ngọa cụ là tên gọi chung cho tất cả các vật dụng trải ra để nằm ngủ nghỉ như: tấm trải để nằm, mền để đắp, gối kê đầu... trong đó bao hàm luôn cả ba y Cà-sa. Vì y Cà-sa còn dùng để trải nằm, đắp thân hay xếp gối đầu, cho nên Luật Tứ Phần gọi chung ba y là Ngọa cụ, Luật Thập tụng gọi ba y là Phu cụ.

Ni-sư-đàn: Tiếng Phạn là Niṣidana, phiên âm là Ni-sư-dã-na, Trung Hoa dịch là Tọa cụ; còn có tên là Tỳ tọa y hay Sấn túc y. Tọa cụ được may bằng vải bền chắc và nhuộm hoại sắc; đây là tấm vải để lót ngồi hoặc trải lên chiếc đơn để tọa thiền, chẳng phải vật dùng để lót kê đầu gối khi lễ lạy.

(Ngọa cụ, tọa cụ là những tấm trải, mở ra để ngồi, nằm; không phải chỉ cho giường, võng hay ghế, đơn.)

(**) **Tâm miêu tánh:** Tức chỉ cho tánh giác, hay tâm Bồ-đề, chủng tử của sự giác ngộ có nơi mỗi chúng sanh, được ví như hạt giống nảy mầm và tăng trưởng.

(***) **Thánh địa:** Tức chỉ các địa vị chứng Thánh quả trong Đại thừa. Gồm có Tứ thánh đó là:

1. Thanh Văn có bốn quả: Sơ quả Tu-đà-hoàn (Dự lưu), Nhị quả Tư-đà-hàm (Nhất lai), Tam quả A-na-hàm (Bát hoàn), Tứ quả A-la-hán (Ứng cúng).
2. Duyên Giác: do quán pháp Thập nhị nhân duyên mà giác ngộ chứng quả Bích Chi Phật (Độc Giác Phật).

3. Bồ-tát có mười địa: Hoan hỷ địa, Vô cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện huệ địa, Pháp vân địa.

4. Phật địa: đây là quả vị của các bậc Toàn giác.

Luật Tứ Phần nói: “Chế dùng ngọa cụ, tọa cụ vì có ba nguyên nhân: Một là bảo vệ thân thể, hai là bảo vệ y Cà-sa, ba là bảo vệ giường và đơn ngồi của mọi người.”

_ Lại nói: “Nếu Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) dùng bông dâu-la-miên dôn, lót giường dây hoặc giường cây, ngọa cụ, tọa cụ thì phạm tội Ba-dật-đề.”

_ Lại nói: “Nếu Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) lấy giường dây hoặc giường cây, ngọa cụ, tọa cụ của Tăng chúng; hoặc tự mình, hoặc bảo người mang ra bày trải chỗ đất trống; khi đi bỏ lại đó, chẳng tự mình cũng chẳng bảo người xếp cất, thì phạm tội Ba-dật-đề.”

_ Lại nói: “Nếu Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) ở trong Tăng phòng, lấy ngọa cụ của Tăng chúng; hoặc tự mình, hoặc bảo người bày trải ra; hoặc ngồi, hoặc nằm trên đó xong đứng lên bỏ đi nơi khác, chẳng tự mình cũng chẳng bảo người xếp cất, thì phạm tội Ba-dật-đề.”

Luật Thập Tụng nói: “Nên làm Tọa cụ đúng lượng: dài hai gang tay Phật, rộng một gang rưỡi, thêm đường viền một gang.” _ Lại nói: “Cái mới hai lớp, cái cũ bốn lớp, không nên thọ dùng cái đơn; cách đêm mà ngủ thì phạm Đột-kiết-la.”

Luật Tăng-kỳ nói: “Tọa cụ này là tùy tọa y nên không được đem cho người khác; không lấy cây cỏ, phân bò dôn vào trong; chỉ được trải ngồi.”

Luận Trí Độ nói: “Bởi khí hậu xứ Ấn-độ nóng bức nên ba y theo thân. Bình thường mặc một y đã đủ. Lúc nằm, trải ngọa cụ rồi ngủ trên ngọa cụ; trước đắp Ngũ điều y, kế đắp Thất điều y, lấy Đại y Tăng-già-lê xếp làm bốn gối đầu, nằm nghiêng bên hông phải. Nếu lúc lạnh thì ngồi kiết-già, lại lấy Đại y đắp lên thêm.”

Luận Ma-đắc-lạc-già nói: “Ngọa pháp là pháp ngủ của Tỳ-kheo như sau: Buổi sơ dạ, gấp tư y Uất-đa-la-tăng trải ra, cuốn y Tăng-già-lê làm gối; nằm nghiêng thân sang bên hông phải, hai chân xếp lên nhau, không được buông tay chân lung tung, không để tâm tán loạn, không để y áo bữa bãi. Chuyên chú vào thời giờ sáng, tưởng niệm vào đó rồi ngủ. Đến cuối đêm, mau thức giấc, ngồi dậy hoặc đi lại để trừ bỏ cơn ngái ngủ.”

Lúc trải Ngọa cụ để nằm, hoặc trải Tọa cụ (Ni-sư-đàn) để ngồi, thời niệm tụng kệ chú này.

☪20☪

登道場

ĐĂNG ĐẠO TRÀNG

(LÊN ĐẠO TRÀNG) *

若得見佛 當願眾生 得無礙眼 見一切佛
 唵。阿密栗帝吽發吒 (三遍)

Nhược đắc kiến Phật **

Đương nguyện chúng sanh

Đắc Vô ngại nhãn ***

Kiến nhưt thiết Phật.

Như được thấy Phật
Nay nguyện chúng sanh
Được Vô ngại nhãn
Thấy tất cả Phật.

ÚM , A MẬT LẬT ĐẾ HỒNG PHẤN TRA.

(3 biến)

(*) **Đạo tràng:** Tiếng Phạn là Bodhi-mandala, phiên âm là Bồ-đề mạn-noa-la, thường gọi là Bồ-đề đạo tràng; chỉ nơi Đức Phật thành đạo, tức tòa Kim cang ở dưới cội Bồ-đề bên bờ sông Ni-liên. Ngoài ra, những nơi thuyết pháp, chỗ cúng dường Phật, chỗ tu học Phật pháp, chỗ hành đạo của Tăng chúng Phật tử nói chung đều gọi là Đạo tràng.

Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, phẩm Bồ-tát thứ tư, Đại sĩ Duy Ma Cật đáp Đồng tử Quang Nghiêm rằng:

“Trực tâm là đạo tràng vì không hư dối.

Phát hạnh là đạo tràng vì làm xong các việc.

Thâm tâm là đạo tràng vì thêm nhiều công đức.

Bồ-đề tâm là đạo tràng vì không sai lầm.

Bố thí là đạo tràng vì không mong phước báu.

Trì giới là đạo tràng vì được nguyện đầy đủ.

Nhẫn nhục là đạo tràng vì đối với chúng sanh tâm không chướng ngại.

Tinh tấn là đạo tràng vì không biếng trễ.

Thiền định là đạo tràng vì tâm điều nhu.

Trí huệ là đạo tràng vì thấy rõ các pháp.

Từ là đạo tràng vì đồng với chúng sanh.

Bi là đạo tràng vì nhẫn chịu sự khổ nhọc.

Hỷ là đạo tràng vì ưa vui Chánh pháp.

Xả là đạo tràng vì trừ lòng thương ghét.

Thần thông là đạo tràng vì thành tựu lực thông.

Giải thoát là đạo tràng vì hay trái bỏ.

Phương tiện là đạo tràng vì giáo hóa chúng sanh.

Tứ nhiếp là đạo tràng vì nhiếp hộ chúng sanh.

Đa văn là đạo tràng vì đúng theo chỗ nghe mà thực hành.

Phục tâm là đạo tràng vì chánh quán các pháp.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng vì bỏ pháp hữu vi.

Tứ đế là đạo tràng vì chẳng dối lầm thế gian.

Duyên khởi là đạo tràng vì từ vô minh cho đến lão, tử đều không tận.

Các phiền não là đạo tràng vì biết là vô ngã.

Tất cả pháp là đạo tràng vì biết các pháp vốn Không.

Hàng ma là đạo tràng vì không lay động.

Tam giới là đạo tràng vì không chỗ đến.

Sư tử hống là đạo tràng vì không sợ sệt.

Thập lực, Vô úy, Bất cộng pháp là đạo tràng vì không có các lỗi.

Tam minh là đạo tràng vì không còn quái ngại.

Nhứt niệm biết tất cả pháp là đạo tràng vì thành tựu Nhứt thiết chủng trí.

Như vậy, này Thiện nam tử ! Nếu Bồ-tát tùy các pháp Ba-la-mật mà giáo hóa chúng sanh, thời trong mọi việc làm hoặc nhất cử nhất động, phải biết đều từ nơi Đạo tràng ở trong Phật pháp mà lưu xuất vậy.”

(**) **Kiến Phật:** Mỗi vị Phật đều có ba thân, đó là Pháp thân, Báo thân và Ứng hóa thân. Lý thể của Pháp thân chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu rõ. Trí thể của Báo thân chỉ có bậc Bồ-tát vô phân biệt trí mới thấy được. Công đức thể của Ứng hóa thân thì hàng Nhị thừa và phàm phu đều thấy biết được.

Kinh Kim Cang nói: <<Đức Phật dạy rằng: “Này Tu-Bồ-Đề ! Nếu do nơi ba mươi hai tướng mà xem là Đức Như Lai đó, thời vua Chuyển Luân Thánh Vương chính là Đức Như Lai rồi !”

Ông Tu-Bồ-Đề bạch với Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn ! Theo như con hiểu, nghĩa lý của Đức Phật nói thời chẳng nên do nơi ba mươi hai tướng mà xem là Đức Như Lai.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

“Nếu dùng sắc thấy ta
 Dùng tiếng tầm cầu ta
 Người ấy tu tà đạo
 Chẳng thấy được Như Lai.”

Kinh Quán Phật Tam-muội Hải nói: “Nếu có người hủy phạm cấm Giới của Phật, thì thấy sắc thân Phật toàn đen giống như người than; năm trăm người họ Thích thấy sắc thân Phật giống như người than; có một ngàn người trong chúng Tỳ-kheo thấy sắc thân Phật như người đất đỏ; có mười sáu người trong chúng Ưu-bà-tắc thấy sắc thân Phật như chân voi đen; có hai mươi bốn người trong chúng Ưu-bà-di thấy sắc thân Phật giống như khối mực; bốn chúng như thế, mỗi chúng thấy mỗi khác. Trong chúng Tỳ-kheo-ni, có Tỳ-kheo-ni thấy sắc thân Phật như màu bạc trắng; trong chúng Ưu-bà-di, có Ưu-bà-di thấy sắc thân Phật như màu xanh lam; bốn chúng như thế, thấy sắc thân Phật chẳng đồng.”

(***) **Vô ngại nhãn:** Chỉ cho Phật nhãn, là một trong Ngũ nhãn gồm có Nhục nhãn, Thiên nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Nhục nhãn trong sáng, không sắc gì chẳng thấy biết, phân biệt tỏ rõ. Thiên nhãn thông suốt, đạt đến vô hạn, vô lượng. Huệ nhãn thấy rõ chơn đế, dẫn qua bờ bên kia giác ngộ giải thoát. Pháp nhãn quán sát thấu đáo cùng tột các lẽ đạo. Phật nhãn trọn vẹn, biết rõ Pháp tánh, dùng Trí vô ngại diễn thuyết cho người, quán khắp Ba cõi đồng như hư không, chí cầu Phật thừa, đủ mọi biện tài, năng diệt trừ khổ họa phiền não của chúng sanh.”

Lúc lên Đạo tràng phải đầy đủ oai nghi, hai mắt nhìn xuống, giữ ý cung kính, không cười nói ồn náo, không đàm luận việc thế gian; nhất tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Phàm trước khi bước chân lên Điện Đại Hùng hay vào đàn pháp Mạn-noa-la để cúng dường, tụng Kinh, lễ Sám; hay đi vào tháp Phật, tháp Xá-lợi, các thánh địa Phật giáo, nơi pháp hội Tăng-già... thời nên niệm tụng kệ chú này, sau mới đặt chân vào, trái thì phạm tội Vượt pháp.

21

讚佛

TÁN PHẬT

(KHEN NGỢI PHẬT)

法王無上尊 三界無倫匹
 天人之導師 四生之慈父
 我今暫皈依 能滅三祇業
 稱揚若讚歎 億劫莫能盡

**Pháp Vương vô thượng tôn
 Tam giới vô luân thất
 Thiên nhưn chi đạo sư
 Tứ sanh chi từ phụ. *
 Ngã kim tạm quy y
 Năng diệt tam kỳ nghiệp **
 Xưng dương nhược tán tán
 Ưc kiếp mạc năng tận.**

Đấng Pháp Vương vô thượng
 Ba cõi chẳng ai bằng

Thầy dẫn đường Trời, người
 Từ phụ chung bốn loài.
 Nay con vừa quy y
 Diệt ba tăng-kỳ nghiệp
 Xưng dương hoặc tán thán
 Ưc kiếp không cùng tận.

(*) **Tứ sanh**: là bốn loại sanh. Tất cả chúng sanh chung quy có bốn cách sanh đó là:

1. *Thai sanh*: loài sanh ra từ bào thai, như loài người trong thai mẹ thành thể rồi mới sanh ra.
2. *Noãn sanh*: loài sanh ra từ trứng, như loài chim trong trứng thành thể rồi mới sanh ra.
3. *Thấp sanh*: loài sanh ra từ nơi ẩm thấp, như các loài khuẩn từ nơi ẩm thấp mà thụ hình.
4. *Hóa sanh*: loài sanh ra do nghiệp lực khởi lên sự biến hóa, không nương gá từ đâu mà thành thể, như chư Thiên, chúng sanh nơi Địa ngục, chúng sanh thuở kiếp sơ..

(**) **Tam kỳ**: là cách gọi tắt của 3 a-tăng-kỳ. A-tăng-kỳ tiếng Phạn là Asamkhya, là từ chỉ số mục của Ấn-độ. Một A-tăng-kỳ khi viết ra thành số là con số 1 đứng đầu và liền sau đó là 47 con số 0. Vì là con số quá lớn nên a-tăng-kỳ biểu thị cho vô số hay vô lượng số.

Nghiệp: Tiếng Phạn là Karma, dịch âm là Yết-ma, Trung Hoa dịch là Nghiệp; có nghĩa là tạo tác, tức là chỗ sở tác thiện, ác hay vô ký của thân, khẩu, ý. Nếu nghiệp xảy ra trong quá khứ thì gọi là Túc nghiệp, nếu nghiệp xảy ra ở hiện tại thì gọi là Hiện nghiệp. Từ tính

thiện hay ác của nghiệp mà chiêu cảm ra quả vui sướng hay đau khổ, cho nên gọi là Nghiệp nhân. Quả báo sướng, khổ tương ứng với thiện nghiệp hay ác nghiệp gọi là Nghiệp báo. Những chướng ngại do ác nghiệp gây ra làm ngăn trở chánh đạo gọi là Nghiệp chướng.

“**Tam kỳ nghiệp**” ở đây có ý chỉ ác nghiệp trong 3 A-tăng-kỳ kiếp, cũng tức là ác nghiệp trong vô số kiếp.

Phật tử phát Bồ-đề tâm, huân tu mười hạnh nguyện của đức Phổ Hiền Bồ-tát, thời lấy sự lễ kính và xưng tán chư Phật làm đầu. Thế nên hằng ngày, trong các thời khóa tụng niệm Kinh chú, cúng dường hay lễ sám... Lúc đối trước ngôi Tam Bảo, hành giả xưng tán Phật bằng bài pháp kệ này.

22

禮佛

LỄ PHẬT

(LẠY PHẬT)

天上天下無如佛
十方世界亦無比
世間所有我盡見
一切無有如佛者

**Thiên thượng thiên hạ vô như Phật
Thập phương thế giới diệc vô tỷ
Thế gian sở hữu ngã tận kiến
Nhứt thiết vô hữu như Phật giả. ***

Trên trời dưới thế không như Phật
 Mười phương thế giới không gì sánh
 Khắp trong thế gian con thấy biết
 Tất cả không ai bằng Phật được !

() Bài kệ này trích ra từ Kinh Bồ-tát Bốn Hạnh. Xưa kia, tiền thân của Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni khi còn địa vị Bồ-tát, đã cung kính thốt lên bài kệ này tán thán Đức Phật Tỳ-Bà-Thi.*

- **Sở hữu thập phương thế giới trung
 Tam thế nhứt thiết Nhơn sư tử
 Ngã dĩ thanh tịnh thân, ngữ, ý
 Nhứt thiết biến lễ tận vô dư.
 Phổ Hiền hạnh nguyện uy thần lực
 Phổ hiện nhứt thiết Như Lai tiền
 Nhứt thân phục hiện sát trần thân
 Nhứt nhứt biến lễ sát trần Phật. ****

Trong bao nhiêu mười phương cõi nước
 Thiên Nhơn Sư tất cả ba đời
 Con dùng thanh tịnh ý, thân, lời
 Khắp tất cả, lễ không còn sót.
 Sức uy thần Phổ Hiền hạnh nguyện
 Rộng hiện thân ở trước Như Lai
 Một thân lại hiện sát trần thân
 Mỗi thân khắp lễ sát trần Phật.

*(**) Nguyên bốn Hán văn “Tỳ-ni Nhựt Dụng Thiết Yếu” của Luật sư Tỳ-kheo Độc Thế vưng tập, không có ghi chép bài kệ tụng này. Nay trích ra từ Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, chép thêm vào*

đây nhằm phương tiện trợ duyên để hành giả quán tưởng trước khi lễ Phật.

Về lý tánh và sự tướng trong pháp lễ Phật, Pháp sư Lạc-Na (Ratnamati) có chỉ ra tất cả 7 pháp lễ kính, từ thô vụng đến vi tế. Đối với thô là tà lệch, đối với tế mới là chánh lễ, chánh quán. Nay thứ tự kể ra lần lượt 7 pháp từ thô đến tế như sau:

1. *Ngã Mạn Lễ*: Nghĩa là dựa vào địa vị, tài cao đức trọng của mình, sanh ra tâm không kính ngưỡng bậc trên. Tuy lễ bái nhưng thiếu tâm cung kính, ngũ thể chẳng đủ phép tắc, tâm duyên chạy theo ngoại cảnh.
2. *Xướng Hòa Lễ*: Nghĩa là miệng xướng tụng, thân lễ lạy nhưng tâm tưởng chưa tịnh. Tuy tâm có kính ngưỡng nhưng oai nghi thô vụng, ở trước người thì thân nhẹ lạy mau, người đi thì thân tâm mỗi một biếng trễ.
3. *Thân Tâm Cung Kính Lễ*: Nghĩa là khi nghe xướng danh hiệu Phật, liền phát niệm quán tưởng đến Phật như đối trước mắt. Tâm thức tinh chuyên không nghĩ đến việc khác, thân 5 vóc gieo xuống sát đất cung kính làm lễ, tinh tấn không hề chán mỏi.
4. *Phát Trí Thanh Tịnh Lễ*: Nghĩa là đã thấu đạt cảnh giới của chư Phật. Dùng Phật pháp mà tự tịnh thân tâm, khiến dung thông không bị chướng ngại. Tùy theo tâm mà hiện lượng, lễ một Phật tức lễ tất cả Phật, lễ một lạy tức lễ cả Pháp giới.

5. *Biến Nhập Pháp Giới Lễ*: Nghĩa là quán chiếu tự thân tâm cùng các pháp từ xưa đến nay chẳng lìa Pháp giới. Phật với Ta tánh vốn bình đẳng. Nay lễ một Phật, tức lễ khắp Pháp giới chư Phật trong mười phương ba đời. Mỗi mỗi lễ đều tương ưng với hạnh của Phổ Hiền Bồ-tát.
6. *Chánh Quán Tự Tánh Lễ*: Nghĩa là lễ Phật nơi tự tánh của mình, không duyên theo Phật bên ngoài. Cũng không quán Phật, không quán Pháp, không quán Tăng bởi vì tự ta và tất cả chúng sanh vốn đồng một thể tánh bình đẳng, với đầy đủ cả ba ngôi Tự tánh Tam Bảo.
7. *Thật Tướng Bình Đẳng Lễ*: Pháp lễ trước có lễ có quán, tự và tha hai tướng khác biệt. Nay, trong pháp Thật tướng lễ này không có tự không có tha, năng lễ và sở lễ đều trở về tánh Không vắng lặng, phạm thánh nhất như, thể dụng bất nhị, bình đẳng không hai.

Luật chế định: Không được lễ Phật trong các trường hợp sau:

- Đang bị ô nhiễm không được lễ Phật: Một là nhiễm bất tịnh, như sau khi đi nhà xí chưa rửa sạch. Hai là nhiễm ăn uống, như sau khi ăn chưa súc miệng, hay súc miệng chưa sạch.
- Thất chúng không được mặc Thiên y (*áo quần mặc khi thiên*) lễ Phật, lễ các bậc Tôn túc, đi nhiễu hay kinh hành trước Phật, tháp, điện. (*Hàng xuất gia Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đắp mặc Cà-sa Phước điền y khi hành lễ; hàng xuất gia*

*Sa-di, Sa-di-ni và tại gia Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di
đắp mặc Mạn y khi hành lễ.)*

- Tỳ-kheo không được đắp mặc y Cà-sa phủ kín cả 2 vai khi lễ Phật, phải kéo y lộ bày vai phải mà làm lễ. (*Tỳ-kheo lúc tọa thiền hay thọ thực, đắp y Cà-sa phủ kín hai vai thì không phạm.*)
- Không được che trùm đầu, phải để lộ đỉnh đầu khi lễ Phật.

• **QUÁN TƯỚNG:**

**Năng lễ, sở lễ tánh Không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghị
Ngã thử đạo tràng như đế châu
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ. *****

Năng lễ, sở lễ đều Không tịch
Cảm ứng đạo giao khó nghĩ bàn
Đạo tràng con đây tợ Đế châu
Mười phương chư Phật ảnh hiện trong
Thân con ảnh hiện trước chư Phật
Đầu mặt tiếp chân quy mạng lễ.

(***) Nguyên bốn Hán văn của Luật sư Độc Thế vưng tập, chỉ nhắc đến pháp quán tưởng khi lễ Phật, nhưng không ghi ra cụ thể pháp tác quán như thế nào? Nay tôi ghi thêm kệ Quán tưởng này vào đây, giúp cho hành giả có phương tiện như pháp tác quán. Về xuất xứ, bài kệ quán tưởng này trích ra từ **Kinh Viên Giác Tâm Kinh**, Quyển sáu, thuộc Vạn Tục Tạng Kinh. Từ xưa đến

nay, Chư Tổ đã trích dùng Pháp kệ này để quán tưởng khi lễ Phật danh. Nguyên văn bài kệ tụng trong chánh Kinh như sau:

“Năng lễ sở lễ tánh Không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghị
Ngã kim đạo tràng như đế châu
Thích-Ca Mâu-Ni ảnh hiện trung
Ngã thân ảnh hiện Như Lai tiền
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.”

Trước khi lễ Phật, hành giả có thể tùy tâm tán tụng 1 trong 2, hoặc cả 2 bài kệ lễ Phật ở trên. Xong, khi lễ Đức Phật nào thời xưng danh hiệu Đức Phật đó mà lễ.

Khi lễ Phật, thân tâm của hành giả đều phải cung kính. Thân năm vóc gieo xuống sát đất mà hành lễ, lại nhiếp tâm tác quán theo bài Kệ quán tưởng, đồng thời trì niệm Phổ lễ chân ngôn.

☸23☸

普禮真言

PHỔ LỄ CHÂN NGÔN *

(CHÚ LẠY KHẮP TẤT CẢ PHẬT)

唵。縛日囉斛

ÚM , PHẠ NHỰT RA HỘC.

Tiếng Phạn ghi thể Sanskrit/English là:

Oṃ Vajra Hoḥ .

(*) **Chân ngôn:** Tiếng Phạn là Mantra, dịch âm là Mạn-đát-la, nghĩa là lời nói chân thật thuộc về Ngũ mật, đây là một trong Tam mật của Như Lai đó là Thân mật, Ngũ mật và Ý mật. Vì ba nghiệp Như Lai sâu xa mầu nhiệm, đến bậc Đẳng giác Bồ-tát cũng không thể hiểu thấu đạt cho nên gọi là Mật. Ngoài ra, Chân ngôn còn tên gọi khác đồng nghĩa nữa là Tổng trì hay Thần chú, tiếng Phạn là Dhàrani, dịch âm là Đà-ra-ni.

Chân ngôn có 5 loại (*Ngũ chủng chân ngôn*) gồm:

1. Lời nói của Như Lai.
2. Lời nói của Bồ-tát, Kim Cang.
3. Lời nói của bậc thánh Nhị thừa.
4. Lời nói của chư Thiên.
5. Lời nói của chúng Địa cư thiên (Quý thân).

Mỗi thời khóa lễ Phật, đều bắt đầu bằng 3 lần xưng tán, 3 lần quán tưởng và lễ lạy. Do sức quán tưởng và uy lực của Phổ lễ chân ngôn, thời có thể lạy khắp mười phương chư Phật.

☸24☸

供淨瓶

CÚNG TỊNH BÌNH

(CÚNG BÌNH SẠCH) *

(*) **Bình:** Tiếng Phạn là Kundika, gọi tên theo Phạn âm là bình Quân-trì. Có 2 loại bình dùng vào 2 việc khác nhau:

- Bình đựng nước sạch dùng để uống, chất liệu làm bằng sành sứ, gọi là Tịnh bình.
- Bình đựng nước dùng để rửa tay chân, chất liệu làm bằng đồng hay sắt, gọi là Bình rửa.

Trong bài pháp 8 món cúng dường theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng, thì 2 chén nước cúng đầu tiên tức là dâng lên chư Phật hai loại bình nước này vậy. Chén thứ nhất là nước uống (Argham), chén thứ hai là nước rửa (Padyam). Phạm vi bài pháp trong bốn Tỳ-ni Nhật Dụng này, chỉ nói đến pháp tắc cúng Tịnh bình, tức là cúng dường Bình nước sạch, là loại nước dùng để uống vậy.

- 執淨瓶

CHẤP TỊNH BÌNH (CẦM TỊNH BÌNH):

手執淨瓶 當願眾生 內外無垢 悉令光潔
 唵。勢伽嚕迦吽。唵吽莎訶 (三徧)

Thủ chấp tịnh bình

Đương nguyện chúng sanh

Nội ngoại vô cấu

Tất linh quang khiết.

Tay cầm Tịnh bình

Nay nguyện chúng sanh

Trong ngoài không nhớ

Khiến đều sáng sạch.

ÚM , THẾ GIÀ RÔ CA SẮT, HÀM SẮT SA HA.

(3 biến)

Buổi sớm, trước hoặc sau thời công phu, Tỳ-kheo dùng tịnh bình chứa nước sạch để cúng Phật. Khi lễ Phật xong, cầm lấy Tịnh bình và trì niệm kệ chú này.

• **蕩淨瓶真言**

ĐĂNG TỊNH BÌNH CHÂN NGÔN:

(THẦN CHÚ RỬA TỊNH BÌNH)

唵。嚩莎訶 (二十一徧)

ÚM LAM SA HA. (21 biến)

Sau khi trì niệm bài kệ chú “Thủ chấp Tịnh bình” xong, cầm Tịnh bình đến chỗ có nước sạch, dùng nước sạch súc rửa bình 3 lần, mỗi lần rửa làm tịnh hóa bình cúng bằng việc trì tụng Tịnh Pháp Giới chân ngôn này 7 biến, và đổ nước rửa đi. Kế làm pháp “Quán thủy Chân ngôn” để rót nước cúng vào bình.

• **灌水真言**

QUÁN THỦY CHÂN NGÔN:

(THẦN CHÚ RÓT NƯỚC)

唵。嚩悉鉢囉摩尼莎訶 (三徧)

ÚM , PHẠ TẮT BÁT RA MA NI SA HA. (3 biến)


Khi rót nước uống vào Tịnh bình để cúng Phật Bồ-tát, thâm trì niệm Chân ngôn này 3 biến.

• **TÁC PHÁP CÚNG TỊNH BÌNH:**

Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo mang Tịnh bình đã rót đầy nước sạch đến quỳ thẳng trước tượng Phật, Bồ-tát.

Bàn tay trái dùng ngón giữa và ngón vô danh, cong hai đốt bấm vào lòng bàn tay; ba ngón còn lại là ngón cái, trỏ, út tì vào Tịnh bình cầm thẳng đứng. Bàn tay phải tác ấn Cam lộ. Niệm Đại Bi Tâm Đà-la-ni 7 biến, tác quán cúng dường tịnh thủy khắp tất cả Phật và Thánh chúng. Xong, lễ Tam Bảo rồi lui ra.

Đến buổi chiều quá Ngọ, lúc sắp hoàng hôn, ở trước Phật lại kết ấn Cam lộ như trên, tụng Đại Bi Tâm Đà-la-ni gia trì 7 biến, tụng Bát Nhã Tâm Kinh, kế đến tụng chú Vãng Sanh 7 biến. Xong dùng nước đã cúng Phật này mang ra tưới rải nơi đất sạch sẽ, bố thí cho chúng sanh quý thân. Khi bố thí cho quý thân, chú ý không nên đổ đồ cúng ở những nơi có cây liễu, cây đào.

Lúc thí nước, tay phải tác ấn Cam lộ, quán tưởng nơi tâm vàng nguyệt luân tròn sáng có hoa sen trắng 8 cánh, trên đài sen có chữ HRÌH thể Lantsa:  sắc trắng, phóng ra ánh sáng chiếu khắp các quý thân.

(Hoặc có thể quán chữ HRÌH thể Siddham:  sắc trắng.)

Tay trái tưới rải nước, đồng thời trì niệm Cam lộ chân ngôn sau:

曩謨蘇嚕婆耶。怛他識多耶。怛姪他

唵。蘇嚕蘇嚕。鉢囉蘇嚕。鉢囉蘇嚕。娑婆訶

(三徧)

NẪNG MỒ TÔ RÔ BÀ DA, ĐÁT THA NGA ĐA DA. ĐÁT ĐIỆT THA: ÚM , TÔ RÔ TÔ RÔ, BÁT RA TÔ RÔ, BÁT RA TÔ RÔ, SA BÀ HA. (3 biến)

Lúc trì niệm Chân ngôn, thời quán tưởng Tịnh bình cũng như bình Như ý hay tuôn ra mọi thức uống ăn, lầu gác, cung điện, châu báu, anh lạc, phan lọng, quần áo, hương hoa... biến khắp. Khiến cho Thiên chúng, Quỷ thần, Ngạ quỷ, Súc sanh tất cả đều được no đủ.

Sau vì các chúng sanh đó mà nói pháp Thập Nhị Nhân Duyên, trao truyền Giới pháp Tam quy y, khiến cho tất cả lãnh thọ và được Pháp hỷ tam-muội. Xong, lễ tạ ơn Tam Bảo rồi lui ra.

☸25☸

展鉢

TRIỂN BÁT

(MỞ BÁT) *

如來應量器

我今得敷展

願共一切眾

等三輪空寂

唵。斯麻摩尼莎訶 (三徧)

Như Lai ứng lượng khí

Ngã kim đắc phu triển

Nguyện cộng nhứt thiết chúng

Đẳng Tam luân Không tịch. **

Như Lai Bát ứng khí

Nay con được mở ra

Nguyện cùng tất cả chúng
Tam luân đều Không tịch.

ÚM , TỬ MA MA NI SA HA. (3 biến)

(*) **Bát:** Tiếng Phạn là Patra, dịch âm là Bát-đa-la gọi tắt là Bát, Trung Hoa dịch là Ứng lượng khí hay Ứng khí; nghĩa là đồ dùng của Tăng nhân để nhận thực phẩm của Trời, người cúng dường một cách xứng đáng và ba đặc tánh sắc, thể, lượng của Bát đều như Pháp.

Luật chế định: Tạo Bát có 3 yếu tố về sắc, thể và lượng phải tương ứng với pháp. Sắc màu tro hay đen khiến chẳng sanh tâm yêu thích. Thể chất làm bằng đá sắt hay đất nung, không thọ dùng Bát bằng tạp bảo, kim khí hay đá quý để tránh khởi tâm tham lam. Lượng là tùy theo sức ăn nhiều ít mà thọ nhận.

Phật dùng Bát bằng đá. Chư Tăng chỉ dùng Bát bằng đất nung hoặc sắt. Không được chứa dùng Bát làm bằng tạp bảo: vàng, bạc, đồng, chì, lưu ly, thủy tinh, gỗ hay đá quý...

Mỗi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chỉ thọ trì một Bát, không cho cất chứa Bát dư quá thời hạn. Nếu Tỳ-kheo có được Bát dư chỉ được giữ trong 10 ngày, nên làm pháp tịnh thí mà xả, nếu giữ quá 10 ngày thì phạm tội Xả đọa (*Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề*). Tỳ-kheo-ni không được chứa Bát dư quá một ngày, ngày nào nhận Bát dư thì xả trong ngày đó, tức đem Bát dư làm pháp tịnh thí, nếu giữ quá một ngày thì phạm tội Xả đọa (*Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề*).

Luật Thiện Kiến nói: “Thánh nhân Tam thừa đều cầm Bát đất, khát thực nuôi sống thân mạng.”

Luật Tăng-kỳ nói: “Bát là đồ dùng của người xuất gia, không thích nghi cho hàng tại gia thế tục thọ trì.”

Tỳ-nại-da Tap SỰ nói: “Đức Phật dạy chư Tỳ-kheo-ni không được thọ trì Bát lớn. Chư Tỳ-kheo-ni chưa biết phải thọ trì loại Bát nào. Đức Phật dạy: Bát nhỏ của Tỳ-kheo tức là Bát lớn của Tỳ-kheo-ni.”

Luật Tứ Phần nói: <<Lúc bấy giờ, Tôn giả Tất-Lăng-Già-Bà-Sa đang đi trên đường thì được người cúng dường cho tô, dầu, mật, thạch mật; ngài không dám thọ nhận. Các Tỳ-kheo mang việc này bạch lên Đức Thế Tôn. Đức Phật dạy: “Cho phép nhận”. Các thầy nhận rồi nhưng không biết chứa để đâu, lại bạch lên Đức Thế Tôn. Đức Phật dạy: “Cho các thầy dùng kiện tư, bát nhỏ, bát trung mà nhận; kiện tư nhỏ hơn bát nhỏ, bát nhỏ nhỏ hơn bát trung, bát trung nhỏ hơn bát lớn”. Chư Tỳ-kheo lại không biết cất chứa kiện tư, bát nhỏ, bát trung có phải làm pháp tịnh thí hay không? Nên bạch lên Đức Thế Tôn. Phật dạy: “Được phép tích chứa, không phải tịnh thí.”>>

_ Lại nói: “Tay cầm Bát khó bảo vệ. Phật bảo: Cho may túi để đựng Bát. Không buộc miệng túi nên Bát rớt ra. Phật bảo: Nên buộc. Khi tay cầm túi bát. Phật bảo: Nên làm dây đai mang ở vai.”

_ Lại nói: “Tay dơ không được cầm Bát đựng thức ăn. Cần phải học.”

Luật Ngũ Phần nói: “Phật dạy: Quá giờ Ngọ không được dùng Bát uống nước, nên sắm vật dụng riêng để uống nước. Vật dùng uống nước nên làm bằng đồng, sắt hay sành.”

Luật Thập Tung nói: “Bát là vật tiêu biểu của hàng hà sa chư Phật, chẳng được dùng bữa bái như đem Bát tích chứa nước hay đựng những tạp vật khác.”

_ Lại nói: “Có một Tỳ-kheo viết tên hiệu lên Bát của người khác, rồi đặt trước cửa nhà một dâm nữ. Bấy giờ, có một cư sĩ Bà-la-môn biết chữ, vào trong nhà đó thấy Bát có chữ, nói: Tỳ-kheo cũng vào nhà này ư? Các vị Tỳ-kheo nghe được lời nói đó, tâm không vui, đem việc này bạch Phật. Phật dạy: Từ nay không được viết chữ lên Bát, nếu trên Bát viết chữ thì phạm tội Đột-kiết-la. Ngoài Bát ra, tất cả đồ dùng khác cũng thế, vẽ dấu hiệu thì không phạm.”

Tát-bà-đa Bộ Luật Nhiếp nói: “Trên Bát không được viết tên của mình, nếu làm ký hiệu riêng thì không phạm. Vật của người khác cũng đều nên y theo đây. Nếu viết tên thì phạm tội Ác tác (*Đột-kiết-la*). Nếu người mang đồ vật hiến cúng cho Tam Bảo, thì trên đồ vật đó nên viết tên của thí chủ.”

(**) **Tam luân:** Còn gọi là Tam luân tướng, tức chỉ về 3 chi trong pháp sự bố thí là: Người bố thí (*năng thí*), người nhận thí (*sở thí*) và vật đem thí.

“**Tam luân Không tịch**” tức là người thí và người nhận không chấp trước nơi ngã tướng, nhân tướng, thọ giả tướng; cả vật đem thí cũng lìa cả hai tướng có và không.

Kinh Tâm Địa Quán nói:

“Năng thí, sở thí cập thí vật

Ủ tam thế chung vô sở đắc.

Ngã đẳng an trụ tối thắng tâm

Cúng dường nhưt thiết thập phương Phật.”

Dịch nghĩa:

“Năng thí, sở thí cùng vật thí
Cả trong ba đời không chỗ được
Chúng con an trụ tâm tối thắng
Cúng dường tất cả mười phương Phật.”

(Bài kệ này còn gọi là Tam Luân Thanh Tịnh Kệ, nghĩa ấy nói về Tam luân vô tướng. Hành giả khi tác pháp cúng dường chư Phật hay bố thí nên quán niệm, thời sẽ đặng Đàn-na Ba-la-mật-đa thanh tịnh.)

Kinh Phật Thuyết Phân Biệt Bố Thí nói: <<Lại nữa, này A-Nan ! Nên biết có bốn loại bố thí thanh tịnh, những gì là bốn:

Một là, năng thí thanh tịnh tức không có kẻ thọ.

Hai là, sở thí thanh tịnh tức không có kẻ thọ.

Ba là, năng thọ thanh tịnh tức không có người thí.

Bốn là, sở thọ thanh tịnh tức không có người thí.

Này A-Nan ! Sao gọi là “Năng thí thanh tịnh, tức không có kẻ thọ” ? Bởi vì, do người thí chẳng chấp thủ tướng thí ấy, tức thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh, Chánh mạng thanh tịnh, chánh kiến cũng thanh tịnh; Đầy đủ như vậy tức không có tướng thí; Vì không có tướng thí cho nên không có kẻ thọ. Nếu người thí ở chỗ thấy biết còn có tướng thí, tức ba nghiệp thân, khẩu, ý chẳng thanh tịnh, Mạng cũng chẳng thanh tịnh, Kiến cũng chẳng thanh tịnh. Nếu lìa được tướng này, tức người thí và kẻ thọ cả hai đều thanh tịnh.

Thứ nữa, sao gọi là “Sở thí thanh tịnh, tức không có kẻ thọ” ? Nếu kẻ thọ có thân nghiệp chẳng thanh tịnh, khẩu nghiệp chẳng thanh tịnh, ý nghiệp chẳng thanh tịnh, Mạng chẳng thanh tịnh, Kiến chẳng thanh tịnh tức có tướng sở thí. Nếu kẻ thọ có ba nghiệp thanh tịnh, Mạng thanh tịnh, Kiến thanh tịnh; Đây đủ như vậy tức không có tướng sở thí; Do là tướng cho nên sở thí thanh tịnh.

Thứ nữa, sao gọi là “Năng thọ thanh tịnh, tức không có người thí” ? Nếu kẻ thọ có ba nghiệp thân, khẩu, ý chẳng thanh tịnh, Mạng chẳng thanh tịnh, Kiến chẳng thanh tịnh tức có tướng năng thọ. Nếu là tướng năng thọ này tức không có người thí.

Thứ nữa, sao gọi là “Sở thọ thanh tịnh, tức không có người thí” ? Bởi vì, do người thí có ba nghiệp thanh tịnh, Mạng thanh tịnh, Kiến thanh tịnh tức không có tướng sở thí. Do là tướng sở thí cho nên không có sở thọ, vậy nên sở thọ thanh tịnh.

A-nan ! Nếu có thể hiểu biết rõ như vậy, tức được bốn loại bố thí thanh tịnh.>>

Tay nên rửa sạch sẽ mới được mở Bát. Khi mở Bát nên thăm tụng kệ chú này.

☸26☸

受食

THỌ THỰC

(NHẬN LÃNH THỨC ĂN)

- 若見空鉢 當願眾生 究竟清淨 空無煩惱

**Nhược kiến không bát
Đương nguyện chúng sanh
Cứu cánh thanh tịnh
Không vô phiền não.**

Như thấy Bát trống rỗng
Nay nguyện cho chúng sanh
Rốt ráo được thanh tịnh
Tánh Không chẳng phiền não.

- 若見滿鉢 當願眾生 具足盛滿 一切善法

**Nhược kiến mãn bát
Đương nguyện chúng sanh
Cụ túc thanh mãn
Nhứt thiết thiện pháp.**

Như thấy Bát đã đầy
Nay nguyện cho chúng sanh
Đầy đủ và sung mãn
Tất cả mọi thiện pháp.

- **VĂN CÚNG DƯỜNG:**

Cúng dường:

**Thanh tịnh Pháp thân Tỳ-Lô-Giá-Na Phật.
Viên mãn Báo thân Lô-Xá-Na Phật.
Thiên bá ức Hóa thân Thích-Ca-Mâu-Ni Phật.
Đương lai hạ sanh Di-Lặc Tôn Phật.
Cực Lạc thế giới A-Mi-Đà Phật.
Thập phương tam thế nhứt thiết chư Phật.**

Đại trí Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-tát.

Đại hạnh Phổ Hiền Bồ-tát.

Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát.

Chư tôn Bồ-tát Ma-ha-tát.

MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA.

Tam đức, lục vị *

Cúng Phật cập Tăng

Pháp giới hữu tình

Phổ đồng cúng dường.

(Ba tánh đức, sáu vị
Dâng cúng Phật và Tăng
Cùng pháp giới hữu tình
Bình đẳng cúng dường khắp.)

Nhược phạn thực thời

Đương nguyện chúng sanh

Thiên duyệt vi thực **

Pháp hỷ sung mãn.

(Lúc thọ thực dùng cơm
Nay nguyện cho chúng sanh
Thiên duyệt làm thức ăn
Pháp hỷ được sung mãn.)

(*) **Tam đức, lục vị:** Chỉ các loại thực phẩm có ba tánh đức là mềm dẻo, sạch sẽ, đúng pháp; và có đủ sáu vị là mặn, ngọt, chua, cay, đắng, lạt. Các Tổ sư y cứ theo tích xưa ghi chép trong Kinh Đại Bát Niết-Bàn, mà soạn bài Kệ này, dùng để quán niệm vào mỗi lúc cúng dường thực phẩm lên chư Phật hay chư Tăng.

Kinh Đại Bát Niết-Bàn, Phẩm Tự thứ nhất, nói:

<<Các vị Ưu-bà-tắc này muốn cúng dường Phật cùng chư Tăng, nên đã dự sắm các thứ thực phẩm nấu bằng củi chiên đàn trầm thủy. Những thực phẩm ấy thơm ngon đủ sáu vị: mặn, ngọt, chua, cay, đắng, lạt; Cùng đủ ba đức: mềm dẻo, sạch sẽ, đúng pháp. Khi đến rừng Sa-La, họ lấy mật vàng ròng rải khắp các nơi, rồi trải tấm lụa lên trên rộng đến mười hai do-tuần. Họ thiết tòa sư tử cao lớn bằng bảy báu để thỉnh Phật và chư Tăng ngồi. Họ đem dầu thơm quý thoa vào thân cây trong rừng rồi treo các lá phan, các tàn lọng xinh đẹp. Họ rải những thứ hoa đẹp thơm vào các khoảng giữa cây cách nhau.

Các Ưu-bà-tắc này đều suy nghĩ rằng: “Tất cả chúng sanh nếu ai có chỗ thiếu hụt, cần thức ăn tôi sẽ cho ăn, cần uống cho uống, cần dầu cho dầu, cần mắt cho mắt; bất luận là cần dùng thứ gì, tôi sẽ cho thứ ấy. Lúc bố thí như thế, tôi sẽ không có lòng tham sân ác độc như nhớp. Tôi không hề móng niệm cầu phước lộc thế gian, mà chỉ nhứt tâm cầu quả Vô thượng Bồ-đề.”>>

(**) **Thiền duyệt**: Chỉ cho người nhập thiền định, thân tâm cảm thấy khoan khoái, khinh an, vui thích. “Thiền duyệt thực” là một trong 9 loại thức ăn. Cũng ví như món ăn là vật thực có thể nuôi dưỡng thân thể, bổ ích tinh thần; Tỳ-kheo khi nhập thiền định, thân tâm thư thái, khinh an, giúp trưởng dưỡng thân thể, tăng ích Huệ mạng nên gọi là Thiền duyệt thực.

Kinh Tâm Địa Quán, Quyển năm, nói: “Chỉ có hai món Pháp hỷ và Thiền duyệt là thức ăn của bậc Thánh hiền.”

Luật chế định: Năm chúng đệ tử xuất gia trong Phật pháp và người đang thọ Bát Quan Trai giới, phải giữ Giới không ăn phi thời. Mỗi ngày chỉ được ăn một buổi trước Ngọ. Nhưng về sau, Phật khai giới cho ăn thêm cháo lỏng vào buổi sớm, thành ra thọ thực mỗi ngày 2 thời:

- Ăn sáng là bữa ăn phụ để trừ đói khát: Buổi sớm lúc mặt Trời vừa mọc, khi ánh sáng xuất hiện đủ nhìn thấy lằn chỉ trong lòng bàn tay thì được ăn.
- Ăn trưa là bữa ăn chính để nuôi thân thể: Buổi trưa trước giờ Ngọ, lúc mặt Trời chưa đứng bóng thì được ăn.

Không ăn phi thời tức là khoảng thời gian kể từ buổi trưa sau quá giờ Ngọ, cho đến cuối đêm trời chưa sáng thì không được thọ thực, ăn thì phạm tội Đọa (*Ba-dật-đề*). Việc giữ giới không ăn quá Ngọ gọi là Trai giới, việc ăn trưa đúng theo thời gọi là Thọ trai.

Luật Tứ Phần nói: “Nếu Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) ăn phi thời thì phạm tội Ba-dật-đề.” (Ba chúng dưới thì phạm tội Đột-kiết-la.)

Luật Tăng-kỳ nói: “Nếu mặt Trời xế qua hướng Tây khoảng chừng như sợi tóc, nháy mắt hoặc như lá cỏ; đó gọi là phi thời.”

Tỳ-ni Tỳ-bà-sa nói: “Phi thời là từ lúc mặt Trời đứng bóng đến phần sau cuối đêm. Từ lúc sớm mai đến lúc mặt Trời đứng bóng gọi là đúng thời.”

Ngoài giờ thọ trai như Luật định, nếu lúc khát hay có bệnh cần phải bồi dưỡng, thời Phật chế luật cho uống

nước cốt phi thời, nhưng phải chuẩn bị trước giờ Ngọ mới được dùng, trong khi uống phải “tác tịnh”.

Nước cốt phi thời là nước ép các loại trái cây, lược bỏ xác, chế biến trước giờ Ngọ và không để qua đêm, không bị lên men thành rượu. Các loại nước ép này là các loại quả uống không gây say nghiện, theo Luật Tứ Phần và Luật Ngũ Phần đều kể ra có 8 loại, Luật Tăng-kỳ và Luật Thập Tụng kể ra có 14 loại.

Luật Tứ Phần nói: “Phật dạy: Cho phép năm chúng xuất gia được uống tám thứ nước. Nếu tám thứ nước đó uống vào không bị say thì được uống vào lúc phi thời. Nếu uống vào bị say thì không nên uống, nếu người nào uống thì đúng như pháp trị tội. Không nên hôm nay thọ lãnh nước để ngày mai uống, nếu người nào để qua ngày mai uống thì đúng như pháp trị tội.”

Luật Ngũ Phần nói: <<Phật và đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi dần về phía Bắc, đến chỗ ở của ngoại đạo Ké-Na bện tóc. Ké-Na đã nghe biết Phật thuộc dòng họ Thích xuất gia thành bậc Như Lai Ứng cúng Đẳng chánh giác, chiều nay sẽ đến, nghĩ rằng: “Trong quá khứ, chư Tiên tu Phạm hạnh sau Ngọ không ăn, mà uống các thứ nước cốt phi thời, đó là: nước trái am-bà, nước trái diêm-bà, nước trái châu-đà, nước trái bà-lâu, nước trái nho, nước trái câu-la, nước mía, nước mật. Sa-môn Cù-đàm cũng nên uống những thứ này. Ta nên sắp đặt trước, đến thì đãi”. Lo liệu xong, bèn cùng 500 đệ tử đi ra nghinh tiếp Thế Tôn.

Từ xa, thấy Thế Tôn dung nhan đặc biệt thù thắng giống như núi vàng, càng sanh lòng hoan hỷ. Đến trước nơi Phật đứng, thưa hỏi Thế Tôn: “Lành thay ! Ngài Cù-

đàm đến, xin mời vào ngồi trong nhà tôi”. Phật cùng với chư Tỳ-kheo vào nhà vị ngoại đạo, theo thứ tự mà ngồi. Vị Phạm chí liền bày nước cốt phi thời ra mời. Chư Tỳ-kheo không dám uống, bảo rằng: “Phật chưa cho uống nước cốt phi thời”, do đó bạch Phật. Phật bảo: “Cho phép uống”. Chư Tỳ-kheo lại hỏi Phật: “Vì nhân duyên gì chúng con được uống?”. Phật nói: “Khát thì được uống”.>>

Luật Thập tụng nói: “Tất cả 14 loại nước cốt phi thời đều phải lóng trong trước khi uống. Nếu nước bị ngã sang màu rượu, có mùi rượu, có vị rượu thì không được uống. Khi người mang nước đến, cần phải tác tịnh trước khi uống. Hoặc dưới đáy bình chứa còn nước thừa tức gọi là tác tịnh, hoặc lúc trời mưa bị nước mưa rơi vào tức gọi là tác tịnh, hoặc lúc rửa bình chứa còn đọng lại nước tức gọi là tác tịnh, hoặc xe chở thạch mật gặp mưa tức gọi là tác tịnh, hoặc lúc thuyền chở bị nước văng vào tức gọi là tác tịnh, hoặc tịnh nhân rửa tay làm nước văng vào tức gọi là tác tịnh. Đây gọi là pháp uống nước cốt phi thời.”

Luật chế định: Năm chúng đệ tử xuất gia trong Phật pháp được nhận lãnh thức ăn, đồ uống từ loài Người cúng dường, như: hàng Bạch y cư sĩ, thiện nam tín nữ (tịnh nhân), dân nam, dân nữ, huỳnh môn, hai căn... Ngoài ra, người xuất gia còn được nhận lãnh thức ăn, uống cúng dường từ Thiên long bát bộ quỷ thần, như: Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già...; kể cả phi nhân và súc sanh. Thức ăn không do từ người khác cúng dường trao cho, thì không được ăn.

Kinh Ngũ Bách Vấn nói: “Không mặc ba y mà thọ thực thì phạm tội Đọa (*Ba-dật-đề*).”

Luật Nhiếp nói: “Tỳ-kheo đi khát thực cần phải cầm Tích trượng, rung trượng thành tiếng mới được vào nhà người. Nếu trụ xứ đó là thôn, phường, lối đi quanh co e sợ lạc đường thì phải làm dấu riêng, hoặc dùng cơm hay bún đặt nơi cửa. Lại có 5 nơi chẳng nên đến khát thực: 1.Nhà hát, 2.Nhà dâm nữ, 3.Quán rượu, 4.Cung vua, 5.Nhà Chiên-đà-la. Nếu biết nữ nhân có tánh đa dâm, thì không được đến người ấy khát thực, e sanh ra nạn phi Phạm hạnh.”

Luật Ngũ Phần nói: “Ngài Đại Ca-Diếp thường mặc Y phẩn tảo, ăn thực phẩm phẩn tảo, nhật thức ăn nơi con đường hẻm, đường lớn do người vất bỏ mà ăn. Các bậc y trông thấy thế liền chê bai, hiềm trách rằng: Sa-môn Thích tử này giống loài chó, vừa thấy thức ăn ném ra vội nhật ăn, ăn những thứ bất tịnh thật đáng gớm. Do nhân duyên bị người thế tục chê bai, nhờm gớm hạnh ăn thức ăn phẩn tảo của Đại Ca-Diếp, nên Đức Phật vì chư Tỳ-kheo chế giới: Tỳ-kheo không nên ăn thực phẩm của người vất bỏ.”

Luật Tứ Phần nói: “Nếu Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) đối với thực phẩm, thuốc men không nhận lãnh từ người khác, khi để vào miệng thì phạm tội Ba-dật-đề; trừ hai thứ là nước và dương chi.” _ Lại nói:

“Lúc thọ thực nên dụng tâm chánh ý mà nhận. Cần phải học.”

“Lúc thọ thực nên nhận cơm vừa đủ bằng miệng Bát. Cần phải học.”

“Lúc thọ thực nên nhận canh vừa đủ Bát. Cần phải học.”

Luật Thập Tụng nói: “Nếu Tỳ-kheo dùng Bát lớn nhận thức ăn, thì nên lấy đủ một Bát, không được lấy hai Bát; Nếu lấy hai Bát thì phạm tội Ba-dật-đề. Nếu dùng Bát trung nhận thức ăn, thì nên nhận tối đa hai Bát, không được lấy ba Bát; Nếu lấy ba Bát thì phạm tội Ba-dật-đề. Nếu dùng Bát nhỏ nhận thức ăn, thì nên nhận tối đa ba Bát, không được lấy bốn Bát; Nếu lấy bốn Bát thì phạm tội Ba-dật-đề.”

Luật chế định: Tỳ-kheo trước khi thọ Trai phải rửa tay, súc miệng 3 lần, đắp mặc y Cà-sa, ngồi thòng chân (*có nơi nói ngồi kiết già*), trải khăn ăn lên gối, tay bưng Bát ngang ngực. Khi muốn uống nước cốt phi thời, trước cũng phải rửa tay, súc miệng sạch mới được uống.

Tát-bà-đa Bộ Luật Nhiếp nói: “Tỳ-kheo nếu muốn uống nước, ăn cơm đúng thời hay phi thời thì đều phải lấy nước súc miệng 3 lần, rồi sau mới có thể được ăn uống. Nếu chẳng làm như thế thì phạm tội Ác tác (*Đột-kiết-la*).” _ Lại nói: “Lúc ăn, ngồi thòng chân xuống, oai nghi nghiêm chỉnh, không quay nhìn nơi khác, mà nên sanh tư tưởng nhàm lìa. Trụ trong chánh niệm, tâm thanh tịnh không lay động rồi mới ăn. Nếu trái khác điều này thì phạm tội Vượt pháp.”

Lúc thọ thực (nhận lãnh thực phẩm), thời tụng hai bài pháp kệ này. Kế đến, tay trái bưng Bát đặt ngang mày mắt, tay phải làm tướng che Bát, niệm bài Văn cúng dường. Xong, đặt Bát trên bàn, tiếp làm pháp Xuất sanh.

ॐ27ॐ

出生

XUẤT SANH

(XUẤT THÍ CHÚNG SANH)

- 法力不思議
慈悲無障礙
七粒徧十方
普施周沙界
唵。度利益莎訶 (念呪三徧。彈指三下)

**Pháp lực bất tư nghị
Từ bi vô chướng ngại *
Thất liệt biến thập phương
Phổ thí châu sa giới.**

Pháp lực chẳng nghĩ bàn
Từ bi không chướng ngại
Bảy hạt biến mười phương
Rộng thí khắp Pháp giới.

ÚM , ĐỘ LỢI ÍCH SA HA.

(Niệm chú 3 biến, khảy móng tay xuống dưới 3 lần)

- 大鵬金翅鳥
曠野鬼神眾
羅剎鬼子母

甘露悉充滿

唵。穆帝莎訶 (念呪三遍。彈指三下)

Đại bàng Kim sí điểu **

Khoáng Dã quý thân chúng ***

La-sát Quỷ tử mẫu ****

Cam lộ tất sung mãn. *****

Đại bàng Kim sí điểu

Chúng quý thân Khoáng Dã

Mẹ con quỷ La-sát

Cam lộ đều sung mãn.

ÚM , MỤC ĐỂ SA HA.

(Niệm chú 3 biến, khảy móng tay xuống dưới 3 lần)

(*) **Từ bi:** Từ là tâm thương yêu hay cho vui. Bi là tâm cứu giúp hay bạt khổ. Từ và Bi là hai tâm trong Tứ vô lượng tâm, đó là: Từ, Bi, Hỷ và Xả.

Luận Trí Độ nói: “Đại từ là ban vui cho tất cả chúng sanh, đại bi là bạt khổ cho tất cả chúng sanh.”

(**) **Đại bàng Kim Sí Điểu:** Tiếng Phạn là Garuda, dịch âm là Ca-lâu-la hoặc Nghiệt-lỗ-noa. Đây là loài chim lớn có hai cánh dang rộng 336 vạn dặm, châu Diêm-phù-đề chỉ chứa được một chân của chim nên gọi là đại bàng, lông trên thân có nhiều màu đẹp đẽ, bộ cánh sắc màu vàng kim cho nên gọi là Kim sí điểu, tức là Chim cánh vàng. Chim cánh vàng có 4 loại: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hóa sanh; thường trụ ở tầng dưới núi Tu-di, hay bắt Rồng làm thức ăn. Khi

chim ăn các loại như: rồng, cá, vàng, bạc, châu báu thì tiêu hóa hết, chỉ trừ có Kim cương là chẳng tiêu hóa được, và không nuốt được Rồng đã thọ Tam quy y.

Diễn tích trong Kinh kể rằng: Có một con Chim cánh vàng đuổi bắt một con Rồng để ăn thịt. Rồng sợ chạy đến chỗ Phật, vì chim kính Phật nên chẳng dám làm gì. Đức Phật vì chim thuyết pháp yếu và trao giới bát sát. Từ đó Chim cánh vàng nhận thức ăn do chư Tăng bố thí, và hộ trì Phật pháp.

Kinh Đại Bát Niết-Bàn, Phẩm Thánh Hạnh thứ mười chín, nói: “Lại này Thiện nam tử ! Như Kim sí điểu có thể nuốt các loài Rồng, chỉ không nuốt được Rồng đã thọ Tam quy y. Cũng vậy, sự chết có thể nuốt tất cả chúng sanh, chỉ trừ bậc Bồ-tát trụ ba môn chánh định: Không, Vô tướng, Vô nguyện.”

(*) Khoáng Dã quỷ thân chúng:**

Quỷ: Tiếng Phạn gọi là Lệ-tiết-đa. Chúng loại của quỷ có rất nhiều. Có những loại quỷ có uy lực thần thông khiến kẻ khác khiếp sợ như Dạ-xoa, La-sát v.v... Lại có loài gọi là Ngạ quỷ, thường bị khổ đói khác dày vò, loài này là một trong Lục thú (Lục thú còn gọi là Lục đạo gồm 6 nẻo: Trời, A-tu-la, Người, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục.)

Thần: là loài có sức thần thông, có năng lực lớn.

Quỷ thân: thường là tên gọi chung chỉ Thiên long Bát bộ chúng.

Khoáng Dã: là địa danh của một thôn xóm. Trong khu rừng gần thôn này có một quỷ thân cư ngụ, cũng

lấy địa danh thôn này mà đặt tên cho quỷ đó nên gọi là quỷ Khoáng Dã. “Khoáng Dã quỷ thần chúng” tức là quỷ Khoáng Dã cùng với chúng quỷ thần quyến thuộc và bộ hạ của quỷ này.

Về trú xứ của quỷ thần, **Kinh Trường A-hàm** nói: <<Phật bảo Tỳ-kheo: “Tất cả nơi nhà ở của nhân dân đều có quỷ thần. Tất cả trên đường phố, đường hẻm, nơi ngã tư đường, nơi lò sát sanh súc vật, nơi quán chợ... và trong các gò mả đều có quỷ thần. Các quỷ thần đều tùy chỗ nương tựa mà lấy đó làm tên. Dựa vào người thì có tên người, dựa vào thôn thì có tên thôn, dựa vào thành thì có tên thành, dựa vào quốc độ thì có tên quốc độ, dựa vào đất thì có tên đất, dựa vào núi thì có tên núi, dựa vào sông thì có tên sông”.

Đức Phật lại bảo Tỳ-kheo: “Tất cả cỏ cây nhỏ nhất như trục bánh xe đều có quỷ thần nương tựa. Tất cả trẻ con trai, gái lúc mới sanh đều có quỷ thần theo ủng hộ. Lúc chết thì quỷ thần thủ hộ đó thu tinh khí người ấy.”>>

Về nguyên do cúng thí quỷ thần, **Kinh Đại Bát Niết-Bàn**, Phẩm Phạm Hạnh thứ hai mươi, nói:

<<Này Thiện nam tử ! Trước kia có một hôm ta đi ngang thôn Khoáng Dã. Ở dưới rừng có một quỷ thần tên là Khoáng Dã. Quỷ này thuần ăn máu thịt, giết hại nhiều chúng sanh. Quỷ ấy lại mỗi ngày ăn một người trong thôn xóm gần đó. Lúc đó ta rộng nói pháp yếu cho quỷ Khoáng Dã, nhưng quỷ ấy hung bạo ngu si chẳng lãnh thọ Giáo pháp. Ta liền hóa thân ra làm đại lực quỷ, làm rúng động cung điện của nó. Quỷ Khoáng Dã dất quyến thuộc và bộ hạ kéo ra muốn chống cự với ta.

Chúng nó vừa thấy ta, liền run sợ té xuống đất ngất xỉu như người chết. Ta dùng lòng từ bi lấy tay xoa lên mình nó. Nó tỉnh dậy nói rằng: “Hôm nay may mắn được sống lại. Vị đại thần vương này có oai đức lớn, có tâm từ bi tha tội lỗi của tôi”. Quý Khoáng Dã liền sanh tâm lành, kính tin nơi ta. Ta hiện hườn lại thân Như Lai vì họ nói pháp yếu, cho các quỷ thần kia thọ giới bất sát.

Chính ngày đó, trong thôn Khoáng Dã có một ông trưởng giả đến phiên phải chết. Người trong thôn đã đưa ông ấy giao cho quỷ Khoáng Dã. Quỷ Khoáng Dã liền đem đến cúng thí cho ta. Ta lãnh ông trưởng giả và đặt hiệu cho ông là Thủ trưởng giả. Quỷ Khoáng Dã bạch ta rằng: “Thế Tôn ! Con và quyến thuộc của con chỉ nhờ máu thịt mà đặng sống, nay thọ giới bất sát biết lấy gì để sống được ?” – Ta bảo rằng: “Từ nay trở đi, Như Lai sẽ bảo hàng Thanh Văn đệ tử, tùy chỗ nào có Phật pháp lưu hành đều sẽ cúng thí đồ uống ăn cho nhà người.”

Này Thiện nam tử ! Do nhân duyên đó, ta chế điều Giới: Các Tỳ-kheo từ nay trở đi thường phải thí thực cho quỷ Khoáng Dã. Nếu người xuất gia nào chẳng cúng thí, nên biết người đó chẳng phải là đệ tử Phật, mà chính là đồ đảng quyến thuộc của Thiên ma.

Này Thiện nam tử ! Như Lai vì muốn điều phục chúng sanh nên thị hiện những phương tiện như vậy. Chẳng phải cố ý làm cho họ sanh lòng sợ hãi.>>

(****) **La-sát Quỷ tử mẫu:**

La-sát: Tiếng Phạn là Ràksava, dịch âm là La-sát-ta hay La-xoa-ta, thường hay gọi tắt là La-sát; dịch

nghĩa là Hung bạo khả úy quỷ, tức là loài quỷ hung ác đáng sợ. Đây là tên gọi chung của các loài Ác quỷ, loài này hay ăn huyết thịt của người. Nếu là quỷ nữ thì gọi là La-xoa-tư.

Quỷ tử mẫu: Vốn là vị La-sát nữ có tên Hariti, dịch âm Ha-lê-đế hay Ha-lợi-đế, dịch nghĩa là Hoan hỷ. Bà là mẹ của 500 quỷ La-sát con, nên gọi là Quỷ tử mẫu hay Quỷ tử mẫu thân. Ban đầu, bà là ác quỷ mỗi ngày chuyên ăn thịt trẻ con. Sau Đức Phật khéo dùng phương tiện điều phục, khiến thọ Tam quy y và Ngũ giới cấm. Từ đó, bà không sát hại trẻ con để ăn nữa, mà nhận thực phẩm do chư Tăng thí cho, đồng thời phát nguyện hộ trì Chánh pháp, bảo hộ trẻ nít và người tu hành.

Tỳ-nại-da Táp Sự nói: <<Lúc đó, Ha-lợi-đế quy y Như Lai và xin thọ giới cấm. Nhờ vậy dân chúng trong vùng đều được an vui, là các sự ưu ão.

Khi Ha-lợi-đế mẫu thọ Tam quy y và Ngũ giới cấm từ Đức Phật rồi, thì từ việc không sát sanh cho đến không uống rượu, đều phải tuân giữ. Bà liền đến trước Phật bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn ! Con và các con từ nay trở đi sẽ ăn vật gì ?”

Phật bảo: “Này Thiện nữ ! Người chẳng cần phải lo. Ở Nam Thiệm Bộ châu có các đệ tử Thanh Văn của ta, mỗi lần ăn đều xuất thức ăn cho chúng sanh, và ở cuối đường đi bày thiết một bàn ăn, sẽ gọi tên người cùng các con của người, đều cho ăn no, vĩnh viễn không còn đói khổ. Nếu có chúng sanh nào khác đến các nơi như sông núi, biển cả... khi ăn cũng phải nên cúng thí cho các quỷ thần. Nhờ sự vận tâm của người cúng, khiến chúng quỷ thần đều được no đủ.”

Phật lại bảo Ha-lợi-đề: “Lại nữa, nay ta phó chúc cho người, ở trong Giáo pháp của ta, hoặc các nơi già-lam trú xứ của chư Tăng, người và các con của người nên siêng năng ủng hộ, ngày đêm chớ để suy tổn, lại khiến cho được an lạc. Từ đây cho đến về sau, Giáo pháp ta chưa diệt ở Nam Thiệm Bộ châu, các người hãy nên làm như thế.”>>

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Đà-La-Ni thứ hai mươi sáu, nói: <<Bấy giờ, có những La-sát nữ: Một tên Lam-bà, hai tên Tỳ-lam-bà, ba tên Khúc-xỉ, bốn tên Hoa-xỉ, năm tên Hắc-xỉ, sáu tên Đa-phát, bảy tên Vô-yểm-túc, tám tên Trì-anh-lạc, chín tên Cao-đế, mười tên Đoạt nhưất thiết chúng sanh tinh khí. Mười vị La-sát nữ đó cùng với Quỷ tử mẫu, con và quyến thuộc đều đến chỗ Phật, đồng tiếng bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Chúng con cũng muốn ủng hộ người đọc tụng, thọ trì Kinh Pháp Hoa, trừ sự khổ hoạn cho người đó. Nếu có kẻ rình tìm chỗ dở của Pháp sư, thời làm cho chẳng đặng tiện lợi.”>>

(*****) **Cam lộ**: Tiếng Phạn là Amṛta, dịch âm là A-mật-lí-đa hay A-mi-ri-đa. Đây là một loại thức ăn của cõi Trời, có vị ngọt như mật nên gọi Cam lộ. Người ăn vào được sống lâu, thân thể tươi sáng, khỏe mạnh an lành, cho nên được xem là thuốc bất tử.

Kinh Phật Thuyết Cam Lộ Đà-La-Ni nói: “Lấy một vốc nước, niệm chú 7 lần, rải vào không trung. Nước ấy mỗi giọt biến thành 10 hộc Cam lộ, khiến cho tất cả quỷ đói đều cùng được uống, không còn kẻ nào bị thiếu thốn, hết thấy đều được no đủ.”

Khi Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni còn tại thế, vì thấy có những loài quỷ thần chuyên sát hại và ăn thịt các chúng sanh khác, để nuôi dưỡng thân mạng. Nên Đức Phật từ bi thuyết Pháp, truyền trao Giới pháp Tam quy y, khuyên chúng quỷ thần giữ giới bất sát; Và hứa khả về đời sau này, khiến cho chúng luôn được no đủ trong giới pháp thanh tịnh. Vì thế, Đức Phật chế định cho tất cả chúng đệ tử xuất gia ở trong Phật pháp, trước khi ăn nên trích một ít thực phẩm từ phần ăn của mình, đem ra bố thí cho chúng quỷ thần ấy.

Trong buổi thọ trai, sau khi đọc Văn cúng dường chư Phật rồi. Trước khi ăn, Tỳ-kheo trích từ phần cơm trong bát của mình ra 7 hạt (nếu mì sợi thì dài không quá 1 tấc), tiếp tụng bài kệ chú Xuất sanh này xong, đưa cho Thị giả đem ra bố thí cho chúng Quý thần.

(Thị giả là người kề cận bên cạnh các vị trưởng lão Tăng-Ni, để trưởng lão sai bảo các việc.)

28

侍者送食

THỊ GIẢ TỔNG THỰC

(THỊ GIẢ ĐƯA THÍ THỨC ĂN)

• BIẾN THỰC CHÂN NGÔN:

那謨薩嚩 怛他彥多 嚩盧枳帝

唵。參婆囉參婆囉吽 (三遍)

**NA MÔ TÁT PHẠ ĐÁT THA NGHIỆT ĐA PHẠ
LÔ CHỈ ĐẾ. ÚM , TAM BÀ RA TAM BÀ RA HỒNG.**

(3 biến)

• 汝等鬼神眾

我今施汝供

此食徧十方

一切鬼神共

唵。穆力陵莎訶 (三徧)

Nhữ đẳng quỷ thần chúng

Ngã kim thí nhữ cúng

Thử thực biến thập phương

Nhứt thiết quỷ thần cộng.

Chúng quỷ thần các người

Nay tôi nguyện cúng cho

Cơm này biến mười phương

Cả quỷ thần cùng hưởng.

ÚM , MỤC LỰC LĂNG SA HA. (3 biến)

Kinh Phật Thuyết Cứu Bạt Diệm Khẩu Nga Quỷ Đà-La-Ni nói: <<Bấy giờ Thế Tôn bảo A-Nan rằng: “Ông nay chớ sợ hãi, ta có phương tiện khiến ông có thể cấp thí cho hàng trăm ngàn Hằng hà sa ngàn ấy Nga quỷ cùng với chư Tiên nhân Bà-la-môn các thứ đồ uống ăn. Ông chớ ưu tư phiền não”. Đức Phật lại bảo A-Nan: “Có Đà-la-ni tên là Vô Lượng Uy Đức Tự Tại Quang Minh Thù Thắng Diệu Lực. Nếu tụng Đà-la-ni này, liền có thể cấp cho câu-chi na-do-tha trăm ngàn Hằng hà sa số Nga

quỷ cùng với các Tiên nhân Bà-la-môn như thế, đầy đủ đồ ăn thức uống thượng diệu. Cho đến trong mỗi mỗi chúng như thế, đều được số thức ăn bằng 81 học của nước Ma-già-đà. A-Nan ! Ta đời trước khi là Bà-la-môn, ở nơi Quán Thế Âm Bồ-tát và nơi Đức Phật Thế Gian Tự Tại Oai Đức Như Lai, thọ nhận Đà-la-ni này, có thể phóng thí cho vô lượng Nga quỷ cùng chư Tiên nhân mọi thức uống ăn, khiến chư Nga quỷ giải thoát khổ thân, được sanh lên cõi Trời. A-Nan ! Ông nay thọ trì thời phước đức, thọ mạng đều được tăng trưởng.”>>

Số lượng chúng Quỷ thân nhiều không thể tính kể. Sự ăn uống của Quỷ thân chủ yếu nhờ vào Pháp lực. Trước khi đưa thức ăn bố thí, Thị giả nên tịnh tâm quán tưởng và tụng chú “Vô Lượng Uy Đức Tự Tại Quang Minh Thù Thắng Diệu Lực” (Biến Thực Chân Ngôn), 3 hoặc 7 biến để gia trì thực phẩm. Kế đến tụng kệ chú này. Do sức quán tưởng và uy lực của Chân ngôn, nên tất cả Quỷ Thân trong mười phương Pháp giới đều được no đủ. Khi Thị giả đưa thức ăn bố thí cho Quỷ thân xong, trở vào Trai đường. Vị Duy-na liền xướng Tăng-bạt.

☸29☸

唱僧跋

XƯỚNG TĂNG-BẠT

(XƯỚNG TỤNG TĂNG-BẠT)

唵。三跋羅伽多 (三編)

ÚM _ TAM BẠT LA GIÀ ĐÀ. (3 biến)

Tiếng Phạn ghi thể Sanskrit/English là:

Om _ Sambhàra-gata.

Phật chế luật: Tỳ-kheo trước khi ăn phải xướng Tăng-bạt. Nếu chư Tăng chưa xướng Tăng-bạt thời không vị nào được thọ thực trước, ăn trước thì phạm tội Ác tác (*Đột-kiết-la*).

Nhứt Thiết Hữu Bộ Mục-đắc-ca nói: “Ngoại đạo Thất-lợi-cấp-đa có ác ý thỉnh Phật và Tăng; làm trước một hầm lớn trong nhà, trong đốt lửa than không có khói và lửa ngọn, lấy đồ vật làm cầu treo, rải một lớp đất mỏng và phủ cỏ xanh, lại bỏ thuốc độc trong thức ăn. Thế Tôn dẫn chúng Tăng đến cửa vào nhà, chân vừa mới bước thì hoa sen hồng bỗng từ hầm vọt lên, mỗi người bước trên hoa sen mà vào. Đến giờ ăn, thấy thức ăn đã có độc. Thế Tôn dạy A-Nan bảo tất cả Tỳ-kheo, nếu chưa xướng Tam-bạt-la-già-đa, thì không được một người nào thọ thực trước. Ngài A-Nan như lời Phật dạy, bảo chư Tỳ-kheo đều biết, kế bảo từng người cầm Bát thức ăn, ở trước vị Thượng tọa, cúi mình cung kính, xướng Tam-bạt-la-già-đa. Do uy lực này, nên các chất độc trong thức ăn uống đều trừ.”

ॐ30ॐ

三匙 - 五觀

TAM CHỦY - NGŨ QUÁN

(ĂN BA MUỖNG - QUÁN NĂM ĐIỀU)

- 佛制比丘。食存五觀。散心雜話。
信施難消。大眾聞罄聲。各正念。

Phật chế Tỳ-kheo, thực tồn ngũ quán, tán tâm tạp thoại, tín thí nan tiêu. Đại chúng văn khánh thanh, các chánh niệm.

- 執持應器 當願眾生 成就法器 受天人供
啗。枳哩枳哩。嚩日囉吽發吒 (三徧)

Cháp trì ứng khí *

Đương nguyện chúng sanh

Thành tựu Pháp khí **

Thọ thiên nhưn cúng.

ÚM , CHỈ RỊ CHỈ RỊ , PHẠ NHỰT RA HỒNG PHẤN TRA. (3徧)

- (初匙)。願斷一切惡
(二匙)。願修一切善
(三匙)。誓度一切眾生

Sơ chủ: **Nguyện đoạn nhưt thiết ác.**

Nhị chủ: **Nguyện tu nhưt thiết thiện.**

Tam chủ: **Thệ độ nhưt thiết chúng sanh.**

- 一。計功多少。量彼來處。
二。忖己德行。全缺應供。
三。防心離過。貪等為宗。

四。正事良藥。為療形枯。

五。為成道業。應受此食。

Nhứt Kế công đa thiếu, lượng bĩ lai xú.

Nhị Thốn kỹ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng.

Tam Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông.

Tứ Chánh sự lương được, vị liệu hình khô.

Ngũ Vị thành đạo nghiệp, ứng thọ thử thực.

Dịch nghĩa:

- Phật chế luật: Tỳ-kheo ăn phải quán năm điều, tán tâm nói chuyện tạp, của Tín thí khó tiêu. Đại chúng nghe tiếng khánh, hãy nên giữ chánh niệm.
- Cầm giữ Ứng khí
Nay nguyện chúng sanh
Thành tựu Pháp khí
Nhận trời, người cúng.
**ÚM , CHỈ RỊ CHỈ RỊ , PHẠ NHỰT RA HỒNG
PHẤN TRA.** (3 biến)
- Muỗng thứ nhất: Nguyện dứt tất cả điều ác.
Muỗng thứ hai: Nguyện tu tất cả điều thiện.
Muỗng thứ ba: Thệ độ tất cả chúng sanh.
- Một là quán: Tính kể công lao làm ra nhiều ít, xét chỗ thực phẩm từ đâu mà có.

- Hai là quán: Nghĩ kỹ công đức, hạnh tu của mình đủ thiếu thế nào mà đáng nhận cúng dường.
- Ba là quán: Phòng hộ tâm ý, lìa xa lỗi lầm, chớ để tham cầu, sân, si làm chủ.
- Bốn là quán: Xem thức uống ăn chính là thuốc tốt, chỉ vì chữa trị thân hình gây yếu.
- Năm là quán: Xét vì bốn nguyện thành tựu đạo nghiệp, cho nên thọ nhận phần thực phẩm này.

(*) **Ứng khí:** Tiếng Phạn là Patra, dịch âm là Bát-đa-la, Trung Hoa dịch là Ứng lượng khí hay Ứng khí; tức là cái Bát của chư Tăng dùng nhận thực phẩm cúng dường của Đàn việt.

(**) **Pháp khí:** Chỉ người có khả năng thực hành Phật đạo, có năng lực tự độ và hoằng Pháp lợi sanh.

Luật chế định: Tỳ-kheo nghe đánh khánh hoặc kiền chùy (chuông) mới được ăn và không được khen, chê.

Luật Tăng-kỳ nói: “Này chư Tỳ-kheo ! Hãy xét kể một hạt gạo này, có phải dùng trăm công mới thành. Thí chủ bớt phần ăn của vợ con, vì cầu phước mà cúng dường.”

Luật Thiện Kiến nói: <<Đức Phật hỏi ngài A-Nan: “Tiếng này là tiếng của vật gì?”. A-Nan đáp: “Đó là tiếng chư Tỳ-kheo giã lúa mạch”. Đức Phật nói: “Lành

thay, lành thay ! Này A-Nan ! ông có hiểu vì sao Như Lai khen ngợi không ?. Đời vị lai sau, Tỳ-kheo ở trong chùa, thức ăn uống dễ có được nên sanh lòng kiêu mạn; nói cơm gạo thô, hoặc nói quá chín, hoặc nói quá cứng, hoặc nói gạo nát, hoặc nói chua mặn... Nói như thế tức là tìm tham dục trong lúa gạo”.

_ Đức Phật lại nói với A-Nan: “Các thầy là người lành, nên vì chư Tỳ-kheo ở đời sau mà tạo nhân duyên pháp lành. Nhờ pháp của các thầy, mà Tỳ-kheo đời sau nếu được thức ăn uống dù ngon, dù dở cũng không sanh lòng thêm bớt. Lại tự nghĩ rằng: Thuở xưa, đấng Pháp vương khi còn ở đời và các vị đại A-la-hán còn ăn lúa mạch của ngựa, huống là chúng ta ngày nay, đối với thức ăn uống này mà có sự khen chê.”>>

Luật Tứ Phần nói: “Cơm và canh đồng ăn một lúc. Phải ăn các món theo thứ lớp. Không được moi ở giữa Bát mà ăn. Lúc không có bệnh, không được vì mình tự hối thúc cầu đòi cơm canh. Không được dùng cơm che lấp canh để mong được thêm canh. Không được so nhìn vào Bát của người ngồi cạnh rồi sanh tâm tị hiềm. Lúc ăn nên buộc niệm nghĩ tưởng nơi Bát. Không được vắt cơm miếng lớn mà ăn. Không được há lớn miệng chờ cơm đưa đến. Không được nói chuyện lúc đang ngậm cơm ăn. Không được ném vắt cơm vào trong miệng mà ăn. Lúc ăn không làm đổ cơm rơi rớt. Lúc ăn không được độn cơm phồng hai má. Lúc ăn không được nhai cơm phát ra tiếng. Không được há miệng lớn để hút cơm mà ăn. Không được dùng lưỡi liếm ăn. Lúc ăn không được gãi bàn tay. Không được lấy tay nhặt cơm rơi mà ăn. Cần phải học.”

Sau khi làm pháp Tam-bạt-la-già-đa, nghe tiếng khánh và chú nguyện xong mới được ăn. Khi ăn, bưng bát ngang ngực, niệm Tam chủ và Ngũ quán, nhiếp tâm và ăn trong chánh niệm.

☸31☸

結齋

KẾT TRAI

(KẾT THỨC BUỔI THỌ TRAI)

• **CHÚ CHUẨN-ĐỀ:**

南謨颯哆南 三藐三勃陀俱胝南 怛姪他
唵。折戾主戾准締娑婆訶 (三徧)

NAM MÔ TÁP ĐÁ NẪM, TAM MIỆU TAM BỘT ĐÀ CÂU CHI NẪM. ĐÁT ĐIỆT THA: ÚM, CHIẾT LÊ CHỦ LÊ CHUẨN ĐỀ, SA BÀ HA. (3 biến)

- 所謂布施者
必獲其利益
若為樂故施
後必得安樂

Sở vị bố thí giả *

Tất hoạch kỳ lợi ích

Nhược vị nhạo cố thí

Hậu tất đắc an lạc.

Phàm những việc bố thí
 Đều thu hoạch lợi ích
 Nếu vì vui mà thí
 Về sau ắt an lạc.

- 飯食已訖 當願眾生 所作皆辦 具諸佛法

Phạn thực dĩ ngật
Đương nguyện chúng sanh
Sở tác giai biện **
Cụ chư Phật pháp.

Thọ dùng cơm đã xong
 Nay nguyện cho chúng sanh
 Việc cần làm đều xong
 Đầy đủ các Phật pháp.

(*) **Bố thí**: Tiếng Phạn là Dāna, dịch âm là Đàn-na, Trung Hoa dịch là Bố thí; nghĩa là đem phúc lợi ban bố cho người khác. Có ba loại bố thí đó là:

1. Tài thí: bỏ của cải, tài sản ra giúp người nghèo khó.
2. Pháp thí: thuyết giảng Phật pháp để độ hóa cho người được đạo giải thoát.
3. Vô úy thí: đem sự không sợ hãi mà an tâm cho người, cứu giúp người trong cơn nguy khốn.

(**) “**Sở tác giai biện**” nghĩa là chỗ cần phải làm đều đã xong. “**Cụ chư Phật pháp**” nghĩa là trong Giáo pháp của chư Phật, pháp phải tu, pháp phải học đã được thành tựu đầy đủ.

Hàng phàm phu trong Lục đạo bị vô minh che lấp, nghiệp thức mờ mịt. Hàng Nhị thừa Thanh Văn còn ở chặng giữa trên con đường giải thoát. Bạc Đẳng giác Bồ-tát công hạnh vẫn chưa viên mãn, con đường Phật đạo còn dài lâu. Duy chỉ có chư Phật được cứu cánh viên mãn, đã làm xong việc mà người chưa làm, đã thành tựu pháp mà chưa có ai thành tựu, đó là Vô thượng Bồ-đề đạo. Thế nên phải phát tâm cầu nguyện cho tất cả đều đặn quả như Phật vậy !

Luật chế định: Tỳ-kheo lúc tụng lời chú nguyện cho Thí chủ, phải nhiếp tâm trụ nơi việc thọ thực, không trụ thì phạm tội Vượt pháp.

Để kết thúc buổi thọ trai, trước trì tụng Chú Chuẩn-Đề, kể đến niệm hai bài pháp kệ chú nguyện công đức cho các Thí chủ.

☸ **32** ☸

洗鉢

TẨY BÁT

(RỬA BÁT)

以此洗鉢水

如天甘露味

施與諸鬼神

悉皆獲飽滿

唵。摩休囉悉莎訶 (三遍)

**Dĩ thử tẩy bát thủy
 Như thiên Cam lộ vị
 Thí dĩ chư quỹ thân
 Tất giai hoạch bảo mãn.**

Dùng nước rửa Bát này
 Như Cam lộ cõi Trời
 Mang thí các quỹ thân
 Hết thảy đều no đủ.

ÚM , MA HỮU RA TẤT SA HA. (3 biến)

Luật Tăng-kỳ nói:

- “Lúc rửa Bát, không được dùng tro cát tro để rửa, tránh làm bong tróc màu. Nên dùng cựa-ma, nước rế, lá, hoa, quả không có cát mà rửa.”
- “Nên đến chỗ đất bằng phẳng để rửa Bát. Nếu chỗ đất bùn dơ, nhiều rác không thể ngồi, nên cúi khom người xuống cách đất một gang tay mà rửa. Rửa Bát xong, phơi nắng cho khô.”

Tích xưa kể rằng: Có vị Thiền sư vì tiếc nước rửa bát mà uống; bị bệnh lâu ngày. Sau được thần hộ pháp chỉ cho biết nên đem nước rửa bát bố thí cho Quý thân, bệnh liền khỏi.

Tỳ-kheo khi thọ thực xong, lấy nước sạch rửa Bát; nên ngồi mà rửa, không được đứng để rửa Bát. Nước rửa Bát không được dùng để uống, nên đem đổ nơi đất sạch, tụng kệ chú này và khảy móng tay để bố thí nước cho Quý thân.

33

受觀

THỌ SẮN *

(NHẬN ĐỒ CÚNG DƯỜNG)

財法二施 等無差別 檀波羅蜜 具足圓滿

Tài pháp nhị thí

Đẳng vô sai biệt

Đàn Ba-la-mật **

Cụ túc viên mãn.

Tài thí cùng Pháp thí

Bình đẳng không sai biệt

Bố thí Ba-la-mật

Đầy đủ và viên mãn.

(*) **Sấn:** Sau buổi thọ trai, thường thí chủ dâng cúng tài vật, chư Tăng đều dùng tay phải để nhận lấy. Tỳ-kheo sau khi nhận tài vật cúng dường của người xong, đáp lại bằng cách thuyết Pháp gọi là Đạt-sấn; tiếng Phạn là Daksinà. Đạt-sấn là Pháp thí của chư Tăng.

Người thế tục cúng dường tài vật cho chư Tăng gọi là Sấn thí.

Tài vật của người thế tục thí cúng gọi là Tài sấn.

Tỳ-kheo nhận tài vật cúng dường của người thế tục gọi là Thọ sấn.

(**) **Đàn Ba-la-mật:** Viết đủ là Đàn-na Ba-la-mật-đa, tiếng Phạn là Dàna-pàramità, dịch là Bố thí đáo bỉ

ngạn, là Độ thứ nhất trong Lục độ Ba-la-mật. Gọi Bồ thí Ba-la-mật vì là pháp tịnh thí bất trụ tướng, rốt ráo giải thoát đến bờ kia. Lại vì Bồ thí Ba-la-mật vượt ra ngoài đối đãi nhị biên, đạt đến chỗ vô vi, nên so với công đức Pháp thí là bình đẳng không sai biệt vậy!

Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Bồ-tát Tạng, Phẩm thứ sáu Đàn-na Ba-la-mật-đa nói:

“Lại này Xá-Lợi-Phất ! Thế nào gọi là đại Bồ-tát y theo Đàn-na Ba-la-mật-đa để thực hành Bồ-tát hạnh ?

Lúc đại Bồ-tát thực hành Đàn-na Ba-la-mật-đa cứu độ chúng sanh, đại Bồ-tát vì chúng sanh mà làm thí chủ. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn đến cầu xin; Bồ-tát đều thí cho, cần ăn cho thức ăn, cần uống cho món uống, những vật ngon của lạ đều thí cho hết; hoặc có người cầu xin y phục, xe cộ, hương hoa, giường ghế, chiếu mền, thuốc men, đèn đuốc, âm nhạc, tô tở, vàng bạc, châu báu, voi, ngựa, rừng vườn, suối ao, trai gái, thê thiếp, kho tàng; hoặc có kẻ cầu xin đồ dùng của Luân vương; hoặc cầu xin tay, chân, đầu, mắt, máu, thịt, xương, tủy... Bồ-tát đều có thể vui mừng thí cho.

Này Xá-Lợi-Phất ! Nói tóm lại, đại Bồ-tát thực hành đại thí, chỉ thấy người đến cầu tất cả vật cần dùng ở thế gian đều thí cho cả.

Này Xá-Lợi-Phất ! Đại Bồ-tát thực hành Đàn-na Ba-la-mật-đa, lại có mười pháp bố thí thanh tịnh:

Một là, đại Bồ-tát không có cầu tài vật bất chánh mà bố thí.

Hai là, đại Bồ-tát chẳng bức ngặt chúng sanh mà bố thí.

Ba là, đại Bồ-tát chẳng đe dọa chúng sanh mà bố thí.

Bốn là, đại Bồ-tát chẳng từ chối chỗ yêu cầu mà bố thí.

Năm là, đại Bồ-tát chẳng xem xét diện mạo mà bố thí.

Sáu là, đại Bồ-tát đối với chúng sanh lòng không ý tưởng sai biệt mà bố thí.

Bảy là, đại Bồ-tát không có lòng tham ái mà bố thí.

Tám là, đại Bồ-tát không có lòng giận hờn mà bố thí.

Chín là, đại Bồ-tát chẳng cầu quốc độ mà bố thí.

Mười là, đại Bồ-tát đối với chúng sanh chẳng khinh miệt, xem họ là phước điền mà bố thí.

Đây gọi là đại Bồ-tát thực hành mười pháp bố thí thanh tịnh, để được viên mãn Đàn-na Ba-la-mật-đa vậy.

Lại này Xá-Lợi-Phất ! Lúc thực hành Đàn-na Ba-ba-la-mật-đa, đại Bồ-tát lại có mười pháp bố thí thanh tịnh:

Một là, đại Bồ-tát chẳng hủy bỏ nghiệp báo mà bố thí.

Hai là, đại Bồ-tát chẳng có tà ý mà bố thí.

Ba là, đại Bồ-tát đều tin hiểu mà bố thí.

Bốn là, đại Bồ-tát không chán mệt mà bố thí.

Năm là, đại Bồ-tát không biểu hiện tướng dạng mà bố thí.

Sáu là, đại Bồ-tát mạnh mẽ, phấn khởi mà bố thí.

Bảy là, đại Bồ-tát không có ăn năn mà bố thí.

Tám là, đại Bồ-tát đối với người trì Giới chẳng thiên kính mà bố thí.

Chín là, đại Bồ-tát đối với người phạm Giới chẳng khinh bỉ mà bố thí.

Mười là, đại Bồ-tát chẳng cầu mong quả báo mà bố thí.

Đây là đại Bồ-tát thực hành mười pháp thanh tịnh bố thí, để được viên mãn Đàn-na Ba-la-mật-đa vậy.

Lại này Xá-Lợi-Phất ! Lúc thực hành Đàn-na Ba-la-mật-đa, đại Bồ-tát lại có mười pháp thanh tịnh bố thí:

Một là, đại Bồ-tát chẳng mắng nhiếc mà bố thí.

Hai là, đại Bồ-tát chẳng xoay lưng mà bố thí.

Ba là, đại Bồ-tát chẳng có không thanh tịnh mà bố thí.

Bốn là, đại Bồ-tát chẳng hiện tướng giận dữ mà bố thí.

Năm là, đại Bồ-tát chẳng hiện tướng ghét mà bố thí.

Sáu là, đại Bồ-tát chẳng hiện tướng giận hờn mà bố thí.

Bảy là, đại Bồ-tát ân cần, trịnh trọng mà bố thí.

Tám là, đại Bồ-tát tự tay cho mà bố thí.

Chín là, đại Bồ-tát chẳng có hứa nhiều, cho ít mà bố thí.

Mười là, đại Bồ-tát chẳng cầu đời sau mà bố thí.

Đây là đại Bồ-tát thực hành mười pháp thanh tịnh bố thí, để được viên mãn Đàn-na Ba-la-mật-đa vậy.

Lại này Xá-Lợi-Phất ! Lúc thực hành Đàn-na Ba-la-mật-đa, đại Bồ-tát lại có mười pháp thanh tịnh bố thí:

Một là, đại Bồ-tát luôn thường bố thí.

Hai là, đại Bồ-tát không lệ thuộc mà bố thí.

Ba là, đại Bồ-tát không sai biệt mà bố thí.

Bốn là, đại Bồ-tát không duyên sự khác mà bố thí.

Năm là, đại Bồ-tát không kém yếu mà bố thí.

Sáu là, đại Bồ-tát không mong sắc đẹp, của cải và tự tại mà bố thí.

Bảy là, đại Bồ-tát không cầu sanh các cõi Trời mà bố thí.

Tám là, đại Bồ-tát không hồi hướng bậc Thanh Văn, Độc Giác mà bố thí.

Chín là, đại Bồ-tát không vì người thông minh chê trách mà bố thí.

Mười là, đại Bồ-tát không hề chẳng hồi hướng Nhất thiết trí mà bố thí.

Đây gọi là đại Bồ-tát thực hành mười pháp bố thí thanh tịnh, để được viên mãn Đàn-na Ba-la-mật-đa vậy.

Lại này Xá-Lợi-Phất ! Lúc thực hành Đàn-na Ba-la-mật-đa, đại Bồ-tát lại có mười pháp bố thí thanh tịnh: đó là trong mười pháp bố thí đã nói ở trên ra khỏi Hữu vi mà chúng được Vô vi.”

Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới nói: “Lại phát thệ rằng: Thà lấy lưới sắt nóng quán thân mình cả nghìn lớp, quyết không để thân này phá Giới mà thọ những đồ y phục của tín tâm Đàn việt. Thà chịu nuốt hòn sắt cháy đỏ và uống nước đồng sôi mãi đến trăm nghìn kiếp, quyết không để miệng này phá Giới mà ăn các thứ thực phẩm của tín tâm Đàn việt. Thà nằm trên đồng lửa lớn, trên tấm sắt nóng, quyết không để thân này phá Giới mà nhận lấy các thứ giường, ghế của tín tâm Đàn việt. Thà trong một hai kiếp chịu cho cả trăm gươm dao đâm vào mình, quyết không để thân này phá Giới mà thọ các thứ thuốc men của tín tâm Đàn việt. Thà nhảy vào vạc dầu sôi trong trăm nghìn kiếp, quyết không để thân này phá Giới mà lãnh những phòng nhà, ruộng vườn, đất đai của tín tâm Đàn việt.”

Tuy nhiên xét về dụng, trong 3 loại bố thí: Pháp, tài và vô úy; thì Pháp thí là tối thắng nhất.

Kinh Pháp Cú, Pháp cú số 354 nói:

“Pháp thí thắng mọi thí
 Pháp vị thắng mọi vị
 Pháp hỷ thắng mọi hỷ
 Ái diệt thắng mọi khổ.”

Kinh Kim Quang Minh nói: “Người khuyến thỉnh Đức Như Lai chuyển Pháp luân là Pháp thí. Pháp thí có năm thứ lợi ích. Sao gọi là năm ?

Một là, Pháp thí lợi ích cả hai bên, tài thí chẳng giống như vậy.

Hai là, Pháp thí có thể khiến chúng sanh vượt ra Ba cõi, tài thí chẳng ra khỏi cõi Dục.

Ba là, Pháp thí lợi ích cho Pháp thân, tài thí chỉ tăng trưởng sắc thân.

Bốn là, Pháp thí tăng trưởng không tận, tài thí quyết chắc sẽ có ngày khô kiệt.

Năm là, Pháp thí có năng lực đoạn dứt vô minh, tài thí chỉ hàng phục lòng tham.

Thế nên Thiện nam tử ! Công đức khuyến thỉnh này thù thắng vô lượng vô biên, khó lấy gì thí dụ được. Như ta thuở xưa, khi hành đạo Bồ-tát, ở trước chư Phật Thế Tôn khuyến thỉnh chuyển Đại pháp luân. Do thiện căn này, nên tất cả hàng Đế Thích và Đại Phạm vương cũng khuyến thỉnh ta chuyển Đại pháp luân.”

Kinh Đại Bảo Tích nói: “Nếu trân bảo đầy khắp thế giới nhiều như các sông hằng, đem cúng dường chư Như Lai, không bằng một lần Pháp thí. Bồ thí trân bảo phước tuy nhiều, nhưng không bằng một lần Pháp thí. Một bài kệ phước còn thù thắng, huống là đạo lý khó nghĩ bàn.”

_ Lại nói: “Đừng cho thí là thí
Đừng cho thọ là thọ,
Người thí được như thế
Mới gọi là tịnh thí.”

Luật Tăng-kỳ nói: “Bồ thí cả chân kim trong trăm ngàn thế giới, không bằng một lần Pháp thí, tùy thuận thấy Chân đế.”

Tỳ-kheo khi thọ nhận đồ vật cúng dường và Pháp thí cho vị thí chủ xong (nếu có), thầm tụng kệ này.

34

取楊枝

THỦ DƯƠNG CHI

(LẤY NHÀNH DƯƠNG)

- 手執楊枝 當願眾生 皆得妙法 究竟清淨
唵。薩吧嚩述答。薩哩吧。答哩嘛。薩吧嚩述
怛唎 (三編)

Thủ chấp dương chi *

Dương nguyện chúng sanh

Giai đắc diệu pháp

Cứu cánh thanh tịnh.

Tay cầm nhánh dương

Nay nguyện chúng sanh

Đều được diệu pháp

Rốt ráo thanh tịnh.

**ÚM , TÁT BA PHẠ THUẬT ĐÁP, TÁT RỊ BA,
ĐÁP RỊ MA, TÁT BA PHẠ THUẬT ĐÁT HẨM. ****

(3 biến)

- **TỊNH PHÁP GIỚI CHÂN NGÔN:**

唵。嚩莎訶 (二十一編)

ÚM LAM SA HA. (21 biến)

(*) **Dương chi:** Tiếng Phạn là Danta-kaṣṭha, Trung Hoa dịch là Xỉ mộc, nghĩa là nhánh cây Dương. Về chủng loại, cây Dương có 4 loại:

1. Bạch dương: lá hình tròn, xung quanh có răng cưa, lá mọc xen kẽ thành hình trứng có phần trên nhọn.
2. Thanh dương: lá tròn dài, xung quanh có răng cưa, phần trên lá nhọn sắc, còn có tên khác là Thủy dương.
3. Xích dương: lá có màu đỏ khi sương xuống, xung quanh có răng cưa, lá mọc xen kẽ thành hình trứng có phần trên nhọn.
4. Hoàng dương: lá tròn dài, xung quanh mềm mượt, lá mọc đối xứng nhau.

Chư Tăng ngày xưa cắt dùng cành Dương, nhấm lấy hay đập dập một đầu thành như bông xơ để chải răng.

Thường thì dùng cành Liễu rũ thay thế cho 4 loại Dương kể trên. Liễu rũ còn gọi là Dương nhỏ (Tiểu dương). Nếu không có các loại cây trên, thì các loại cây mềm, vị đắng chát, tính hòa đều có thể dùng làm vệ sinh răng miệng. Ngày nay, thường dùng bàn chải nhựa và kem đánh răng để làm vệ sinh răng miệng.

(**) Đây là **Tự Tánh Thanh Tịnh Chân Ngôn**, còn một bản phiên âm khác thường hay trì tụng là:

Úm , sa phạ bà phạ, thuật đà sa phạ, đạt ma sa phạ bà phạ, thuật độ hám.

Tiếng Phạn ghi thể Sanskrit/English là:

Om svabhàva súddha sarva dharma svabhàva súddha uham.

Tam Thiên Oai Nghi nói: “Lấy nhánh Dương có năm việc: 1.Cắt nên đúng độ dài; 2.Chẻ nên đúng như

pháp; 3.Đầu nhấm không quá ba phân; 4.Chải răng nên ở khoảng giữa ba cái răng; 5.Nên rửa nước mà tự dùng.”

Trong lúc cắt cành và lấy nhánh Dương để làm cây chải răng nên thêm niệm kệ chú này, sau đó tiếp niệm Tịnh Pháp Giới chân ngôn 21 biến để gia trì.

☸ **35** ☸

嚼楊枝

TƯỚC DƯƠNG CHI

(NHẤM NHÀNH DƯƠNG)

嚼楊枝時 當願眾生 其心調淨 噬諸煩惱
 唵。阿暮伽。彌摩隸。爾縛迦囉。僧輸馱你。
 鉢頭摩。俱摩囉。爾縛僧輸馱耶。陀囉陀囉。素
 彌麼嚩。莎縛訶 (三遍)

Tước dương chi thời

Đương nguyện chúng sanh

Kỳ tâm điều tịnh

Phệ chư phiền não.

Lúc nhấm nhánh dương

Nay nguyện chúng sanh

Tâm ấy điều tịnh

Cắn vỡ phiền não.

**ÚM , A MỘ GIÀ, DI MA LỆ, NHĨ PHẠ CA RA,
 TĂNG THÂU ĐÀ NỄ, BÁT ĐẦU MA, CÂU MA RA,**

NHĨ PHẠ TĂNG THÂU ĐÀ DA, ĐÀ RA ĐÀ RA, TỐ DI MA LÊ, SA PHẠ HA. (3 biến)

Luật chế định: Tỳ-kheo làm sạch răng miệng mỗi ngày, vào lúc sáng mới ngủ dậy và sau khi thọ trai. Nếu không dùng nhánh Dương chải răng, để miệng hôi dơ sẽ bị loài phi nhân khinh ghét, lại phạm tội Vượt pháp. Lại nói: Tỳ-kheo không ngồi chỗ trống trải, không vào trong nhà xí mà đánh răng. Khi đánh răng hoặc nạo lưỡi rồi, nên dùng nước rửa nhánh dương xong mới được đem bỏ, không rửa thì phạm tội Vượt pháp.

Luật Tứ Phần nói: “Không được ở dưới tháp Phật mà nhấm nhánh dương. Không được hướng về phía tháp Phật mà nhấm nhánh dương. Không được nhiễu quanh bốn phía tháp Phật mà nhấm nhánh dương. Cần phải học.”

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: “Không nhấm nhánh Dương có năm điều chẳng lợi: 1.Hơi miệng thối; 2.Trong yết hầu dơ; 3.Phong lạnh làm thức ăn trong dạ dày sanh đàm ẩm không tiêu; 4.Không muốn ăn uống; 5.Bệnh mắt tăng thêm.”

Tỳ-nại-da Tạp Sự nói: “Người đánh răng có năm điều thắng lợi: 1.Trừ được hoàng nhiệt; 2.Khử được đàm dãi; 3.Hơi miệng không hôi; 4.Ăn uống ngon miệng; 5.Mắt được sáng sạch.”

Tam Thiên Oai Nghi nói: “Nạo lưỡi có năm việc: 1.Không được quá ba lần; 2.Trên lưỡi rướm máu nên thôi; 3.Tay không động mạnh làm dơ y áo và chân; 4.Không bỏ nhánh dương trên đường đi; 5.Thường nên bỏ nhánh dương chỗ khuất.”

Phương cách vệ sinh răng miệng là ban đầu dùng bàn chải đánh răng, chải đánh ở khoảng giữa ba chiếc răng. Sau đó, dùng nước sạch súc miệng, không được ngậm nước trong miệng cùng lúc với đánh răng. Ngày nay, dùng bàn chải nhựa và kem để đánh răng, xong cũng rửa sạch, đem phơi khô ráo.

Khi nhấm bàn chải đánh răng hoặc dùng bàn chải đánh răng nên trì tụng kệ chú này.

☸36☸

漱口

SẤU KHẨU

(SÚC MIỆNG)

漱口連心淨

吻水百花香

三業恒清淨

同佛往西方

唵 憇。唵 罕 莎 訶 (三編)

Sấu khẩu liên tâm tịnh

Vãn thủy bách hoa hương

Tam nghiệp hằng thanh tịnh

Đồng Phật vãng Tây phương.

Súc miệng sạch luôn tâm

Môi thơm nước trăm hoa

Ba nghiệp thường thanh tịnh
 Đồng Phật sang Tây phương.

ÚM HÁM. ÚM HÃN SA HA. (3 biến)

Luật Thập Tụng nói: “Lấy nước ngậm trong miệng, súc ba lần. Đó là cách làm sạch miệng.”

Tam Thiên Oai Nghi nói: “Súc miệng có năm việc: 1.Không được ngồi thòng chân; 2.Không được hướng đến tháp Phật, cũng không quay lưng; 3.Không được hướng đến chư sư Hòa thượng, A-xà-lê, cũng không quay lưng; 4.Không được ở trên rãnh nước, cũng không quay lưng ngược dòng suối chảy; 5.Không được nói chuyện với người, cũng không nhận lễ bái của người.”

Trước khi thuyết Pháp, lễ Phật, tụng Kinh, bái Sám, trước và sau khi thọ trai hoặc uống nước cốt phi thời thực, sau khi nhắm nhành dương chải răng, sau khi đại tiểu tiện từ nhà xí ra... đều phải súc miệng. Trong khi súc miệng thâm niệm kệ chú này.

☸37☸

敷單坐禪

PHU ĐƠN TỌA THIÊN

(BÀY ĐƠN NGÔI THIÊN) *

- 若敷牀座 當願眾生 開敷善法 見真實相

Nhược phu sàng tọa **

Đương nguyện chúng sanh

**Khai phu thiện pháp
Kiến chân thật tướng.**

Như bày giường ngồi
Nay nguyện chúng sanh
Mở bày thiện pháp
Thấy chân thật tướng.

- 正身端坐 當願眾生 坐菩提座 心無所著
唵。縛則囉。阿尼鉢羅尼。邑多耶莎訶 (三遍)

Chánh thân đoan tọa *
Đương nguyện chúng sanh
Tọa Bồ-đề tòa
Tâm vô sở trước.**

Thân ngay ngồi thẳng
Nay nguyện chúng sanh
Ngồi tòa Bồ-đề
Tâm không nhiễm trước.

**ÚM , PHẠ TẮC RA, A NI BÁT LA NI, ẤP ĐA
DA SA HA. (3 biến)**

(*) **Thiền:** Tiếng Phạn là Dhyàna, dịch âm là Thiền-na, có nghĩa là tư duy, tĩnh虑. Thiền là một trong ba phương tiện tu hành ban đầu để đạt đến sự tịnh giác. Ba pháp tu này bao gồm: tu chỉ, tu quán và tu thiền.

- Tu CHỈ (Sàmatha/Sa-ma-tha/Định): Còn gọi là Thiền chỉ hay Thiền định, có nghĩa là Định tĩnh. Hành giả vận dụng trí giác buộc tâm ý ngưng tụ, dứt trừ ức niệm, chặn đứng vọng tưởng. Cho đến

chỗ như Kinh đã nói: ở nơi không chỗ trụ trước mà sanh tâm thanh tịnh. Khi ấy hành giả tỏ ngộ bản tánh Viên giác thanh tịnh vốn có của mình.

- Tu QUÁN (Samàpatti/Tam-ma-bát-đề/Đẳng trì, Đẳng chỉ): Còn gọi là Thiền quán. Hành giả vận dụng trí huệ, tư duy (năng quán) để quán chiếu, nhận xét hay suy nghiệm một đối tượng (sở quán), giữ cho tâm ở trạng thái định tĩnh, không động loạn hay hôn trầm. Từ đó đưa đến sự thành tựu thắng cảnh định tĩnh của Huệ quán. Sở quán là đề mục, là đối tượng để quán sát, nó có thể là Sắc tướng, Âm thanh, hoặc Pháp tướng v.v... Trong quá trình tu quán, nếu phát sinh những cảnh giới, hay quán cảnh không đúng như chỗ đã nghe, đã được Phật dạy trong Kinh, thì không nên chấp thủ.
- Tu THIỀN (Dhyàna/Thiền-na/Tĩnh lự): Tĩnh tức là Chỉ, Lự tức là Quán, có nghĩa là tư duy quán chiếu trong tịch tĩnh. Pháp tu Thiền-na này có thể nói là Chỉ và Quán song tu.

Kinh Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu Nghĩa, chương Viên Giác Bồ-tát thứ 11, Đức Phật dạy:

“Thiện nam tử ! Nếu chúng sanh tu hành ở thời Mạt thế, cầu Bồ-tát đạo. Vào ba kỳ hạn an cư tu Viên giác thanh tịnh, nếu tất cả cảnh giới chẳng phải như chỗ đã nghe, trọn không nên nương trụ, chấp giữ.

Thiện nam tử ! Nếu các chúng sanh tu Sa-ma-tha (*tu Chỉ*), trước phải giữ ý nghiệp cho thật định tĩnh, chẳng khởi tư tưởng hay ức niệm. Sự tĩnh lặng đến cùng

cực liền Giác. Giữ sự tĩnh lặng ban đầu như thế, từ nơi một thân cho đến một thế giới cũng lại như vậy. Thiện nam tử ! Nếu Giác rộng khắp cả một thế giới, trong một thế giới ấy có một chúng sanh khởi lên một niệm, đều có thể trọn biết. Trăm ngàn thế giới cũng lại như vậy. Như tất cả cảnh giới chẳng đúng như Pháp đã được nghe, thời không nên chấp giữ.

Thiện nam tử ! Nếu các chúng sanh tu Tam-ma-bát-đề (*tu Quán*), trước phải nên nhớ tưởng chư Như Lai và tất cả Bồ-tát trong khắp mười phương thế giới. Kế đến y theo thứ thứ Pháp môn mà tuần tự tu hành, tinh cần khổ hạnh cho đến Tam-muội (*Chánh định*), rộng phát đại nguyện, tự huân tập thành chủng tử. Như tất cả cảnh giới chẳng đúng như Pháp đã được nghe, thời không nên chấp giữ.

Thiện nam tử ! Nếu các chúng sanh tu Thiên-na (*tu Thiền*), trước tiên tu môn Sổ tức, rõ biết từng niệm sanh, trụ, diệt trong tâm. Từng ấy số đếm, như vậy chu biến trong bốn oai nghi, nên phân biệt rõ ràng số niệm chẳng để mất tri giác. Dần dần tăng tiến, cho đến thấy biết được một giọt mưa rơi ở trong trăm ngàn thế giới, cũng như tận mắt xem thấy những vật mình thọ dụng. Như tất cả cảnh giới chẳng đúng như Pháp đã được nghe, thời không nên chấp giữ.

Đó là ba pháp quán phương tiện ban đầu. Nếu các chúng sanh chuyên cần tinh tấn, rộng tu ba loại quán này, tức gọi là Như Lai xuất hiện tại đời.”

Tọa thiền: Nghĩa là ngồi kiết già hay bán già, và dùng phương pháp tĩnh lự để làm ngưng đọng những

dòng suy tư tạp loạn của tâm ý. Từ đó, có thể khai sáng tâm tánh dẫn đến giác ngộ. Tâm tánh ở đây nghĩa là Phật tánh hay Giác tánh, vốn có ở nơi mỗi chúng sanh.

Có một điểm cần phân biệt là: Thiên Phật giáo lấy Giác ngộ để đạt cứu cánh giải thoát, trong khi thiên ngoại đạo lấy sở đắc của tự ngã làm mục đích cuối cùng. Vì thế Kinh Viên Giác nói tu chỉ, tu quán, tu thiền chỉ là ba pháp quán phương tiện ban đầu.

(**) “**Phu sàng tọa**” nghĩa là bày ghế, đơn hay giường nhỏ loại chuyên dùng để ngồi thiền, và trải Tọa cụ lên đó. Đây là chuẩn bị nơi ngồi để hành giả tọa thiền.

(***) “**Chánh thân đoan tọa**” nghĩa là thế ngồi Kiết già, hay còn gọi là Toàn già: Kéo bàn chân trái để lên đùi phải, xong bàn chân phải để lên đùi trái, kéo sát vào thân. Hai bàn tay kết ấn Tam-muội, để nhẹ lên hai lòng bàn chân. Ấn Tam-muội: hai lòng bàn tay để ngửa, bàn tay mặt đặt vào lòng bàn tay trái, hai đầu ngón cái vừa chạm nhau mà thành ấn.

Kiết già là tư thế ngồi tối ưu khi hành thiền, vì tính cách vững chãi, giúp sự dễ dàng cho hơi thở vào ra, và an định thân tâm để tư duy quán tưởng các đề mục hành thiền. Nếu khó ngồi Kiết già, có thể ngồi tư thế Bán già. Bán già có 2 tư thế: kéo bàn chân trái để lên đùi phải, hoặc ngược lại.

Tam Thiên Oai Nghi nói: “Ngồi thiền có năm việc: 1.Nên tùy thời thích hợp; 2.Nên có giường ngồi an toàn; 3.Nên ngồi chánh thân ngay thẳng; 4.Nên ở chỗ yên lặng; 5.Nên có thiện tri thức.”

PHU TRƯỞNG: NGŨ ĐÌNH TÂM QUÁN

Ngũ Đình Tâm Quán là 5 pháp quán để đình chỉ tâm ý, ngăn dừng các tâm tội lỗi phát sanh. Đây là pháp tu bước đầu mới nhập đạo của hàng Thanh Văn. Căn bản 5 pháp quán bao gồm:

- 1) Bất Tịnh Quán: đối trị tâm tham trước sắc dục.
- 2) Từ Bi Quán: đối trị tâm sân hận.
- 3) Nhân Duyên Quán: đối trị tâm si.
- 4) Giới Phân Biệt Quán: đối trị tâm chấp ngã kiến.
- 5) Số Tức Quán: đối trị tâm tán loạn.

❖ Pháp Số Tức Quán:

Số Tức Quán tiếng Phạn là Ànàpàna-smṛti, là một pháp quán trong Ngũ Đình Tâm Quán. Số là đếm, Tức là hơi thở, Quán là dùng tư duy để quán sát. Số Tức Quán là pháp quán sát và đếm hơi thở vào ra của chính mình. Mục đích dùng phương tiện này để đình chỉ tâm ý vọng tưởng, tán loạn.

Phương pháp Số Tức Quán bao gồm các bước:

- Thời điểm thích hợp cho việc tọa thiền là ban đêm hay gần sáng, không tọa thiền ngay sau khi ăn.
- Mặc thiền y thích hợp, trải tọa cụ và ngồi Kiết già đúng tư thế.
- Thanh lọc thân tâm: Khi thở ra, hành giả quán tưởng những phiền não tham sân si nội kết và các uế trước, hắc pháp đều theo hơi thở tống ra ngoài sạch sẽ không còn sót. Khi hít vào, hành

giả quán tưởng những bạch pháp, sự trong sạch và sáng suốt của vũ trụ đều theo hơi thở tràn khắp thân tâm. Thở ra hít vào 10 hơi thật sâu và dài như vậy.

– Kế đến điều tiết hơi thở vào ra nhẹ nhàng, đều đặn và bắt đầu đếm hơi thở. Đếm hơi thở có 2 cách:

+ *Đếm hơi lẻ*: Thở hơi ra đếm 1, thở hơi vào đếm 2, thở hơi ra đếm 3, thở hơi vào đếm 4... lần lượt đếm cho đến 10, tức là được 5 hơi thở. Ngay sau đó bắt đầu chu kỳ tiếp theo, trở lại đếm từ 1 cho đến 10. Cứ quán sát hơi thở và đếm từ 1 đến 10 như vậy khoảng 30 phút hay một giờ, hoặc hơn nữa thì tùy.

+ *Đếm hơi chẵn*: Thở hơi vào rồi thở hơi ra đếm 1, thở hơi vào rồi thở hơi ra lần nữa đếm 2... lần lượt hơi thở vào ra và đếm như thế cho đến 10, tức là được 10 hơi thở. Xong qua chu kỳ tiếp theo, trở lại đếm từ 1 đến 10. Cứ quán sát hơi thở và đếm từ 1 đến 10 như vậy khoảng 30 phút hay một giờ, hoặc hơn nữa thì tùy.

(Mỗi khi đếm nhầm lộn hay quên số đếm phải bắt đầu đếm lại từ số 1, thường đếm nhầm lộn là do tán tâm hay bị hôn trầm.)

– Khi xả thiền nên tuần tự thực hiện theo từng bước sau:

+ Dùng mũi hít hơi vào và thở ra bằng miệng, hít thở như vậy 3 hơi liền từ nhẹ đến mạnh.

- + Cử động nhẹ từng phần của cơ thể từ: Vai, đầu, cổ, hai bàn tay, lưng. Xoa bóp nhẹ cho máu huyết lưu thông đều, từ: mặt, tai, đầu, cổ gáy, hai cánh tay, đôi mắt, bụng, lưng, bắp đùi. Từ từ duỗi thẳng hai chân ra và xoa bóp hai chân từ đùi xuống bàn chân.
- + Ngồi vài phút xong đứng lên lễ Phật và hồi hướng.

☸38☸

睡眠

THÙY MIÊN

(NGỦ NGHỈ)

以時寢息 當願眾生 身得安隱 心無動亂

卍

阿 (觀想阿字輪。一氣持二十一徧)

Dĩ thời tẩm tức

Đương nguyện chúng sanh

Thân đắc an ổn

Tâm vô loạn động.

Lúc nằm ngủ nghỉ

Nay nguyện chúng sanh

Thân được an ổn

Tâm không loạn động.

Hằng ngày, buổi tối trước khi ngủ nghỉ, hành giả chấp tay quay mặt về phương Tây. Quán tưởng cõi Cực

Lạc trang nghiêm thanh tịnh, tất cả chư Bồ-tát ở mười phương đều nguyện sanh về. Hành giả cũng đem mọi công đức hồi hướng nguyện sanh về cõi đó. Xưng niệm câu Phật hiệu “**Nam-mô A-Mi-Đà Phật**” 10, hoặc 100, hoặc 1.000, hoặc vạn lần. Bài pháp này tùy sức bốn nguyện của mỗi người, số câu trì niệm không nhất định. Sau đó tụng 4 câu pháp kệ này.

Kế đến, hành giả quán tưởng **A** Tự Luân; hoặc tu môn **A** Tự Thanh quán, trong mỗi hơi thở vào ra trì niệm chủng tự “**A**”, quán niệm như vậy 21 biến.

Sau đó, nằm nghiêng theo hông bên phải gọi là Cát tường thù, như pháp mà ngủ. Không được nằm nghiêng theo hông bên trái, cũng không nằm ngửa, nằm xấp hay nằm dựa vách mà ngủ; Không được cởi bỏ nội y, y hậu hay y Cà-sa mà nằm.

Tam Thiên Oai Nghi nói: “Ngủ nghỉ có năm việc cần phải biết:

1. Nằm quay đầu hướng về tượng Phật.
2. Không được nằm đưa chân hướng về tượng Phật.
3. Không được nằm duỗi cả hai chân.
4. Không được nằm quay mặt vào vách, cũng không được nằm xấp.
5. Không được dựng đứng hai đầu gối, hoặc dựng đứng một đầu gối, hoặc để chân trên chân dưới. Chân trái đặt lên chân phải để hai gối chồng lên nhau, lấy tay gối đầu mà nằm.”

Ma Đắc Lạc Già nói: “Tỳ-kheo nếu không bệnh thì không được nằm lúc ban ngày, không được nằm trong

chỗ có đèn. Nếu mỗi mệ̄t quá thì phải đứng dậy đi, nhưng không được xúc nã̄o người thứ hai. Sự ngử̄ nghi quy định như thế nào ?

_ Đức Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo kinh hành, ngồi thiền lúc ban ngày để̄ trừ diệt thù̄y miên cái. Đầu hôm đã qua, dùng Uất-đa-la-tăng xếp làm bốn lớp để̄ trải nằm. Dùng Tăng-già-lê xếp lại, cuộn tròn làm gối. Nằm nghiêng về phía hông bên hữu, hai chân chồng lên nhau, không được để̄ tay chân buông xuôi, không được để̄ tâm tán loạn, y phục không được nhăn nhúm. Lúc ngử̄ phải quán minh tướng, giữ chánh niệm, khởi tưởng tư duy, sau đó mới ngử̄. Đến qua nửa đêm, thì phải nhanh chóng ngồi dậy, kinh hành, ngồi thiền để̄ diệt trừ thù̄y miên cái.”

❖ **Pháp quán tưởng Chử̄ng tự**

Phạm ngữ̄ đọc là “A”.

Riêng về pháp quán chử̄ng tự **A**, đây là pháp quán tưởng trong Chân ngôn tông. Có 3 phương tiện tịnh quán đó là quán Thanh, quán Chử̄ và quán Thực tướng. Cụ thể như sau:

- a. **A Tự Thanh quán:** Pháp này dùng âm thanh của chử̄ng tự A kết hợp với hơi thở làm đề̄ mục tu quán. Hành giả ngồi kiết già hay bán già, tay kiết ấn đứng như pháp. Mỗi lần hít hơi vào và thở hơi ra thì niệm đọc chử̄ “A” một biến. Để̄ ý thức vào âm thanh theo từng hơi thở, không bỏ trễ. Hành giả tu tập pháp quán thanh này thì dập tắt được vọng tưởng, tiến lần vào tịch diệt, chân trí nã̄y sanh, liền tỏ ngộ

bốn nguyên của tâm, đó là Chân như Phật tánh.

- b. **A Tự Luân quán:** Pháp này dùng sắc tướng của chủng tự A làm đề mục tu quán. Hành giả ngồi kiết già hay bán già, tay kiết Tam-muội ấn đúng như pháp, tức thành Kim cang thân; Khép môi răng lại, vắng bật mọi tướng âm thanh, tức thành Kim cang ngữ; Hành giả chỉ dùng Ý nhớ nghĩ, tập trung trí huệ, quán tưởng lấy tâm mình như một vầng nguyệt luân tròn sáng, đường kính khoảng một khuỷu tay. Lại quán chính giữa vầng nguyệt luân có chủng tự A, sắc màu vàng kim tỏa sáng.

Có thể quán chủng tự **A** thể Lantsa:



Hoặc quán chủng tự **A** thể Siddham:




- c. **A Tự Thực Tướng quán:** Pháp quán này là môn huệ quán có tên “Đại Thịnh Thanh Tịnh Tự Tại Vương Đà-la-ni môn”. Đây là môn thứ nhất trong tám Đà-la-ni môn, mà Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni đã nói. Tám môn đó là:
1. Đại Thịnh Thanh Tịnh Tự Tại Vương Đà-la-ni môn.
 2. Vô Tận Bảo Phiệt Đà-la-ni môn.
 3. Vô Biên Tuyên Phục Đà-la-ni môn.
 4. Hải Ấn Đà-la-ni môn.
 5. Liên Hoa Trang Nghiêm Đà-la-ni môn.
 6. Năng Nhập Vô Trước Đà-la-ni môn.

7. Tiệm Tiệm Thâm Nhập Tứ Vô Ngại Trí Đà-la-ni môn.
8. Nhứt Thiết Chư Phật Hộ Trì Đà-la-ni môn.

Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni, Phẩm Đà-la-ni nói: “Thiện nam tử ! Thế nào gọi là: Đại Thịnh Thanh Tịnh Đà-la-ni môn ? Nếu có Bồ-tát nào tu tập nơi Đà-la-ni môn này, phải lấy diệu niệm vô trước thanh tịnh, chân thật mà an trụ, tâm bất dứt lay động, oai nghi ngưng tịnh.”

Để nhập vào chánh quán, Kinh viết rằng:

<<Ban đầu, thứ nhứt nói rằng:  (A) tự môn xuất sanh vô biên, vô số pháp môn.

Chỗ gọi rằng “A” ấy là tất cả pháp vô lai, vì thể của tất cả pháp không có đến.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô khứ, vì thể của tất cả pháp không có đi.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô hành, vì thể của nó không có tạo tác.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô trụ, vì thể của nó không có trụ bám.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không bốn tánh, vì thể của nó vốn thanh tịnh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không căn bản, vì thể của nó ban đầu chưa sanh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô chung, vì thể của nó không có cái ban đầu.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô tận, vì thể của nó không có nơi để đi.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô sanh, vì thể của nó không có tạo tác.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô xuất, vì thể của nó không có tác giả.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô cầu, vì thể của nó không có các tướng.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô ngại, vì thể của nó là tướng thiệp nhập⁽¹⁾.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô diệt, vì thể của nó không có chủ thể.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không chỗ tạo tác, vì thể của nó không có các nguyên.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không sanh tử, vì thể của nó lìa sự phân biệt và vô phân biệt.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không ngôn thuyết, vì thể của nó nhập vào chỗ cực thanh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp chẳng thể nói, vì thể của nó không có âm thanh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không sai biệt, vì thể của nó không có xứ sở.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không phân biệt, vì thể của nó thanh tịnh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không tâm ý, vì thể của nó chẳng thể cầu.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không cao hạ, vì thể của nó vốn bình đẳng.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp chẳng thể giải, vì thể của nó như Hư không.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp chẳng thể nói, vì thể của nó vượt qua đường ngôn ngữ.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không hạn lượng, vì thể của nó không có xứ sở.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô sanh, vì thể của nó không có chỗ sanh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không bốn tịnh, vì thể của nó vốn vô tướng.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô ngã, vì thể của nó tức ngã tánh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không chúng sanh, vì thể của nó vốn thanh tịnh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không thọ giả, vì thể của nó không có mạng căn.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không bổ-đặc-già-la⁽²⁾, vì thể của nó lìa chỗ chấp thủ.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không bốn Không, vì thể của nó tánh tịch tịnh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô tướng, vì thể của nó thật tánh không có biên tế.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không hòa hợp, vì thể của nó tánh vô sanh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô hành⁽³⁾, vì thể của nó vốn vô vi.⁽⁴⁾

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô vi, vì thể của nó vượt qua hành và vô hành.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp bất cộng, vì thể của nó không có người giải.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không tụ hội, vì thể của nó không có sự tích tập.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô xuất, vì thể của nó không có xuất xứ.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không bốn tánh, vì thể của nó vốn không có thân.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô tướng, vì thể của nó tướng bốn tịnh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô nghiệp, vì thể của nó không có tác giả.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô quả, vì thể của nó không có nghiệp đạo.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không vun trồng, vì thể của nó không có chủng tử.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không cảnh giới, vì thể của nó chẳng thể lấy.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không địa giới (*không có địa đại*), vì thể của nó không có các sự kết buộc.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô phược (*không trói buộc*), vì thể của nó vốn tán diệt.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không tụ tán, vì thể của nó vốn vô vi.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô lậu, vì thể của nó hoặc nghiệp chẳng sanh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không tự sanh, vì thể của nó ban đầu vô sanh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô trước, vì thể của nó không có Hữu đối⁽⁵⁾.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô Hữu đối, vì thể của nó vốn vô tác.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô Sắc, vì thể của nó không có Tứ đại chủng⁽⁶⁾.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô Thọ, vì thể của nó không có thọ giả.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô Tướng, vì thể của nó vượt qua các tướng.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô Hành, vì thể của nó là Hữu, Ái.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô Thức, vì thể của nó không có sự phân biệt.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có mười tám Giới, vì thể của nó là tánh Không bình đẳng.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có Lục nhập, vì thể của nó vượt qua cảnh giới môn.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không cảnh giới, vì thể của nó không có nơi để đi.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có dục, vì thể của nó là sự phân biệt.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có Sắc, vì thể của nó không có căn gốc.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có vô Sắc, vì thể của nó khó suy nghĩ mà thấy được.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không loạn, vì thể của nó là bất khả loạn.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp chẳng nghĩ bàn, vì thể của nó là bất khả đắc.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô ý, vì thể của nó vốn không có hai.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp chẳng thể chấp thọ, vì thể của nó vượt qua cảnh giới đạo.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có A-lại-da⁽⁷⁾, vì thể của nó không có nhân duyên.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô thường, vì thể của nó vốn không có nhân.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô đoạn, vì thể của nó chẳng trở ngại nhân.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô danh, vì thể của nó không có tướng mạo.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không lìa tan, vì thể của nó chẳng tương nhập⁽⁸⁾.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô trụ, vì thể của nó không có chỗ trụ.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không nhiệt nã, vì thể của nó không có phiền nã.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không ưu nã, vì thể của nó không có ác nghiệp.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không tập khí, vì thể của nó vốn vô cấu (*không như bản*).

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô cấu, vì thể của nó vốn thanh tịnh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có căn bản thanh tịnh, vì thể của nó không có hình chất.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô thể⁽⁹⁾, vì thể của nó không có y chỉ.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không y chỉ, vì thể của nó không có động tác.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô động, vì thể của nó rời lìa sự chấp trước.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không chướng ngại, vì thể của nó đồng với Hư không.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp đồng với Hư không, vì thể của nó không có sự phân biệt.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không sắc tướng, vì thể của nó không có nhân của cảnh giới.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không hiển thị, vì thể của nó đều tương tự⁽¹⁰⁾.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không tương tự, vì thể của nó không có cảnh giới.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không cảnh giới, vì thể của nó như Hư không, thường bình đẳng.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không mờ tối, vì thể của nó là vô minh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không sáng suốt, vì thể của nó là vô đối.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có lỗi, vì thể của nó là diệu thiện.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không lẽ phải, vì thể của nó là vô vọng.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không giải mở, vì thể của nó là vô động.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có thấy, vì thể của nó là vô sắc.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có nghe, vì thể của nó là vô thanh.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có ngửi, vì thể của nó là vô hương.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không có nếm, vì thể của nó là vô vị.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp không xúc chạm, vì thể của nó không có chỗ tiếp xúc.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô tri, vì thể của nó vốn vô pháp.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp vô niệm, vì thể của nó lìa tâm, ý thức.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp chẳng nghĩ bàn, vì thể của nó tánh Bồ-đề bình đẳng, không có cao hạ.

Lại chữ “A” ấy là tất cả pháp tịch tịnh, vì thể của nó vốn chẳng sanh, cũng chẳng diệt.

Thiện nam tử ! Bồ-tát như vậy đắc Đại Thịnh Thanh Tịnh Đà-la-ni môn này. Lúc nhập đệ nhứt “A” tự, diễn nói các pháp hoặc trải qua một năm, hoặc đến mười năm, trăm năm, ngàn năm, hoặc trăm ngàn năm, hoặc một tiểu kiếp, hoặc một đại kiếp, cho đến vô lượng vô số đại kiếp. Lúc nói pháp này chẳng lìa “A” tự. Như nghĩa của chữ “A” nói không có lúc hết, nói nghĩa các chữ khác cũng lại như vậy, không thể cùng tận. Kiến lập như vậy, khai thị Pháp nhãn, nghĩa đó sâu xa, ngữ đó hay diệu, trắng sạch đầy đủ.>>

Thích nghĩa:

- (1) *Tướng thiệp nhập*: Tánh của các pháp có yếu tố không trở ngại, có thể đi vào một cách thông suốt gọi là tướng thiệp nhập.
- (2) *Bổ-đặc-già-la*: Tiếng Phạn là Pudgala, nghĩa là luân hồi trong lục thú, sanh tử luân chuyển ở trong 6 cõi gồm trời, a-tu-la, người, súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục.
- (3) *Vô hành*: Hành nghĩa là hành động, tạo tác của 3 nghiệp thân khẩu ý. Vô hành nghĩa là không có làm, không có tạo tác.
- (4) *Vô vi*: Vô vi có 2 nghĩa. Nghĩa thứ nhất là không bị ảnh hưởng, không vì nhân duyên mà sanh ra, đối nghĩa với Vô vi là Hữu vi; Theo Phật giáo Theravàda thì chỉ có Niết-bàn được coi là Vô vi, tất cả các pháp còn lại đều coi là Hữu vi. Nghĩa thứ hai của Vô vi là “Không làm”, hiểu theo Thiên tông là “Bất hành nhi hành” hay “Vô vi nhi vô bất vi”, nghĩa là “Không làm mà làm đó”, chỉ những hành động tạo tác nhưng không có tác ý, không lưu lại dấu vết gì trong tâm thức của tác giả.
- (5) *Hữu đối*: Trong 18 cõi, phân biệt ra gồm có 3 Hữu đối là Chương ngại hữu đối, Cảnh giới hữu đối và Sở duyên hữu đối.
- (6) *Tứ đại chủng*: Nguyên văn Kinh ghi là “Đại chủng”, cũng tức là Tứ đại, gồm có 4 thứ: Đất, Nước, Gió, Lửa. Bốn thứ này có ở trong mọi sắc pháp nên gọi là Đại, lại có khả năng tạo thành sắc pháp nên gọi là Chủng.
- (7) *A-lại-da*: Tiếng Phạn là Àlaya, là thức thứ 8 trong Bát thức. Đây là tâm thức căn bản gốc của loài hữu tình, nó chứa đựng tất cả hạt giống thiện ác.
- (8) *Tương nhập*: Chỉ các sự vật có thể hòa trộn vào nhau, không có trái ngược, ngăn cách hay phân ly. Đối với các

pháp sai biệt mà luận bàn về nghĩa viên dung vô ngại, thì bắt đầu bằng nghĩa Tương tức và Tương nhập.

- (9) *Vô thể: Hàng phạm phu và ngoại đạo vọng chấp nên nhận thấy là có thực ngã và thực pháp. Chân thật thì Ngã và Pháp đều không có thực thể, nên gọi là Vô thể.*
- (10) *Tương tự: Đức của 6 căn được thanh tịnh, trí đức này tuy là trí Hữu lậu, song có thể đoạn trừ vô minh giống như Chân trí vô lậu, cho nên gọi là Tương tự.*

39

浴佛

DỤC PHẬT

(TẮM PHẬT)

我今灌浴諸如來
 淨智莊嚴功德聚
 五濁眾生令離垢
 同證如來淨法身

**Ngã kim quán dục chư Như Lai *
 Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ
 Ngũ trước chúng sanh linh ly cấu
 Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân. ****

Nay con rưới tắm chư Như Lai
 Tịnh trí trang nghiêm tích công đức
 Ngũ trước chúng sanh lìa cấu nhiễm
 Đồng chứng thanh tịnh Phật pháp thân.

(*) **Như Lai:** Tiếng Phạn là Tathàgata, dịch âm là Đa-đà-a-già-đà; Trung Hoa dịch là Như Lai, nghĩa là bậc đã tỏ ngộ lý Chân như, tự thể Pháp thân chẳng động chẳng dời; Trí quang chiếu khắp đem đạo Chân như đến khắp Tam giới độ hóa chúng sanh. Ngoài ra, Như Lai còn được hiểu là đấng đã đến như vậy và đấng đã ra đi như vậy.

Theo Phật giáo Nam truyền: Như Lai là danh hiệu mà Đức Phật đã dùng khi ngài đề cập đến mình. Tất cả chư Như Lai trong ba đời đều có chung 10 Hồng danh, kể ra thứ tự như sau:

1. **Ứng Cúng** : Chư Phật là đấng đầy đủ đức tánh của bậc A-La-Hán, không còn cấu uế, diệt sạch phiền não, ra khỏi luân hồi sanh tử. Công đức, phước trí của Ngài đều viên mãn, năng làm phước điền và đáng cho trời, người lễ bái, cúng dường.
2. **Chánh Biến Tri** : Chư Phật là bậc đắc thành quả vị Chánh đẳng Chánh giác, tự Ngài chứng ngộ lý, không thầy chỉ dạy. Ngài đạt được đại trí huệ, thấu rõ tất cả pháp một cách chân chánh.
3. **Minh Hạnh Túc** : Chư Phật là đấng đã tròn đủ 3 Giác là : tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Ngài lại có đầy đủ 8 Minh và 15 Hạnh.
4. **Thiện Thệ** : Chư Phật là đấng khéo vượt khỏi thế gian bằng con đường trung đạo, bằng lối đi cao cả của Bát chánh đạo, chứng vô sanh được chơn lạc của Đại Niết-bàn và Ngài đã tuyên bố đúng pháp.
5. **Thế Gian Giải** : Chư Phật là đấng thông suốt cả Tam giới, bao gồm tất cả pháp thế gian và xuất thế

gian. Ngài hiểu biết rõ sự tồn tại, sự sanh khởi, sự chấm dứt, và con đường đưa đến sự chấm dứt của thế giới.

6. **Vô Thượng Sĩ** : Chư Phật là đáng có đức hạnh cao quý, Ngài vượt hẳn thế gian về Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến ; Không có ai trong Tam giới có thể sánh bằng hay trên được.
7. **Điều Ngự Trượng Phu** : Chư Phật là đáng đầy đủ đức tướng và tài năng, có thể thành thực những chúng sanh nhu thuận và ngự phục những chúng sanh cang cường, tế độ những chúng sanh hữu duyên đáng nên tế độ.
8. **Thiên Nhân Sư** : Chư Phật là đáng đạo sư, tức là bậc thầy chỉ đường của tất cả chư Thiên và Nhân loại, khiến vượt qua sanh tử đi đến giải thoát.
9. **Phật** : Gọi đầy đủ là Phật-đà, là đáng đã tìm ra chân lý và giác ngộ hoàn toàn, lại đem pháp Giác ngộ ấy để giáo hóa, giác ngộ cho chúng sanh.
10. **Thế Tôn** : Chư Phật là đáng tối thượng, cao quý nhất trong thế gian; là đáng viên mãn Phước và Trí nên được chúng sanh cả Tam giới tôn kính.

Theo Phật giáo Bắc truyền: Như Lai là một trong 10 Đức hiệu của đáng Thế Tôn. Tất cả chư Thế Tôn trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều có chung đủ 10 Đức hiệu, kể ra lần lượt là:

1.Như Lai; 2.Ứng Cúng; 3.Chánh Biến Tri; 4.Minh Hạnh Túc; 5.Thiện Thệ; 6.Thế Gian Giải; 7.Vô Thượng Sĩ; 8.Điều Ngự Trượng Phu; 9.Thiên Nhân Sư; 10.Phật.

Chư Phật vì đủ cả mười Đức hiệu kể trên, và các ngài đã vượt ra khỏi Tam giới, không còn sanh tử luân hồi trở lại nữa, là đáng tôn quý, tối thượng nhất trong thế gian và xuất thế gian nên gọi là Thế Tôn. Thông thường, khi xưng mười hồng danh của Phật, ghép chung “Phật Thế Tôn” thành hồng danh thứ 10.

(**) **Pháp thân:** Tiếng Phạn là Dharmakàya. Theo giáo lý hệ Bắc truyền, Pháp thân tức là chân thân của chư Phật Như Lai.

– Về định nghĩa Pháp thân:

- + *Theo Tướng tông:* Có Tổng tướng pháp thân, Biệt tướng pháp thân. Tổng tướng pháp thân đứng trên hai phương diện Lý và Trí mà định nghĩa, lấy Lý chân như sở chứng và Trí chân giác năng chiếu, là nơi sở y của tất cả công đức trang nghiêm và tánh pháp thể, nên gọi là Pháp thân. Biệt tướng pháp thân chỉ đứng trên phương diện Lý mà định nghĩa, đây là Lý pháp thân không bao hàm Trí pháp thân.
- + *Theo Tánh tông:* Thì cho rằng Lý và Trí không hai, Chân như và Chân trí cũng đồng là pháp tánh. Pháp tánh này hiển hiện hết thấy các pháp công đức Hữu vi và Vô vi mà thành tựu thân trang nghiêm nên gọi là Pháp thân.

– Về chủng loại Pháp thân:

Kinh Đại Thông Phương Quảng Sám Hối Diệt Tội Trang Nghiêm Thành Phật nói:

“Chư Phật Như Lai không động chuyển, chân thật thường còn, ứng thân trong Ba cõi, hiện năm thứ Pháp thân. Những gì là năm ?

Một là Thật tướng pháp thân

Hai là Công đức pháp thân

Ba là Pháp tánh pháp thân

Bốn là Ứng hóa pháp thân

Năm là Hư không pháp thân.

Thế nào gọi là Thật Tướng Pháp Thân ? Như Lai trải qua vô số kiếp tu hành, chứng ngộ tướng chân thật của các Pháp, nên gọi là Thật Tướng Pháp Thân.

Thế nào gọi là Công Đức Pháp Thân ? Như Lai vì độ chúng sanh nên ra công tích hạnh, muôn đức lành tròn đầy nên gọi là Công Đức Pháp Thân.

Thế nào gọi là Pháp Tánh Pháp Thân ? Như Lai ngộ suốt cùng tận sự lý của tất cả pháp tướng, từ nơi cảnh mà giải rõ nghĩa Không. Sự tỏ ngộ ấy viên mãn đầy đủ, từ nơi cảnh mà được tên nên gọi là Pháp Tánh Pháp Thân.

Thế nào gọi là Ứng Hóa Pháp Thân ? Như Lai xuất thế, ứng thân đủ khắp năm cõi thiện ác, để cứu tế muôn loài. Từ chỗ ứng hóa ấy mà được tên nên gọi là Ứng Hóa Pháp Thân.

Thế nào gọi là Hư Không Pháp Thân ? Hư không vô biên, Pháp thân cũng vô biên. Hư không chẳng thể đo lường, Pháp thân cũng chẳng thể đo lường. Thân của Như Lai cũng như cõi Thái hư, vì độ chúng sanh nên ứng hiện ra năm phần pháp thân. Nên biết Như Lai vô

sanh vô diệt, các pháp cũng thế ! Vì độ chúng sanh nên Phật hiện Pháp tướng.”

(Trong giáo lý Nguyên thủy, Ngũ phần Pháp thân bao gồm: Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến. Vì nhờ 5 loại công đức này mà thành Pháp thân, tức là một trong Tam thân Phật.)

Về thời điểm tắm Phật, ở Tây Vực tục lệ tắm Phật mỗi ngày là việc bình thường phải làm. Nếu chiếu theo các Kinh như Ma-ha Sát Đầu Kinh, Bát Nê Hoàn Kinh thì chọn ngày Mồng 8 tháng 4 hằng năm, là ngày kỷ niệm Đức Phật đản sanh để tắm Phật.

Kinh Quán Tẩy Phật Hình Tượng nói: “Sở dĩ dùng ngày Mồng tám tháng tư, vì giữa mùa Xuân và mùa Hạ tội lỗi đều hết, vạn vật sanh trưởng khắp nơi, độc khí chưa lưu hành, không nóng cũng không lạnh, thời tiết điều hòa thích hợp, chính là ngày sanh của Phật. Nay các thiện nam, thiện nữ ! Sau khi ta diệt độ, nên chí tâm ghi nhớ sức công đức vô lượng của Như Lai, tắm hình tượng Phật như lúc Phật còn ở đời, thì được phước vô lượng, không thể nói hết.”

Kinh Dục Phật Công Đức nói việc tắm hình tượng Phật có các công đức sau:

- Thường có lòng hổ thẹn
- Phát tâm tịnh tín
- Được tâm chất trực
- Gần gũi bạn lành
- Vào huệ vô lậu
- Thường thấy chư Phật
- Hằng giữ chánh Pháp

- Làm được như lời nói.
- Tùy ý sẽ sanh về nước Phật thanh tịnh.
- Nếu sanh trong loài người thì ở trong họ lớn tôn quý, được người kính phụng, sanh tâm hoan hỷ.
- Sanh trong loài người tự nhiên nhớ Phật.
- Chúng ma quân không thể làm thương tổn đau buồn.
- Ở đời Mạt hộ trì chánh Pháp.
- Được sự gia hộ của mười phương chư Phật.
- Mau được thành tựu năm phần Pháp thân.

☸40☸

讚佛

TÁN PHẬT

(KHEN NGỢI PHẬT)

讚佛相好 當願眾生 成就佛身 證無相法
 唵。牟尼牟尼。三牟尼薩嚩賀 (三徧)

Tán Phật tướng hảo *

Đương nguyện chúng sanh

Thành tựu Phật thân **

Chứng Vô tướng pháp. ***

Khen Phật tướng tốt

Nay nguyện chúng sanh

Thành tựu thân Phật

Chứng pháp Vô tướng.

ÚM , MÂU NI MÂU NI , TAM MÂU NI , TÁT PHẠ HẠ. (3 biến)

(*) **Tướng hảo:** Đây là thuật ngữ Phật giáo chỉ về thân thể của Đức Phật. Tướng trạng vi diệu có thể nhận thấy được thì gọi là Tướng. Những nét tốt đẹp của các phần nhỏ nhiệm trên hình tướng thì gọi là Hảo, hay tùy hình hảo.

Nói về Ứng hóa thân Phật cao trượng sáu thì kể ra có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Rộng như các Kinh nói về tướng hảo của đức sa-môn Cồ-đàm Thích-ca-mâu-ni Phật có 32 tướng là:

1. Hai lòng bàn chân bằng phẳng.
2. Trong mỗi lòng bàn chân có bánh xe 1.000 căm.
3. Gót chân đầy tròn, dài bằng 3 lần người bậc trung.
4. Ngón tay, ngón chân dài và nhọn như dùi trống.
5. Bàn tay, bàn chân mềm mại.
6. Hai bàn tay, hai bàn chân có màng như lưới giăng.
7. Cổ chân nổi lên rõ rệt.
8. Ống chân dài và tròn như nai chúa.
9. Hai cánh tay dài, đứng thẳng không cúi mình mà chắm gối.
10. Ngọc hành ẩn vào bọc da, nên gọi là mã âm tàng.
11. Màu da sáng như vàng ròng.
12. Da mịn láng bụi không bám được.
13. Mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi và đều nhau.

14. Tất cả lông trên thân đều dựng đầu lên, toàn màu xanh biếc.
15. Thân hình ngay thẳng như thân trời Phạm thiên.
16. Bảy chỗ thịt đều bằng phẳng là cổ, hai tay, hai chân, hai vai.
17. Thân hình phía trước ngực như sư tử chúa.
18. Thịt ở giữa hai chỏ vai đều bằng.
19. Thân hình như cổ thụ, sải tay ngang và thân cao bằng nhau.
20. Cổ đều và tròn.
21. Có 700 sợi gân nhỏ hợp tại cuống lưỡi để lấy vị trần đem phổ khắp châu thân.
22. Cằm tròn như cằm sư tử.
23. Có 40 răng : trên 20 răng và dưới 20 răng.
24. Bốn mươi răng đều khít nhau.
25. Bốn mươi răng đều đặn và bằng nhau.
26. Lưỡi mềm, dài và lớn ; Le lưỡi có thể che cả mặt, cuốn lưỡi có thể xoắn vào lỗ tai hay lỗ mũi.
27. Bốn răng nanh mịn trắng sạch.
28. Tiếng nói trong trẻo và êm ái như tiếng Đại Phạm Thiên.
29. Hai mắt có lông mi dài đẹp như lông mi ngư vương.
30. Lông chạng mày trắng, mềm mại như bông tuyết, tròng mắt đen như huyền.

31. Trán và đầu tròn trịa.

32. Các sợi tóc đều xoắn quanh theo chiều bên phải, bao phủ đều khắp đầu như đội mũ.

Nói về Báo thân Phật kể ra có từ 8 vạn 4 ngàn, cho đến vô lượng tướng tốt và tùy hình hảo. Ví như báo thân của Đức Phật Vô Lượng Thọ có 8 vạn 4 ngàn tướng tốt, ở mỗi tướng tốt lại có 8 vạn 4 ngàn vẻ đẹp.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Đức Phật Vô Lượng Thọ có tám muôn bốn ngàn tướng. Mỗi mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình, và mỗi mỗi vẻ đẹp tùy hình lại có tám muôn bốn ngàn tia sáng. Mỗi tia sáng ấy chiếu khắp các thế giới ở mười phương.”

(**) **Phật thân**: Trong các Kinh luận nói Phật hoặc có 2 thân, 3 thân, cho đến 10 thân. Chư Phật dù khác nhau nhưng vẫn không ngoài 3 thân.

Kinh Tối Thắng Vương nói: “Hết thảy Như Lai đều có ba loại thân: Một là Hóa thân, hai là Ứng thân, ba là Pháp thân. Ba thân như vậy nhiếp thọ đầy đủ vô lượng Chánh đẳng Chánh giác.”

(***) **Vô tướng pháp**: Chỉ chân lý dứt tuyệt mọi tướng.

Kinh Niết-Bàn, Quyển 30 nói: “Niết-bàn tên là Vô tướng. Vì nhân duyên gì mà gọi là Vô tướng? Đây thiện nam tử! Vì là không có mười tướng. Những gì là mười? Tức sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh trụ hoại tướng, nam tướng, nữ tướng. Đó là mười tướng. Không có các tướng như thế cho nên gọi là Vô tướng.”

☸41☸

繞塔

NHIỄU THÁP

(ĐI QUANH THÁP PHẬT)

右繞於塔 當願眾生 所行無逆 成一切智
南無三滿多。沒馱喃。唵。杜波杜波娑婆訶

(三徧)

Hữu nhiều ư tháp *

Đương nguyện chúng sanh

Sở hành vô nghịch

Thành Nhứt thiết trí.

Thuận bên phải nhiều Tháp

Nay nguyện cho chúng sanh

Việc làm không trái nghịch

Thành tựu Nhứt thiết trí.

NAM MÔ TAM MÃN ĐA MỘT ĐÀ NĂM.

ÚM , ĐỔ BA ĐỔ BA SA BÀ HA. (3徧)

(*) **Tháp:** Tháp là loại kiến trúc đặc trưng của Phật giáo, được xây dựng bằng đất gạch hoặc đá xếp cao theo tầng bậc. Tháp thông thường là nơi cất giữ nhục thân Xá-lợi (*hài cốt*) của các bậc tu hành trong Phật giáo sau khi viên tịch.

Tháp có 2 loại, tuy tiếng Phạn có phân biệt cách gọi, nhưng thông thường đều gọi chung là Tháp:

- Loại có để nhục thân Xá-lợi gọi là Stùpa, dịch âm là Tháp-bà, Phù-đồ hay Tốt-đổ-ba.
- Loại không có lưu giữ nhục thân Xá-lợi gọi là Ghaitya, dịch âm là Chế-để.

Kinh Trường A-Hàm, Quyển bốn nói: Người cần được dựng Tháp gồm một là Phật, hai là Bích Chi Phật, ba là Thanh Văn, bốn là Chuyển Luân Vương.

Kinh Thập Nhị Lý Nhân Duyên kể ra chi tiết có 8 bậc cần được xây dựng Tháp, gồm:

- Một là Như Lai, dựng Phật tháp có số tầng từ 8 lộ bàn trở lên.
- Hai là Bồ-tát, dựng Tháp 7 lộ bàn.
- Ba là Duyên giác, dựng Tháp 6 lộ bàn.
- Bốn là A-la-hán (*quả Bất sanh*), dựng Tháp 5 lộ bàn.
- Năm là A-na-hàm (*quả Bất hoàn*), dựng Tháp 4 lộ bàn.
- Sáu là Tư-đà-hàm (*quả Nhất lai*), dựng Tháp 3 lộ bàn.
- Bảy là Tu-đà-hoàn (*quả Dự lưu*), dựng Tháp 2 lộ bàn.
- Tám là Chuyển Luân Vương, dựng Tháp 1 lộ bàn.

Kinh Hiền Giả Ngũ Giới nói: “Đi nhiều vòng quanh ba vòng là tiêu biểu sự cung kính ngôi Tam Bảo, diệt trừ tam độc.”

Kinh Đề-Vị nói: “Nhiều Tháp có 5 phước: 1.Đời sau được sắc tướng tốt đẹp, đoan chính; 2.Được âm thanh

tốt; 3.Được sanh Thiên thượng; 4.Sanh trong dòng quý tộc, vương hầu; 5.Được đạo Niết-bàn.”

Kinh Hữu Nhiễu Phật Tháp Công Đức nói:

“Hữu nhiều nơi tháp Phật
 Chỗ được các công đức
 Ta nay nói ít phần
 Các ông nên lắng nghe.

Tất cả chư Thiên long
 Dạ-xoa quỷ thần thủy
 Điều thân cận cúng dường
 Đó do hữu nhiều tháp.

Sanh ra ở nơi nào
 Xa lìa tám thứ nạn
 Thường sanh chỗ không nạn
 Đó do hữu nhiều tháp.

Tất cả chỗ thọ sanh
 Niệm huệ thường không mất
 Đầy đủ tướng tốt đẹp
 Đó do hữu nhiều tháp.

Qua lại chốn nhân thiên
 Thọ mạng được dài lâu
 Thường được danh xưng lớn
 Đó do hữu nhiều tháp.

Ở chốn Diêm-phù-đề
 Thường sanh trong chủng tánh
 Rất tôn quý thanh tịnh
 Đó do hữu nhiều tháp.

Dung mạo thường đoan chánh

Giàu sang nhiều của báu
Thường được thành ấp lớn
Đó do hữu nhiều tháp.

Của báu luôn đầy dẫy
Mà không tâm xan lẫn
Dũng mãnh rộng huệ thí
Đó do hữu nhiều tháp.

Sắc tướng thật vi diệu
Ai thấy đều kính ngưỡng
Chỗ ở thường an vui
Đó do hữu nhiều tháp.

Hoặc làm vua Sát-lợi
Vợ con đều đầy đủ
Oai thế lực tự tại
Đó do hữu nhiều tháp.

Hoặc làm Bà-la-môn
Trì giới khéo thông đạt
Chú thuật kinh Vệ-đà
Đó do hữu nhiều tháp.

Hoặc làm đại trưởng giả
Hào quý nhiều tài sản
Kho lẫm thường đầy đủ
Đó do hữu nhiều tháp.

Hoặc làm vua chánh Pháp
Tự tại cõi Diêm-phù
Toàn cõi đều quý hóa
Đó do hữu nhiều tháp.

Hoặc làm Chuyển Luân Vương
Đủ thất bảo đại thế

Thập thiện hóa quần sanh
Đó do hữu nhiều tháp.

Từ đây sanh thiên giới
Thường có đại oai đức
Tịnh tín nơi Phật pháp
Đó do hữu nhiều tháp.

Tịnh tín đã chóng thành
Nơi pháp không mê hoặc
Thấy các hạnh đều không
Đó do hữu nhiều tháp.

Từ thiên giới mạng chung
Hạ sanh trong nhân gian
Vào thai không mê loạn
Đó do hữu nhiều tháp.

Ở trong bào thai mẹ
Không bị nhiễm cấu uế
Như ngọc ma-ni sạch
Đó do hữu nhiều tháp.

Trong thai và lúc sanh
Khiến mẹ thường an vui
Bú sữa cũng như vậy
Đó do hữu nhiều tháp.

Cha mẹ và thân thuộc
Tất cả đều cung nuôi
Nhũ mẫu thường không rời
Đó do hữu nhiều tháp.

Dạ-xoa các ác quỷ
Không thể làm kinh sợ
Đồ dùng tự nhiên được

Đó do hữu nhiều tháp.

Trải qua trăm nghìn kiếp
Thân hình thường sạch sẽ
Sắc tướng đẹp viên mãn
Đó do hữu nhiều tháp.

Mắt trong lại dài rộng
Cũng như hoa sen xanh
Và được thiên nhãn tịnh
Đó do hữu nhiều tháp.

Sắc đẹp thường viên mãn
Các tướng tự trang nghiêm
Thành tựu đại thế lực
Đó do hữu nhiều tháp.

Hoặc sanh cung Đế Thích
Đại oai thế tự tại
Rất tôn trong Đạo Lợi
Đó do hữu nhiều tháp.

Hoặc sanh Tu-dạ-ma
Cõi trời Đâu Suất Đà
Hóa Lạc và Tha Hóa
Đó do hữu nhiều tháp.

Hoặc lại sanh Phạm thiên
Phạm Thế rất tự tại
Các trời thường cúng dường
Đó do hữu nhiều tháp.

Ức na-do-tha kiếp
Thường được các người trí
Cung kính và cúng dường
Đó do hữu nhiều tháp.

Thân thể và y phục
Ức kiếp thường không dơ
Đầy đủ pháp bạch tịnh
Đó do hữu nhiều tháp.

Đủ sức đại tinh tấn
Siêng tu các thiện hạnh
Chưa từng có biếng lười
Đó do hữu nhiều tháp.

Dũng mãnh thường tinh tấn
Kiên cố không thể hoại
Việc làm mau thành tựu
Đó do hữu nhiều tháp.

Tiếng tốt vang rất xa
Ai nghe đều hoan hỷ
Thường không bệnh, an vui
Đó do hữu nhiều tháp.

Như ta đã diễn nói
Nhàm lìa khổ Ba cõi
Thành tựu trí xuất thế
Đó do hữu nhiều tháp.

Thường trụ Tứ niệm xứ
Cùng với Tứ chánh cần
Tứ như ý Thần túc
Đó do hữu nhiều tháp.

Liễu đạt Tứ chân đế
Căn lực Thất giác phần
Chánh đạo và Thánh quả
Đó do hữu nhiều tháp.

Diệt tất cả phiền não

Đầy đủ đại oai đức
 Vô lậu sáu thân thông
 Đó do hữu nhiều tháp.

Lìa hẳn tham, sân, si
 Và tất cả chướng ngại
 Chứng Độc giác Bồ-đề
 Đó do hữu nhiều tháp.

Được sắc đẹp tử kim
 Tướng tốt trang nghiêm thân
 Hiện làm thầy trời người
 Đó do hữu nhiều tháp.

Đều do dùng thân nghiệp
 Và ngữ nghiệp tán loạn
 Nhiều tháp Phật bên phải
 Được lợi ích lớn này.

Nhiều tháp Phật bên phải
 Nên được các công đức
 Ta nay tùy chỗ hỏi
 Lược nói không thể tận.”

Luật Tứ Phần nói: “Có vị khách Tỳ-kheo ở phía bên trái của Tháp mà đi qua, Thần giữ Pháp giận. Phật bảo không nên ở bên trái đi qua, đi vòng theo bên phải của Tháp mà qua.”

_ Lại nói:

“Không được ngủ nghỉ ở trong tháp Phật, trừ khi vì trông coi, giữ gìn. Cần phải học.”

“Không được cất chứa tài vật trong tháp Phật, trừ khi vì bảo quản cho bền chắc. Cần phải học.”

“Không được mang dép da vào trong tháp Phật. Cần phải học.”

“Không được cầm dép da vào trong tháp Phật. Cần phải học.”

“Không được mang dép da đi nhiều nơi tháp Phật. Cần phải học.”

“Không được mang phú-la (*giày da có thêu và trang sức*) vào trong tháp Phật. Cần phải học.”

“Không được cầm phú-la vào trong tháp Phật. Cần phải học.”

“Không được ngồi ăn dưới tháp Phật, rồi xả bỏ lá cỏ cùng thức ăn làm dơ bần đất. Cần phải học.”

“Không được khiêng tử thi đi ngang qua dưới tháp Phật. Cần phải học.”

“Không được mai táng tử thi dưới tháp Phật. Cần phải học.”

“Không được thiêu tử thi dưới tháp Phật. Cần phải học.”

“Không được hương về tháp Phật để thiêu tử thi. Cần phải học.”

“Không được đi quanh bốn bên tháp Phật mà thiêu tử thi, làm cho hơi hôi thối bay vào tháp. Cần phải học.”

“Không được mang y áo và giường nằm của người chết đi ngang qua dưới tháp Phật, trừ khi đã nhuộm giặt, xông ướp hương thơm. Cần phải học.”

“Không được đại, tiểu tiện dưới tháp của Phật. Cần phải học.”

“Không được hướng về phía tháp Phật mà đại tiểu tiện. Cần phải học.”

“Không được đi quanh bốn bên tháp Phật mà đại tiểu tiện, làm cho hơi hôi thối bay vào tháp. Cần phải học.”

“Không được ở dưới tháp Phật mà nhấm nhành dương. Cần phải học.”

“Không được hướng về phía tháp Phật mà nhấm nhành dương. Cần phải học.”

“Không được nhiễu quanh bốn phía tháp Phật mà nhấm nhành dương. Cần phải học.”

“Không được hỉ mũi, khạc nhổ dưới tháp Phật. Cần phải học.”

“Không được hướng về phía tháp Phật mà hỉ mũi, khạc nhổ. Cần phải học.”

“Không được đi quanh bốn bên tháp Phật mà hỉ mũi, khạc nhổ. Cần phải học.”

“Không được ngồi duỗi chân về phía tháp Phật. Cần phải học.”

“Không được đặt đống tháp Phật ở phòng dưới, còn mình trụ ở phòng phía trên. Cần phải học.”

Luật Tăng-kỳ nói: “Lễ Phật không được như con dê cầm. Lễ bái Tháp Phật cần phải đi quanh Tháp vòng theo chiều bên phải, như mặt Trời, mặt Trăng và Tinh tú xoay chuyển quanh núi Tu-di. Chẳng được đi vòng theo chiều bên trái.”

Tam Thiên Oai Nghi nói: “Nhiều Tháp có năm việc: 1.Nên cúi đầu nhìn xuống đất; 2.Không được dẫm đạp

côn trùng; 3.Không được nhìn qua lại hai bên trái, phải; 4.Không được nhỏ nước miếng trên nền đất phía trước Tháp; 5.Không được nói chuyện với người khác.”

Nhiều Tháp theo chiều bên phải, cũng giống như nhiều Phật, tức đi vòng quanh Tháp theo chiều kim đồng hồ. Pháp nhiều Tháp là bày tỏ lòng tôn kính, mến mộ chư Phật, hiền thánh Tăng, các bậc Giác ngộ, các bậc Tôn sư trưởng thượng. Tùy chỗ phát tâm, hành giả có thể nhiều Tháp một vòng, hai vòng, ba vòng hay nhiều hơn. Khi nhiều Tháp thâm tụng kệ chú này.

☸42☸

看病

KHÁN BỆNH *

(CHĂM SÓC BỆNH)

見疾病人 當願眾生 知身空寂 離乖諍法
 唵。室哩多。室哩多。軍吒利莎嚩賀 (三遍)

Kiến tật bệnh nhưn

Đương nguyện chúng sanh

Tri thân Không tịch **

Ly quai tránh pháp.

Thấy người bệnh tật

Nay nguyện chúng sanh

Biết thân Không tịch

Bỏ sự chống trái.

ÚM , THẮT RI ĐA THẮT RI ĐA , QUÂN TRA RI , SA PHẠ HẠ. (3 biến)

(*) **Khán bệnh:** Nghĩa là coi sóc, chăm nom, chữa trị cho người bị bệnh tật.

(**) **Không tịch:** Là cảnh giới của Niết-bàn, không có các hình tướng nên gọi là Không, không sanh không diệt nên gọi là Tịch. Quán lý Không của các pháp, hết thấy các pháp do nhân duyên hòa hợp mà sanh, lại do nhân duyên tan rã mà diệt, cho nên tự tánh của mọi pháp đều là Không, không có ta, không có cái của ta. Thông đạt như vậy, được pháp Không giải thoát môn, cùng với Vô tướng và Vô tác, thời có thể đi vào thành Niết-bàn giải thoát.

Kinh Phạm Võng Bồ-Tát Giới, Kinh giới thứ 9 nói: “Nếu Phật tử, thấy tất cả người tật bệnh phải tận tâm cúng dường, như cúng dường Phật. Trong tám phước điền, khán bệnh là Phước điền thứ nhất. Nếu như Cha mẹ, Sư tăng, cùng đệ tử có bệnh, có tật, trăm thứ bệnh đau khổ, đều nên săn sóc cho được lành mạnh. Phật tử lại vì lòng hờn giận không chăm nuôi, nhẫn đến thấy trong Tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng đồng nội, đường sá có người tật bệnh mà không lo cứu tế. Phật tử này phạm Kinh cấu tội.”

Luật Tứ Phần nói: “Các thầy Tỳ-kheo ! Từ nay trở đi phải chăm sóc Tỳ-kheo bị bệnh, không nên không chăm sóc. Nên làm người chăm sóc cho bệnh nhân, không nên không làm người chăm sóc cho bệnh nhân. Nếu người nào muốn cúng dường cho ta, thì nên cúng dường cho người bệnh.

Ta cho phép vị Hòa thượng của Tỳ-kheo kia, hoặc đồng Hòa thượng; A-xà-lê hoặc đồng A-xà-lê; hoặc các đệ tử chăm sóc lẫn nhau trong lúc bệnh. Nếu trường hợp hoàn toàn không có người chăm sóc, thì chúng Tăng cần phải cử người chăm sóc bệnh nhân. Nếu như không chịu thì phải theo thứ tự mà sai. Nếu theo thứ tự sai mà vẫn không chịu làm, thì theo đúng như pháp mà trị tội.

Nếu không có Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo-ni tùy theo việc gì có thể làm được, nên làm giúp đỡ cho Tỳ-kheo, nhưng không được chạm vào thân của Tỳ-kheo.

Nếu không có Tỳ-kheo-ni, thì Thức-xoa-ma-na tùy theo việc gì có thể làm được, nên làm giúp đỡ cho Tỳ-kheo, nhưng không được chạm vào thân của Tỳ-kheo. Nếu không có Thức-xoa-ma-na, thì Sa-di nên giúp đỡ cho Tỳ-kheo.

Nếu không có Sa-di, thì Sa-di-ni tùy theo việc gì có thể làm được, nên làm giúp đỡ cho Tỳ-kheo, nhưng không được chạm vào thân của Tỳ-kheo. Nếu không có Sa-di-ni thì Ưu-bà-tắc nên làm.

Nếu không có Ưu-bà-tắc, thì Ưu-bà-di tùy theo việc gì có thể làm được, nên làm giúp đỡ cho Tỳ-kheo, nhưng không được chạm vào thân của Tỳ-kheo.

Người bệnh có 5 điều khó chăm sóc:

1. Thức ăn không nên ăn mà lại thêm ăn, không chịu uống thuốc.
2. Người chăm sóc bệnh đến giúp, nhưng bệnh nhân không chịu nói thật tình trạng cơ thể mình.

3. Trường hợp nên đi thì không chịu đi, nên ở thì không chịu ở.
4. Thân có sự đau đớn thì không thể chịu đựng được.
5. Thân chỉ bệnh sơ sài, có thể làm được những việc nhẹ nhưng không chịu làm, muốn người khác làm cho mình.

Người bệnh có năm thái độ như trên, thì rất khó chăm sóc.”

_ Lại nói có 5 pháp mà người chăm sóc bệnh không nên thọ nhận đồ dùng của bệnh nhân: “Những gì là năm pháp ?

1. Không biết thức ăn nào người bệnh nên ăn hoặc không nên ăn. Thức đáng ăn mà không cho ăn, đồ không nên ăn mà đem cho ăn.
2. Nhờm gồm đồ đại tiểu tiện, khắc nhỏ của bệnh nhân.
3. Không có tâm từ mẫn, chỉ vì có ý muốn thọ dụng y phục, thức ăn... của bệnh nhân mà chăm sóc bệnh.
4. Không kiên nhẫn chăm sóc bệnh nhân việc ăn uống, thuốc men... cho đến khi lành bệnh, thậm chí cho đến lúc qua đời.
5. Không thể vì bệnh nhân thuyết Pháp cho họ sanh tâm hoan hỷ, nên chính bản thân mình bị tổn giảm thiện Pháp.

Đó là năm pháp không nên nhận lấy y phục, đồ dùng của người bệnh.”

_ Lại nói: “Nếu Tỳ-kheo-ni chung sống với Tỳ-kheo-ni bị bệnh mà không chăm sóc thì phạm tội Ba-dật-đề.” (Tỳ-kheo và ba chúng dưới thì phạm tội Đột-kiết-la.)

Luật Tăng-kỳ nói: “Nên săn sóc Tỳ-kheo bệnh, nếu không săn sóc thì phạm tội Vượt Tỳ-ni.”

_ Lại nói:

“Có 9 việc khiến bệnh nhân chưa hết thọ mạng, nhưng lại chết một cách oan uổng. Chín việc đó là gì ?

1. Biết thức ăn không lợi ích cho bệnh nhân, mà vẫn cho họ ăn.
2. Không biết trừ lượng.
3. Thức ăn chưa tiêu hóa xong, mà lại cho ăn nữa.
4. Thức ăn chưa tiêu hóa, mà cố móc cho ói ra.
5. Thức ăn đã tiêu hóa, nên bài tiết ra nhưng cố giữ lại không đi bài tiết.
6. Ăn những thức ăn không hợp với bệnh lý.
7. Thức ăn tuy hợp với bệnh lý, nhưng không trừ lượng.
8. Biếng nhác.
9. Không trí huệ.

Đó gọi là chín việc khiến bệnh nhân bị chết oan uổng, trong khi chưa hết thọ mạng.

Ngược lại, nếu bệnh nhân tuân thủ 9 pháp sau, thì không bị chết oan uổng. Chín pháp đó là gì ?

1. Biết thức ăn không lợi ích thì ăn ít, hoặc không nên ăn.
2. Khéo biết suy lượng.

3. Thức ăn trong bụng tiêu hóa xong, mới ăn tiếp.
4. Không cố ói ra.
5. Năng bài tiết, không cố giữ lại.
6. Không ăn những thức ăn không hợp bệnh lý.
7. Ăn những thức ăn hợp bệnh và biết trù lượng.
8. Không biếng nhác.
9. Có trí huệ.

Đó gọi là đạt được chín pháp giúp bệnh nhân không bị chết oan uổng.”

Đức Phật dạy Tôn giả Ưu-Ba-ly rằng: “Có 3 hạng bệnh nhân, đó là:

1. Bệnh nhân gặp thuốc và thức ăn hợp bệnh, người chăm sóc đúng phương pháp mà vẫn chết.
2. Bệnh nhân không gặp thuốc và thức ăn hợp bệnh, nhưng người chăm sóc đúng phương pháp, nên được lành bệnh và được sống.
3. Bệnh nhân gặp thuốc và thức ăn hợp bệnh, người chăm sóc đúng phương pháp nên chắc chắn được lành bệnh và được sống.

Ưu-Ba-ly ! Trong số những vị Tỳ-kheo bị bệnh, có người không gặp được người chăm sóc đúng phương pháp mà phải chết. Có người gặp được người chăm sóc đúng phương pháp nên được sống. Cho nên các thầy cần phải chăm sóc bệnh, cần phải theo đúng phương pháp giúp bệnh nhân lành bệnh. Đó chính là bố thí thân mạng. Thế cho nên, người chăm sóc bệnh được công đức vĩ đại không thể nói hết. Chư Phật đều tán thán.”

☞43☞

剃髮

THẾ PHÁT

(CẠO TÓC)

剃除鬚髮 當願眾生 遠離煩惱 究竟寂滅
 唵。悉殿都。漫多囉。跋陀耶。娑婆訶 (三遍)

Thế trừ tu phát

Đương nguyện chúng sanh

Viễn ly phiền não

Cứu cánh tịch diệt. *

Cạo bỏ râu tóc

Nay nguyện chúng sanh

Xa lìa phiền não

Rốt ráo tịch diệt.

**ÚM , TẮT ĐIỆN ĐÔ MẠN ĐA RA BẠT ĐÀ DA ,
 SA BÀ HA. (3 biến)**

(*) **Tịch diệt:** Là dịch nghĩa của từ Niết-bàn (Nirvāna). Thế của nó lặng lẽ, không sanh không diệt, xa rời tất cả các tướng, mọi phiền não kết sử đã tận diệt, kết nghiệp đã hết không còn sanh tử hoạn lụy trong Tam giới, nên gọi là Tịch diệt.

Luật Tứ Phần nói: “Tóc dài nhất là hai ngón tay, chỉ cho phép Tỳ-kheo ở nơi hẻo lánh. Nếu hai tháng cạo một lần thì đây là dài nhất.”

Luật Ngũ Phần nói: “Phật quy định nửa tháng cạo tóc một lần.”

Luận Tỳ-ni Mẫu nói: “Pháp cạo tóc, chỉ trừ bỏ tóc trên đầu và râu, tất cả lông nơi khác không cho cạo. Sở dĩ cạo bỏ tóc là vì để trừ tâm kiêu mạn tự thị.”

Văn-Thù Bồ-tát tập hợp những ngày cạo tóc là: Mông 4, 6, 7, 8, 9, 10 và các ngày 11, 14, 15, 16, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 29.

Khi cạo râu tóc thâm niệm tụng kệ chú này.

☞44☞

沐浴

MỘC DỤC

(TẮM GỘI)

洗浴身體 當願眾生 身心無垢 內外光潔
唵。跋折囉惱迦吒莎訶 (三遍)

Tẩy dục thân thể

Đương nguyện chúng sanh

Thân tâm vô cấu

Nội ngoại quang khiết.

Tắm rửa thân thể

Nay nguyện chúng sanh

Thân tâm không nhơ

Trong ngoài sáng sạch.

ÚM , BẠT CHIẾT RA NÃO CA TRA SA HA.

(3 biến)

Luật Tứ Phần nói: “Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) mỗi nửa tháng tắm rửa một lần. Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) không có bệnh nên thọ trì, nếu quá mức thì phạm tội Ba-dật-đề. Trừ những lúc nóng bức, lúc có bệnh, lúc làm việc, lúc có mưa, lúc gió lớn, lúc đi đường xa mới về... thì chẳng kể, có thể tắm gội.”

Luật Thập tụng nói: “Về pháp vào nhà tắm, Tỳ-kheo vào tắm phải nhứt tâm, nói nhỏ, khéo giữ oai nghi, thu nhiếp các căn. Đó gọi là vào trong nhà tắm. Về pháp tắm rửa trong nhà tắm có 5 điều lợi ích:

1. Trừ bỏ bụi dơ;
2. Trừ bệnh ngoài da, khiến cho da sạch sẽ;
3. Trừ bệnh nóng, lạnh;
4. Hạ phong điều khí;
5. Ít bệnh đau.

Đó gọi là pháp tắm rửa trong nhà tắm.”

Luật Tăng-kỳ, Đức Phật chế định cho phép Tỳ-kheo được tắm trong nhà ấm, tức xông tắm hơi nóng, để giữ ấm khi trời lạnh. Nếu ở chỗ gần ao hồ, thì được tự do tắm gội nhưng không cho tắm trần truồng trên đất trống, như mặt nước cao ngang lưng nách che thân thì được.

Luật chế định: Lúc tắm rửa, không được tiểu tiện trong nhà tắm, không cùng với người nói cười hay nói việc đời. Nếu thân có mụn nhọt ghẻ lở và các bệnh ngoài da thì nên tắm sau cùng tất cả. Khi bậc Thượng

tọa chưa tắm, không nên tắm trước, trái luật thì phạm tội Đọa (Ba-dật-đề).

Nếu trì luật nửa tháng tắm một lần, nên lựa chọn ngày tắm. Nên kiêng tắm 6 ngày Trai trong mỗi tháng là: 08, 14, 15, 23, 29, 30.

Khi tắm rửa thêm niệm tụng kệ chú này.

☞45☞

洗足

TẨY TÚC

(RỬA CHÂN)

若洗足時 當願眾生 具神足力 所行無礙
唵。嚩莎訶 (三遍)

Nhược tẩy túc thời

Đương nguyện chúng sanh

Cụ thần túc lực *

Sở hành vô ngại.

Như lúc rửa chân

Nay nguyện chúng sanh

Đủ sức Thần túc

Chỗ đi không ngại.

ÚM LAM SA HA. (3 biến)

(*) **Thần túc:** Là một trong Lục thông. Thần túc thông còn gọi là Thần cảnh trí chứng thông, thông lực

này có thể phiêu diêu tự tại, vắng lai tự do. Vì có thể tự do biến hiện nên còn gọi là Thân như ý thông. Theo Luận Câu-xá, Lục thông bao gồm:

1. Thân cảnh trí chứng thông
2. Thiên nhãn trí chứng thông
3. Thiên nhĩ trí chứng thông
4. Tha tâm trí chứng thông
5. Túc trụ tùy niệm trí chứng thông
(Túc mạng trí chứng thông)
6. Lộ tận trí chứng thông.

Trong sinh hoạt thường nhật của Tăng đoàn, Phật và chư Tăng đều thực hiện pháp rửa chân trước khi lên tòa ngồi.

Kinh Kim Cang nói: “Lúc đó đến giờ ăn, Đức Thế Tôn đắp Y, cầm Bát, đi vào đại thành Xá-Vệ mà khát thực. Trong thành ấy, Đức Phật theo thứ tự ghé từng nhà khát thực, xong trở về Tinh xá, dùng cơm rồi cất Y bát. Sau khi rửa chân xong, Đức Phật trải tòa mà ngồi.”

Tỳ-kheo khi rửa chân thâm niệm tụng Kệ chú này.



PHẦN II

GIỚI LUẬT CĂN BẢN

Giải thoát là thành tựu tối hậu của việc học và tu Phật. Trong kinh Tăng Chi Bộ III, chương Tám Pháp, phẩm Lớn, Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni có khẳng định rằng: “Ví như nước biển chỉ có một vị là vị mặn. Cũng vậy, này Pahàrada ! Pháp và Luật của Ta chỉ có một vị là vị giải thoát”. Pháp và Luật mà Thế Tôn nói đó chính là Tam vô lậu học Giới-Định-Huệ. Và đối tượng trước nhất mà Đức Phật giảng dạy, chính là loài người trong thế giới này. Vì muốn đem đến lợi ích cho chư Thiên, đem giải thoát cho nhân loại, và cũng vì hàng phàm phu chưa chứng Thánh quả giải thoát, chưa thành tựu Vô thượng Bồ-đề, mà Đức Phật chế định ra Giới học. Nhân nơi Giới mà sanh Định, lại nhân nơi Định mà phát sanh Trí huệ giác ngộ.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giới là gốc của Vô thượng Bồ-đề”. Mà tâm Vô thượng Bồ-đề lại là mẹ sanh ra tất cả thiện pháp, là chánh nhân của giải thoát. Do đó, muốn làm đệ tử Đức Phật, trước hết cần phải phát tâm cầu được truyền thọ và tuân giữ Giới luật.

A. BỐN KHOA CỦA GIỚI:

- 1) **Giới pháp:** Là Luật nghi do Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni chế định, dùng các phép tắc để giới hạn thân, khẩu và tâm ý của chúng đệ tử.

- 2) **Giới thể**: Là những cảm thọ, ký ức, ấn tượng trong tâm thức của người đã nhận lãnh sự truyền thọ Giới pháp. Từ đó phát sanh công năng phòng ngừa tà phi, ngăn dứt điều ác.
- 3) **Giới hạnh**: Tùy thuộc vào giới thể, do tuân thủ theo Luật nghi, mà ba nghiệp tạo tác những hành vi như pháp thì gọi là giới hạnh.
- 4) **Giới tướng**: Theo Pháp mà nói, giới tướng là hành trạng khác nhau của các loại Giới pháp. Theo Hành mà nói, giới tướng là tùy theo chỗ thi vi tạo tác, nói nín động tịnh đều phù hợp với Luật nghi, từ đây mà biểu hiện ra tâm lý hành vi.

B. PHƯƠNG THỨC THO GIỚI:

Điều quyết định một người trở thành đệ tử của Đức Phật đó là Giới luật. Giới pháp do Đức Phật chế định, rồi truyền xuống cho đệ tử thọ trì. Sự truyền thọ Giới pháp mang tính truyền thừa. Cho nên sau Phật diệt độ, việc thọ Giới của Phật tử phải do người đã thọ Giới và trì Giới thanh tịnh rồi, mới có tư cách truyền Giới cho người khác. Nếu trong quốc độ có sự hiện hữu của Tăng đoàn, thì sự truyền thọ Giới luật đúng như pháp là phải do Tăng truyền.

Muốn cầu thọ bất cứ chủng loại Giới nào trong hệ thống Giới luật, trước nhất đều phải được truyền thọ Tam Quy Y, thông qua một nghi thức truyền thọ Giới pháp. Ở đây y cứ theo theo bộ “Ngũ Giới Chánh Phạm” của Đại sư Độc Thể biên soạn, nêu ra các bước trong nghi thức truyền thọ Ngũ giới để làm ví dụ tiêu biểu, trình tự gồm có 10 tiết mục:

1.Trải tòa thỉnh sư; 2.Giới sư khai đạo; 3.Thỉnh chư Thánh; 4.Giới tử sám hối; 5.Vấn giá nạn; 6.Thọ Tam quy; 7.Tuyên Ngũ giới tướng; 8.Giới tử phát nguyện; 9.Khuyến chúc; 10.Hồi hương công đức.

Khi thọ các chủng loại Giới khác, nghi thức đại khái cũng tuân thủ theo trình tự qua các bước như vậy, chỉ khác nhau ở phần vấn giá nạn và tuyên giới tướng.

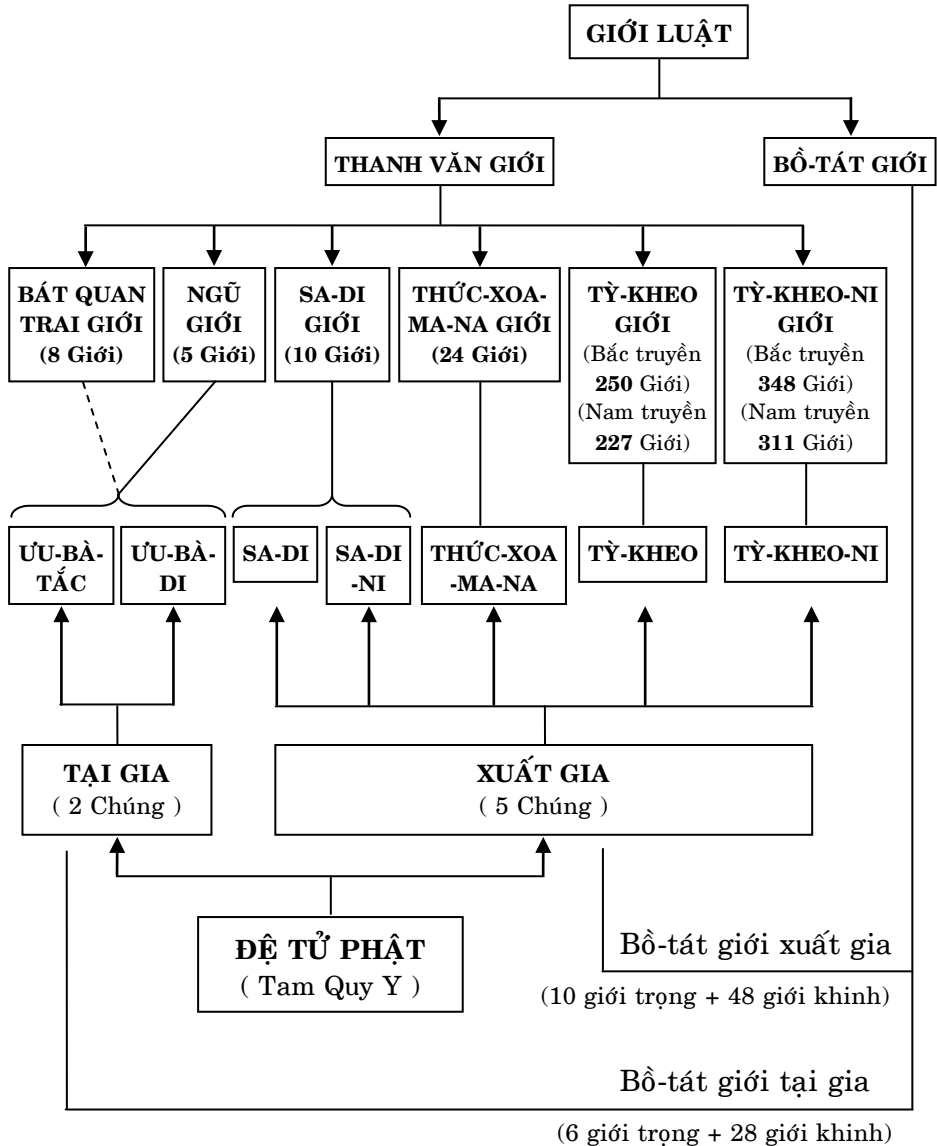
C. CHUNG LOẠI CỦA GIỚI:

Mỗi chủng loại Giới là một tập hợp khác nhau của các Giới tướng tương ứng. Cụ thể là sự khác nhau về Giới tướng trong Thất chúng giới, từ 5 giới của Phật tử tại gia cho đến 250 giới của Tỳ-kheo... Từ đó hình thành nên thân phận, sự sai biệt về đẳng cấp và phẩm hạnh cao thấp của Phật tử. Ngoài các chủng loại Giới căn bản của bảy chúng đệ tử Phật, còn có Bát quan trai giới và Bồ-tát giới. Muốn nắm rõ và đầy đủ Giới tướng của một chủng loại Giới nào cần phải học trong Giới bản.

Phật tử khi cầu thọ Giới và được Giới sư truyền trao cho Giới pháp, thì việc còn lại là học Giới và trì Giới. Nếu không vì bức bách phải xả Giới, thì việc trì Giới không phải chỉ một ngày một buổi. Mà ba nghiệp thân, khẩu, ý phải trì giữ Giới luật trong từng sát-na, từ ngày này qua ngày khác, cho đến trọn đời (trừ Bát quan trai giới giữ trọn một ngày một đêm, Bồ-tát giới từ đời này qua đời khác). Chính vì thế, Giới tướng của từng chủng loại Giới được đưa vào bốn Tỳ-ni Nhựt Dụng này. Vì giới phẩm Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni là đại giới, có Giới tướng từ 250 cho đến 348 giới, cho nên trong phạm vi quyển Tỳ-ni Nhựt Dụng này không nêu ra, chỉ nêu ra

Giới tướng của các giới phẩm từ Tam quy giới, Ngũ giới... cho đến Thức-xoa-ma-na giới.

Dưới đây là biểu đồ mô tả mối tương quan giữa các chúng đệ tử của Phật và chủng loại Giới luật tương ứng.



(Ghi chú: Tỳ-kheo 250 giới và Tỳ-kheo-ni 348 giới là y cứ theo Luật Tứ Phần.)

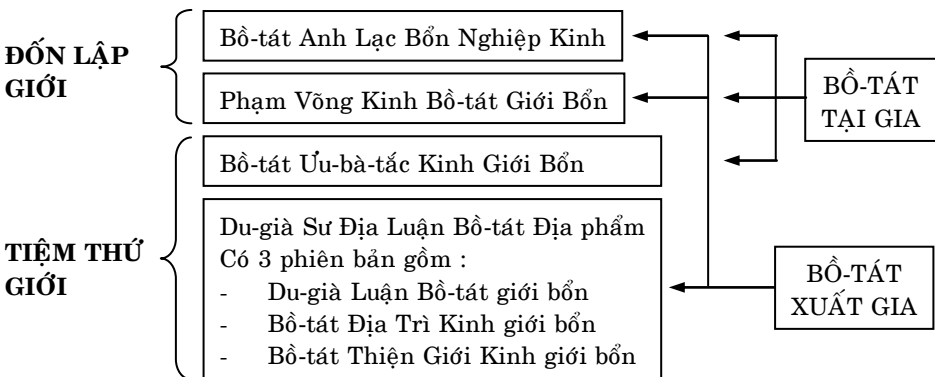
Nếu xét trên phương thức truyền thọ Giới pháp, thì tổng thể Giới luật trong Phật giáo được phân ra 2 loại khác nhau, bao gồm:

1) **Tiệm thứ giới:** Gồm các chủng loại giới từ Tam quy-Ngũ giới cho đến Tỳ-kheo giới. Gọi là tiệm thứ giới vì các chủng loại giới này phải tuân tự truyền thọ lên từng cấp, theo thứ lớp như Luật định. Từ đó hình thành nên 7 chúng đệ tử Phật.

Đối với thiện tín nam thứ lớp thọ giới từ: Tam quy-Ngũ giới ---> Sa-di Thập giới ---> Tỳ-kheo giới.

Đối với thiện tín nữ thứ lớp thọ giới từ: Tam quy-Ngũ giới ---> Sa-di Thập giới ---> Thức-xoa-ma-na pháp ---> Tỳ-kheo-ni giới.

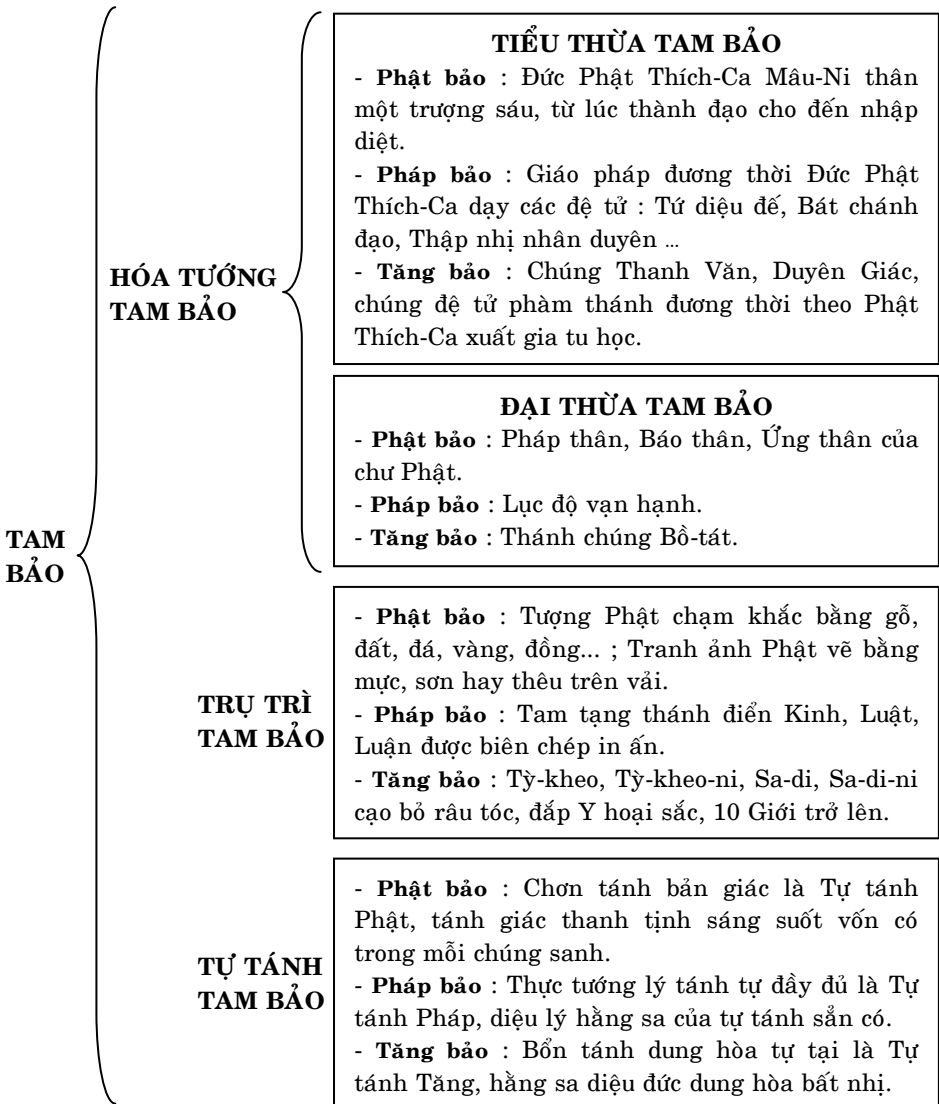
2) **Đốn lập giới:** Gồm có Bát quan trai giới và Bồ-tát giới, hai chủng loại giới này cũng là Giới biệt giải thoát. Gọi là đốn lập giới vì bất luận giới tử đã thọ hay chưa thọ Ngũ giới, đều có thể thọ ngay Bát quan trai giới hay Bồ-tát giới để tu tập hành trì. Riêng Bồ-tát giới, y cứ theo nội dung Giới pháp của từng giới bản cụ thể, có thể phân ra làm 2 loại Tiệm thứ và Đốn lập, theo biểu đồ sau:



1. TAM QUY Y GIỚI PHÁP:

Tam quy y gọi đủ là Quy y Tam Bảo, nghĩa là nguyện trở về nương tựa ba ngôi tôn quý nhất thế gian và xuất thế gian, đó là: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.

Dưới đây là biểu đồ phân loại và ý nghĩa của Tam Bảo:



Tam Bảo nghĩa là ba ngôi báu, cao cả và tôn quý nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian.

- Phật bảo là các bậc đã đạt trí giác ngộ cao tột, hoàn tất cả ba phương diện: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.
- Pháp bảo là lời dạy, phép tắc, khuôn khổ khiến chúng sanh có thể tự nhận ra và giữ gìn bản tánh thanh tịnh. Pháp bảo bao hàm những gì là phương tiện, ví như thuyền bè vượt qua đến bờ giải thoát, hay con đường dẫn tới sự giác ngộ thành Phật.
- Tăng bảo là một đoàn thể hòa hợp cả về sự và lý, cùng đi chung trên tiến trình đến giác ngộ.

1) **Kinh bốn y cứ:**

Pháp Tam quy được nhắc đến trong rất nhiều Kinh điển. Theo hệ Bắc truyền, nói về pháp Tam quy có bốn “Phật Thuyết Hy Hữu Giáo Lượng Công Đức Kinh”; Đời nhà Tùy, Tam tạng Pháp sư người Thiên Trúc, Xà-Na-Khuất-Đa dịch từ Phạn văn sang Hán văn.

2) **Đối tượng được Quy y Tam Bảo:**

Sáu cõi từ Thiên giới cho đến Địa ngục đều ở trong luân hồi sanh tử. “Ngã Phật từ bi” vốn chẳng bỏ chúng sanh. Mọi chúng sanh đều sẵn có Phật tánh và năng lực giác ngộ thành Phật. Thế nên, chúng sanh trong Lục đạo, trừ các chúng sanh trong Địa ngục vì bị chịu khổ bức bách quá lớn, không có cơ hội quy y Tam Bảo; Còn lại tất cả Trời, A-tu-la, Người, Súc sanh, Quỷ thần nói chung... đều có thể phát tâm cầu thọ Tam quy và trở thành Phật tử. Cũng bởi lý do này, nếu mở rộng ra Pháp giới, thì tất cả các đấng giáo chủ thuộc mọi tôn

giáo, cùng tất cả mọi tín đồ, hoặc là thờ Trời để vào thiên giới, hoặc là tôn thờ các Quý, Thần, linh vật... chỉ cần phát được tín tâm thanh tịnh cầu thọ Tam quy, sẽ được tiếp nhận và chánh thức trở thành đệ tử của Đức Phật. Từ đó tu tập hướng đến sự giải thoát, vượt ra khỏi sanh tử luân hồi trong Tam giới, cho đến thành tựu quả vị Giác ngộ tối thượng.

3) **Chủng loại của Tam quy:**

Quy y Tam Bảo là bước đầu tiên, tiến vào cửa Phật để tu học Phật pháp. Tam quy còn là bước cơ bản, đặt nền móng để tiến lên cầu thọ các Giới phẩm cao hơn từ Ngũ giới cho đến Cụ túc giới.

Giới luật chế định, bất luận là cầu thọ chủng loại Giới nào, trước cần phải thọ Tam quy y. Vì vậy, trong nghi thức truyền thọ Giới pháp đều có cử hành Tam quy trước khi thuyết Giới tướng. Do đó, tuy nội dung Tam quy là như nhau, nhưng đối tượng thọ Giới khác nhau về cấp bậc Giới phẩm, nên chủng loại Tam quy cũng được phân thành 5 bậc:

- a. Phiên tà tam quy: Đầu tiên tiến vào cửa Phật.
- b. Ngũ giới tam quy: Sau khi trở thành đệ tử Phật, phát tâm thọ thêm Ngũ giới trở thành Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.
- c. Bát giới tam quy: Phật tử vào ngày lục trai phát tâm thọ trì Bát quan trai giới, tu tập hạnh xuất gia trong một ngày đêm.
- d. Thập giới tam quy: Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phát tâm thọ mười giới trở thành Sa-di, Sa-di-ni.

- e. Cụ túc giới tam quy: Sa-di, Sa-di-ni (Thức-xoa-ma-na) thọ Đại giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. *(Vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni giới là Giới phẩm cao và đầy đủ nhất trong hàng Thanh Văn nên gọi là Cụ túc giới.)*

4) Nội dung của Tam quy:

Nội dung của pháp Tam quy y được nói đến trong rất nhiều Kinh điển, thuộc cả hai hệ Bắc truyền và Nam truyền. Tuy có khác về mặt hình thức ngôn từ, nhưng nội dung chánh yếu chung quy là giống nhau, không ngoài nội dung cơ bản sau:

ĐỆ TỬ TÊN LÀ:

SUỐT ĐỜI QUY Y PHẬT,

SUỐT ĐỜI QUY Y PHÁP,

SUỐT ĐỜI QUY Y TĂNG.

Theo ghi chép trong các bản Kinh thuộc hệ Nam truyền, thì nội dung của pháp Tam quy thời Phật còn tại thế rất đơn giản.

Bồ-tát Gotama (Cồ-đàm) sau khi thọ thực bát cháo sữa của bà Sujata dâng cúng, Ngài nhịn đói suốt 49 ngày để nhập thiền định. Qua 49 ngày, Bồ-tát liền chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trở thành một vị Phật.

Sau đó, vì tùy thuận ba lần thỉnh cầu của Phạm thiên Sahampati, Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni quyết định chuyển Pháp luân. Ngay khi ấy, có hai vị thương gia tên là Tapassu và Bhallika nghe lời mách bảo của một Thiên nhân, liền đến dâng thực phẩm cúng dường Phật. Đức Phật dùng bốn chiếc bát của Tứ Đại Thiên Vương

dâng cúng, để nhận chỗ thực phẩm của hai thương chủ. Sau khi Đức Phật thọ thực xong, hai vị thương chủ quỳ dưới chân Phật bạch rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn ! Chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp. Xin ngài thân nhận chúng con làm thiện tín, kể từ nay đến ngày cuối cùng của đời chúng con.”

Đó là hai vị thiện tín đã tác pháp quy y Nhị bảo, làm đệ tử đầu tiên của Đức Phật. Vì sau khi thành đạo, thời điểm ban đầu Đức Phật chưa nhận đệ tử xuất gia, chưa thành lập Tăng đoàn nên chưa có Tăng bảo. Mãi đến khi Đức Phật gặp lại năm anh em Đạo sĩ Kiều Trần Như và thuyết Pháp độ hóa năm vị Tỳ-kheo này chứng quả A-la-hán, bấy giờ mới có Tăng bảo. Sau đó, có người cha của nhà triệu phú Yasa đi đến chỗ Phật, để tìm con trai của ông. Khi nghe Đức Phật thuyết xong một thời Giáo pháp, ông sanh tâm hoan hỷ bạch Phật rằng:

“... Bạch Đức Thế Tôn ! Con xin quy y Phật, Pháp và Tăng. Xin Đức Thế Tôn thân nhận con vào hàng thiện tín. Xin ngài cho phép con nương tựa nơi Tam Bảo, từ ngày này đến giờ phút cuối cùng của đời con.”

Và cha của Yasa là người thiện nam đầu tiên tác pháp quy y với đầy đủ ba ngôi Tam Bảo, trở thành đệ tử tại gia thứ ba của Phật. Cũng ngay sau đó, ngài Yasa đắc quả A-la-hán. Ngài Yasa là vị A-la-hán thứ sáu, sau năm anh em ngài Kiều Trần Như. Qua ngày hôm sau, mẹ cùng với người vợ trước kia của Yasa cũng xin Phật cho thọ lễ quy y Tam Bảo, và hai Bà là những người tín nữ đầu tiên trong Phật pháp được quy y Tam Bảo.

Theo Kinh điển thuộc hệ Bắc truyền, như trong bốn “Phật Thuyết Hy Hữu Giáo Lượng Công Đức Kinh”,

nội dung của pháp Tam quy được nêu lên thông qua suy nghĩ của ngài A-Nan như sau:

<< **Bấy giờ, trưởng lão A-Nan Tỳ-kheo ngồi một mình nơi vắng vẻ tĩnh lặng, tư duy và khởi lên ý niệm rằng: “Như các thiện nam tử cùng thiện nữ nhân nào, nếu ở nơi pháp Tam quy y có thể thọ trì và tự nói lời như vậy “Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng”, thời chỗ công đức quy y này họ có được bao nhiêu ?” Nghĩ như vậy rồi, khi mặt Trời vừa lên, ở nơi trú xứ của mình, trưởng lão A-Nan lập tức từ tòa ngồi đứng dậy, đắp y tề chỉnh, an tường mà đi đến chỗ Phật.>>**

Đó là phép tắc, nội dung của Tam quy thời Đức Phật còn tại thế. Sau khi Phật diệt độ, vì xét thấy căn tánh của người thời nay không thuộc hạng lợi căn như thời Chánh pháp. Cho nên ngoài nội dung chánh thọ Tam quy như trước, lại có thêm phần Tam kết. Sở dĩ có phần Tam kết là nhằm ngăn ngừa cho Phật tử về sau, sợ vì tâm cầu giải thoát bị lung lạc, phan duyên chạy theo những tham cầu thế pháp mà đi lệch hướng ra ngoại đạo. (*Ngoại đạo đây có nghĩa là con đường vượt ra bên ngoài tiến trình dẫn đến giác ngộ giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề*). Phật pháp vốn chủ trương tự giác, tự độ. Cho nên phần Tam kết cũng không mang tính bắt buộc, mà trên tinh thần thấu hiểu và tự nguyện của người phát tâm cầu Giới, muốn vào Phật môn tu học.

Nội dung Tam quy và Tam kết hiện nay được y cứ vào Sự tướng Tam Bảo mà lập:

- **Con tên là suốt đời quy y Phật, suốt đời quy y Pháp, suốt đời quy y Tăng.**

(Nói 3 lần Tam quy, mỗi lần 1 lay)

- **Con tên là . . . quy y Phật rồi, thà bỏ thân mạng chứ chẳng bao giờ quy y Thiên ma ngoại đạo.**

Con tên là . . . quy y Pháp rồi, thà bỏ thân mạng chứ chẳng bao giờ quy y tà thuyết ngoại đạo.

Con tên là . . . quy y Tăng rồi, thà bỏ thân mạng chứ chẳng bao giờ quy y đồ chúng ngoại đạo.

(Nguyên 3 lần Tam kết, mỗi lần 1 lay)

Đó là nội dung Tam quy ở buổi đầu nhập môn đi vào Phật đạo. Tam quy y cũng được xem là Giới pháp, phải hành trì xuyên suốt đến khi thành tựu đạo quả giải thoát. Thế nên về sau này, các Tổ sư thuộc hệ Bắc truyền y cứ theo Kinh văn và Lý thể Tam Bảo mà lập ra Tam tự quy, cho Phật tử thọ trì sau các khóa tụng hằng ngày:

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. (1 lay)

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như hải. (1 lay)

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. (1 lay)

Chư Phật là bậc Đại Giác Ngộ đã tìm ra chân lý và Giáo pháp đưa đến giác ngộ giải thoát. Tất cả chư Phật trong ba đời cũng đều tôn kính và sùng bái chính Giáo pháp này. Các ngài đã dùng Giáo pháp mà mình chứng ngộ làm phương tiện để giác ngộ chúng sanh. Chư Tăng cùng với tất cả chúng sanh, cũng do Giáo pháp này mà được độ thoát và thành tựu Phật đạo. Chư Phật cũng từ nơi Giáo pháp này mà “sanh” ra. Lúc Phật

còn tại thế hay đã diệt độ, thì Tăng chúng cũng là người nắm giữ và truyền bá Chánh pháp. Lại xét về mặt Lý thể, trong tất cả mọi chúng sanh đều có đầy đủ ba thể tánh của Tam Bảo. Chính vì thế, Tam Bảo là một thể thống nhất không thể tách rời, cho nên phải quy y đầy đủ cả ba: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, mới được xem là đắc Tam quy giới, khi đó mới chánh thức trở thành một Phật tử. Như chỉ cần thiếu một trong ba, thời chẳng thể thành Tam quy.

5) Cách thức thọ Tam quy:

Người cầu thọ Tam quy phải hiểu rõ ý nghĩa, lợi ích của pháp Tam quy, có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo mà cầu được lãnh thọ, không vì bị thúc ép mà thọ.

Người cầu Tam quy chỉ cần đối trước một vị Tăng làm bốn sư để lãnh thọ. Ngay lúc truyền thọ, vị bốn sư phải nói thật rõ ràng nội dung Tam quy và Tam kết; Người cầu thọ phải tự nói lời Tam quy và Tam kết trong chánh niệm. Khi nội dung Tam quy y được tuyên, nếu giới tử nghe và nói không rõ ràng, thời cũng chẳng đắc Tam quy giới.

Nghi thức truyền thọ Tam quy y căn cứ theo “Tam Quy Chánh Phạm”, trình tự gồm có 8 tiết mục sau:

1.Trải tòa thỉnh sư; **2.**Khai đạo; **3.**Thỉnh Thánh; **4.**Sám hối; **5.**Truyền thọ Tam quy; **6.**Phát nguyện; **7.**Hiển ích khuyến chúc; **8.**Hồi hương.

Trong nghi thức truyền thọ Tam quy không có phần vấn giá nạn, vì tất cả chúng sanh hễ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, phát tâm cầu Quy y liền được tiếp nhận.

6) Điều cấm giới nên giữ sau khi thọ Tam quy:

Pháp Tam quy cũng có thể được coi là Tam quy giới. Vì sau khi thọ Tam quy, mặc dù chưa thọ Ngũ giới, nhưng Phật tử cũng phải vâng giữ các điều cấm ngăn cơ bản. Sở dĩ phải vâng giữ các điều này hoặc là vì phá ác, tránh cho Phật tử rơi vào ba ác đạo; Hoặc là vì tăng ích, lập ra nền tảng cho Phật tử sau này có thể tiến tu lên các Giới phẩm cao hơn. Chung quy có 3 điều cơ bản rất thiết yếu, cần nên vâng giữ như sau:

- Điều thứ nhất là thọ Tam quy y làm đệ tử của Phật rồi phải giữ Tam kết: Thiên tín quy y Phật rồi, trọn đời không quy y Thiên, Thần, Quỷ, Vật. Quy y Pháp rồi trọn đời không quy y các giáo pháp tà kiến. Quy y Tăng rồi trọn đời không quy y tôn hữu ác đảng.

Nếu Phật tử chỉ vì bi tâm hay kính tâm mà làm việc bố thí, cúng dường hay cầu đảo sự bảo hộ của Thiên, Thần, Quỷ, Vật... để làm phương tiện trợ duyên cho việc tu học Phật pháp, thì không mất Tam quy giới. Nếu Phật tử trái bỏ tâm Bồ-đề, thoái thất con đường giải thoát giác ngộ, lại nương tựa vào Thiên, Thần, Quỷ, Vật, hay nương tựa vào các pháp khác không đem đến giải thoát, mà hướng tới sự đọa lạc vào Tam giới, thời sẽ mất Tam quy giới. Khi đã mất đi Tam quy y, nếu phát tâm muốn trở lại con đường tu học Phật pháp, phải thỉnh Tăng truyền thọ lại pháp Tam quy.

- Điều thứ hai là thọ Tam quy y làm đệ tử của Phật rồi, nên tu thiện hạnh bất sát, chỉ được ăn Tam tịnh nhục.

Kinh Jivaka, Trung bộ II, số 55 có đoạn Đức Phật đã nói:

“Này Jivaka, những ai nói như sau: Vì sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật; Và sa-môn Gotama tuy biết thế vẫn dùng các loại thịt được giết vì mình, được làm cho mình. Những người ấy không nói chính lời của Ta, họ xuyên tạc Ta, không như chân, không như thật.

Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt không được thọ dụng: thấy, nghe và nghi vì mình mà giết. Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt không được thọ dụng.

Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt được thọ dụng: không thấy, không nghe, và không nghi vì mình mà giết. Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt được thọ dụng.”

“Tam tịnh nhục” nghĩa là loại thịt hội đủ 3 yếu tố thanh tịnh kể trên: Mắt không thấy con vật bị giết, tai không nghe tiếng con vật bị giết, ý không nghi ngờ con vật vì mình mà bị giết. Lại thêm 2 thứ thịt nữa là thịt của con vật tự chết và thịt mà các loài thú khác ăn còn dư. Phật tử được thọ dụng các loại thịt thanh tịnh này.

Ngoài ra, có 10 loại thịt mà Phật tử không được thọ dụng, đó là: thịt người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, cọp, báo, gấu và linh cẩu.

Nên ăn chay vào sáu ngày Lục trai của mỗi tháng là: mồng 8, 14, 15, 23 và hai ngày cuối tháng. Hoặc y cứ theo Kinh Địa Tạng, nên ăn chay vào mười ngày Thập trai của mỗi tháng là:

mồng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30. Tiến thêm lên, có thể ăn chay vào ba tháng trường Trai của mỗi năm là: tháng Giêng, tháng 5, tháng 9.

(Theo quan điểm Đại thừa, trong những ngày Trai ngoài việc không ăn thịt động vật, còn giữ giới không ăn phi thời quá ngộ. Thông thường khi thọ Bát quan trai giới mới trì Trai giới. Nếu Phật tử đã thọ Đại thừa Bồ-tát giới, thì tuyệt đối trường chay, suốt đời không ăn thịt.)

- Điều thứ ba là thọ Tam quy y làm đệ tử của Phật rồi, nên tu giữ Chánh mạng, không nên làm các nghề ác để sinh sống, gây hao tổn phước đức như: Nghề đồ tể, hàng thịt, nấu rượu, bán rượu, buôn người, bán sắc trai sắc gái, cờ bạc v.v...

7) Công đức của Quy y Tam Bảo:

Công đức, lợi ích của pháp Quy y Tam Bảo được Đức Phật nói rất rõ ràng trong bốn “Phật Thuyết Hy Hữu Giáo Lượng Công Đức Kinh”.

Ngoài ra, trong một bản Kinh khác Đức Phật nói rằng: *“Người đời tuy làm điều thiện, nhưng chẳng phá hoại được ác nghiệp đời trước. Nếu hay thọ trì Tam quy giới, thời có thể phá hoại được ác nghiệp đời trước.”*

Kinh Mộc Hoạn Tử có nói: *“Thời quá khứ có một vị Tỳ-kheo tên Sa-Đầu, chuyên tụng danh hiệu Tam Bảo suốt mười năm, bèn chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Hiện nay đang ở thế giới Phổ Hương làm vị Bích Chi Phật.”*

Lợi ích của Tam quy còn được nói trong nhiều bản Kinh khác, chung quy kể ra gồm các điều sau:

- Trở thành đệ tử của Phật. Làm nền tảng để thọ nhận các Giới pháp thanh tịnh, khiến an lạc ngay tại đời này, về sau thành tựu Phật đạo.
- Giảm nhẹ tội chướng.
- Làm chánh nhân chứa nhóm cội phước rộng lớn, mọi việc tốt lành đều sẽ thành tựu.
- Chẳng đọa lạc vào ba ác đạo: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.
- Nhơn và Phi nhơn chẳng thể nhiễu loạn.
- Được Tứ Đại Thiên Vương sai khiến 36 vị thiện thần thường theo ủng hộ.

2. ƯU-BÀ-TẮC & ƯU-BÀ-DI NGŨ GIỚI PHÁP:

Ngũ giới là 5 điều chẳng nên làm của một Phật tử tại gia, do Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni chế định. Ngũ giới dùng chung cho cả hai chúng đệ tử tại gia nam và nữ. Người nam thọ Ngũ giới gọi là Ưu-bà-tắc, người nữ thọ Ngũ giới gọi là Ưu-bà-di.

Giới pháp của hàng xuất gia lấy Ngũ giới làm nền tảng căn bản để mở rộng. Vì vậy, chư Thiện tín sau khi thọ Tam quy rồi, tiếp đến nên phát tâm thọ trì Ngũ giới, để tiến bước vào con đường an lạc giải thoát.

1) Kinh bốn y cứ:

Theo hệ Bắc truyền, Kinh nói về 5 Giới tương của hai chúng tại gia có bốn: “Phật Thuyết Ưu-Bà-Tắc Ngũ Giới Tương Kinh”, do Tam tạng Pháp sư Cầu-Na-Bạt-Ma dịch từ Phạn văn sang Hán văn.

2) Đối tượng thọ Ngũ giới:

Đối tượng được truyền thọ Ngũ giới là những người thiện tín nam, nữ đã thọ pháp Tam quy y và phát tâm cầu thọ Ngũ giới. Trừ loài người ra, chúng sanh ở các loài khác không thể đắc Ngũ giới.

Trong Ngũ thú: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nhân gian, Thiên thượng chỉ có loài người đắc Ngũ giới.

Tuy loài người đắc Ngũ giới, nhưng Giới luật chế định những người phạm vào giá nạn, không được thọ Ngũ giới trong đời này. Đó là những người hiện đời phạm các tội lỗi sau:

- Phạm Ngũ nghịch trọng tội: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu.
- Tự mình phá tịnh giới và phá tịnh giới của người khác. Như trong quyển Phật Thuyết Ưu-Bà-Tắc Ngũ Giới Tướng Kinh có nói: *“Nếu người chưa thọ Phật giới, phạm tà dâm với đệ tử của Phật là người tịnh giới, tuy không có tội phạm giới nhưng vĩnh viễn không được thọ Ngũ giới, cho đến không được xuất gia thọ Cụ túc giới.”*

3) Phân loại Ngũ giới:

Do vì chủng tử, căn tánh và tập khí của mỗi người chẳng đồng nhau, có người chẳng thể một lúc thọ trì trọn vẹn đủ cả 5 Giới. Thế nên ngày nay, các Giới sư mở ra phương tiện cho Phật tử theo năng lực của mình, có thể tùy chọn thọ trì từng phần hoặc trọn phần Ngũ giới. Vì vậy, Ngũ giới được chia ra các loại như:

- Nếu người nam thọ trì 1 giới gọi là nhứt phần Ưu-bà-tắc. (Người nữ gọi là nhứt phần Ưu-bà-di)
- Nếu người nam thọ trì 2 giới gọi là thiếu phần Ưu-bà-tắc. (Ưu-bà-di)
- Nếu người nam thọ trì 3-4 giới gọi là đa phần Ưu-bà-tắc. (Ưu-bà-di)
- Nếu người nam thọ trì đủ 5 giới gọi là mãn phần Ưu-bà-tắc. (Ưu-bà-di)

Đây chỉ là phương tiện trợ thiện duyên để Phật tử từng bước tiến tu. Thời Phật tại thế không có việc tùy phần thọ giới, một lần phát nguyện thọ Ngũ giới là thọ trì đủ cả 5 Giới. Người thọ trì đủ cả 5 Giới mới gọi là chánh thọ và đắc Ngũ giới pháp.

4) Nội dung và trì phạm của Ngũ giới tương:

Các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cần phải vâng giữ Ngũ giới cho được thanh tịnh. Ngũ giới bao gồm có 5 điều chẳng nên làm như sau:

Giới thứ nhất: KHÔNG NÊN SÁT SANH

Giới thứ hai: KHÔNG NÊN TRỘM CƯỚP

Giới thứ ba: KHÔNG NÊN TÀ DÂM

Giới thứ tư: KHÔNG NÊN VỌNG NGŨ

Giới thứ năm: KHÔNG NÊN UỐNG RƯỢU.

Bốn Giới đầu, từ “Không nên sát sanh” cho đến “Không nên vọng ngữ” thuộc về Tánh giới. Vì dù là Phật tử (*đã thọ Tam quy_Ngũ giới*) hay người không phải Phật tử (*chưa thọ Tam quy_Ngũ giới*), khi phạm vào bốn điều này tức mang tánh tội, phải chịu luật nhân

quả chi phối như nhau. Riêng Phật tử đã thọ Ngũ giới rồi, nếu vi phạm bốn Giới này ngoài tánh tội, lại có thêm giới tội.

Riêng Giới thứ năm “Không nên uống rượu” chẳng phải Tánh giới mà là Giá giới. Vì do Đức Phật chế định nhằm phòng ngừa vi phạm bốn Giới trên. Phật tử phạm Giới uống rượu chỉ có giới tội, không có tánh tội.

Nói về sự hủy phạm Ngũ giới đều có mức độ nặng nhẹ khác nhau, tùy theo hành trạng phạm Giới mà phân định. Trọng tội (*tội nặng*) chẳng cho sám hối, khinh tội (*tội nhẹ*) cho sám hối. Tuy có pháp sám hối diệt tội (*khinh tội*), nhưng chỉ diệt được giới tội cho Giới thể trở lại thanh tịnh, không diệt được tánh tội.

- Khi phạm Giá giới, nếu sám hối như pháp liền diệt được giới tội. Phạm Giá giới dù không có tánh tội, nhưng ít nhiều vẫn có nghiệp quả do hành vi gây ra.

- Nếu phạm Tánh giới, thì dù có tác pháp sám hối chỉ diệt được giới tội, khiến giới thể trở lại thanh tịnh, nhưng tánh tội chẳng được diệt, tất phải theo nghiệp mà chịu thọ báo.

Một cách tổng quát, dù phạm Tánh giới hay Giá giới đều là nghiệp nhân bất thiện, tất yếu sẽ có nghiệp quả. Quả báo của nghiệp có trở hay không còn phụ thuộc vào duyên. Trừ khi chứng quả A-la-hán nhập Vô dư Niết-bàn vượt ra ngoài Tam giới, hoặc đời nghiệp vãng sanh Tịnh độ thời chẳng chịu thọ báo.

Muốn biết rõ 5 Giới tương trên có mức độ khinh, trọng như thế nào ? Và hành vi phạm giới nào có thể sám hối, hành vi phạm giới nào không thể sám hối ?

Phật tử thọ trì Ngũ giới cần xem bản: “Phật Thuyết Ưu-Bà-Tắc Ngũ Giới Tướng Kinh”.

5) Cách thức truyền thọ Ngũ giới:

Theo Luật, như muốn trở thành Ngũ giới Ưu-bà-tắc (Ưu-bà-di) thiện tín chỉ cần đối trước một vị Tăng làm A-xà-lê, nói lời nguyện một lần là đắc Giới. (*A-xà-lê nghĩa là Giới sư truyền Giới pháp.*)

Giới luật trong Phật môn mang tính truyền thừa, được truyền thọ từ thầy xuống đệ tử, nhưng cuối cùng vẫn trở về ba ngôi Tam Bảo của tự tánh mà huân tu. Cho nên Luật chế phương tiện, cho phép chư Thiện tín lãnh thọ Ngũ giới từ 5 chúng xuất gia trong các trường hợp sau:

- Phải nên ở trước một vị Thượng tọa trưởng lão Tỳ-kheo lãnh thọ.
- Nếu không có Thượng tọa trưởng lão, nên hướng về một vị Tỳ-kheo thanh tịnh lãnh thọ.
- Nếu không có Tỳ-kheo, nên hướng về một vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh lãnh thọ.
- Nếu không có Tỳ-kheo-ni, nên hướng về một vị Thức-xoa-ma-na thanh tịnh lãnh thọ.
- Nếu không có Thức-xoa-ma-na, nên hướng về một vị Sa-di thanh tịnh lãnh thọ.
- Nếu không có Sa-di, nên hướng về một vị Sa-di-ni thanh tịnh lãnh thọ.
- Nếu không có Sa-di-ni, nên hướng về một vị Bạch y cư sĩ lãnh thọ.

- Nếu không có Bạch y thanh tịnh, có thể hướng về một người không phải là đệ tử Phật, hay chúng sanh loài khác mà lãnh thọ.

Thời Phật tại thế, các thiện tín có lợi căn thọ Tam quy xong, liền thọ Ngũ giới cùng lúc. Sau Phật diệt độ, các Phật tử tùy theo năng lực và tâm nguyện có thể thọ Tam quy, Ngũ giới cùng một lúc; Hoặc có thể thọ Tam quy trước, sau cho học nội dung Ngũ giới, lại trải qua một khoảng thời gian thử thách từ 6 tháng đến 1 năm, hoặc hơn nữa, mới truyền thọ cho Ngũ giới. Sở dĩ cho Giới tử học trước nội dung của Ngũ giới, vì lúc vào giới đàn để thọ Giới, khi tự thân Giới tử nói lời nguyện để lãnh thọ, nhưng chẳng thông hiểu ý nghĩa từng Giới pháp thì chẳng đắc Giới.

Về thời gian thọ trì Ngũ giới, phương tiện cho phép Phật tử có thể phát nguyện thọ trì Ngũ giới từ một ngày, một đêm, trọn một ngày đêm, hoặc trong khoảng thời gian hữu hạn nhất định nào đó. Nhưng để được lợi ích to lớn của Ngũ giới, Phật tử nên phát nguyện thọ trì suốt đời cho đến già chết.

Khi gặp chương duyên bức bách muốn xả Giới, Phật tử không cần đối trước 5 chúng xuất gia, tùy thời chỉ cần đối trước một người có thể nghe và hiểu được lời mình nói. Phật tử nói một lần: “Tôi là nay xả Giới” (*kể ra Giới tướng muốn xả*), liền thành xả Giới. Sau khi xả Giới rồi, muốn phát tâm thọ lại, thời thỉnh một vị Tăng làm A-xà-lê, truyền thọ lại Giới pháp như ban đầu.

Nếu Phật tử thọ trì Ngũ giới suốt đời không xả Giới, thời được trọn vẹn công đức của Ngũ giới pháp

trong một đời; Và khi xả báo thân người thì Giới thể cũng tự mất; Nếu được tái sinh làm người ở đời sau, muốn cầu Ngũ giới phải được Giới sư truyền thọ lại.

Nghi thức truyền thọ Ngũ giới y cứ theo bộ “Ngũ Giới Chánh Phạm”, do Đại sư Độc Thể biên soạn, trình tự gồm có 10 tiết mục:

- 1) Trải tòa thỉnh sư: Người thọ giới bày pháp tòa, thỉnh Giới sư lên pháp tòa, cúng dường hương hoa đèn, xông tác bạch lời cầu giới.
- 2) Giới sư khai đạo: Giới sư vì người cầu giới, diễn nói về ý nghĩa, tính trọng yếu của Ngũ giới đối với việc học và tu Phật.
- 3) Thỉnh Thánh: Phụng thỉnh Phật, Pháp, chư hiền thánh Tăng chứng minh thọ giới. Phụng thỉnh Thiên long bát bộ lai lâm, giám đàn hộ giới.
- 4) Sám hối: Người thọ giới sám trừ tất cả tội nghiệp từ vô thủy đến nay, cho thân tâm thanh tịnh trước khi nạp thọ giới thể, đổi mới con người cũ.
- 5) Vấn giá nạn: Giới sư hỏi giới tử ở trong đời này, từ trước đến nay có tạo những tội lỗi lớn mà Phật pháp chẳng chấp nhận cho thọ giới chẳng. Những lỗi này trong Giới luật quy định cụ thể, nếu có làm tức thành giá chướng không được thọ giới.
- 6) Thọ Tam quy y: Giới tử đọc lời chánh thọ Tam quy và Tam kết.

- 7) Tuyên giới tướng: Giới sư nói từng giới tướng của Ngũ giới cho người thọ giới lãnh hội. Khi người thọ giới nghe và hiểu rõ, ở mỗi giới tướng đều đáp rõ là trì giữ được hay không ?
- 8) Phát nguyện: Khai thị giới tử phát Bồ-đề tâm.
- 9) Dặn dò khuyến chúc: Khuyến cáo giới tử đã thọ nhận Phật giới, nên y theo lời Phật dạy mà vâng giữ và tinh tấn tu hành.
- 10) Hồi hương: Giới sư cùng giới tử đem công đức truyền thọ Giới luật hồi hương cho pháp giới chúng sanh.

Ngoài ra, Đại sư Ngẫu Ích có biên soạn văn Tam quy_Ngũ giới, cho Giới tử tuyên nói lúc lãnh thọ Ngũ giới như sau:

Con là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng; Suốt đời làm mãn phần (hoặc nhất, thiểu, đa phần) Ưu-bà-tắc (Ưu-bà-di). Như Lai chí chân Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con. (3 lần)

Con là quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi; Suốt đời làm mãn phần (hoặc nhất, thiểu, đa phần) Ưu-bà-tắc (Ưu-bà-di). Như Lai chí chân Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con. (3 lần)

1. Như chư Phật suốt đời không sát sanh, con là suốt đời cũng không sát sanh.
2. Như chư Phật suốt đời không trộm cướp, con là suốt đời cũng không trộm cướp.
3. Như chư Phật suốt đời không dâm dục, con là suốt đời cũng không tà dâm.

4. Như chư Phật suốt đời không vọng ngữ, con là suốt đời cũng không vọng ngữ.

5. Như chư Phật suốt đời không uống rượu, con là suốt đời cũng không uống rượu.

Nguyện đem công đức thọ Ngũ giới này hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, báo bốn trọng ân, Ba cõi đều nhờ, cùng khắp chúng sanh đồng sanh Tịnh độ.

6) Công đức của việc trì Ngũ giới:

Tất cả các chủng loại của Giới luật trong Phật môn, đều có tên gọi chung bằng tiếng Phạn là Pràtimokṣa (Ba-la-đề-mộc-xoa). Ba-la-đề-mộc-xoa là một trong ba tên gọi của Giới luật, dịch nghĩa là Biệt giải thoát giới, vì hễ thọ trì một Giới thì có được công đức của một Giới. Người trọn đời thọ trì đủ cả 5 Giới thời thân được công đức và lợi ích càng lớn, nếu kiêm tu “Thập thiện nghiệp đạo” lại càng thù thắng hơn nữa. Đây chỉ nói tóm lược công đức trì Ngũ giới như sau:

- Nghiêm trì Ngũ giới tránh bị đọa lạc vào Tam đồ (Ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Nhờ công đức trì Giới, đảm bảo cho đời sau thường sanh trong loài người. Kinh Phật Thuyết Ưu-Bà-Tắc Ngũ Giới Tướng nói:

“Phật đáp: Lành thay, này Kiều Đàm ! Ta vốn đã có ý giảng giải năm giới pháp cho hàng Ưu-bà-tắc. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ năm giới và gìn giữ được thanh tịnh; Bởi nhờ nhơn duyên này, đời vị lai quyết định sẽ thành Phật đạo; Ngược lại, ai có phạm lỗi lại không có tâm niệm sám hối, vĩnh viễn sẽ bị đọa lạc trong Tam đồ.”

- Kinh Phật Thuyết Hy Hữu Giáo Lượng Công Đức nói rằng:

“A-Nan ! Nếu người nào ở nơi thân của đời này cho đến hết thọ mạng có thể thọ trì Ngũ giới. Trọn đời như chỗ thuyết Giới mà tu hành, thời được công đức thù thắng gấp bội, hơn hẳn công đức nói trên gấp trăm, gấp nghìn, gấp vạn, gấp nghìn ức vạn lần, chẳng có toán số, thí dụ nào có thể sánh biết được.”

- Nếu loài người nghiêm trì Ngũ giới sẽ tăng trưởng thọ mạng, giảm thiểu thiên tai, tiêu trừ dịch họa, mưa hòa gió thuận, xã hội phồn vinh thanh trị. Nhưng trên thực tế, khó thực hiện được lợi ích này. Vì không thể có việc cả thế giới loài người, cùng một lúc đồng phát thiện tâm thọ trì Ngũ giới. Cho nên, hễ cá thể nào thọ trì Ngũ giới thì cá thể đó được thọ báo quả biệt giải thoát vậy.
- Do không có nhân sát sanh, trộm cướp, vọng ngữ, tà dâm, uống rượu nên hiện đời được quả an lạc; giảm bớt phiền não, ác báo, bệnh khổ, kiếp nạn.
- Thọ trì mỗi một Giới sẽ có 5 Thiện thân theo bảo hộ, nếu thọ trì trọn phần Ngũ giới sẽ có 25 Thiện thân theo bảo hộ.
- Nghiêm trì Ngũ giới, kiêm tu Thập thiện nghiệp có thể sinh Thiên giới. Nếu không nguyện vào Thiên giới, phát tâm xuất ly cầu giải thoát, có thể chứng thánh quả của bậc Thanh Văn từ Sơ quả Tu-đà-hoàn cho đến Tam quả A-na-hàm. (*Chứng Tứ quả A-la-hán cần phải xuất gia.*)

- Nếu nghiêm trì Ngũ giới, kiêm tu Tịnh độ pháp môn với đầy đủ tư lương Tín-Hạnh-Nguyện, thời quyết chắc một đời sẽ vãng sanh Cực Lạc thế giới của Đức Phật A-Mi-Đà. Giới phẩm thanh tịnh cũng là một trong những Tịnh hạnh vãng sanh, nên Giới phẩm và Định lực càng cao, sẽ đắc phẩm vị càng cao trong Cửu phẩm.

3. SA-DI & SA-DI-NI THẬP GIỚI PHÁP:

Sa-di là từ dịch âm theo tiếng Phạn, viết đầy đủ tiếng Phạn là Sràmanera, dịch ra Hán ngữ có 3 nghĩa là Túc từ, Cần sách, Cầu tịch.

- Túc từ: nghĩa là người dứt các việc ác, lấy Từ tâm làm cội gốc cho việc tu hành.
- Cần sách: nghĩa là người siêng năng tu học và tiếp nhận sự sách tấn của các bậc đại Tỳ-kheo Tăng.
- Cầu tịch: nghĩa là người tu hành cầu chứng lấy đạo quả Niết-bàn viên tịch.

Sa-di-ni cũng là từ dịch âm gốc tiếng Phạn, viết đầy đủ tiếng Phạn là Sràmanerika. Về ý nghĩa của tên gọi cũng đồng như Sa-di, nhưng thêm âm “-ni” sau chữ “Sa-di” dùng để chỉ cho tánh nữ, nên dịch nghĩa ra Hán ngữ là Cần sách nữ, Cầu tịch nữ..

Xét trên phương diện chánh thọ Giới pháp, thì người nam khi xuất gia, cạo bỏ râu tóc, đắp y và lãnh thọ Thập giới rồi được gọi là Sa-di. Người nữ khi xuất gia, cạo tóc, đắp y và lãnh thọ Thập giới rồi được gọi là Sa-di-ni.

1) Đối tượng thọ Sa-di Thập giới:

Trong Ngũ thú: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nhân, Thiên, chỉ có loài Người (*Nhân*) được xuất gia thọ Sa-di Thập giới, gia nhập vào Tăng đoàn.

Đối tượng được truyền thọ Sa-di Thập giới là các người thiện nam, tín nữ hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có tuổi đời trong khoảng từ 7 tuổi trở lên và 70 tuổi trở xuống; Có chí nguyện xuất thế, phát tâm cầu đạo giải thoát và được cha mẹ đồng ý cho phép xuất gia vào Tăng đoàn tu học. Riêng đối với người nữ đã có chồng, muốn xuất gia còn phải được người chồng cho phép.

Có trường hợp người muốn xuất gia, dù đang trong độ tuổi nói trên, có thể truyền thọ Sa-di Thập giới, nhưng bị phạm vào Giá nạn, Giới luật chế định không được xuất gia thọ Giới trong đời này. Người hiện đời phạm vào các điều sau trở thành Giới chướng của Sa-di:

- (1) Phạm biên tội: Là người đã từng thọ Phật giới, khi chưa xả Giới lại cố ý phạm một trong bốn trọng Giới: Sát sanh (*giết người*), Tà dâm, Trộm cướp, Vọng ngữ (*tự xưng mình chứng Thánh, là bậc Thánh hiền*). Người phạm giá nạn này không chấp nhận vào Phật môn, cũng không được thọ Giới lại.
- (2) Phạm Ngũ nghịch trọng tội: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.
- (3) Ô Tỳ-kheo-ni (Ô Tỳ-kheo Tăng): Là người nam phạm tội phá hoại Phạm hạnh đối với Tỳ-kheo-ni thanh tịnh đang thọ trì tịnh Giới, thân đắp y Ca-

sa. (Đổi lại, với chỗ phạm của người nữ là phạm hoại Phạm hạnh của Tỳ-kheo Tăng thanh tịnh thân đắp y Ca-sa).

- (4) Phá nội ngoại đạo: Chỉ cho người vốn là ngoại giáo, đã từng xuất gia trong Phật pháp rồi trở lại ngoại đạo. Xong quay lại lần nữa muốn xuất gia thọ Phật giới, nhưng không phải chí cầu giác ngộ giải thoát, mà vì mục đích trộm pháp, phá pháp. Những người này không cho xuất gia thọ Giới.
- (5) Tặc trụ nhập đạo: Là chỉ những người lúc còn ở thế tục đã từng nghe trộm Pháp yết-ma của Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni). Giới luật trong Phật pháp vốn mang tính truyền thừa, do Tăng là người nắm giữ, khi Tăng không cho phép mà cố nghe gọi là tặc trụ, trộm pháp.
- (6) Huỳnh môn, hai căn: “Huỳnh môn” là từ gọi Thái giám trong cung vua thời xưa. Trong Phật pháp dùng từ này để chỉ những người đã từng làm Thái giám, hoặc do bẩm sinh, hoặc do tai nạn bị khuyết mất nam căn (nữ căn). “Hai căn” là người trên thân có cả 2 bộ phận sinh dục nam lẫn nữ, hoặc người có căn tánh bất định khi là nam khi là nữ.

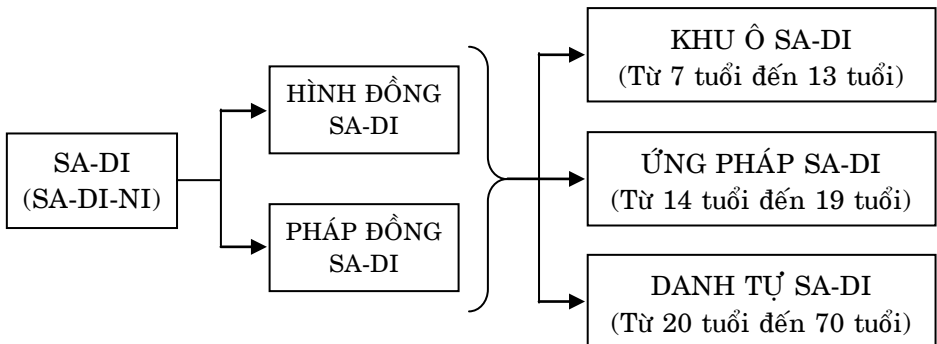
Huỳnh môn, hai căn là những người không phải nam cũng không phải nữ, khi xuất gia không thể xếp vào Tứ chúng, nên trong đời này không được thọ lãnh Giới pháp của hàng xuất gia. Nhưng ở trong Phật pháp, cho thọ Tam quy và Ngũ giới hay Bồ-tát giới tại gia. Do công đức trì Giới, đời sau tái sanh làm người được tướng trượng phu, lại được tăng ích thọ Giới xuất gia.

- (7) Người mang các bệnh nan y, Lục căn khuyết tật (*Lục căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Thiếu năng về trí tuệ hay điên cuồng thuộc về ý căn*).
- (8) Là phi nhân, súc sanh: Tức là người do quỷ thần hay súc sanh có thần thông biến hóa ra.
- (9) Không được cha mẹ (hay chồng) cho phép xuất gia thọ Giới.
- (10) Người đang thiếu nợ ngoài thế gian, người là quân nhân hay công chức đang làm việc.

2) Phân loại Sa-di Thập giới:

Căn cứ theo giới tính mà phân ra 2 chủng gồm: Sa-di và Sa-di-ni. Căn cứ theo tuổi đời mà chia làm 3 cấp bậc, lại do ở cùng một địa vị Sa-di nên gọi là 3 đẳng vị Sa-di, bao gồm: Khu ô sa-di, Ứng pháp sa-di và Danh tự sa-di. Căn cứ vào việc đã hay chưa lãnh thọ Thập giới mà chia làm 2 chủng loại Sa-di: Chưa thọ Thập giới gọi là Hình đồng sa-di, đã thọ Thập giới gọi là Pháp đồng sa-di.

Sau đây là sơ đồ tổng hợp 2 chủng loại và 3 đẳng vị Sa-di (Sa-di-ni):



3) Nội dung của Sa-di Thập giới tướng:

Sa-di Thập giới là cơ bản ban đầu của Giới luật xuất gia, là nền tảng để chứng đạo Niết-bàn giải thoát. Sa-di Thập giới bao gồm 10 Giới mà Sa-di và Sa-di-ni phải thọ trì. Nội dung 10 Giới tướng như sau:

- (1) **KHÔNG SÁT SANH**
- (2) **KHÔNG TRỘM CƯỚP**
- (3) **KHÔNG PHI PHẠM HẠNH** (không dâm dục).
- (4) **KHÔNG VỌNG NGŨ**
- (5) **KHÔNG UỐNG RƯỢU**
- (6) **KHÔNG ĐEO TRÀNG HOA THƠM, KHÔNG DÙNG DẦU THƠM XOA THÂN.**
- (7) **KHÔNG CA MÚA VÀ BIỂU DIỄN CÁC BỘ MÔN NGHỆ THUẬT, KHÔNG CỐ Ý ĐẾN XEM NGHE.**
- (8) **KHÔNG NGỒI NẪM TRÊN GIƯỜNG LỚN CAO RỘNG.**
- (9) **KHÔNG ĂN PHI THỜI** (quá giờ Ngọ không ăn).
- (10) **KHÔNG CẦM GIỮ SANH TƯỢNG VÀNG BẠC, VẬT BÁU.**

4) Phạm vi trì phạm và Sám hối của Sa-di giới:

Đối với Sa-di Thập giới, khi trì phạm chỉ có một tội danh là Đột-kiết-la. Đột-kiết-la là dịch âm từ tiếng Phạn Duskrta, đây là chỉ những sơ suất lỗi lầm nhỏ trên hành động cử chỉ và ngôn ngữ.

Luật Tứ Phần chia tội Đột-kiết-la làm hai loại:

- Ác tác là lỗi phạm của thân nghiệp.
- Ác thuyết là lỗi phạm của khẩu nghiệp.

Nếu cố tâm phạm Đột-kiết-la trên 4 Giới căn bản đầu tiên của Thập giới (*là Tánh giới*), thì vừa mang tánh tội vừa mang giới tội, không thể sám hối, đáng bị pháp Diệt tận, tức là trục xuất ra khỏi Tăng đoàn.

Nếu phạm Đột-kiết-la trên 6 Giới còn lại, từ Giới uống rượu trở đi cho đến Giới thứ 10 của Thập giới (*là Giá giới*), nên chỉ mang giới tội (*không có tánh tội*), đều có thể sám hối. Pháp sám hối là dùng pháp sám hối của tội Đột-kiết-la để diệt trừ. Vì tội Đột-kiết-la có hai mức độ là cố ý phạm và vô ý phạm, nên pháp sám hối cũng có hai cách là:

- Nếu cố ý phạm Đột-kiết-la, Sa-di (Sa-di-ni) phải đầy đủ oai nghi hướng về một vị Đại đức, quỳ gối chấp tay, bạch như vậy:

“Đại đức ước niệm con là: Sa-di (Sa-di-ni) cố phạm tội Đột-kiết-la Nay hướng về Đại đức phát lồ sám hối, xin Đại đức ước niệm xót thương.”

Đại đức thọ sám liền dạy: **“Tự trách lấy tâm người”**. Sa-di đáp: **“Dạ vâng.”**

- Nếu vô ý phạm Đột-kiết-la, Sa-di (Sa-di-ni) được Tự trách tâm sám, nhưng cũng nên đầy đủ oai nghi đến trước Phật tượng, thấp hương lễ lạy cúng dường, quỳ gối chấp tay, bạch như vậy:

“Bạch Đức Thế Tôn, ước niệm con là: Sa-di (Sa-di-ni) lầm phạm tội Đột-kiết-la Nay phát lồ sám hối, nguyện từ nay không dám làm nữa.”

5) **Sa-di oai nghi:**

Về Giới cấm, thì Sa-di và Sa-di-ni cùng thọ trì Thập giới tương đồng như nhau. Về Luật nghi, thì đa phần tương đồng nhưng có những điểm liên quan đến hai giới nam và nữ thì bất đồng. Sa-di học Luật nghi để hưởng đến oai nghi của một vị Tỳ-kheo. Sa-di-ni học Luật nghi để hưởng đến oai nghi của một vị Tỳ-kheo-ni. Các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trong những ngày thọ trì Bát Quan Trai Giới cũng nên học và giữ oai nghi như một Sa-di. Kinh sách dạy về Sa-di oai nghi ở trong Tạng gồm những bản sau:

- Sa-di Thập Giới Tinh Oai Nghi.
- Sa-di Oai Nghi.
- Phật Thuyết Sa-di Thập Giới Nghi Tắc Kinh.
- Sa-di-ni Giới Kinh.
- Sa-di-ni Ly Giới Văn.
- Sa-di Luật Nghi Yếu Lược.
- Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu.

6) **Ngũ đức và Thập số của bậc Sa-di:**

Ngoài việc thọ trì Thập giới và Luật nghi, Sa-di (Sa-di-ni) còn phải học biết Ngũ đức và Thập số.

Kinh Thỉnh Tăng Phước Điền nói: “Sa-di phải biết năm đức.”

1. Phát tâm xuất gia vì ôm lòng tín mộ Phật pháp.
2. Hủy bỏ sự ưa chấp hình thể đẹp đẽ mà ứng hợp với Pháp phục.

3. Cắt đứt vĩnh viễn sự thân ái vì không có niệm thân sơ.
4. Xả bỏ bám chấp thân mạng vì tôn sùng Đạo pháp.
5. Chí cầu Đại thừa vì độ hóa mọi người.

Luật Tăng-kỳ nói: “Nên vì Sa-di nói mười pháp số.”

1. **Nhứt thiết chúng sanh giai y ẩm thực** (Phá ngoại đạo chủ trương tự nhịn đói): Tất cả chúng sanh đều nương nhờ vào sự ăn uống mà nuôi thân để tồn tại.
2. **Danh sắc** (Phá ngoại đạo kiến chấp sự tự nhiên): Bốn Uẩn gồm Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là pháp của tâm thức và chẳng có hình thể để mắt có thể nhìn thấy được, chỉ nhờ tên gọi mà nhận biết nên gọi là Danh. Sắc là tên chung của vật chất; Thân thể (Sắc uẩn) và tất cả sự vật ở ngoài thân được hợp thành từ các phân tử cực vi thuộc Tứ đại chủng gồm có đất, nước, gió, lửa...; Vì do duyên sanh tạo thành vật thể chất ngại, nên gọi là Sắc.
3. **Tri tam thọ** (Phá ngoại đạo chủ trương Phạm Thiên là nhân): Tức là phải biết rõ và quán sát tánh vô thường của 3 thứ cảm thọ. Tam thọ gồm có: Thọ lạc, Thọ khổ, Thọ bất lạc bất khổ. Trong Kinh Trường Trảo, thuộc Trung Bộ Kinh có đoạn Phật dạy về pháp Tri tam thọ như sau:

“Này Aggivessana ! Có ba thọ này: Thọ lạc, Thọ khổ, Thọ bất lạc bất khổ. Này Aggivessana, trong khi cảm giác Lạc thọ, chính khi ấy không cảm

giác khổ thọ, không cảm giác bất lạc bất khổ thọ, chỉ cảm giác lạc thọ mà thôi. Nay Aggivessana, trong khi cảm giác Khổ thọ thì không có hai cảm giác kia. Nay Aggivessana, trong khi cảm giác Bất lạc bất khổ thọ, chính khi ấy không có hai cảm giác kia.

Này Aggivessana ! Lạc thọ là vô thường, là pháp hữu vi do duyên sanh, là đoạn diệt sẽ bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt. Nay Aggivessana, Khổ thọ và Bất lạc bất khổ thọ là vô thường, là pháp hữu vi do duyên sanh, là đoạn diệt sẽ bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.

Như vậy này Aggivessana ! Vị đa văn Thánh đệ tử yếm ly Lạc thọ, yếm ly Khổ thọ và yếm ly Bất lạc bất khổ thọ. Do yếm ly, vị ấy không còn tham dục. Do không có tham dục, vị ấy được giải thoát.”

4. Tứ Đế (Phá lý không có nhân-quả của ngoại đạo): Gọi đủ là Tứ Thánh Đế, gồm bốn chân lý mà các bậc Thánh trong Phật giáo giác ngộ được:

– Khổ Đế là nghĩa “bức bách”, tức mọi chúng sanh luân hồi sanh tử trong Tam giới đều chịu sự thống não của các khổ như Tam khổ, Bát khổ.

– Tập Đế là nghĩa “chiêu tập”, tức kết nghiệp làm nguyên nhân chiêu tụ nên các khổ sanh tử trong Tam giới.

– Diệt Đế là nghĩa “tịch diệt”, tức cảnh giới Tịch diệt Niết-bàn, là trạng thái mà mọi kết nghiệp phiền não đã dứt, không còn sanh tử hoạn lụy trong Tam giới.

– Đạo Đế là nghĩa “năng thông”, tức con đường gồm Bát chánh đạo và 37 phẩm Trợ đạo đưa đến quả giải thoát, chứng Niết-bàn tịch diệt.

5. **Ngũ Ẩm** (Phá thân ngã ngoại đạo): Còn gọi là Ngũ Uẩn, bao gồm 5 pháp hợp thành thân và tâm. Sắc uẩn là thân thể do Tứ đại chủng hợp thành. Thọ uẩn là cảm thọ lạc khổ của thân tâm. Tưởng uẩn là sự vận hành của ý niệm trong sự suy xét, ký ức. Hành uẩn là hành động tạo tác của thân tâm bao gồm các hành vi, mong muốn hay tác ý. Thức uẩn là chức năng của tri giác, là mầm móng then chốt của mọi hoạt động tâm lý.
6. **Lục Nhập** (Phá nhất thức ngoại đạo): Thân này nảy sanh ra Lục căn gồm Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý gọi là Nội lục nhập. Lục trần gồm Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp gọi là Ngoại lục nhập. Lục căn ví như sáu cửa làm nơi thu hút Lục trần, Lục căn và Lục trần thiệp nhập vào nhau sẽ sanh ra Lục thức gồm Nhãn thức, Nhĩ thức... cho đến Ý thức.
7. **Thất Giác Ý** (Phá ngoại đạo chủ trương không có sự tu): Còn gọi là Thất Giác Chi, cũng gọi là Thất Bồ-đề Phần, tức là 7 chi điều làm nhân đưa tới sự giác ngộ, gồm có:
 - 1/. Trạch pháp giác chi: thấy rõ các pháp, nhận ra pháp chân thật không bị các thứ giả huyễn che lấp.
 - 2/. Tinh tấn giác chi: chuyên tâm, siêng cần thực hành chánh pháp, không lùi bước.

3/. Hỷ giác chi: tâm hòa vào diệu lý mà sanh ra pháp hỷ, không vui theo cái vui tà kiến điên đảo.

4/. Khinh an giác chi: đạt đến sự vắng lặng nhẹ nhàng của thân tâm, đoạn trừ sự thô động của ba nghiệp thân, khẩu, ý.

5/. Định giác chi: đạt đến sự an định của tâm thức, không sanh ái kiến, không bị vọng tưởng tán loạn quấy nhiễu.

6/. Xả giác chi: lấy lý trung đạo làm nhân, không đắm trước thiên định, không dính mắc nơi cảnh, vì thấu rõ các pháp là hư vọng không thực thể.

7/. Niệm giác chi: là ức niệm sự tỉnh giác, khiến cho định và huệ được cân bằng, làm chánh nhân của giác ngộ.

8. Bát Chánh Đạo (Phá tà nhân ngoại đạo): Còn gọi là Bát Thánh Đạo Phần, đây là con đường “trung đạo” gồm có 8 chi phần; vì xa lìa hai xu hướng cực đoan là dục lạc và khổ hạnh, nên là con đường chân chánh, chắc thật và cao thượng của bậc Thánh nhơn. Bát Chánh Đạo chính là Đạo Đế trong Tứ Diệu Đế, bằng việc thực hành Bát Chánh Đạo, con người có thể diệt tận các điều thống khổ phiền não, là chánh nhân để mở ra con đường đi đến cái vui chân thật của Niết-bàn tịch diệt. Bát Chánh Đạo ấy là:

1/. Chánh kiến: Như thật thấy biết và nhận rõ đâu là chân lý, xa lìa mọi tà kiến điên đảo mê lầm đối với các pháp. Thấu đạt Tứ Thánh Đế và thực hành cho đến diệt tận Vô minh.

2/. Chánh tư duy: Ý nghiệp như lý mà suy nghĩ, quán sát, suy xét các pháp; xa lìa mọi suy tính sai lầm, cong vạy. Tư duy đúng dẫn đến hành động đúng, hợp với nhân quả, tương ứng với Chánh kiến.

3/. Chánh ngữ: Khẩu nghiệp nói lời chân thật, phù hợp với Chánh kiến, Chánh pháp. Giữ gìn khẩu nghiệp luôn đoạn trừ bốn sự: Nói dối, nói lời thêu dệt; Nói chia rẽ, nói lời đâm thọc; Nói hung dữ, nói lời mắng nhiếc chửi bới; Nói vô ích, nói lời sang đàng dâm ngữ.

4/. Chánh nghiệp: Thân nghiệp làm những việc chân chánh, không phạm lỗi lầm do nhiễm ba độc tham, sân, si. Thân nghiệp có 3 điều nên tránh: Tránh xa sự giết hại; Tránh xa sự trộm cắp tài vật; Đối với tại gia tránh xa sự tà dâm, đối với xuất gia giữ gìn Phạm hạnh thanh bạch.

5/. Chánh mạng: Xuất gia lấy việc trì bát khất thực để nuôi thân, dứt trừ tà mạng nuôi sống bằng các nghề nghiệp thế tục hay bằng pháp thuật, bói toán. Tại gia sinh sống bằng các nghề nghiệp chân chánh mà các bậc Thánh ngợi khen, xa lìa các nghề không chân chánh như buôn bán tội tở, nuôi thú và làm đồ tể, buôn bán chất độc và các chất say gây nghiện, buôn bán khí giới...

6/. Chánh tinh tấn: Siêng năng tu học Giới, Định, Huệ; Chí hướng đến Niết-bàn; Lại nỗ lực thực hành 4 điều: Tinh tấn dứt bỏ các điều ác đã có, không để phát sanh các điều ác chưa có, tinh tấn

làm các điều lành chưa có được phát sanh, duy trì và phát huy các điều lành đã có thêm tăng trưởng.

7/. Chánh niệm: Luôn tỉnh giác, nghĩ nhớ chân chánh, buộc niệm nơi đạo pháp không để quên mất; luôn nhớ tưởng và quán niệm bốn điều: Niệm thân bất tịnh, Niệm thọ thị khổ, Niệm tâm vô thường, Niệm pháp vô ngã. (*Tứ Niệm Xứ*)

8/. Chánh định: Thân tâm tránh xa phiền não và vật dục, trụ nơi chân lý, tâm chẳng dao động, giữ trạng thái thanh tịnh vắng lặng, nhập vào bốn bậc từ Sơ thiền cho đến Tứ thiền.

- 9. CỬ CHÚNG SANH CƯ** (Phá Sắc và Vô sắc thiên kiến chấp Niết-bàn ngoại đạo): Còn gọi là Cử Hữu Tình Cư hay Cử Địa, chỉ cho 9 xứ sở cư trú của chúng sanh hữu tình. Tùy theo chánh định sâu hay cạn mà Sắc giới chia thành Tứ thiên thiên (*4 cõi thiên*), Vô sắc giới chia thành Tứ vô sắc thiên (*4 cõi trời Vô sắc*). Như vậy, 4 cõi thiên thuộc Sắc giới cộng 4 cõi trời Vô sắc giới, cộng với Dục giới thành ra 9 cõi. Đức Phật dạy rằng:

“Tên gọi của những chỗ được sanh ra có chín. Đây Tỳ-kheo ! Đó là chín nơi cư trú của chúng sanh. Các loài quần manh đã từng ở, đang ở, sẽ ở. Cho nên Tỳ-kheo hãy tìm cầu phương tiện thoát ly chín nơi này. Các Tỳ-kheo hãy học điều này như vậy !”

- 10. THẬP NHẤT THIẾT NHẬP** (Phá sắc không ngoại đạo): Còn gọi là Thập nhất thiết xứ hay Thập biến xứ. Chỉ 10 xứ sở mà tư tưởng của hành giả có thể biến hiện khắp nơi không phân biệt phương hướng.

1/Địa nhất thiết nhập xứ. 2/Thủy nhất thiết nhập xứ. 3/Hỏa nhất thiết nhập xứ. 4/Phong nhất thiết nhập xứ. 5/Thanh nhất thiết nhập xứ. 6/Hoàng nhất thiết nhập xứ. 7/Xích nhất thiết nhập xứ. 8/Bạch nhất thiết nhập xứ. 9/Không nhất thiết nhập xứ. 10/Thức nhất thiết nhập xứ.

7) Cách thức thọ Giới trở thành Sa-di:

Một vị Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) muốn làm thầy thế độ, thâm nhận đệ tử xuất gia cho thọ Giới Sa-di, vị thầy phải hội đủ các điều kiện như Giáo luật chế định.

Y cứ vào các bộ Kinh luật như: Kinh Đại Tỳ-kheo Tam Thiên Oai Nghi, Luật Tăng-kỳ, Luật Thiệt Kiến... Có thể tổng hợp ra 3 điều kiện ấy là:

1/. Phải có giới đức thanh tịnh và đủ số năm Giới lạp. Theo Luật định: Tỳ-kheo phải đủ 10 năm Giới lạp trở lên, Tỳ-kheo-ni phải đủ 12 năm Giới lạp trở lên.

2/. Phải học rộng và tinh thông Tam tạng: Kinh, Luật, Luận.

3/. Phải có phương tiện cơm áo và năng lực răn dạy được đệ tử.

Ngoài ra, Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) còn phải tác pháp Yết-ma xin độ Sa-di, và được sự chấp thuận của đại chúng Tăng đoàn, bấy giờ mới được phép thâm nhận đệ tử Sa-di. *(Pháp Yết-ma là pháp sự đặc trưng của Phật giáo, tạo thành nếp sống Lục hòa kính trong Tăng đoàn. Đây là chế độ Tăng đoàn hội nghị để giải quyết hoặc thảo luận, nhằm đưa ra quyết định liên quan đến Giới luật hay Tăng sự.)*

Giới luật chế định: Tỳ-kheo chỉ thế độ Sa-di xuất gia, không được làm thầy thế độ Sa-di-ni xuất gia. Và ngược lại, Tỳ-kheo-ni chỉ thế độ Sa-di-ni xuất gia, không được thế độ Sa-di xuất gia.

Một người xuất gia từ khi được Thầy thế độ nhận vào tự viện, cho đến lúc thọ Thập giới chánh thức làm Sa-di (Sa-di-ni) phải lần lượt trải qua tất cả 3 bước:

1. Bước thứ nhất NHẤT BẠCH_NHỊ YẾT-MA

- Trước tiên vị Thầy thế độ ở trước đại chúng của Tăng đoàn, vì người cầu pháp xuất gia mà 3 lần xin.
- Vị Yết-ma A-xà-lê của đại chúng đem lời thỉnh cầu của Thầy thế độ tuyên bố 1 lần trước đại chúng (*gọi là nhất bạch*).
- Rồi sau 2 lần trưng cầu sự đồng ý của đại chúng (*gọi là nhị yết-ma*), nếu trong đại chúng không dị nghị, tất cả im lặng thì được ghi nhận là đồng ý cho người cầu pháp được xuất gia vào Tăng đoàn.

2. Bước thứ hai NGHI THỨC XUẤT GIA

Sau khi có sự chấp thuận của đại chúng Tăng cho người cầu pháp được xuất gia vào Tăng đoàn. Bây giờ Thầy thế độ sẽ chọn ngày thích hợp, tiến hành nghi thức thế phát và ban Y cho tân Sa-di.

Sa-di xuất gia phải có 2 thầy: Một vị là Thầy thế độ làm Hòa thượng truyền giới. Thầy thế độ lại thay Sa-di thỉnh một vị Tăng làm Giáo thọ A-xà-lê.

Nghi thức xuất gia rất đơn giản, tuân tự thực hiện các bước sau:

- Trong đạo tràng thiết tòa ngồi xong, thỉnh Hòa thượng truyền giới và Giáo thọ A-xà-lê an tọa.
- Người xuất gia mặc y thể tục hướng về Cha mẹ lạy báo ân, thâm tụng kệ:

**Lưu chuyển Tam giới trung
Ân ái bất năng thoát
Khí ân nhập Vô vi
Chân thật báo ân giả.**

Lưu chuyển trong Tam giới
Ân ái chẳng thể thoát
Bỏ ân vào Vô vi
Là chân thật báo ân.

- Người xuất gia thay mặc tăng phục, đến trước Hòa thượng truyền giới chấp tay nghe khai thị.
- Hòa thượng truyền giới khai thị tướng bất tịnh của thân người, khiến cho người xuất gia quán tưởng thấy tướng bất tịnh của thân mà xả bỏ chấp trước vào Sắc uẩn.
- Người xuất gia đến trước vị Giáo thọ A-xà-lê nhận pháp quán dẫn bằng tịnh thủy và tụng kệ:

**Thiện tai đại trượng phu
Năng liễu thế vô thường
Xả tục thú Nê-hoàn
Hy hữu nan tư nghị.**

Lành thay đại trượng phu
Hiểu thế pháp vô thường
Bỏ tục hướng Niết-bàn
Hiếm thấy, khó nghĩ bàn.

– Người xuất gia lễ Thập phương Phật và tụng kệ:

**Quy y Đại Thế Tôn
 Năng độ Tam hữu khổ
 Diệt nguyện chư chúng sanh
 Phổ nhập Vô vi lạc.**

Quy y Đại Thế Tôn
 Hay độ Tam giới khổ
 Cũng nguyện cho chúng sanh
 Vào niềm vui Vô vi.

– Vị Giáo thọ A-xà-lê cạo tóc cho người xuất gia và
 chừa lại một ít trên đỉnh, trong khi thế phát đồng
 tụng kệ:

**Hủy hình thủ chí tiết
 Cắt ái từ sở thân
 Khí gia hoàng Thánh đạo
 Nguyện độ nhứt thiết nhân.**

Hủy hình giữ chí tiết
 Cắt ái từ thân thuộc
 Bỏ nhà hoàng Thánh đạo
 Nguyện độ hết mọi người.

– Người xuất gia đến quỳ trước Hòa thượng truyền
 giới. Hòa thượng hỏi: “Hiện tại vì ông cạo tóc trên
 đỉnh có được không?”

– Người xuất gia đáp: “Dạ vâng ạ !”.

– Hòa thượng truyền giới cạo hết tóc trên đỉnh và
 truyền Pháp y Ca-sa cho người xuất gia. (*Y ca-sa của
 bậc Sa-di là Mạn y, còn gọi là Lễ sám y, không có
 chia Điều tướng*).

– Người xuất gia đội Mạn y trên danh để lãnh thọ, thọ rồi trao lại cho Hòa thượng, qua lại 3 lần truyền trao Ca-sa xong, Hòa thượng đắp y cho người xuất gia và tụng kệ:

**Đại tai giải thoát phục
Vô tướng phước điền y
Phi phụng như giới hạnh
Quảng độ chư chúng sanh.**

Lớn thay áo giải thoát
Y vô tướng phước điền
Mặc làm theo giới hạnh
Rộng độ các chúng sanh.

– Người xuất gia sau khi được cạo tóc và lãnh thọ Y ca-sa xong gọi là Hình đồng Sa-di. Sa-di thân đắp Ca-sa lễ Phật và đi nhiễu quanh Giới đàn tròn 3 vòng, thâm tụng kệ mừng:

**Ngộ tai tri Phật giả
Hà nhân thùy bất hỷ !
Phước nguyện dữ thời hội
Ngã kim hoạch pháp lợi.**

Hay thay biết được Phật
Hỏi ai chẳng vui mừng !
Phước nguyện đúng thời gặp
Con nay được pháp lợi.

– Sa-di (Sa-di-ni) lễ tạ hai Thầy.

(Nghỉ thức xuất gia đến đây được hoàn mãn.)

3. Bước thứ ba TRUYỀN THỌ SA-DI THẬP GIỚI

a) Thứ lớp truyền thọ Sa-di Thập giới:

Luật Ngũ Phần và Luật Thập Tụng đều nói: “Trước truyền Ngũ giới, sau truyền Thập giới”.

Giới Ba-la-đề-mộc-xoa của Thất chúng đệ tử Phật là tiệm thứ Giới, nên được truyền thọ theo thứ lớp nhất định từ thấp đến cao. Bất luận Phật tử khi còn tại gia đã thọ hay chưa thọ Tam quy_Ngũ giới, khi xuất gia rồi trước cũng phải truyền Tam quy_Ngũ giới.

Thông thường, Hình đồng Sa-di (Sa-di-ni) phải nên thọ trì Ngũ giới kiêm tu Bát quan trai giới ít nhất là 6 tháng. Bấy giờ xét thấy đủ năng lực, sau mới truyền cho Thập giới để chính thức trở thành một Sa-di thực thụ, gọi là Pháp đồng Sa-di (Sa-di-ni).

b) Nghi thức truyền thọ Sa-di Thập giới:

Giới luật chế định truyền thọ Sa-di Thập giới chỉ cần thỉnh 2 vị Tăng thanh tịnh: Một vị làm Hòa thượng truyền giới, một vị làm Giáo thọ A-xà-lê.

Trường hợp truyền Giới tập thể tại Giới đàn lớn, hay truyền Giới phương trượng, thời nghi thức tối giản nhất cũng bao gồm các bước theo trình tự sau:

- (1) Trả tòa thỉnh sư: Cung thỉnh Giới sư và Giáo thọ sư lên pháp tòa. Người cầu thọ giới cúng dường hương hoa đèn, tác bạch lời cầu Giới.
- (2) Giới sư khai đạo: Hòa thượng Giới sư vì người cầu Giới, khai thị về ý nghĩa, tính trọng yếu của Sa-di Thập giới trên con đường xuất gia tu học.
- (3) Thỉnh Thánh: Phụng thỉnh Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng chứng minh truyền thọ Giới

pháp. Phụng thỉnh chư Hộ pháp, Thiên long bát bộ lai lâm giám đàn hộ giới.

- (4) Sám hối: Sa-di đối trước Tam Bảo sám hối tất cả tội nghiệp từ vô thủy đến nay, cho thân tâm thanh tịnh trước khi nạp thọ Giới thể.
- (5) Vấn giá nạn: Hòa thượng Giới sư hỏi giá nạn của Sa-di, nếu có phạm tức thành giá chướng, đời này không được thọ Giới.
- (6) Thọ Tam quy: Hòa thượng Giới sư nói về Giới thể và truyền Tam quy giới cho Sa-di. Sa-di đọc lời chánh thọ Tam quy và Tam kết.
- (7) Tuyên giới tướng: Hòa thượng Giới sư tuyên nói từng Giới tướng cụ thể của Sa-di Thập giới. Khi Sa-di nghe và hiểu rõ, ở mỗi Giới tướng đều đáp là trì giữ được hay không ?
- (8) Phát nguyện: Khai thị cho giới tử phát Bồ-đề tâm.
- (9) Dặn dò khuyến chúc: Khuyến cáo giới tử đã thọ nhận Phật giới, nên y theo lời Phật dạy mà vâng giữ, tinh tấn tu hành.
- (10) Hồi hướng: Đem công đức truyền thọ Giới luật hồi hướng cho pháp giới chúng sanh.

(Nghi thức truyền thọ Sa-di giới hoàn mãn.)

8) **Pháp Diệt tẩn:**

Căn cứ vào Luật Thiện Kiến, Quyển 17 có chế định rằng: Sa-di (Sa-di-ni) có 10 điều ác khi phạm, phải bị Diệt tẩn. Diệt tẩn nghĩa là trục xuất ra khỏi Tăng đoàn. Mười điều diệt tẩn đó là: **1.Sát sanh; 2.Trộm cắp;**

3.Dâm dục; **4.**Vọng ngữ; **5.**Uống rượu; **6.**Hủy báng Phật; **7.**Hủy báng Pháp; **8.**Hủy báng Tăng; **9.**Tà kiến; **10.**Hủy hoại Phạm hạnh Tỳ-kheo-ni (Tỳ-kheo tăng)

Ngoài ra, nếu Sa-di (Sa-di-ni) phạm “Khởi ác kiến”, tức cho rằng: “Phật nói hành dâm không phải là pháp chướng đạo”. Cũng là phạm tội Ba-dật-đề của Đại giới, nếu được Tỳ-kheo khuyên ngăn 3 lần mà vẫn không bỏ ác kiến, Sa-di (Sa-di-ni) này cũng bị Diệt tẩn.

9) Độ tuổi Sa-di có thể nạp thọ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni giới:

Giới luật chế định: Nam Sa-di dưới 20 tuổi chưa được phép truyền thọ Cụ túc giới để trở thành Tỳ-kheo. Sa-di từ 20 tuổi đến 60 tuổi là độ tuổi có thể thọ Cụ túc giới làm Tỳ-kheo. Và Sa-di trên 60 tuổi là quá tuổi để thọ Cụ túc giới, nên chỉ ở địa vị Danh tự Sa-di.

Đối với Sa-di-ni, y cứ theo các bộ Luật có thể chia làm 2 trường hợp cụ thể như sau:

- Đối với người nữ từ 18 tuổi trở xuống, đã xuất gia thọ Thập giới xong, trở thành Sa-di-ni. Trong Quyển 48 của Luật Tứ Phần có quy định: “Cho đồng nữ 18 tuổi, 2 năm học giới, khi đủ 20 tuổi ở trong Tỳ-kheo-ni tăng thọ Đại giới. Nếu 10 tuổi đã từng lấy chồng, cho 2 năm học giới, khi đủ 12 tuổi cho thọ Đại giới.” (*Hai năm học giới ở đây có nghĩa là thọ pháp Thức-xoa-ma-na.*)
- Đối với người nữ trên 18 tuổi cho đến 58 tuổi, mới bắt đầu xuất gia thọ Giới làm Sa-di-ni, bất luận trước đó đã từng có chồng hay chưa, cũng phải trải qua 2 năm thọ trì Thức-xoa-ma-na pháp, sau mới

cho thọ Đại giới trở thành Tỳ-kheo-ni. *(Lấy mốc thời gian 58 tuổi là vì Sa-di, Sa-di-ni trên 60 tuổi không được thọ Đại giới, do đã quá tuổi theo Giới luật chế định.)*

10) Công đức của việc thọ trì Sa-di Thập giới:

Thọ trì Sa-di Thập giới có thể chứng đắc bốn Thánh quả của bậc Thanh Văn, mà cao nhất là quả vị A-la-hán vượt ra ngoài phạm vi của Tam giới, chứng Niết-bàn tịch diệt. Hàng tại gia Ngũ giới không thể vượt qua. Cho nên, Kinh Phật Thuyết Hy Hữu Giáo Lượng Công Đức có đoạn nói rằng: *“A-Nan ! Nếu lại có người nào thọ trì Sa-di giới, Sa-di-ni giới thời được công đức thù thắng gấp bội, hơn hẳn công đức nói trên gấp trăm, gấp nghìn, gấp vạn, gấp nghìn ức vạn lần, chẳng có toán số, thí dụ nào có thể sánh biết được.”*

4. THỨC-XOA-MA-NA GIỚI PHÁP:

Thức-xoa-ma-na là dịch âm tiếng Phạn của từ Siksamàna, còn cách dịch khác nữa là Thức-xoa-ma-ni, gọi tắt là Thức-xoa. Dịch nghĩa ra Hán ngữ là Học pháp nữ hay Chánh học nữ.

Phật chế luật: Người nữ xuất gia thọ Sa-di Thập giới trở thành Sa-di-ni rồi, trước khi truyền thọ Đại giới trở thành Tỳ-kheo-ni, lại phải trải qua 2 năm thọ trì pháp Thức-xoa này. Nếu giữ sáu pháp Thức-xoa chẳng thanh tịnh, thời chưa cho truyền thọ Cụ túc giới. (Người nam Sa-di không phải qua giai đoạn này.)

Thời gian thọ trì Sa-di Thập giới không có giới hạn. Nhưng thời gian thọ Thức-xoa-ma-na pháp được

giới hạn trong vòng 2 năm. Luật Tăng-kỳ nói: “Hai năm là hai mùa mưa”. (*Đây là y cứ theo khí hậu xứ Ấn-độ, tính từ đầu mùa mưa năm này đến cuối mùa mưa năm sau.*)

1) Nội dung Lục pháp của Thức-xoa-ma-na:

Chánh học nữ ngoài việc trì Thập giới, lại thọ thêm Lục pháp là biệt giáo gồm có 6 điều phải giữ. Cho nên về thứ bậc Thức-xoa-ma-na cao hơn Sa-di-ni một cấp. Nhưng về địa vị, Thức-xoa-ma-na vẫn thuộc vào hàng Sa-di Thập giới.

Lục pháp của Thức-xoa-ma-na gồm 6 điều chẳng nên làm, đó là:

1. **Tâm nhiễm ô xúc chạm thân người nam:** Có tâm nhiễm ô xúc chạm với thân thể của người nam thành niên (*từ mí tóc trở xuống, từ đầu gối trở lên*) và biết người ấy đối với mình có tâm nhiễm ô.
2. **Trộm cắp từ 4 tiền trở xuống:** Tâm tham trộm lấy tài vật của người, có giá trị từ 4 tiền trở xuống, cho đến một cây kim ngọn cỏ của người.
3. **Cố ý sát sanh hại vật:** Cố tâm giết hại dị loại chúng sanh khiến cho nó chết.
4. **Tiểu vọng ngữ:** Cố ý nói trái ngược với những điều mình đã từng thấy, nghe, hay biết.
5. **Phi thời thực:** Cố ăn khi mặt Trời xế bóng, quá giữa giờ Ngọ.
6. **Cố uống rượu:** Cố tâm uống hay nhắm nháp rượu, cho đến một giọt dính vào môi, lưỡi.

2) Trì phạm và Pháp sám hối của Thức-xoa:

1. Thức-xoa-ma-na phạm vào 4 trọng Giới của Sa-di Thập giới và phạm vào 10 điều Diệt tận, phải bị trục xuất ra khỏi Tăng đoàn.
2. Thức-xoa-ma-na nếu phạm các Giới khác, thời giống như Sa-di dùng phương pháp sám hối Đột-kiết-la để diệt trừ giới tội.
3. Thức-xoa-ma-na phạm một pháp trong Lục pháp Thức-xoa, phải tác pháp Nhất bạch nhị yết-ma xin thọ lại Lục pháp 2 năm.

3) Công đức thọ trì Thức-xoa-ma-na:

Kinh Phật Thuyết Hy Hữu Giáo Lượng Công Đức nói rằng:

“A-Nan ! Nếu lại có người nào thọ trì Thức-xoa-ma-na giới, thời được công đức thù thắng gấp bội, hơn hẳn công đức nói trên gấp trăm, gấp nghìn, gấp trăm nghìn vạn lần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được. Hướng chỉ là thọ trì Tỳ-kheo-ni giới, y cứ nơi Ba-la-đề-mộc-xoa, như chỗ thuyết Giới mà tu hành. Cũng như vậy, lại có người ở nơi thân này cho đến cuối đời thọ trì Đại giới Tỳ-kheo, y cứ nơi Ba-la-đề-mộc-xoa, như chỗ thuyết Giới mà tu hành, chẳng khuyết, chẳng phạm, không có uế trược, Phạm hạnh thanh tịnh thời được vô lượng vô biên công đức. Công đức này thù thắng gấp bội, hơn hẳn công đức nói trên gấp trăm, gấp nghìn, gấp vạn, gấp trăm nghìn vạn lần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được.”

5. BÁT QUAN TRAI GIỚI PHÁP:

Bát Quan Trai pháp hay Bát Chi Trai pháp thường gọi là Bát Quan Trai giới, gọi tắt là Bát giới. Đây là Giới pháp phương tiện dành cho hai chúng tại gia Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di, thọ trì trong vòng một ngày một đêm. Đức Phật chế định Bát Quan Trai giới để giúp cho chúng đệ tử tại gia bước đầu tu tập Giới pháp của hàng xuất gia, gieo trồng thiện căn xuất thế.

1) Đối tượng thọ Bát Quan Trai giới:

Tuy Đức Phật chế định Bát Quan Trai giới chủ yếu dành cho hai chúng tại gia là Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di thọ trì. Nhưng Bát Quan Trai giới là Giới biệt giải thoát nằm ngoài Giới biệt giải thoát của thất chúng. Do đó, các Thiện nam tín nữ đã thọ Tam quy y rồi, bất luận là đã thọ hay chưa thọ Ngũ giới hoặc Bồ-tát giới, đều có thể cầu thọ Bát giới.

Các Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di đang cầu pháp xuất gia, hay các tịnh nhân đang trong giai đoạn thử thách tại tự viện, chuẩn bị thế phát thọ Giới làm Sa-di, hằng ngày cũng nên thọ Bát Quan Trai giới.

Trong Ngũ thú: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Nhân, Thiên chỉ có loài người (*Nhân*) đắc Giới này.

Những người trong đời này bị phạm vào giá nạn cũng không đắc Giới. Giá nạn của Bát Quan Trai giới cũng giống như Ngũ giới, gồm các điều sau:

- Phạm Ngũ nghịch trọng tội: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu.

- Người tự mình phá tịnh giới và phá tịnh giới của người khác.

Ngoài ra, Bát Quan Trai giới còn có điểm tương đồng với Giới pháp của 5 chúng xuất gia là trong bốn loại người gồm: Nam, nữ, huỳnh môn, hai căn; chỉ có người nam và người nữ mới có thể đắc Giới.

2) Nội dung của Bát Quan Trai giới:

Vì gieo trồng chánh nhân xuất thế cho hai chúng đệ tử tại gia nam và nữ, nên Đức Phật chế định ra Bát Quan Trai giới, có nội dung bao gồm 9 Giới tương đầu tiên của Sa-di Thập giới.

Theo Luận Trí Độ và Luận Thành Thật thì 8 Giới đầu của Sa-di là Giới, Giới thứ 9 “Không ăn phi thời” là Trai giới. Gộp chung 8 Giới đầu của Sa-di và 1 Trai giới mà gọi chung là Bát Quan Trai Giới:

1. **KHÔNG SÁT SANH**
2. **KHÔNG TRỘM CƯỚP**
3. **KHÔNG PHI PHẠM HẠNH** (không dâm dục)
4. **KHÔNG VỌNG NGŨ**
5. **KHÔNG UỐNG RƯỢU**
6. **KHÔNG ĐEO TRÀNG HOA THƠM, KHÔNG DÙNG DẦU THƠM XOA THÂN.**
7. **KHÔNG CA MÚA VÀ BIỂU DIỄN CÁC BỘ MÔN NGHỆ THUẬT, KHÔNG CỐ Ý ĐẾN XEM NGHE.**
8. **KHÔNG NGỒI NẪM TRÊN GIƯỜNG LỚN CAO RỘNG.**

9. KHÔNG ĂN PHI THỜI (quá giờ Ngọ không ăn)

Theo Luận Câu-xá thì gộp chung Giới thứ 6 và Giới thứ 7 của Sa-di Thập giới làm thành một Giới. Như vậy thành ra 7 điều Giới cộng với 1 Trai giới “Không ăn phi thời”, mà gọi chung là Bát Chi Trai Giới:

- (1) **KHÔNG SÁT SANH**
- (2) **KHÔNG TRỘM CƯỚP**
- (3) **KHÔNG PHI PHẠM HẠNH** (không dâm dục)
- (4) **KHÔNG VỌNG NGŨ**
- (5) **KHÔNG UỐNG RƯỢU**
- (6) **KHÔNG ĐEO TRÀNG HOA THƠM, KHÔNG DÙNG DẦU THƠM XOA THÂN.
KHÔNG CA MÚA VÀ BIỂU DIỄN CÁC BỘ MÔN NGHỆ THUẬT, KHÔNG CỐ Ý ĐẾN XEM NGHE.**
- (7) **KHÔNG NGỒI NẪM TRÊN GIƯỜNG LỚN CAO RỘNG.**
- (8) **KHÔNG ĂN PHI THỜI** (quá giờ Ngọ không ăn)

So sánh Bát Quan Trai với Ngũ giới: Năm giới đầu của Bát Quan Trai giới nhìn chung là tương đồng với Ngũ giới, chỉ khác biệt hoàn toàn ở giới thứ ba. Đối với Ngũ giới, giới thứ ba là “Không tà dâm” có nghĩa là không được làm việc tà hạnh với người khác (tà dâm), ngoại trừ việc sinh hoạt vợ chồng chánh thức (chánh dâm), chánh thức ở đây là vợ chồng đã được mọi người và luật pháp thế gian công nhận. Đối với Bát Quan Trai giới, giới thứ ba là “Không phi Phạm hạnh” có nghĩa là

trong suốt thời gian thọ trì Bát giới, người thọ Giới phải giữ Phạm hạnh thanh tịnh, tức giữ gìn ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý không hành dâm dục. Vào những ngày thọ trì Bát Quan Trai giới, vì không được dâm dục nên đối với việc sinh hoạt vợ chồng chánh thức, người thọ Giới cũng phải kiêng cử. Ái dục là gốc của luân hồi sanh tử, Bát Quan Trai giới là chánh nhân xuất thế, là bước đầu trên con đường đến Niết-bàn giải thoát, cho nên lấy diệt dục làm trọng yếu.

So sánh Bát Quan Trai với Sa-di Thập giới: Chính giới đầu tiên của Sa-di Thập giới là hoàn toàn tương đồng với Bát Quan Trai giới. Trừ giới thứ mười của Sa-di là “Không cầm giữ sanh tượng, vàng bạc, vật báu”, trong Bát Quan Trai không có Giới này. Đồng thời có một điểm khác biệt nữa về thời hạn thọ trì, Bát Quan Trai giới chỉ thọ trì trong thời hạn một ngày một đêm, trong khi Sa-di Thập giới có thời hạn thọ trì suốt đời (*nếu không xả Giới hoàn tục*).

3) Phương thức truyền thọ Bát Quan Trai giới:

Phương thức truyền thọ Bát Quan Trai giới, trong Giới luật chế định nên hướng về một vị Tăng thanh tịnh, thỉnh làm A-xà-lê sư mà cầu thọ. Nên từng người một hướng về Giới sư để được truyền thọ, chẳng nên hai hoặc nhiều người đồng một lúc.

Lại cũng giống như Ngũ giới, có thể tùy duyên ở trước một vị có Giới đức thanh tịnh, thuộc trong 5 chúng xuất gia mà cầu thọ. Nếu trong vòng ngàn dặm, hoặc trong quốc độ không có 5 chúng xuất gia để thỉnh làm Giới sư, người cầu Giới có thể tự thệ thọ Giới. Khi ấy

Giới tử ở trước bên tượng Phật, tâm nghĩ miệng nói lời thệ nguyện thọ Bát Quan Trai giới, tức liền đắc Giới. Nếu có 5 chúng xuất gia mà không đến cầu Giới, lại tự thọ thời không đắc Giới.

Mục đích của Bát Quan Trai giới là giúp cho hàng đệ tử tại gia trải nghiệm và huân tập đời sống xuất gia. Nên tự viện là nơi lý tưởng để hành trì Bát Quan Trai giới. Tuy nhiên, nếu ở tại tư gia có đủ điều kiện thuận lợi, vẫn có thể thỉnh Giới sư đến nhà truyền thọ.

Về Nghi thức truyền thọ, có thể y cứ theo bốn “Thọ Bát Giới Chánh Phạm”, gồm có 8 tiết mục sau:

1.Trải tòa thỉnh sư; 2.Khai đạo; 3.Thỉnh thánh; 4.Sám hối; 5.Thọ Tam quy; 6.Tuyên Bát Quan Trai giới tướng; 7.Phát nguyện; 8.Khuyến chúc và hồi hướng.

4) Thời hạn thọ trì Bát Quan Trai giới:

Đức Phật chế định thời hạn thọ trì Bát Quan Trai giới là trọn một ngày một đêm, không được quá hạn. Bắt đầu tính từ buổi sáng sớm lúc mặt Trời vừa mọc, trải qua một ngày rồi một đêm, cho đến cuối đêm và bắt đầu một ngày mới thì tự giải Giới, không còn hạn chế bởi tám Giới nữa. Cho nên sau quá một ngày đêm, Giới thể tự mất, không cần phải tác pháp xả Giới. Không có trường hợp Bát Quan Trai giới chỉ thọ ban ngày, hoặc chỉ thọ ban đêm, phải thọ trì trọn một ngày đêm mới cho là đắc Giới.

Trường hợp thọ trì chưa hết một ngày đêm, do duyên ngoài bức bách không thể tiếp tục được nữa, thời có thể xả Trai giới để ăn phi thời, hoặc xả toàn bộ Bát Quan Trai giới. Muốn xả Bát Quan Trai giới cũng phải

do 5 chúng xuất gia mà xả. Nghĩa là chỉ cần đối trước một vị thuộc 5 chúng xuất gia hiểu được sự việc và lời nói, rồi tác bạch lời xả Giới, Giới liền xả. Về sau muốn cầu thọ lại Giới, chỉ cần sám hối và thỉnh Giới sư truyền thọ lại.

Nếu phát tâm cầu thọ trì Bát Quan Trai giới liên tiếp trong nhiều ngày từ 2 ngày, 3 ngày cho đến 7 ngày...; hoặc 1 tháng, vài tháng, cho đến 1 năm... đều có thể thọ trì không hạn chế. Tuy nhiên, vì sau một ngày một đêm Giới thể tự giải, nên qua mỗi một ngày-đêm, phải thỉnh Giới sư tuyên thọ lại Giới. Nếu vì ngoại duyên Giới sư không thể truyền thọ Giới pháp mỗi ngày, có thể phương tiện cho Giới tử ở trước tượng Phật, tự thọ thọ trong những ngày kế tiếp.

Ngày thọ Bát Quan Trai giới có thể tùy chọn theo hoàn cảnh của mỗi người. Vào 6 ngày Lục trai trong mỗi tháng, có thể thọ Giới từ 1 ngày cho đến hết tất cả 6 ngày; Hoặc chọn ngày Chủ nhật, hay các ngày lễ vía Phật, Bồ-tát; Hoặc thọ Giới trong các ngày Sám hối, hay các kỳ nhập thất hành trì Kinh chú v.v...

5) Công đức thọ trì Bát Quan Trai giới:

Trong Kinh có nói thọ trì Bát Quan Trai giới là chúng sanh gieo trồng chánh nhân xuất thế. Cho nên ngoài công đức sanh Thiên, Bát giới còn là nhân tu tập dẫn đến chứng quả Niết-bàn, liễu sanh thoát tử.

Kinh Ưu-Bà-Tắc Giới có nói người thọ trì Bát giới hay trừ được tội ngũ nghịch, tất cả tội khác thấy đều tiêu diệt. Đây ý nghĩa là vì giữ Giới thanh tịnh, khiến

các tội chẳng còn nhân duyên để sanh khởi, nên gọi rằng trừ diệt vậy.

Trong bốn Phật Thuyết Hy Hữu Giáo Lượng Công Đức Kinh, có ghi rằng:

“A-Nan ! Nếu người nào lại có thể trọn một ngày một đêm thọ trì Bát Quan Trai giới, thọ nhận rồi như chỗ thuyết Giới mà tu hành. Thời được công đức thù thắng gấp bội, hơn hẳn công đức nói trên gấp nghìn, gấp vạn, gấp trăm nghìn vạn lần, cho đến dùng các phép toán số, thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng được.”

Kinh Bồ-Tát Xử Thai nói: *“Bát Quan Trai Giới là mẹ của chư Phật.”*

Kinh A-Hàm nói: *“Nếu trong sáu ngày Trai của mỗi tháng, phụng trì Bát giới trong một ngày một đêm, được phước không thể nói hết.”*



Phần Đại giới của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni (Cụ túc giới) và Bồ-tát giới là Giới học rất sâu rộng. Các bậc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và chư tân học Bồ-tát khi lãnh thọ Giới pháp, đã được Chư sư truyền thọ đầy đủ Giới bốn. Vì thế trong phạm vi bốn Tỳ-Ni Nhựt Dụng Thiết Yếu của Luật sư Độc Thể soạn tập không ghi chép.

Quyển Pháp Kệ Tỳ-Ni Nhựt Dụng Thiết Yếu biên soạn đến đây tạm dừng.

Nay nói Kệ rằng:

**Dầu gặp bậc Minh sư
Lại học chuyên Kinh tạng
Trí luận được biện thông
Như giữ của cho người.**

**Nơi Giới luật Phật chế
Hành giả không trọn giữ
Mong gì được thành tựu
Tịnh huệ chân giải thoát.**

**Tự thân tâm hộ giới
Lại giúp người hộ giới
Tự mình được thanh tịnh
Bảo hộ người thanh tịnh.**

**Là chân thật Tịnh hạnh
Xứng danh Bồ-tát Tăng
Đời này và đời sau
Quyết định trụ Phật đạo.**

NHỰT MINH kính phụng.

Biên soạn xong ngày 28, tháng
Giêng, năm Mậu Tuất.

Dương lịch 2018.

PHỤ BẢN 1

NGHI THỨC THỌ BÁT QUAN TRAI GIỚI

(Có Giới sư truyền thọ)

1. TRÁI TÒA THỈNH SƯ:

Phật tử cầu thọ Giới pháp đến tự viện, cung thỉnh Giới sư vào Trai đường để làm lễ thỉnh Sư truyền giới. Giới tử sắm sửa khai lễ đặt trước Giới sư, rồi đứng thẳng chấp tay tác bạch:

Nam-mô A-Mi-Đà Phật.

Bạch Đại đức, chúng con có duyên sự xin đầu thành danh lễ và tác bạch. (Giới tử lạy 1 lạy)

Giới tử quỳ thẳng nói tiếp:

Nam-mô A-Mi-Đà Phật.

Bạch Đại đức, chúng con pháp danh là vì gia duyên ràng buộc chưa xuất gia được, nên y theo lời Phật dạy, phát nguyện tu Bát Quan Trai giới. Hôm nay, chúng con thành tâm danh lễ cầu xin Đại đức giữ lòng thương xót, truyền trao Giới pháp cho chúng con. Mong Đại đức từ bi hoan hỷ để cho chúng con được gọi nhuần Giới đức.

Giới tử quỳ thẳng chờ Giới sư dạy bảo.

Giới sư đáp:

Nam-mô A-Mi-Đà Phật.

Lành thay ! Các Phật tử còn việc nhà bận buộc chưa thể xuất gia, nên phát nguyện tu Bát Quan Trai giới. Nay đến đây thành tâm đánh lễ, cầu thầy truyền trao Trai giới, chư Tăng hoan hỷ nhận lời. Vậy các Phật tử đến đánh lễ Tổ chứng minh cho.

Giới sư đáp rồi. Giới tử bạch tiếp:

Nam-mô A-Mi-Đà Phật.

Trên chư Đại đức Tăng đã từ bi chấp thuận cho rồi. Chúng con xin đầu thành đánh lễ cúng dường. (Giới tử lạy 3 lạy)

Thầy dẫn lễ xướng:

Cung thỉnh chư Giới sư tề nghệ Tổ đường.

Khi Giới sư đến Tổ đường rồi, Thầy dẫn lễ xướng:

Cung thỉnh chư Giới sư lập ban.

Thầy dẫn lễ xướng lạy:

Chí tâm đánh lễ: Tây Thiên Đông Độ Lịch Đại Tổ Sư, Bồ-tát Ma-ha-tát. (3 lạy)

Thầy dẫn lễ xướng:

Cung thỉnh chư Giới sư phân lập lưỡng ban.

Thầy dẫn lễ gọi Giới tử vào:

Cầu Giới tử tụ ban.

Thầy dẫn lễ xướng lạy:

Chí tâm đánh lễ: Tây Thiên Đông Độ Lịch Đại Tổ Sư, Bồ-tát Ma-ha-tát. (3 lạy)

Giới tử lễ xong, Thầy dẫn lễ thỉnh mời Giới sư lên điện Phật:

Cung thỉnh chư Giới sư tề nghệ Phật tiên.

Thầy dẫn lễ đốt 3 nén hương đưa Giới sư.

Giới sư niệm hương cầu Phật gia bị.

Thầy dẫn lễ xướng lạ:

Chí tâm đánh lễ:

Nam-mô tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng thường trụ Tam Bảo. (1 lạ)

Chí tâm đánh lễ:

Nam-mô Ta-bà giáo chủ, Điều ngự Bốn sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật; Đương lai hạ sanh Di-Lặc Tôn Phật; Đại trí Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-tát; Đại hạnh Phổ Hiền Bồ-tát; Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát; Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ-tát. (1 lạ)

Chí tâm đánh lễ:

Nam-mô Tây phương Cực Lạc thế giới, đại từ đại bi A-Mi-Đà Phật; Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát; Đại Thế Chí Bồ-tát; Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ-tát; Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. (1 lạ)

Thầy dẫn lễ thỉnh Giới sư an tọa:

Cung thỉnh chư Giới sư phân lập lưỡng ban an tọa.

Thầy dẫn lễ gọi Giới tử vào lễ Phật:

Cầu Giới tử lập ban.

Giới tử vào rồi, Thầy dẫn lễ xướng lạy:

Chí tâm đánh lễ: **Nam-mô thập phương pháp giới thường trụ Tam Bảo.** (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ: **Nam-mô Bốn sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.** (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ: **Nam-mô đương hội đạo tràng, nhứt thiết chư Tôn pháp, chư Bồ-tát, chư Hiền thánh Tăng.** (1 lạy)

2. KHAI ĐẠO:

Lễ xong, các Giới tử ngồi kiết già, chấp tay đọc bài kệ Tán Lư Hương theo Giới sư:

**Lư hương sạ nhiệt
Pháp giới môn huân
Chư Phật hải hội tất diêu văn
Tùy xứ kiết tường vân
Thành ý phương ân
Chư Phật hiện toàn thân.**

Nam-mô Hương Vân Cái Bồ-tát Ma-ha-tát.

(3 lần)

Nam-mô Bốn sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật. (3 lần)

**Vô thượng thậm thâm vi diệu Pháp
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai Tỳ-ni nghĩa.**

Nam-mô Khai Bảo Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát.

(3 lần)

Giới sư khai đạo:

Nam-mô A-Mi-Đà Phật.

Các Phật tử phải chăm chú nghe:

Bể khổ chơi vơi, nếu không có thuyền Từ tế độ thì chúng sanh không thể nào vượt qua bể khổ, bước lên bờ Giác. Người muốn thoát ly bể khổ, chứng quả Vô thượng Bồ-đề cần phải thọ trì Giới pháp. Giới là nền tảng của tất cả công đức. Các Đức Phật đều do giữ Giới mà đặng thành bậc Chánh Giác. Đại thừa và Tiểu thừa cũng đều lấy Giới luật làm căn bản. Tại gia và xuất gia cũng đều thọ trì Giới pháp.

Chỉ vì người tại gia phần nhiều bị trần duyên ràng buộc, không thể xuất gia, nên đức Như Lai chế định giới Bát Quan Trai, để cho người tại gia phát tâm tu nhân giải thoát một ngày một đêm. Nhờ công đức này mà mau vượt qua bể khổ đến bờ Giác ngộ.

Ví như ngọc Ma-ni hình thể tuy nhỏ nhẹ, mà quý hơn tất cả các thứ ngọc, hay làm cho các chúng sanh được nhiều vui thú, Giới này cũng vậy. Giữ giới Bát Quan Trai này tuy có một ngày một đêm mà phước báo không lường, hơn cõi người cõi trời và sẽ đến cõi Phật. Bởi giữ Giới này có lợi ích lớn như thế, nên các Phật tử phải kính trọng phụng trì.

3. THỈNH THÁNH:

Giới sư quỳ xuống niêm hương và phụng thỉnh Tam Bảo chứng minh, cho sự truyền thọ Giới pháp được vô lượng công đức.

Các Giới tử đồng quỳ thẳng chấp tay, hết lòng thành kính, nói theo Giới sư để cầu thỉnh Tam Bảo chứng minh.

Đệ tử chúng con pháp danh là: một lòng phụng thỉnh bốn sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật, mười phương ba đời tất cả chư Phật, chư tôn Pháp, chư Bồ-tát và chư Hiền thánh Tăng.

Kính xin Tam Bảo dũ lòng từ bi chứng giám cho chúng con. Chúng con nhờ đức từ bi của Tam Bảo, mà được thọ giới Bát Quan Trai này, xin thương xót cho chúng con.

(3 lần thỉnh, 3 lần cúi đầu xá)

Giới sư ngồi trở lại như trước.

4. SÁM HỐI:

Giới tử đứng dậy, nói theo Giới sư để sám hối.

Đệ tử chúng con pháp danh là: chí tâm sám hối.

**Xưa con đã tạo bao ác nghiệp
Đều vì vô thủy tham, sân, si
Từ thân, khẩu, ý phát sanh ra
Hết thảy con nay đều sám hối.**

Nam-mô Cầu Sám Hối Bồ-tát Ma-ha-tát.

(Sám 3 lần, lễ 3 lạy)

Giới tử quỳ xuống, chấp tay.

Giới sư dạy như sau:

Các Giới tử ! Vừa rồi các vị đã sám hối, ba nghiệp đều được thanh tịnh. Vậy từ giờ này ngày nay, cho đến giờ này ngày mai, nghĩa là trọn một ngày một đêm, các vị phải giữ 8 Giới này cho được thanh tịnh. Tức là các vị đã trông nhân xuất gia, thời sẽ chứng được quả giải thoát. Giữ giới có lợi ích lớn như vậy, nên các vị phải thành tâm lãnh thọ và phụng trì.

5. THO TAM QUY Y:

Các Giới tử đồng quỳ thẳng, chấp tay và nói theo Giới sư để thọ Tam quy giới:

Đệ tử chúng con pháp danh là:

Quy y Phật,

Quy y Pháp,

Quy y Tăng.

Nguyện một ngày một đêm tu hạnh thanh tịnh. (Nói Tam quy 3 lần, mỗi lần xá 1 xá)

Kế nói tiếp Tam kết:

Đệ tử chúng con pháp danh là:

Quy y Phật rồi.

Quy y Pháp rồi.

Quy y Tăng rồi.

Nguyện một ngày một đêm tu hạnh thanh tịnh rồi. (Nói Tam kết 3 lần, mỗi lần xá 1 xá)

6. TUYÊN GIỚI TƯỚNG:

Giới sư dạy rằng:

Các Giới tử ! Từ trước đến đây, Giới sư đã truyền Tam quy và Tam kết cho các vị rồi, Giới thể đã được tròn đủ. Bây giờ đây, Giới sư sẽ trao Giới tướng cho các vị. Vậy các vị phải chí thành lãnh thọ và giữ gìn cẩn thận, chớ cho trái phạm. Các vị phải thành tâm chú ý nghe cho kỹ mà nhận lãnh. Sau khi tôi hỏi mỗi điều giới rồi, các vị phải thưa lớn lên “Dạ giữ được”.

Giới sư tuyên nói Bát Quan Trai Giới tướng:

Các Giới tử ! Hãy lắng nghe đây:

- (1) **Giới thứ nhất, các Đức Phật suốt đời không sát hại chúng sanh. Vậy các vị có thể một ngày một đêm giữ Giới “Không sát sanh”, được không ?**

Giới tử đáp: “Dạ giữ được”.

- (2) **Giới thứ hai, các Đức Phật suốt đời không gian tham trộm cướp. Vậy các vị có thể một ngày một đêm giữ Giới “Không trộm cướp”, được không ?**

Giới tử đáp: “Dạ giữ được”.

- (3) **Giới thứ ba, các Đức Phật suốt đời không phi Phạm hạnh. Vậy các vị có thể một ngày một đêm giữ Giới “Không dâm dục”, được không ?**

Giới tử đáp: “Dạ giữ được”.

- (4) **Giới thứ tư, các Đức Phật suốt đời không vọng ngữ. Vậy các vị có thể một ngày một đêm giữ Giới “Không vọng ngữ” được không ?**

Giới tử đáp: “Dạ giữ được”.

- (5) **Giới thứ năm, các Đức Phật suốt đời không uống rượu. Vậy các vị có thể một ngày một đêm giữ Giới “Không uống rượu” được không?**

Giới tử đáp: “Dạ giữ được”.

- (6) **Giới thứ sáu, các Đức Phật suốt đời không đeo tràng hoa thơm, không dùng dầu thơm xoa thân; Không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, cũng không cố ý đến xem nghe. Vậy các vị có thể một ngày một đêm giữ Giới “Không đeo tràng hoa thơm, không dùng dầu thơm xoa thân; Không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, không cố ý đến xem nghe”, được không ?**

Giới tử đáp: “Dạ giữ được”.

- (7) **Giới thứ bảy, các Đức Phật suốt đời không ngồi nằm trên giường lớn cao rộng. Vậy các vị có thể một ngày một đêm giữ Giới “Không ngồi nằm trên giường lớn cao rộng”, được không ?**

Giới tử đáp: “Dạ giữ được”.

- (8) **Giới trai thứ tám, các Đức Phật suốt đời không ăn phi thời. Vậy các vị có thể một ngày một đêm giữ Giới “Không ăn phi thời”, được không ?**

Giới tử đáp: “**Dạ giữ được**”.

7. PHÁT NGUYÊN:

Giới sư dạy tiếp:

Các Giới tử ! Từ trước đến đây, Giới sư đã truyền giới Bát Quan Trai cho quý vị xong rồi. Bây giờ quý vị nên phát nguyện hồi hướng. Các vị hãy phát nguyện theo lời tôi nói.

Giới sư nói tiếp và Giới tử nói theo.

Đệ tử chúng con nhờ công đức thọ giới Bát Quan Trai mà khỏi bị đọa vào Tam đồ Bát nạn. Chúng con nguyện đem công đức này hồi hướng cho mình và tất cả chúng sanh, đều đặn thành đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Thầy dẫn lễ bảo Giới tử đứng dậy lễ tạ Tam Bảo, và xướng lạy:

Chí tâm đánh lễ:

Nam-mô thập phương pháp giới thường trụ Tam Bảo. (3 lạy)

Lễ xong, đứng dậy hồi hướng.

8. HỒI HƯỚNG:

**Thọ Giới công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hướng
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh
Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.**

**Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não
Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu**

**Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ
Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.**

**Nguyện sanh Tây phương tịnh độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ-tát vi bạn lữ.**

**Nguyện dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhứt thiết
Ngã đẳng dữ chúng sanh
Giai cộng thành Phật đạo.**

TAM TỰ QUY Y

**Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể
giải đại đạo, phát vô thượng tâm. (1 lạy)**

**Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh,
thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như hải. (1 lạy)**

**Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh,
thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. (1 lạy)**

Lễ xong, Thầy dẫn lễ xướng:

Cung thỉnh Giới sư hồi nghệ trường đường.

(Lễ truyền thọ Bát Quan Trai Giới hoàn mãn.)



PHỤ BẢN 2

**NGHI THỨC TỰ THỆ THỌ
BÁT QUAN TRAI GIỚI****(Không có Giới sư truyền thọ)**

Nếu trong vòng ngàn dặm, hoặc trong quốc độ không có 5 chúng xuất gia để thỉnh làm Giới sư, người cầu Giới có thể ở trước Kinh, tượng Phật mà tự thệ nguyện thọ Giới.

Hoặc trong trường hợp, người thọ giới phát nguyện thọ trì Bát Quan Trai Giới liên tục trong nhiều ngày. Ngày đầu tiên, Giới tử đã được Giới sư truyền trao cho Giới pháp. Nếu vì ngoại duyên, Giới sư không thể đến truyền trao Giới pháp vào mỗi đầu ngày tiếp theo sau, cũng có thể khai phương tiện cho Giới tử ở trước Kinh, tượng Phật tự thệ thọ Giới.

Đầu buổi sáng sớm, khi mặt Trời vừa mọc. Giới tử rửa tay, rửa mặt, súc miệng sạch sẽ, đắp Mạn y tề chỉnh, thắp 3 nén hương đối trước ngôi Tam Bảo, quỳ xuống niệm hương cúng dường.

1.CÚNG HƯƠNG:

**Nguyện thủ diệu hương vân
Biến mãn thập phương giới
Cúng dường nhứt thiết Phật
Tôn Pháp chư Bồ-tát**

**Vô biên Thanh Văn chúng
 Cập nhứt thiết Thánh hiền
 Duyên khởi quang minh đài
 Xứng tánh tác Phật sự
 Phổ huân chư chúng sanh
 Giai phát Bồ-đề tâm
 Viễn ly chư vọng nghiệp
 Viên thành Vô Thượng đạo.**

2. TÁN THÁN PHẬT

**Pháp vương vô thượng tôn
 Tam giới vô luân thất
 Thiên nhưn chi Đạo sư
 Tứ sanh chi Từ phụ,
 Ư nhứt niệm quy y
 Năng diệt tam kỳ nghiệp
 Xứng dương nhược tán thán
 Ưc kiếp mạc năng tận.**

3. QUÁN TƯỚNG

**Năng lễ sở lễ tánh Không tịch
 Cảm ứng đạo giao nan tư nghị
 Ngã kim đạo tràng như đế châu
 Thích-Ca Mâu-Ni ảnh hiện trung
 Ngã thân ảnh hiện Như Lai tiền
 Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ. (1 lạy)**

4. ĐẢNH LỄ TAM BẢO:

Chí tâm đánh lễ:

Nam-mô tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng thường trụ Tam Bảo. (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ:

Nam-mô Ta-bà giáo chủ, Điều ngự Bản sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật; Đương lai hạ sanh Di-Lặc Tôn Phật; Đại trí Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-tát; Đại hạnh Phổ Hiền Bồ-tát; Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát; Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ-tát. (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ:

Nam-mô Tây phương Cực Lạc thế giới, đại từ đại bi A-Mi-Đà Phật; Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát; Đại Thế Chí Bồ-tát; Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ-tát; Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. (1 lạy)

5.ĐẠI BI CHÚ

THIÊN THỦ THIÊN NHÂN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ-LA-NI:

Nam mô hát ra dát na đá ra dạ da .

Nam mô a rị da . Bà lô yết đế thước bát ra da . Bồ đề tát đỏa bà da . Ma ha tát đỏa bà da . Ma ha ca lô ni ca da .

Úm . Tát bà ra phạt duệ . Số dát na dát tả . Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da . Bà lô kiết đế thất phạt ra lăng đà bà . Nam mô na ra cần trì . Hê rị ma ha bà đá sa mị .

Tát bà a tha đậ du bằng . A thệ dụng . Tát bà tát đá . Na ma bà tát đa . Na ma bà già . Ma phật đặc đậ . Đát diệt tha:

Úm . A bà lô hê . Lô ca đế . Ca la đế . Di hê rị . Ma ha bồ đề tát đỏa . Tát bà tát bà . Ma ra ma ra . Ma hê ma hê rị đà dụng . Câu lô câu lô yết môn . Độ lô độ lô phật xà da đế . Ma ha phật xà da đế . Đà ra đà ra . Địa rị ni . Thất phật ra da . Giá ra giá ra . Mạ mạ phật ma ra . Mục đế lệ . Y hê y hê . Thất na thất na . A ra sâm phật ra xá rị . Phạt sa phật sâm . Phạt ra xá da . Hô lô hô lô ma ra . Hô lô hô lô hê rị . Sa ra sa ra . Tát rị tất rị . Tô rô tô rô . Bồ đề dạ Bồ đề dạ . Bồ đà dạ Bồ đà dạ . Mi đế rị dạ . Na ra cần trì . Địa rị sắt ni na . Bà dạ ma na . Sa bà ha . Tát đà dạ . Sa bà ha . Ma ha tất đà dạ . Sa bà ha . Tát đà dụ nghệ . Thất bà ra da . Sa bà ha . Na ra cần trì . Sa bà ha . Ma ra na ra . Sa bà ha . Tát ra tăng a mục khư da . Sa bà ha . Sa bà ma ha a tất đà dạ . Sa bà ha . Giả kiết ra a tất đà dạ . Sa bà ha . Ba đà ma yết tất đà dạ . Sa bà ha . Na ra cần trì bà già ra da . Sa bà ha . Ma bà rị thắng yết ra dạ . Sa bà ha .

Nam mô hát ra đát na đá ra dạ da .

Nam mô a rị da . Bà lô kiết đế . Thước bà ra dạ . Sa bà ha .

**Úm . Tất diện đô . Mạn đa ra . Bạt đà da .
Sa bà ha .**

(Chú Đại Bi tụng 3 hoặc 5 biến)

6. CHÍ TÂM SÁM HỐI:

**Xưa con đã tạo bao ác nghiệp
Đều vì vô trí tham, sân, si
Từ thân, khẩu, ý phát sanh ra
Hết thảy con nay đều sám hối.**

Nam-mô Cầu Sám Hối Bồ-tát Ma-ha-tát.

(Sám 3 lần, lễ 3 lạy)

7. THỌ TAM QUY – TAM KẾT:

Con là

Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Một ngày một đêm là tịnh hạnh Ưu-bà-tắc (Ưu-bà-di). Như Lai chí chơn Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con. (Nói 3 lần)

Con là

Quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi. Một ngày một đêm là tịnh hạnh Ưu-bà-tắc (Ưu-bà-di). Như Lai chí chơn Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con. (Nói 3 lần)

8. VẤN PHÁT NGUYỆN (Thọ Bát Quan Trai Giới)

Con là hoặc thân nghiệp bất thiện, hoặc khẩu nghiệp bất thiện, hoặc ý nghiệp bất thiện vì tham dục, sân nhuế, ngu si. Hoặc đời này,

đời trước có tội như thế. Hôm nay thành tâm sám hối, thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh thọ hành Bát giới pháp:

- 1) Giới thứ nhất: Như chư Phật suốt đời không sát sanh. Con một ngày một đêm giữ Giới “Không sát sanh”.
- 2) Giới thứ hai: Như chư Phật suốt đời không trộm cướp. Con một ngày một đêm giữ Giới “Không trộm cướp”.
- 3) Giới thứ ba: Như chư Phật suốt đời không phi Phạm hạnh. Con một ngày một đêm giữ Giới “Không dâm dục”.
- 4) Giới thứ tư: Như chư Phật suốt đời không vọng ngữ. Con một ngày một đêm giữ Giới “Không vọng ngữ”.
- 5) Giới thứ năm: Như chư Phật suốt đời không uống rượu. Con một ngày một đêm giữ Giới “Không uống rượu”.
- 6) Giới thứ sáu: Như chư Phật suốt đời không đeo tràng hoa, không dùng dầu thơm xoa thân. Con một ngày một đêm giữ Giới “Không đeo tràng hoa, không dùng dầu thơm xoa thân”.
- 7) Giới thứ bảy: Như chư Phật suốt đời không ca múa và biểu diễn các bộ môn nghệ thuật, cũng không cố ý đến xem nghe. Con một ngày một đêm giữ Giới “Không ca múa và biểu

diễn các bộ môn nghệ thuật, không cố ý đến xem nghe”.

- 8) Giới thứ tám: Như chư Phật suốt đời không ngồi nằm trên giường lớn cao rộng. Con một ngày một đêm giữ Giới “Không ngồi nằm trên giường lớn cao rộng”.
- 9) Như chư Phật suốt đời không ăn phi thời. Con một ngày một đêm giữ Trai giới “Không ăn phi thời”.

Nay con đem công đức thọ Giới Bát Quan Trai này, bốn trọng ân đều báo, khắp Ba cõi được nhờ, nguyện cùng các chúng sanh đồng sanh Tịnh độ.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

(Lễ 3 lay)

9. BÁT NHÃ TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai Không, độ nhứt thiết khổ ách.

Xá-Lợi Tử ! Sắc bất dị Không, Không bất dị sắc; sắc tức thị Không, Không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá-Lợi Tử ! Thị chư pháp Không tướng, bất sanh, bất diệt; bất cấu, bất tịnh; bất tăng, bất giảm. Thị cố Không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí

vô ý thức giới; vô Vô minh, diệc vô Vô minh tận; nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô Khổ, Tập, Diệt, Đạo; vô trí, diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư. Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú. Tức thuyết chú viết:

YẾT ĐẾ YẾT ĐẾ, BA LA YẾT ĐẾ, BA LA TĂNG YẾT ĐẾ BỒ ĐỀ, TÁT BÀ HA.

10. TIÊU TAI KIẾT TƯỜNG THẦN CHÚ

Năng mô tam mãn đà, mẫu đà năm, a bát ra để hạ đa, xá sa năng năm. Đát diệt tha:

Úm, khư khư, khư hế khư hế, hồng hồng, nhập phạ ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, để sắt sá để sắt sá, sắt trí rị sắt trí rị, sa phát tra sa phát tra, phiến để ca, thất rị duệ, sa phạ ha.

11. HỒI HƯỚNG:

**Thọ Giới công đức thù thắng hạnh
 Vô biên thắng phước giai hồi hướng
 Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh
 Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.**

**Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não
 Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu
 Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ
 Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.**

**Nguyện sanh Tây Phương tịnh độ trung
 Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
 Bất thối Bồ-tát vi bạn hữu.**

**Nguyện dĩ thủ công đức
 Phổ cập ư nhứt thiết
 Ngã đẳng dĩ chúng sanh
 Giai cộng thành Phật đạo.**

12. TAM TỰ QUY Y:

**Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể
 giải đại đạo, phát vô thượng tâm. (1 lạy)**

**Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh,
 thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như hải. (1 lạy)**

**Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh,
 thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. (1 lạy)**

(Khóa lễ tự thệ thọ Bát Quan Trai Giới hoàn mãn.)



PHỤ BẢN 3

LỊCH BỐ TÁT BỒ-TÁT GIỚI**(Trong ba mùa mỗi năm)****BẢN XƯƠNG NGÀY BỐ TÁT**

(Trong Phật pháp, một năm có 12 tháng, 4 tháng làm một mùa, một năm chia thành 3 mùa : mùa Xuân, mùa Hạ và mùa Đông.)

1. **MÙA XUÂN** : Sáng ngày 16 tháng Chạp là bắt đầu mùa Xuân, đến hết đêm Rằm tháng Tư là hết mùa Xuân.
- **30 tháng Chạp** : Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 3 tháng rưỡi.
- **Rằm tháng Giêng** : Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, một tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 3 tháng.
- **30 tháng Giêng** : Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, một tháng rưỡi đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 2 tháng rưỡi.

- **Rằm tháng 2 : Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, hai tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 2 tháng.**
 - **30 tháng 2 : Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, hai tháng rưỡi đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 1 tháng rưỡi.**
 - **Rằm tháng 3 : Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, ba tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 1 tháng.**
 - **30 tháng 3 : Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, ba tháng rưỡi đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn nửa tháng.**
 - **Rằm tháng 4 : Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã qua còn thiếu một đêm, thừa một đêm sang mùa Hạ.**
- 2. MÙA HẠ :** Sáng ngày 16 tháng 4 là khởi đầu mùa Hạ (ngày Nhập hạ tiền An cư), đến hết đêm Rằm tháng 8 là hết mùa Hạ (ngày lễ hậu Tự tứ).
- **30 tháng 4 : Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 3 tháng rưỡi.**
 - **Rằm tháng 5 : Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, một tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 3 tháng.**

- **30 tháng 5 : Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, một tháng rưỡi đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 2 tháng rưỡi.**
 - **Rằm tháng 6 : Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, hai tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 2 tháng.**
 - **30 tháng 6 : Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, hai tháng rưỡi đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 1 tháng rưỡi.**
 - **Rằm tháng 7 : Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, ba tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 1 tháng.**
 - **30 tháng 7 : Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, ba tháng rưỡi đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn nửa tháng.**
 - **Rằm tháng 8 : Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã qua còn thiếu một đêm, thừa một đêm sang mùa Đông.**
- 3. MÙA ĐÔNG :** Sáng ngày 16 tháng 8 là khởi đầu mùa Đông, đến hết đêm Rằm tháng Chạp là hết mùa Đông, kết thúc một năm.
- **30 tháng 8 : Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 3 tháng rưỡi.**

- **Rằm tháng 9 : Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, một tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 3 tháng.**
- **30 tháng 9 : Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, một tháng rưỡi đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 2 tháng rưỡi.**
- **Rằm tháng 10 : Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, hai tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 2 tháng.**
- **30 tháng 10 : Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, hai tháng rưỡi đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 1 tháng rưỡi.**
- **Rằm tháng 11 : Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, ba tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 1 tháng.**
- **30 tháng 11 : Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, ba tháng rưỡi đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn nửa tháng.**
- **Rằm tháng 12 : Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã qua còn thiếu một đêm, thừa một đêm sang mùa Xuân.**



PHỤ TRƯỞNG

TỔNG QUAN VỀ PHÁP Y CÀ-SA**I. PHÁP Y CỦA PHẬT VÀ ĐỆ TỬ XUẤT GIA:**

Pháp y của Đức Phật và các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tiếng Phạn gọi là Kasàya, dịch âm là Cà-sa-duệ, gọi tắt là Cà-sa; Trung Hoa dịch ra nghĩa gồm có nhiều ý nghĩa như: Bất chánh sắc, nhiễm sắc, trọc sắc, hoại sắc.

1. Duyên khởi Đức Phật chế y Cà-sa:

Y Cà-sa do chính Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni chế định cho hàng Tỳ-kheo, đệ tử xuất gia trong Phật pháp.

Luật Tứ Phần nói: <<Bấy giờ, Đức Thế Tôn ra khỏi thành Vương Xá, du hành trong nhân gian về phương Nam. Giữa đường, ngài thấy ruộng làm rất khéo, giữa các thửa ruộng có bờ ngay ngắn. Phật thấy rồi bảo A-Nan rằng: “Thầy thấy những mảnh ruộng đó không?”

Đáp: “Bạch Đức Thế Tôn ! Con đã thấy.”

Phật hỏi A-Nan: “Thầy có thể vì chư Tỳ-kheo, may Y pháp giống như thế này không?”

Đáp: “Dạ có thể.”

Phật lại bảo A-Nan: “Thầy hãy trở về, chỉ dạy cho các Tỳ-kheo may y.”

Bấy giờ, A-Nan từ nơi đó trở về thành Vương Xá; chỉ dạy các Tỳ-kheo cắt may Cát triệt y: Đây là điều dài, đây là điều ngắn, đây là dải vải; đây là may đường

thứ nhất, đây là may đường thứ hai, đây là may giữa; điều và dải vải này hướng ra hai phía... Bấy giờ, trong thành Vương Xá đã có nhiều vị Tỳ-kheo cắt may và mặc Cát triệt y theo đúng như vậy.

Khi Đức Thế Tôn du hành trong nhân gian ở phương Nam xong trở về Vương Xá, thấy trong chúng Tỳ-kheo nhiều vị đã mặc Cát triệt y, liền khen bảo A-Nan rằng: “A-Nan là người thông minh, đại trí huệ ! Ta mới nói mà ông có thể hiểu rõ. Trong đời quá khứ, chư Như Lai vô số trước Đẳng chánh giác và chúng đệ tử mặc Y như thế; Đệ tử của ta ngày nay cũng mặc Y như thế. Trong đời vị lai, chư Như Lai vô số trước Đẳng chánh giác và chúng đệ tử cũng sẽ mặc Y như thế; Đệ tử của ta ngày nay cũng mặc Y như thế. Sở dĩ phải dùng dao cắt rọc y Sa-môn để khỏi bị kẻ oán tặc cướp giết. Vậy từ hôm nay trở đi, ta cho phép các Tỳ-kheo được cắt rọc vải để may y An-đà-hội, y Uất-đa-la-tăng, y Tăng-già-lê.”>>

2. Các đức danh của y Cà-sa:

Y Cà-sa có 12 tên gọi khác nhau như:

- (1) **Cà-sa**: Áo được nhuộm hoại sắc nên gọi Cà-sa.
- (2) **Đạo phục**: Áo của người tu hành Phật đạo.
- (3) **Xuất thế phục**: Áo của người xa lìa các pháp thế gian.
- (4) **Pháp y**: Áo đúng như pháp mà chư Phật đã chế định.
- (5) **Ly trần phục**: Áo xa lìa tất cả Lục trần thế tục.

- (6) **Tiêu cấu phục**: Áo năng tiêu trừ cấu ố phiền não của Ba cõi.
- (7) **Liên hoa phục**: Áo như hoa sen chẳng nhiễm bùn nhơ.
- (8) **Giáng sắc phục**: Áo không dùng 5 màu chánh là xanh, đỏ, vàng, đen, trắng (*bất chánh sắc*); đã được pha nhuộm cho biến màu đi (*hoại sắc*).
- (9) **Từ bi phục**: Áo của người hành đức Từ bi, từ là thương yêu ban vui, bi là xót thương cứu tế.
- (10) **Phước điền y**: Áo do nhiều mảnh vải ghép may như hình từng thửa ruộng trên cánh đồng nên còn gọi là Điền tướng y; người đắp mặc là chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni vì có năng lực làm ruộng phước cho thế gian nên gọi là Phước điền y.

Những gì được gọi là “phước điền” ? Phước điền có 5 tịnh đức như sau:

- a) Phát tâm lìa tục: Người xuất gia phát tâm dũng mãnh thoát ly phàm tục, huân tập sự giác ngộ của chư Phật, ôm ấp hoài bảo theo Vi diệu pháp, năng làm ruộng phước cho đời, là tịnh đức thứ nhất.
- b) Hủy hình sắc đẹp: Người xuất gia cạo bỏ râu tóc, không tham chấp tướng tốt, rũ bỏ y áo của thế tục, mặc Pháp phục của Như Lai, năng làm ruộng phước cho đời, là tịnh đức thứ hai.
- c) Cắt đứt thân ái: Người xuất gia cắt tuyệt tình phụ mẫu thân ái, nhứt tâm tinh tấn

huân tu Thánh đạo, lấy đức hạnh báo đáp ân sanh thành của cha mẹ, năng làm ruộng phước cho đời, là tịnh đức thứ ba.

d) Vứt bỏ thân mạng: Người xuất gia vứt bỏ thân mạng chẳng nuôi tiếc, chỉ y nơi Pháp thân huệ mạng, nhứt tâm cầu chứng Phật đạo, năng làm ruộng phước cho đời, là tịnh đức thứ tư.

e) Chí cầu Đại thừa: Người xuất gia thường ôm lòng cứu vớt muôn loài, chí nguyện tinh cần cầu pháp Đại thừa, độ thoát tất cả chúng hữu tình, năng làm ruộng phước cho đời, là tịnh đức thứ năm.

(11) **Ngọa cụ**: gọi ngọa cụ vì y Cà-sa được dùng như nệm để trải, mềm để đắp khi nằm ngủ.

(12) **Phu cụ**: gọi phu cụ vì y Cà-sa được dùng như tấm nệm trải ra để nằm ngủ.

3. Cách thức chế may y Cà-sa:

Y Cà-sa có hình dáng tổng thể là chữ Nhật dài. Cách may là cắt rọc vải thành từng mảnh nhỏ hình chữ nhật, rồi khâu nối lại với nhau thành một tấm giống như thửa ruộng và các bờ đê, nên có tên gọi là Cát triệt phước điền y.

Để may một tấm y Cà-sa như pháp, phải hội đủ tám yếu tố sau:

(1) **Câu tài đúng pháp**: Vải may y không phải từ tà mạng mà được, cũng không phải do mua bán phi pháp, gian xảo nhiều lợi mà được. Tỳ-kheo có

năm thứ tà mạng (làm những việc không đúng pháp để mưu cầu cơm áo mà sinh sống) là:

- Hạ khẩu thực: Nghĩa là làm ruộng, làm vườn, trồng tía, hòa hợp thuốc thang... để mưu cầu y thực tự nuôi sống thân mạng.
- Ngưỡng khẩu thực: Nghĩa là học và làm những việc xem tinh tú, nhật nguyệt, gió mưa, sấm sét... để mưu cầu y thực tự nuôi sống thân mạng.
- Phương khẩu thực: Nghĩa là đua nịnh những nhà hào quý, có thế lực, đi sứ bốn phương, dùng lời khéo léo (xảo ngữ)... để cầu được tiền của, y thực tự nuôi sống thân mạng.
- Duy khẩu thực: Nghĩa là học và làm những việc chú thuật, bói toán, giải mộng, đoán việc kiết hung... để mưu cầu y thực tự nuôi sống thân mạng.
- Buôn bán kiếm lời: Nghĩa là làm những việc kinh doanh thu lợi nhuận để mưu cầu y thực tự nuôi sống thân mạng.

Luật chế định: “Được y không do tà mạng, không do kích phát, gợi ý yêu cầu người. Nếu được y do từ tà mạng thì phạm tội Xả đọa (*Ni-tát-kỳ Ba-dật-đê*), y không được may mặc.”

- (2) **Vật thể đúng pháp:** Vải may y phải dày và chắc, tinh dệt sít sao. Nếu dệt thưa mỏng, dệt như màn lưới, dệt hoa, thêu vẽ, hoặc hàng sa, gấm, tơ, lụa... thì chẳng phải loại vải để người xuất gia trong Phật pháp may mặc.

Luật Tứ Phần nói: “Cho phép Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) thọ trì Y phẩn tảo và mười loại Y sau: Câu-xá y, Kiếp bối y, Khâm-bạt-la y, Sô-ma y, Xoa-ma y, Phiến-ma y, Ma y, Sí-di-la y, Cưu-di-la y, Thẩn-la-bát-ni y. Mười loại vải trên phải nhuộm màu Cà-sa mới được thọ trì.”

_ Lại nói: “Y phẩn tảo có mười loại: Y bị trâu nhai, y bị chuột cắn, y bị cháy dỡ, y nguyệt thủy, y sản phụ, y trong đền thờ thần (*bị vất bỏ*), y bỏ trong gò mả (*quán tử thi*), y cầu nguyện (*người thế tục vì cầu nguyện mà cúng*), y thọ vương thức (*Thái tử mới vừa lên ngôi cúng thi*), y vãng hoàn (*phúng điếu*).”

_ Lại nói: “Người xuất gia không nên chứa y gấm; không nên mặc y thêu; không được chứa y cỏ, y lá cây, y châu anh lạc, y da thú, y lông chim, y tóc người, y lông ngựa, y lông trâu..”

Hành Sự Sao nói: “Ngày nay, có nhiều người thêu hoa văn, vọng gọi là áo nạp sơn thủy, trị giá rất cao. Lại tranh nhau sự mới lạ, hoàn toàn trái hạnh tiết kiệm, quanh năm lo việc chế tạo, uống phí thời giờ và công sức. Pháp y rong đuổi theo thời giả huyễn, đạo tùy theo việc này mà tiêu tan. Thế mà vọng xưng bậc thượng hạnh, lạm dự vào hàng đầu đà, người có tri kiến nên cực lực răn ngừa.”

- (3) **Màu sắc đúng pháp**: Vải may y không dùng năm màu chánh là thuần xanh, thuần đỏ, thuần vàng, thuần đen, thuần trắng (*chánh sắc, thượng sắc*); mà phải pha trộn các màu đó với

nhau cho biến màu đi (*bất chánh sắc, hoại sắc, giáng sắc*). Ví như màu đen pha trắng làm hoại sắc thành màu xám tro... Do theo sắc của y bị hoại màu mà có tên gọi là Cà-sa.

Y Cà-sa có ba màu hoại sắc như pháp quy định: Một là màu gần như đen, hai là màu gần như xanh, ba là màu gần như đỏ. Ấn-độ thường dùng màu cà-đà (vàng nghệ); Trung Quốc, Tây Tạng thường dùng màu nhuộm bằng vỏ cây mộc lan (đỏ pha đen, đỏ sẫm); Nhựt Bản thường dùng màu trà sẫm.

Luật Tứ Phần nói: “Y thượng sắc (*chánh sắc*) không được sắm chứa, không được mặc, phải làm hoại sắc cho thành màu Cà-sa. Nếu may y Ngũ nạp (*y phấn tảo*) thì được, năm mảnh vải có năm màu chánh cắt may thành y Ngũ nạp.”

Luật Ngũ Phần nói: “Có một Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn ! Cho phép chúng con được mặc y thuần xanh, thuần vàng, thuần đỏ, thuần trắng, thuần đen. _ Đức Phật dạy: Nếu y sắc thuần đen là đồ của sản phụ mặc. Người nào mặc sắc thuần đỏ thì phạm tội Ba-dật-đề, còn bốn màu sắc kia nếu người nào mặc thì phạm tội Đột-kiết-la.”

Luật Tăng-kỳ nói: “Bấy giờ, có các thầy Tỳ-kheo mặc y thượng sắc, bị người đời chê bai rằng: Tại sao Sa-môn Thích tử mặc y thượng sắc, chẳng khác gì người thế tục ! _ Các thầy Tỳ-kheo đem sự việc này bạch lên Phật. Đức Thế Tôn dạy rằng: Ta không cho phép các ông

mặc y thượng sắc. Y thượng sắc tức là khuu-khuu nhiễm, ca-di-giá nhiễm, câu-bệ-la nhiễm, lạc-xoa nhiễm, lư-đà-la nhiễm, phi-uất-kim nhiễm, hồng lam nhiễm, thanh nhiễm, tạo sắc hoa sắc. Tất cả y thượng sắc đều không được mặc. Nên dùng các thứ gốc, rễ, lá cây cho đến dùng nước cự-ma (nước tiểu con trâu) để nhuộm.”

Bách Nhứt Yết-ma nói: “Phàm là y Cà-sa, ba tấm y, cần phải nhuộm hai lần cho hồng màu đi; hoặc gần như xanh, hoặc màu thâm đen, hoặc màu vàng nghệ.”

- (4) **Kích thước đúng pháp**: Y Cà-sa tổng thể hình chữ nhật có hai bề: chiều dài và chiều rộng; kích thước tuy theo luật chế định, nhưng tùy thân tướng người mặc, có thể gia giảm tùy phân lượng, độ thân mà mặc.

Luật Tứ Phần nói: “May y An-đà-hội chiều dài 4 khủy tay, chiều rộng 2 khủy tay. May y Uất-đà-la-tăng và y Tăng-già-lê chiều dài 5 khủy tay, chiều rộng 3 khủy tay.”

Luật Ngũ Phần nói: “Khủy tay dài ngắn không cố định. Phật bảo tùy thân lượng, bất tất dựa vào khủy tay.”

Luật Nhiếp nói: “Nếu người nào thân cao lớn mà khủy tay ngắn, thì y theo thân làm lượng, không y theo khủy tay làm lượng.”

- (5) **Số điều nhiều ít**: Điều là mảnh vải cắt dọc và may theo chiều đứng. Số điều trên một tấm Y chỉ dùng số lẻ, không dùng số chẵn. Y Cà-sa có

từ 5 điều, 7 điều, 9 điều... cho đến nhiều nhất là 25 điều, tất cả đều dùng số lẻ.

- (6) **Số đê (ô thừa) dài ngắn:** Mỗi một điều dọc được ngắn chia thành ô thừa bởi các dải vải, giống như bờ đê ngắn mảnh ruộng thành nhiều ô thừa. Chỉ chia làm 2 loại là ô dài và ô ngắn.

Ô dài tăng từ 1 đến 4, ô ngắn chỉ có 1; cho nên trên một tấm y dài nhiều mà ngắn ít, biểu thị cho tánh đức là thánh tăng lên, phàm giảm bớt.

- Y 5 điều: mỗi điều gồm 1 ô dài, 1 ô ngắn, tổng cộng có 10 cách.
- Y 7 điều: mỗi điều gồm 2 ô dài, 1 ô ngắn, tổng cộng có 21 cách.
- Y 9, 11, 13 điều: mỗi điều gồm 2 ô dài, 1 ô ngắn; thành ra tổng cộng có 27, 33, 39 cách.
- Y 15, 17, 19 điều: mỗi điều gồm 3 ô dài, 1 ô ngắn; thành ra tổng cộng có 60, 68, 76 cách.
- Y 21, 23, 25 điều: mỗi điều gồm 4 ô dài, 1 ô ngắn; thành ra tổng cộng có 105, 115, 125 cách.

- (7) **Số lớp vải nhiều ít:** Y không được quá mỏng, nên tùy theo loại vải may y dày hay mỏng, mới hay cũ mà có số lớp vải may theo luật chế định.

Luật Tứ Phần nói: “Phật cho phép Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) khi may y mới thì: An-đà-hội may một lớp, Uất-đa-la-tăng cũng may một lớp, Tăng-già-lê may hai lớp. Nếu may y cũ thì Phật cho phép: An-đà-hội may hai lớp, Uất-đa-la-tăng cũng may

hai lớp, Tăng-già-lê may bốn lớp. Nếu may y phẩn tảo thì số lớp vải nhiều hay ít tùy ý.”

- (8) **Cách may đúng pháp**: Cách gấp điều và dải vải là: Điều bên trái ráp qua bên trái, điều bên phải ráp qua bên phải, điều giữa ráp hướng ra hai bên. Dải vải hướng phía dưới gấp lại. Tất cả dải vải đều gấp cùng chiều thuận xuống, không gấp nghịch lên, theo thứ lớp một bức dề một bức.

Bốn cạnh và bốn góc may ém viền. Trong viền làm dải vải cũng hướng phía dưới xếp lại. Trên đường viền đặt một móc tròn.

Đường may dải vải hình chân chim hoặc hình răng ngựa.

Luật Tứ Phần nói: “Đại y và Thất điều y phải cắt rọc, Ngũ điều y thì được xếp dải vải.”

_ Lại nói: “Nếu Tỳ-kheo-ni may y Tăng-già-lê quá 5 ngày thì phạm tội Ba-dật-đề. Trừ lúc có sự cầu xin Tăng-già-lê, xuất cho y Ca-thi-na, gấp sáu việc nạn phát khởi.” (Tỳ-kheo thì phạm tội Đột-kiết-la.)

4. **Chủng loại y Cà-sa:**

Y Cà-sa của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có tất cả 3 loại: tiểu, trung và đại; với tên gọi theo thứ tự là y An-đà-hội, y Uất-đa-la-tăng và y Tăng-già-lê.

- (1) **Y An-đà-hội** (Antarvāsa) : Còn gọi là Ngũ điều y vì có 5 điều. Gọi là Trung trước y vì mặc với áo Tăng-kỳ-chi-ca lót bên trong. Gọi là Hạ y vì đắp bên dưới Thất điều y. Gọi là Tác vụ y vì mặc

khi làm các công việc lao dịch trong Tăng phòng hay ngoài đồng; mặc lúc ngủ nghỉ hay vệ sinh.

(2) **Y Uất-đa-la-tăng** (Uttarāsanga) : Còn gọi là Thất điều y vì có 7 điều. Gọi là Trung giá y vì có giá trị ở giữa trong ba y. Gọi là Thượng y vì đắp bên trên Ngũ điều y. Gọi là Nhập chúng y vì mặc khi tham dự hội họp đại chúng, các việc yết-ma, tụng Kinh, giảng Pháp, trai hội...

(3) **Y Tăng-già-lê** (Samghāṭi) : Còn gọi là Đại y vì là y lớn nhất trong ba y Cà-sa. Lại gọi là Tạp toái y vì là y có điều số nhiều nhất; có từ 9 đến 25 điều và chia thành ba phẩm thượng, trung, hạ; trong mỗi phẩm lại chia làm ba phẩm nhỏ, nên tổng cộng Đại y có 9 phẩm:

+ Hạ hạ phẩm là Y 9 điều (Cửu điều y)

+ Hạ trung phẩm là Y 11 điều

+ Hạ thượng phẩm là Y 13 điều

(Ba Y hạ phẩm đều chia thành ô gồm: 2 dài, 1 ngắn trong mỗi điều.)

+ Trung hạ phẩm là Y 15 điều

+ Trung trung phẩm là Y 17 điều

+ Trung thượng phẩm là Y 19 điều

(Ba Y trung phẩm đều chia thành ô gồm: 3 dài, 1 ngắn trong mỗi điều.)

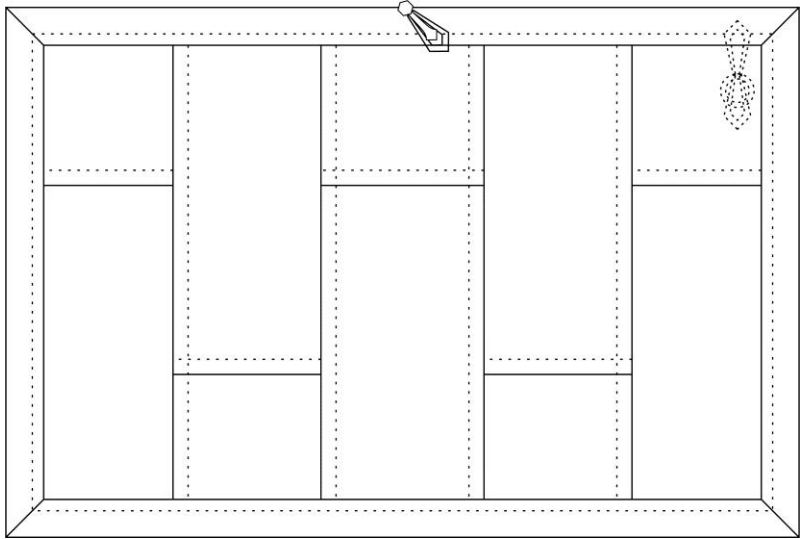
+ Thượng hạ phẩm là Y 21 điều

+ Thượng trung phẩm là Y 23 điều

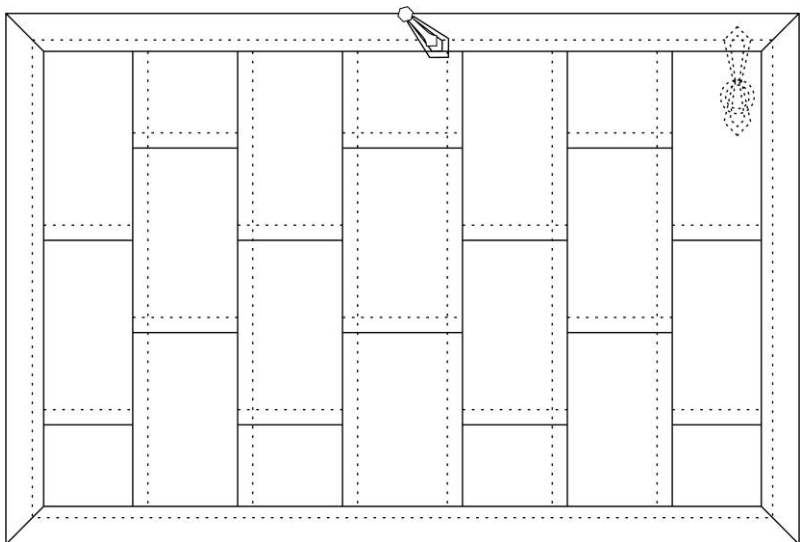
+ Thượng thượng phẩm là Y 25 điều

(Ba Y thượng phẩm đều chia thành ô gồm: 4 dài, 1 ngắn trong mỗi điều.)

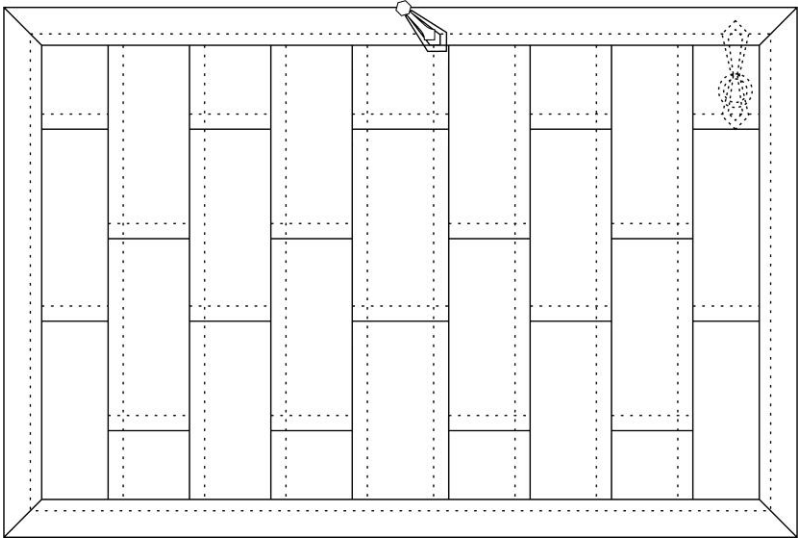
Ngoài ra, y Tăng-già-lê còn gọi là “Nhập vương cung tụ lạc thời y” vì Tỳ-kheo mặc Tăng-già-lê khi vào cung vua, khất thực nơi thành ấp tụ lạc, vào Giới đàn thọ giới, lên tòa thuyết Pháp hay lúc luận nghị, chế phục, độ hóa ngoại đạo...



Ngũ điều y (theo Phật giáo Trung Hoa, 210x140 cm)



Thất điều y (theo Phật giáo Trung Hoa, 210x140 cm)



Cửu điều y (theo Phật giáo Trung Hoa, 210x140 cm)

5. Số lượng và cách dùng y Cà-sa:

Luật chế định: Mỗi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chỉ được chứa dùng ba y Cà-sa bao gồm: 1 An-dà-hội, 1 Uất-đa-la-tăng và 1 Tăng-già-lê.

(Ngoài 3 y Cà-sa nói trên, còn được chứa dùng thêm nội y, tức 2 y mặc lót bên trong là: Thượng y Tăng-kỳ-chi-ca (y phú kiên) và Hạ y Nê-hoàn-tăng đối với Tăng hoặc Khuyết-tu-la đối với Ni (quần, khố). Tổng cộng thành 5 y gọi là Ngũ y.)

Y Kiên-độ nói: “Do đêm trời lạnh; đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm theo thứ tự Phật lấy ba y mặc chồng lên, nhân đó chế ra ba y. Phật dạy: Trong đời sau, người tu hành không nhẫn chịu khổ lạnh được, cho chứa ba y là đủ không được quá.”

Luật Tứ Phần nói: “Đức Phật ngự tại thành Vương Xá cùng với 1.250 vị Tỳ-kheo chuẩn bị du hành

trong nhân gian. Bấy giờ, chư Tỳ-kheo mang theo nhiều y, hoặc có thầy đội trên đầu, hoặc có thầy khoác trên vai, hoặc có thầy dùng dây cột sau lưng. Khi ấy, có vị Tỳ-kheo từ Già-phạm-ba-đề đến bờ sông Hằng, nơi Phật sắp lội qua; Thầy liền dùng thân lực ngăn nước cho Đức Phật đi qua. Sau khi qua sông, Đức Phật trông thấy chư Tỳ-kheo mang theo nhiều y, hoặc có thầy đội trên đầu, hoặc có thầy khoác trên vai, hoặc có thầy dùng dây cột sau lưng. Đức Phật thấy thế liền nghĩ rằng: Các Tỳ-kheo này đem theo nhiều y. Vậy ta nên vì chư Tỳ-kheo mà chế giới cho họ sắm y có chừng mực nhất định, nếu nhiều hơn thì không nên chứa.”

_ Lại nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng với chư Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, từ nước Bà-xà đến nước Tỳ-xá-ly. Nhân một ngày cúng dường của Ambà-la-bà-đề xong, lúc đầu hôm Đức Thế Tôn ngồi ở chỗ đất trống, chỉ đắp mặc một chiếc y. Đến giữa đêm, ngài có cảm giác bị lạnh, nên khoác mặc thêm y thứ hai. Đến cuối đêm gần sáng, ngài có cảm giác bị lạnh hơn, nên khoác mặc thêm y thứ ba. Bấy giờ, Đức Thế Tôn suy nghĩ rằng: Những thiện nam tử đời vị lai sau không chịu lạnh nổi, vậy ta cho sắm đầy đủ ba y. Hôm nay ta cho phép Tỳ-kheo chỉ cất giữ ba y, không vượt quá hạn số. Khi đêm đã qua, Đức Thế Tôn nhóm họp các Tỳ-kheo, chế giới chứa ba y này, không được vượt quá số lượng đã chế định.”

_ Lại nói: “Phật dạy: Chư Tỳ-kheo nên thường có đủ ba y bên mình, ví như hai cánh của chim luôn ở

trên thân. Các thầy đã xả bỏ quyền thuộc của mình, có đủ tín tâm mà xuất gia thì nên như thế; đến nơi nào thì Pháp y theo mình nơi đó, không nên ly y cách đêm.”

_ Lại nói: “Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo không mặc Cát triệt y đi vào trong tụ lạc. Những kẻ bạch y trông thấy liền sanh tâm chê bai, hiềm trách rằng: Sa-môn Thích tử không có tri túc, không biết tầm quý, tự cho mình biết chánh pháp, nhưng mặc y như thế thì có gì gọi là chánh pháp ! Tại sao không mặc Cát triệt y khi vào trong tụ lạc ? Không mặc Cát triệt y thì chẳng khác gì ngoại đạo ! _ Chư Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Phật. Đức Phật dạy: Các thầy nên mặc Cát triệt y khi vào trong tụ lạc. Có năm nhân duyên được để y Tăng-già-lê ở tinh xá mà không phải mang theo là: 1.Nghi rằng nơi sắp đến có sự bố úy; 2.Nghi rằng nơi sắp đến có mưa; 3.May y Tăng-già-lê chưa xong; 4.Y đang giặt hoặc nhuộm chưa xong; 5.Thể sắc của y sắp hoại muốn gìn giữ bảo quản. Nếu gặp một trong năm nhân duyên như thế, thì được để y Tăng-già-lê lại tinh xá, không phải mang theo.”

_ Lại nói: “Nếu Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) đã có đủ y, y Ca-thi-na đã xả, chứa y dư trong vòng 10 ngày không tịnh thí vẫn được giữ, quá 10 ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (Xả đạo).”

_ Lại nói: “Nếu Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) đã có đủ y, y Ca-thi-na đã xả. Trong 5 y, nếu rời lìa mỗi một y đến ở nơi khác, trải qua một đêm thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Trừ khi có Tăng Yết-ma.”

Luật Ngũ Phần nói: “Giữ gìn cẩn thận ba y như da mỏng của mình, thường phải theo bên thân, như cánh của chim luôn song hành với sự bay nhảy.”

Luật Thập Tụng nói: “Phật dạy: Giữ ba y như da của mình, giữ bát như con mắt của mình. Đến nơi nào y bát cũng mang theo đầy đủ, và không lưu luyến chỗ nào giống như chim bay. Nếu không mang ba y khi vào tụ lạc, chỗ người tục thì phạm tội.”

Luật Tăng-kỳ nói: “Phật dạy: Tỳ-kheo ba y và một bát phải luôn ở bên mình, người phạm ra khỏi cương giới thì kết tội. Nên kính ba y tưởng như tháp thờ Phật.”

_ Lại nói: “Mỗi chỗ, hai bên cách nhau 25 khủy tay gọi là giới. Nếu y ở trong giới hạn này thì gọi là giới không mất y.”

Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới nói: “Nếu Phật tử, mỗi năm phải hai kỳ hành Đầu-đà, mùa Đông và mùa Hạ thời ngôi thiên kiết hạ an cư. Thường dùng: nhành dương, nước tro, ba y, bình bát, tọa cụ, tích trượng, hộp lư hương, đũa lược nước, khăn, dao, đá lửa, cái nhíp, giường dây, Kinh, Luật, tượng Phật, Bồ-tát. Khi Phật tử hành Đầu-đà, cùng lúc du phương đi lại trăm dặm nghìn dặm, mười tám món này mang luôn bên mình. Đây là hai kỳ hành Đầu-đà trong mỗi năm: Từ rằm tháng Giêng đến rằm tháng Ba, từ rằm tháng Tám đến rằm tháng Mười. Trong hai kỳ hành Đầu-đà, luôn mang theo mình mười tám món ấy như chim hai cánh.”

Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Những y phục đã thọ, chỉ vừa đủ che thân. Lúc đi tới đi lui thường cùng với ba y, bình bát, tọa cụ quyết không rời nhau, cũng như hai cánh của chim.”

Sách Tư Trì Ký nói: “Chỉ có ba y, chứ không chứa dư y, có mười điều lợi: 1.Ngoài ba y không tìm cầu thêm nữa để chịu khổ; 2.Không giữ gìn cực nhọc; 3.Chứa vật ít; 4.Chỉ che thân; 5.Giữ giới được tinh chuyên; 6.Đi lại không hệ lụy; 7.Thân thể nhẹ nhàng; 8.Tùy nơi a-lan-nhã mà ở; 9.Các trụ xứ đóai tiếc; 10.Tùy thuận với đạo hạnh.

Luật chế định: Không được mặc y trùm đầu, không được quấn y quanh đầu, không được mặc y quá cổ. Lúc lễ Phật, cúng dường đắp Cà-sa để hở vai phải; lúc làm việc hay thọ trai... đắp kín hai vai.

Kinh Xá-Lợi-Phát Vấn nói: “Phật bảo: Lúc cúng dường, nên mặc hở vai để tiện làm việc. Lúc làm phước điền, nên mặc kín hai vai vì biểu hiện tướng phước điền.”

Tam Thiên Oai Nghi nói: “Mặc y Cà-sa có năm việc: 1.Tay vừa gãi trên thân không được mặc Cà-sa ngay, phải rửa tay; 2.Tay chưa rửa không được cầm Cà-sa; 3.Khi đắp Cà-sa không được từ trên kéo xuống, nên lấy tay phải trật ngược, tay trái đỡ lấy y; 4.Cầm Cà-sa thông xuống phía trước, khi đắp nên giữ cho ngay; 5.Đắp Cà-sa rồi không được vung vẩy y trên cánh tay phía trước.”

_ Lại nói: “Có bốn việc khi đến quốc độ khác, không mặc Cà-sa không có tội: 1.Không có chùa

tháp; 2.Không có Tỳ-kheo tăng; 3.Có nạn trộm cướp; 4.Quốc vương không thích Đạo.”

6. Công đức và lợi ích của y Cà-sa:

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Người mặc Cà-sa rời lìa ba độc.” (*Ba độc là tham, sân, si*)

Kinh Đại Tập nói kệ rằng:

“Những người cạo tóc, mặc Cà-sa
 Nghiêm trì giới luật hay hủy phạm
 Tất cả Trời, người nên cúng dường
 Thường khiến người ấy không thiếu thốn
 Cúng dường những người như thế đó
 Thời cũng chính là cúng dường ta.
 Nếu có người vì chánh Pháp ta
 Phát tâm quy y, cạo râu tóc
 Trên thân đắp mặc y Cà-sa
 Người ấy chính là đệ tử ta
 Giả sử có người hủy cấm giới
 Đều trụ địa vị Bất thối chuyển.
 Nếu ai đánh đập thân người đó
 Cũng chính là đánh đập thân ta
 Nếu ai hủy nhục đến người đó
 Cũng chính là hủy nhục đến ta
 Tâm thức người này khi nhập diệt
 Đền chánh Pháp ta rạng sáng ngời.”

Kinh Tâm Địa Quán nói: “Bồ-tát xuất gia không như thế gian, tùy chỗ mình được thế nào nên nhận

như vậy, không niệm thô ác, chỉ mang lòng tâm quý để sung túc cho Pháp y, được mười điều lợi ích thù thắng sau:

Một là, che thân mình xa lìa được sự xấu hổ, đầy đủ đức tâm quý để tu hành thiện pháp.

Hai là, xa lìa sự lạnh nóng, ruồi muỗi, trùng độc, thú dữ để an ổn tu đạo.

Ba là, hiển thị tướng mạo Sa-môn xuất gia, người trông thấy sanh tâm vui vẻ, xa lìa tâm tà vạy.

Bốn là, Cà-sa là bảo tràng tướng của Nhân, Thiên; chúng sanh tôn trọng lễ kính được sanh cõi Phạm Thiên.

Năm là, khi mặc Cà-sa sanh tướng bảo tháp, diệt các tội ác, sanh mọi phước đức.

Sáu là, Cà-sa chế nhuộm thành hoại sắc, cốt để xa lìa năm dục tướng, không phát sanh tâm tham ái.

Bảy là, Cà-sa là áo thanh tịnh của Phật, đoạn dứt được phiền não, tạo ra ruộng phước tốt lành.

Tám là, thân mặc Cà-sa, tội nghiệp tiêu trừ, mười thiện nghiệp đạo niệm niệm tăng trưởng.

Chín là, Cà-sa cũng như ruộng đất tốt hay làm tăng trưởng mầm Bồ-đề.

Mười là, Cà-sa cũng như áo giáp, tên độc phiền não không xâm hại được.

Trí Quang nên biết ! Bởi nhân duyên ấy, chư Phật trong ba đời cùng các bậc Duyên Giác, Thanh Văn thanh tịnh xuất gia thân đều mặc Cà-sa; và ba bậc

Thánh ấy cùng ngồi trong rừng báu giải thoát, cầm gương trí huệ, phá ma phiền não, đồng vào cõi Niết-bàn nhất vị.”

Kinh Bi Hoa nói: “Nếu người nào ở trong giáo pháp ta, dù là chân thật Sa-môn hay là tự xưng Sa-môn, hoặc hình tướng giống Sa-môn, duy chỉ mặc y Cà-sa thì đầu tiên đến thời Đức Phật Di-Lặc thuộc Hiền kiếp, cho đến rốt sau vào thời Đức Phật Lô-Giá, các Sa-môn này ở nơi các Đức Phật đó sẽ lần lượt nhập vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn, không còn sót một người nào.”

Kinh Bi Hoa lại nói vào thời quá khứ, tiền thân của Đức Phật khi ấy là Bồ-tát Đại Bi, ngài ở trước Đức Bảo Tạng Như Lai phát lời thệ nguyện rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn ! Khi tôi thành Phật rồi, nếu có chúng sanh vào trong giáo pháp tôi, xuất gia mặc y Cà-sa, hoặc phạm trọng Giới, hoặc hành theo tà kiến, ở ngôi Tam Bảo khinh hủy chẳng tin, gồm những trọng tội của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... Nếu trong một niệm sanh tâm cung kính, tôn trọng Thế Tôn hoặc Pháp hoặc Tăng. Thế Tôn ! Những chúng sanh đó, cho đến một người ở trong Tam thừa được biệt thọ ký mà còn thối chuyển, tức là khi đối vô lượng vô biên chư Phật đời hiện tại ở trong mười phương thế giới; quyết chắc tôi chẳng thành quả A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

Bạch Thế Tôn ! Khi tôi thành Phật rồi; chư Thiên, Long, Quỷ thần, Người và Phi nhân nếu có thể cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen

đối với người mặc Cà-sa này, thời kẻ ấy nếu được thấy chỉ một phần nhỏ Cà-sa liền được quả vị Bất thối ở trong Tam thừa.

Nếu có chúng sanh bị đói khát khổ bức, ở trong chúng quỷ thần bản cùng, các người hạ tiện, cho đến loài ngựa quý... nếu được một phần nhỏ Cà-sa cho đến chừng bốn tấc, thời chúng sanh ấy liền được đầy đủ thức uống ăn, tùy theo chỗ nguyện cầu chóng được thành tựu.

Nếu những chúng sanh cùng nhau đối nghịch, chống trái, khởi tướng oán thù dẫn đến đấu tranh; nếu chư Thiên, Long, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Câu-biện-đồ, Tỳ-xá-giá, người và phi nhân trong lúc cùng nhau đấu tranh, như nghĩ nhớ đến Cà-sa này bỗng sanh tâm bi, tâm nhu nhuyễn, không còn tâm oán thù, được tâm tịch diệt, tâm lành điều phục.

Người đang trong binh trận giáp đấu, mắc sự kiện tụng... nếu giữ lấy chỉ một phần nhỏ Cà-sa vào trong chốn ấy, vì muốn tự hộ mà cúng dường, cung kính, tôn trọng y này, thời những người ấy chẳng bị xâm hại, quấy nhiễu, khinh lộng, thường được thắng người, vượt qua các nạn.

Bạch Thế Tôn ! Nếu y Cà-sa của tôi không thể thành tựu năm công đức thánh thiện như trên, tức là tôi khi đối vô lượng vô biên a-tăng-kỳ chư Phật đời hiện tại ở trong mười phương thế giới; đời vị lai chẳng ứng thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề làm các Phật sự, đánh mất Thiện pháp quyết chẳng thể phá trừ ngoại đạo.”

Kinh Tạng Nghĩa nói:

“Y Cà-sa có mười điều lợi ích như sau:

Một là đứng đầu Bồ-đề.

Hai là trên cả Trời, người.

Ba là Cha mẹ kính lễ (*lễ trở lại*).

Bốn là sư tử xả thân.

Năm là Rồng mặc khỏi nạn (*Kim sí điểu*).

Sáu là quốc vương kính tin.

Bảy là chúng sanh lễ bái.

Tám là La-sát cung kính.

Chín là Thiên long bảo hộ.

Mười là đắc thành Phật đạo.”

Kinh Uất-Ca-Sa-Việt Vấn Bồ-tát Hạnh nói:

“Bồ-tát tại gia đối với các bậc Đại đức Sa-môn, Phạm Chí phải nên thân cận, cung kính, phụng sự, không tìm thấy lỗi lầm, không tìm chỗ hay dở của người xuất gia.

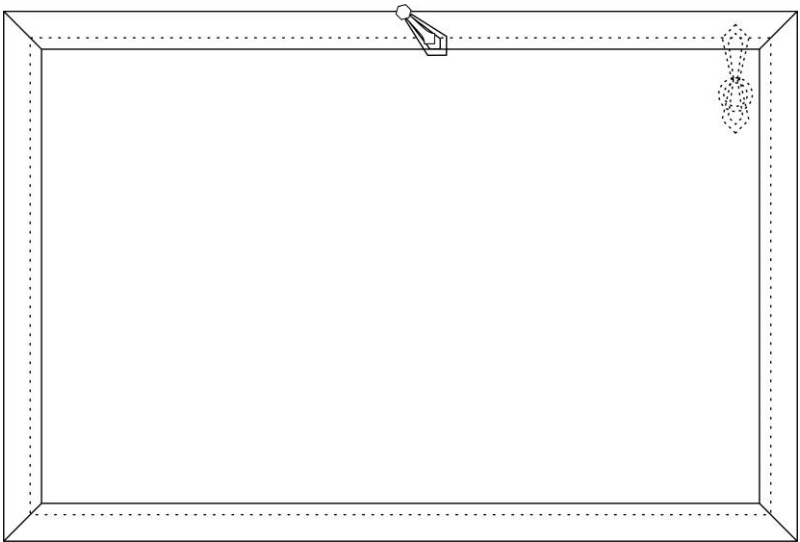
Nếu hàng Phật tử tại gia thấy Tỳ-kheo phạm giới, thân đắp y Cà-sa, thì phải sanh tâm cung kính và phụng sự Cà-sa; đối với Tỳ-kheo ấy cũng cung kính, phụng sự. Y Cà-sa này là y của Thế Tôn Như Lai vô sở trước Đẳng chánh giác; Ngũ phần pháp thân là Giới, Tam-muội, Trí huệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến cũng từ nơi y Cà-sa này mà phát sanh. Nên Phật tử tại gia nên vì y Cà-sa này mà đánh lễ người mặc Cà-sa, xa lìa tất cả lục trần. Y Cà-sa là pháp thân thông của các bậc Thánh hiền.”

II. PHÁP Y CỦA HÀNG ĐỆ TỬ TẠI GIA:

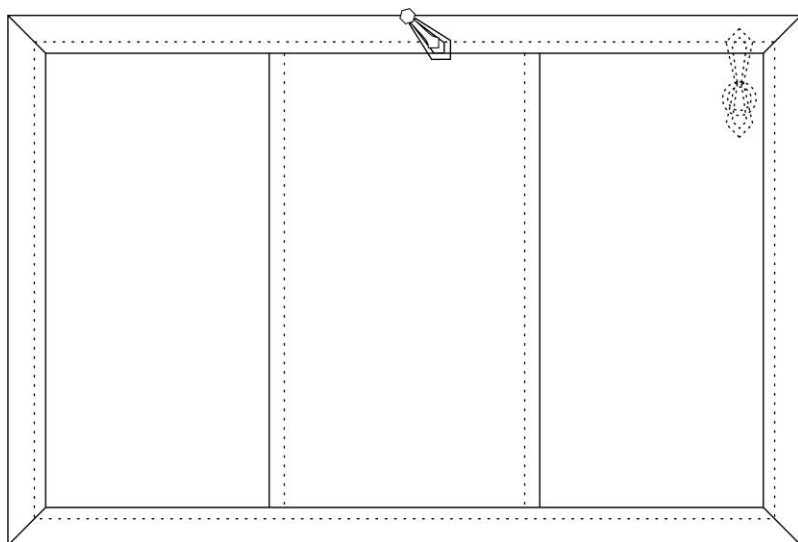
Pháp y của hàng đệ tử tại gia trong Phật môn, tiếng Phạn gọi là Paṭṭa, dịch âm là Bát-tra. Y này không chia điều và ô thành hình thửa ruộng, vì hàng đệ tử tại gia không phải là ruộng phước cho thế gian, nên pháp y của hàng tại gia không mang đức danh là “Phước điền y” như của người xuất gia, mà có nhiều tên gọi khác nhau như: Mạn điền y, Mạn y, Lễ sám y.

Về cách thức chế may Mạn y: Tất cả các loại Mạn y đều được may từ vải nguyên tấm, không cắt rọc và may liền tương (*tức không chia điều và đê tạo ô hình thửa ruộng giống như 3 y Cà-sa của Tỳ-kheo*).

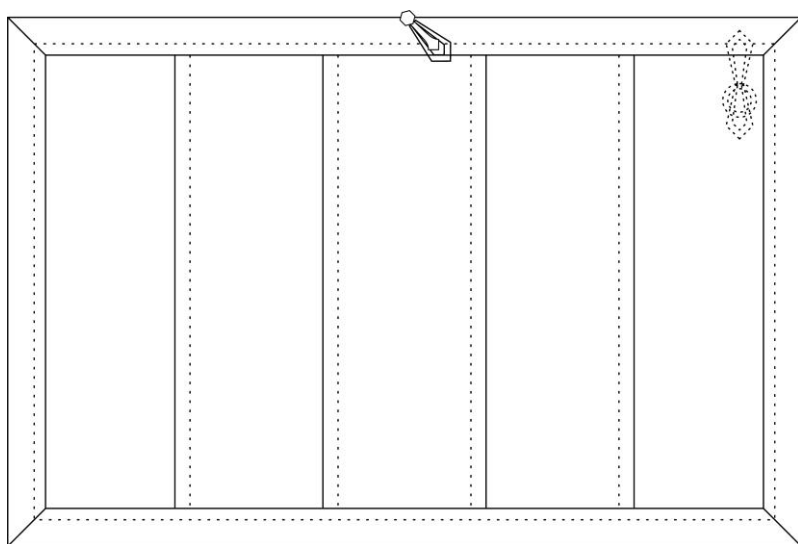
Về chủng loại: Mạn y được may bằng vải liền nguyên một tấm gọi là Mạn y nhứt đảnh, như dùng 3 mảnh vải may ráp dọc gọi là Mạn y nhị đảnh, như dùng 5 mảnh vải may ráp dọc gọi là Mạn y ngũ điều.



Mạn y nhứt đảnh (Phật giáo Trung Hoa, 210x140 cm)



Mạn y nhị đẳng (Phật giáo Trung Hoa, 210x140 cm)



Mạn y ngũ điều (Phật giáo Trung Hoa, 210x140 cm)

Về màu sắc của Mạn y: Ngày xưa thời Đức Phật, hàng Phật tử tại gia Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mặc Mạn y màu trắng khi lễ Tam Bảo, lễ Tháp hay vào Đạo tràng nơi chốn hành đạo; cho nên thường gọi đệ tử tại gia của

Phật là hàng “Bạch y”. Sau này, thường dùng danh từ “Bạch y cư sĩ” để chỉ hàng đệ tử tại gia của Đức Phật.

Về cách mặc Mạn y: Cách đắp mặc tương tự như y Cà-ca của hàng xuất gia.

Khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, Mạn y trở thành Lễ phục của người Phật tử, là áo Giới của hàng đệ tử tại gia Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di chánh thọ Ngũ giới hoặc Bồ-tát giới. Khi đó, Mạn y được đổi thành y hoại sắc (màu nâu sẫm), khoác mặc bên ngoài áo Hải thanh hoại sắc (màu lam, xám hoặc nâu đen)... Và Mạn y trở thành như một biểu tượng của Giới. Khi Phật tử thọ Giới, sẽ được Giới sư trao giới tướng và Mạn y trong lễ truyền thọ Giới pháp. Phật tử mặc Mạn y khi hành đạo như: Lễ Phật, lễ Tháp, tụng Kinh, bái Sám, lễ các bậc Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, hoặc khi họp chúng bố tát (*nghe tụng Giới bốn mỗi nửa tháng vào ngày 15 và 30*).

Khi Phật giáo truyền sang Việt Nam, Mạn y được tiết giảm đối với hàng Phật tử tại gia, chỉ trao Mạn y cho hàng Sa-di.

Luật sư Độc Thế viết:

“Lại phép tắc của hàng tại gia Ưu-bà-tắc giới, Ưu-bà-di giới, Đức Phật chế định chẳng hứa cho khoác mặc Cát triệt phước điền y, khiến mặc Lễ sám y khi lễ Phật, tụng Kinh, tức là Mạn y vậy. Bởi với hai chúng tại gia, Đức Phật khiến tự mình tùy sức cúng dường Tam Bảo, chẳng cho thọ nhận tứ sự của người khác. Đã không phải phước điền của chúng sanh, thế nên chẳng hứa cho khoác mặc Cát triệt phước điền y (3 y Cà-sa).

Lại như người này thọ tại gia Bồ-tát giới, khiến được cất giữ ba y Cà-sa, Bình bát, Tích tượng để phụng cúng trước Phật. Hốt nhiên khi gặp bậc xuất gia Tăng, Ni bị thiếu y cụ, hay người đủ tuổi thọ Cụ túc giới mà thiếu y bát, thời tùy vật người ấy xin cấp thí liền mang ra phụng cúng, chẳng được lưu giữ. Tự thân người này (*Bồ-tát tại gia*) thuận cho mặc Mạn y nhất đẳng khi lễ bái, trì tụng; chẳng cho khoác mặc đi lại trong thành ấp, xóm làng; nếu muốn vào tự viện lễ Tam Bảo, nên để trong túi mang theo bên thân, khi vào tự viện mới được mặc; sở dĩ như thế là vì hàng tại gia thuận cho rời y, nếu mặc thời phạm vào pháp chế; hàng xuất gia chẳng thuận cho rời y, nếu rời y thời phạm vào pháp chế.

Nay bản sơn: Phàm có tín tâm nam, nữ hoặc hai chúng tại gia đến xin thọ Ngũ giới, Bồ-tát giới thời khiến tạo Mạn y lễ kính Tam Bảo, chẳng thuận cho khoác mặc Điều tướng điền y (3 y Cà-sa).”

- ❖ Ngoài ra, Đức Phật còn cho phép hàng xuất gia Sa-di, Sa-di-ni được đắp mặc Mạn y.

Luật sư Độc Thể viết:

“Nay bản sơn: Phàm là người từ 7 tuổi đến 18 tuổi muốn thọ Sa-di giới, thì theo như Luật khiến tạo Mạn y Nhị đẳng mà hành trì. Đến năm đủ 20 tuổi, lúc thọ Cụ túc giới thì thuận cho sắm ba y đều là Điều tướng điền y cùng Ứng lượng bát khí.”

